

DC264
D121V



DÂN VẬN LÂM ĐỒNG LÀM THEO LỜI BÁC

**BAN DÂN VẬN TỈNH ỦY LÂM ĐỒNG
10.2000**

**DÂN VẬN LÂM ĐỒNG
LÀM THEO LỜI BÁC**

DÂN VẬN LÂM ĐỒNG LÀM THEO LỜI BÁC

Thư viện tỉnh Lâm Đồng

DC. 85



SỞ VĂN HOÁ - THỂ THAO VÀ DU LỊCH
THƯ VIỆN TỈNH LÂM ĐỒNG

PHÒNG ĐỊA CHÍ

BAN DÂN VẬN TỈNH ỦY LÂM ĐỒNG
10 - 2000

Lời giới thiệu

Các đồng chí và các bạn thân mến!
Tôi rất hoan nghênh bạn Dấn Văn Tỉnh uỷ lân cận,
xuất bản tập sách "Dấn Văn, học sinh trường
nhân dân Kỳ Miếu. Ngày đầu năm 15 tháng 10 và 10
năm trước, thông công tác dân văn của Đảng. Đây
là một việc làm thiết thực của Đảng để chăm
dạy học Đảng các cấp trong tỉnh và Đại học Đảng
toàn quốc lần thứ IX.

Đọc tập sách, mỗi chúng ta nhận ra lại những
lời dạy của Bác Hồ về Dân và Công tác Dân văn qua
đó một cấp uỷ, tổ chức Đảng, một cán bộ, đảng viên
tự suy xét lại mình về trách nhiệm đối với dân
và Công tác Dân văn - một công tác quan trọng của
Đảng, như Bác Hồ từng nhắc nhở "Việc dân văn
rất quan trọng. Dân văn, Kees thì việc gì cũng biết.
Dân văn, Kees thì việc gì cũng thấy Công."

Từ nhiều góc độ khác nhau, bằng trách
nhiệm và tình cảm, các bài viết trong tập sách
đó thể hiện khá sâu sắc những vấn đề có tính
lý luận và thực tiễn về quan điểm, tư tưởng dân văn
của Bác Hồ và của Đảng ta. Đồng thời cũng
trên trong nhận thức khá phong phú và sinh
động những cái hay, những tình huống
của dân văn, Kees "trên nhiều lĩnh vực đời sống, của
nhân dân và cá nhân trong tỉnh, cả trong
những chiến công như trong hoạt động xây dựng
và bảo vệ quê hương đất nước. Các cơ sở và
một mục đích duy nhất là vì lợi ích của nhân dân.

Nếu dư có nhiều cố gắng trong việc viết báo, báo tạp và tuyển chọn, những tạp sách chắt chắt không trải khỏi thiếu sót. rất mong được sự góp ý của các đồng chí và các bác, song những gì mà tạp sách này được là rất đáng trân trọng, đáng coi trọng.

Hãy rộng rãi, ngoài ý nghĩa là muốn qua sự việc, tạp sách sẽ góp thêm một tài liệu thêm

khảo bố ích cho mọi cái, bố trí vào nhất là đối với những người làm công tác dân, văn, để mọi người tự tìm hiểu cho mình những cái làm "Đến với Khảo" những gì đã được ở nghiệp dân văn của Đảng học tập như ngay công phát triển làm sao cho: "Sự nghiệp văn dân và làm công tác dân văn là công việc thường xuyên, phải làm hàng ngày, hàng giờ, không ngừng nghỉ, không mệt mỏi..." Như đồng chí "Lời b." "Lời Lê Khá" Phiêu đã chỉ đạo trong bài báo "Đến với Khảo" "Đến với Khảo" đó, là xin tặng trong quá trình tạp sách các đọc và các bác, gần xa.

Đã tại 6.10.2000


Nguyễn Trọng Khoa
Bí thư thứ nhất - Bí thư
HONH thủ hiến

DÂN VẬN

HỒ CHÍ MINH

Vấn đề dân vận nói đã nhiều, bàn đã kỹ, nhưng vì nhiều địa phương, nhiều cán bộ chưa hiểu thấu, làm chưa đúng, cho nên cần phải nhắc lại:

I- NƯỚC TA LÀ NƯỚC DÂN CHỦ:

Bao nhiêu lợi ích đều vì dân

Bao nhiêu quyền hạn đều của dân

Công việc đổi mới, xây dựng là trách nhiệm của dân.

Sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc là công việc của dân.

Chính quyền từ xã đến Chính phủ Trung ương do dân cử ra.

Đoàn thể từ Trung ương đến xã do dân tổ chức nên.

Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân.

II- DÂN VẬN LÀ GÌ?

Dân vận là vận động tất cả lực lượng của mỗi một người dân không để sót một người dân nào, góp thành lực lượng toàn dân, để thực hành những công việc nên làm, những công việc Chính phủ và đoàn thể đã giao cho.

Dân vận không thể chỉ dùng báo chương, sách vở, mít tinh, khẩu hiệu, truyền đơn, chỉ thị mà đủ.

Trước nhất là phải tìm mọi cách giải thích cho mỗi một

người dân hiểu rõ ràng: Việc đó là lợi ích cho họ và nhiệm vụ của họ, họ phải hăng hái làm cho kỳ được.

Điểm thứ hai là bất cứ việc gì đều phải bàn bạc với dân, hỏi ý kiến và kinh nghiệm của dân, cùng với dân đặt kế hoạch cho thiết thực với hoàn cảnh địa phương, rồi động viên và tổ chức toàn dân ra thi hành.

Trong lúc thi hành phải theo dõi, giúp đỡ, đôn đốc, khuyến khích dân.

Khi thi hành xong phải cùng với dân kiểm thảo lại công việc, rút kinh nghiệm, phê bình, khen thưởng.

III- AI PHỤ TRÁCH DÂN VẬN?

Tất cả cán bộ chính quyền, tất cả cán bộ đoàn thể và tất cả hội viên của các tổ chức nhân dân (Liên Việt, Việt Minh...) đều phải phụ trách dân vận. Thí dụ trong phong trào thi đua cho đủ ăn, đủ mặc.

- Cán bộ chính quyền và cán bộ đoàn thể địa phương phải cùng nhau bàn tính kỹ càng, cùng nhau chia công rõ rệt, rồi cùng nhau đi giải thích cho dân hiểu, cổ động dân, giúp dân đặt kế hoạch, tổ chức nhân công, sắp xếp việc làm, khuyến khích, đôn đốc, theo dõi, giúp đỡ dân giải quyết những điều khó khăn...

- Cán bộ canh nông thì hợp tác mật thiết với cán bộ địa phương, đi sát với dân, thiết thực bày vẽ cho dân cách trồng trọt, chăn nuôi, cách chọn giống, ủ phân, làm cỏ.v.v...

Những hội viên các đoàn thể thì phải xung phong thi đua làm, để làm kiểu mẫu cho dân, giúp dân làm.

IV- DÂN VẬN PHẢI THỂ NÀO?

Những người phụ trách dân vận cần phải óc nghĩ, mắt

Dân vận Lâm Đồng làm theo lời Bác

trông, tai nghe, chân đi, miệng nói, tay làm. Chứ không phải chỉ nói suông, chỉ ngồi viết mệnh lệnh. Họ phải thật thà nhúng tay vào việc.

Khuyết điểm to ở nhiều nơi là xem khinh việc dân vận. Cử ra một ban hoặc vài người, mà thường cử những cán bộ kém rồi bỏ mặc họ. Vận được thì tốt, vận không được cũng mặc. Những cán bộ khác không trông nom, giúp đỡ, tự cho mình không có trách nhiệm dân vận. Đó là sai lầm rất to, rất có hại.

Lực lượng của dân rất to. Việc dân vận rất quan trọng. Dân vận kém thì việc gì cũng kém. Dân vận khéo thì việc gì cũng thành công.

X.Y.Z

(Báo Sự thật, số 120, ngày 15-10-1949)

(Hồ Chí Minh Toàn tập.

NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội - 1995, Tập 5, trang 698-700)

Nhớ ngày 15 tháng 10

LÊ KHẢ PHIÊU

***Tổng Bí thư Ban Chấp hành
Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam***

Ngày 15-10-1949, báo Sự Thật đăng bài “Dân vận” của Bác Hồ.

Bác viết:

“Bao nhiêu lợi ích đều vì dân.

Bao nhiêu quyền hạn đều của dân.

Công việc đổi mới, xây dựng là trách nhiệm của dân.

Sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc là công việc của dân.

Chính quyền từ xã đến Chính phủ Trung ương do dân cử ra.

Đoàn thể từ Trung ương đến xã do dân tổ chức nên.

Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân”.

Để ghi nhớ những lời căn dặn của Bác về công tác dân vận, Ban Dân vận Trung ương và Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương có đề nghị tôi “Viết bài báo nhấn mạnh những quan điểm, tư tưởng về dân và công tác dân vận của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chỉ rõ những thiếu sót trong nhận thức, tư tưởng, trong tổ chức, bộ máy và tác phong dân vận, chỉ ra

Dân vận Lâm Đồng làm theo lời Bác

những nhiệm vụ công tác dân vận của Đảng, Nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể xã hội trong thời kỳ tới...”.

Tôi ngồi học lại bài “Dân vận” của Bác Hồ và nghĩ rằng: những điều Bác căn dặn rất dễ hiểu, dễ nhớ, sâu sắc và đầy đủ.

Làm theo tư tưởng của Bác, Đảng ta đã có nghị quyết về công tác dân vận, đề ra phương châm: *Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra*. Cho nên, vấn đề hiện nay là cố gắng làm cho đúng những lời Bác dạy và các chỉ thị, nghị quyết của Đảng bằng những việc thiết thực

Tôi đề nghị tập trung làm đến nơi đến chốn mấy việc sau đây:

Một: Cấp ủy, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể bàn bạc với dân để cùng dân đặt kế hoạch xây dựng xã, phường, khu dân cư, làm cho đời sống mọi mặt cả kinh tế, văn hóa, xã hội ở địa phương và từng hộ gia đình khá hơn, mọi người được sống bình yên, đoàn kết, tình làng nghĩa xóm. Trong các đơn vị cơ quan, xí nghiệp thì bàn bạc dân chủ với cán bộ, công nhân viên, chiến sĩ.

Hai: Báo cáo công khai cho dân biết những công việc của địa phương, nhất là những vấn đề liên quan đến lợi ích trực tiếp của người dân, thực hiện công khai, minh bạch tài chính, thu chi...

Đó là quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Ba: Tổ chức tốt cuộc bầu cử Hội đồng Nhân dân các cấp thật dân chủ và đúng pháp luật.

Để nhân dân có điều kiện kiểm tra, giám sát, chọn lựa những người đại biểu xứng đáng, đề nghị các vị ứng cử có sự trình bày với cử tri về quá trình phục vụ nhân dân của mình.

Có gì cử tri chưa rõ, chất vấn thì trả lời với cử tri để cử tri được thỏa lòng cân nhắc.

Không được áp đặt. Bảo đảm cho cử tri quyền chọn lựa đại biểu, một quyền lợi xây dựng đất nước và bảo vệ đất nước thiêng liêng của công dân.

Bốn: Các cơ quan có trách nhiệm giải quyết các đơn thư, khiếu nại, cố gắng tập trung thời gian và sức lực để sớm có kết luận và thông báo cho người khiếu nại.

Những việc gì đã có kết luận thì các cơ quan liên quan phải chấp hành đúng theo luật định. Không được chậm trễ, ảnh hưởng đến lòng tin của nhân dân.

Hằng ngày chúng ta vẫn sống chung với cộng đồng xã hội. Nhưng chỉ với tấm lòng vì dân, vì nước, yêu thương giai cấp cần lao thì mới hiểu thấu đời sống, vui buồn, đau khổ, ước ao, nguyện vọng, ý kiến và những vấn đề bức thiết đang đặt ra hằng ngày của nhân dân.

Tôi nghĩ rằng, các cán bộ, đảng viên ở tất cả các cấp, các ngành, trong các cơ quan Nhà nước, cơ quan công tác Đảng, cơ quan lập pháp, tư pháp, tòa án, viện kiểm sát, thanh tra, kiểm tra, quân đội, công an, ngân hàng, y tế, giáo dục, các vị thay mặt cho nhân dân... nên dành thì giờ ngồi ôn lại lời Bác dạy về dân và công tác dân vận, dừng cảm và trung thực soát xét lại mình, công việc của cơ quan, đơn vị mình, dành thì giờ gặp dân, gặp người lao động, gặp cán bộ, nhân viên trong cơ quan, đơn vị, gặp các cụ lão thành, các cựu chiến binh, những người có việc khiếu nại, gặp cử tri, gặp những người đang muốn trình bày ý kiến, nguyện vọng, lắng nghe họ với tâm huyết của những người con trung hiếu, yêu nước thương dân, chắc chắn sẽ rút ra được nhiều điều bổ ích.

Có khi bao nhiêu giấy mực cũng không thay thế được

lòng trung thực và dũng cảm.

Tôi cũng nghĩ rằng: suy nghĩ về dân và làm công tác dân vận là công việc thường xuyên, phải làm hằng ngày, hằng giờ, không ngừng nghỉ, không mệt mỏi, không phô trương, hình thức, theo vụ, theo mùa, theo lễ kỷ niệm. Nhưng để cùng nhau ghi nhớ lời Bác dạy, có thể hằng năm, chúng ta lấy ngày 15 tháng 10 làm ngày ôn lại những gì chúng ta đã làm đối với dân và công tác dân vận để động viên nhau cố gắng hơn.

Ngày 15-10 cũng là ngày giỗ Anh hùng Nguyễn Văn Trỗi.

Nguyễn Văn Trỗi và biết bao Anh hùng liệt sĩ đã từng đổ máu, hy sinh trọn đời vì độc lập và thống nhất của Tổ quốc, vì nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, vì hạnh phúc của nhân dân để xây dựng Nhà nước của dân, do dân và vì dân, một xã hội công bằng và văn minh.

Chúng ta không bao giờ quên ngày 15-10. Tất cả các chi bộ và đảng viên chúng ta sẽ làm những việc thiết thực khi nhớ đến ngày đó.

(Báo Nhân dân số 16155 ngày 30 tháng 9 năm 1999)

Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng quyết định lấy ngày 15 tháng 10 hàng năm làm ngày “Dân vận”

50 năm về trước, ngày 15-10-1949, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết bài báo “*Dân vận*” nêu rõ bản chất, nhiệm vụ, phương hướng công tác dân vận và trách nhiệm, tác phong của toàn thể cán bộ, đảng viên, công nhân viên chức đối với công tác vận động nhân dân.

Công tác dân vận là một công tác chiến lược, phải tiến hành thường xuyên trong mọi hoàn cảnh, trên mọi địa bàn, đối với mọi tầng lớp nhân dân các dân tộc.

Để củng cố truyền thống đoàn kết gắn bó máu thịt giữa Đảng với nhân dân, theo đề nghị của Ban Dân vận Trung ương, Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng đã quyết định lấy ngày 15 tháng 10 hàng năm làm ngày “*Dân vận*” của cả nước để cùng nhau học tập và thực hiện những lời Bác Hồ dạy về công tác dân vận. ■

Trích các văn kiện của Đảng và Nhà nước về công tác Dân vận

Dể đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân, cần quán triệt những quan điểm chỉ đạo sau đây:

Một là, cách mạng là sự nghiệp của dân, do dân và vì dân. Chúng ta cần tiếp tục phát huy khả năng to lớn của các giai cấp, các tầng lớp nhân dân tạo nên sức mạnh của cộng đồng dân tộc, phấn đấu xây dựng nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh, vì hạnh phúc của nhân dân. Nền tảng của khối đại đoàn kết toàn dân là giai cấp công nhân, nông dân lao động và trí thức xã hội chủ nghĩa. Sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước là nhằm thực hiện và bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân. Nhân dân coi sự nghiệp xây dựng và bảo vệ chủ nghĩa xã hội, xây dựng Đảng và Nhà nước trong sạch, vững mạnh là sự nghiệp của chính mình. Mặt khác, nhân dân chủ động xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân vững chắc, đấu tranh với những hiện tượng không lành mạnh trong nội bộ nhân dân, tích cực thực hiện đường lối của Đảng, chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật và các chủ trương, chính sách của Nhà nước.

Hai là, động lực thúc đẩy phong trào quần chúng là đáp ứng lợi ích thiết thực của nhân dân và kết hợp hài hòa các lợi ích, thống nhất quyền lợi với nghĩa vụ công dân.

Trong xã hội do nhân dân làm chủ, lợi ích cá nhân, lợi ích tập thể và lợi ích xã hội gắn chặt và thống nhất với nhau, trong đó lợi ích cá nhân là động lực trực tiếp. Công tác vận động và tổ chức nhân dân chỉ có thể thành công nếu trước hết bảo vệ và đáp ứng được trên thực tế lợi ích thiết thân của người dân, từ đó kết hợp hài hòa các lợi

ích, gắn chặt quyền lợi và nghĩa vụ công dân. Việc giáo dục, bồi dưỡng tư tưởng chính trị và phẩm chất, đạo đức của con người mới xã hội chủ nghĩa được tiến hành đi đôi với bảo đảm lợi ích vật chất và tinh thần của nhân dân; đồng thời khắc phục tư tưởng coi nhẹ lợi ích tập thể và xã hội, chỉ thấy quyền lợi mà quên nghĩa vụ công dân hoặc ngược lại.

Ba là, các hình thức tập hợp nhân dân phải đa dạng.

Cùng với các đoàn thể chính trị - xã hội, trong giai đoạn mới cần thành lập những tổ chức quần chúng đáp ứng nhu cầu chính đáng về nghề nghiệp và đời sống của nhân dân, hoạt động theo hướng ích nước, lợi nhà, tương thân, tương ái. Các tổ chức quần chúng được thành lập trên nguyên tắc tự nguyện, tự quản và tự trang trải về tài chính được tổ chức trong từng địa phương hoặc có quy mô toàn quốc, không nhất loạt giống nhau. Các đoàn thể chính trị - xã hội cần chủ động xây dựng và tham gia vào các tổ chức nói trên, qua đó vận động quần chúng thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Bốn là, công tác quần chúng là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể.

Công tác quần chúng không chỉ là trách nhiệm của các đoàn thể, mà còn là trách nhiệm của các tổ chức khác trong hệ thống chính trị, có phối hợp với nhau dưới sự lãnh đạo của Đảng. Mọi cán bộ, đảng viên, nhân viên Nhà nước đều phải làm công tác quần chúng theo chức trách của mình.

(Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VI) - số 08B-NQ/HNTW ngày 27-3-1990 về đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân)

Để xác định những chủ trương, chính sách lớn phát triển kinh tế - xã hội miền núi theo tinh thần Nghị quyết Đại hội VI của Đảng và các Nghị quyết Trung ương tiếp theo, cần thấu suốt một số quan điểm sau đây:

Một là: Phát triển kinh tế - xã hội miền núi là một bộ phận hữu cơ của chiến lược phát triển nền kinh tế quốc dân. Một mặt, các địa phương miền núi có trách nhiệm góp phần thực hiện những chủ trương chiến lược phát triển kinh tế - xã hội chung của cả nước. Mặt khác, việc cụ thể hóa và tổ chức thực hiện những chủ trương, chính sách chung ở miền núi tính đầy đủ đến những đặc điểm về tự nhiên, lịch sử, kinh tế - xã hội, văn hóa, phong tục, tập quán của miền núi nói chung và của riêng từng vùng, từng dân tộc trong việc này cần đặc biệt nhấn mạnh vai trò năng động, sáng tạo của địa phương và cơ sở.

Hai là, sự nghiệp xây dựng CNXH, phát triển kinh tế, văn hóa miền núi là sự nghiệp chung của nhân dân cả nước, trước hết là sự nghiệp của nhân dân các dân tộc miền núi và đồng bào miền xuôi lên định cư ở miền núi. Khai thác và xây dựng miền núi là vì lợi ích trực tiếp của nhân dân miền núi đồng thời vì lợi ích chung của cả nước.

Đất đai, tài nguyên miền núi là của chung cả nước, thuộc sở hữu toàn dân. Song, đồng bào miền núi có trách nhiệm và quyền trực tiếp làm chủ sử dụng cụ thể đất đai, rừng núi và tài nguyên đó để phát triển kinh tế vì lợi ích của chính mình

và vì lợi ích chung của xã hội, vừa trực tiếp tham gia giữ gìn, bảo vệ biên cương Tổ quốc.

Phải chống tư tưởng chỉ quan tâm khai thác tài nguyên mà coi nhẹ bảo vệ, bồi đắp, tái tạo tài nguyên, làm cho tài nguyên miền núi ngày càng nghèo kiệt, phá hoại môi trường sinh thái, gây hậu quả lâu dài trên nhiều mặt cho cả nước.

Trong việc phát triển kinh tế - xã hội miền núi, phải quán triệt phương châm “Trung ương và địa phương cùng làm, Nhà nước và nhân dân cùng làm”, một mặt, phải khắc phục tư tưởng chờ đợi, ỷ lại vào ngân sách Trung ương, xem nhẹ nỗ lực của địa phương; mặt khác, Nhà nước cần cố gắng bố trí vốn đầu tư thích đáng hơn cho miền núi, trước mắt tập trung đầu tư cho phát triển giao thông vận tải, thông tin liên lạc, điện và nguồn nước cho sản xuất và sinh hoạt của dân cư. Đồng thời, cần xây dựng những chính sách phù hợp, tạo điều kiện và động viên mạnh mẽ nhân dân miền núi khai thác tiềm năng và thế mạnh của mình, phát triển kinh tế hàng hóa, kinh doanh có hiệu quả, từng bước tự tích lũy để đầu tư xây dựng và phát triển miền núi.

Ba là, nắm vững chủ trương phát triển có kế hoạch nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần đi lên CNXH; điều chỉnh lại quan hệ sản xuất ở miền núi cho phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất, thật sự tôn trọng quyền tự quyết định của nhân dân trong việc lựa chọn các hình thức kinh tế và cơ chế quản lý thích hợp, lấy hiệu quả làm tiêu chuẩn hàng đầu, nhất thiết không hình thức, máy móc, rập khuôn, áp đặt.

Xây dựng các tổ chức kinh tế quốc doanh theo hướng bảo đảm, hiệu quả, trở thành lực lượng nòng cốt trong phát triển kinh tế - xã hội ở miền núi; áp dụng rộng rãi các hình thức kinh tế hợp tác quá độ thích hợp từ thấp đến cao; đặc biệt coi

trọng kinh tế hộ gia đình; khuyến khích rộng rãi mọi người đầu tư kinh doanh đất rừng, các ngành công nghiệp, vận tải và dịch vụ; thực hiện tự do lưu thông, trao đổi, mua bán thỏa thuận; tranh thủ nguồn vốn và sự hợp tác của nước ngoài trong việc phát triển kinh tế - văn hóa miền núi.

Bốn là: phải phát triển miền núi toàn diện cả về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, trong đó trọng tâm là phát triển kinh tế - xã hội gắn với thực hiện tốt chính sách dân tộc của Đảng. Quan tâm đúng mức đến việc giải quyết các vấn đề xã hội, cải thiện đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân.

Để thực hiện trên thực tế quyền bình đẳng giữa các dân tộc, một mặt, pháp luật phải bảo đảm quyền bình đẳng đó; mặt khác, phải có chính sách và tạo điều kiện để nhân dân các dân tộc miền núi vươn lên mạnh mẽ, phát triển kinh tế, văn hóa, từng bước nâng cao năng suất lao động, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, coi trọng đào tạo cán bộ người dân tộc; tôn trọng và phát huy những phong tục, tập quán và truyền thống văn hóa tốt đẹp của các dân tộc. Nền văn minh ở miền núi phải được xây dựng trên cơ sở mỗi dân tộc phát huy bản sắc văn hóa của mình, vừa tiếp thụ tinh hoa văn hóa của các dân tộc khác và góp phần phát triển nền văn hóa chung của cả nước, tạo ra sự phong phú, đa dạng trong nền văn minh của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

(Nghị quyết số 22 NQ/TW ngày 27/11/1989 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VI) về một số chủ trương, chính sách lớn phát triển kinh tế - xã hội miền núi).

Nguyên tắc, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với tôn giáo

Bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, để phát huy sức mạnh toàn dân phấn đấu vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh”, Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy Đảng và chính quyền động viên đồng bào các tôn giáo phát huy truyền thống yêu nước, hăng hái tham gia công cuộc đổi mới, làm tốt việc đạo, làm tròn nghĩa vụ công dân, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời tiếp tục thực hiện tốt các chính sách của Đảng và Nhà nước về tín ngưỡng tôn giáo theo những nguyên tắc và chính sách sau đây:

1- Tôn trọng và đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo và tự do không tín ngưỡng tôn giáo của công dân. Mọi công dân đều bình đẳng về nghĩa vụ và quyền lợi trước pháp luật, không phân biệt người theo đạo và không theo đạo, cũng như giữa các tôn giáo khác nhau.

2- Đoàn kết gắn bó đồng bào theo các tôn giáo và không theo tôn giáo trong khối đại đoàn kết toàn dân.

3- Mọi cá nhân và tổ chức hoạt động tín ngưỡng tôn giáo phải tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; có nghĩa vụ bảo vệ lợi ích của Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; giữ gìn độc lập dân tộc và chủ quyền quốc gia.

4- Những hoạt động tôn giáo ích nước, lợi dân, phù hợp với nguyện vọng và lợi ích chính đáng, hợp pháp của tín đồ

được bảo đảm. Những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của tôn giáo được tôn trọng và khuyến khích phát huy.

5- Mọi hành vi lợi dụng hoạt động tôn giáo để làm mất trật tự an toàn xã hội, phương hại nền độc lập dân tộc, phá hoại chính sách đoàn kết toàn dân, chống lại Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, gây tổn hại các giá trị đạo đức, lối sống, văn hóa của dân tộc, ngăn cản tín đồ, chức sắc các tôn giáo thực hiện nghĩa vụ công dân, đều bị xử lý theo pháp luật. Hoạt động mê tín phải bị phê phán và loại bỏ.

6- Các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, các tổ chức xã hội và các tổ chức tôn giáo có trách nhiệm làm tốt công tác vận động quần chúng và thực hiện đúng đắn chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước.

(Chỉ thị 37-CT/TW ngày 02/7/1998 của Bộ Chính trị về công tác tôn giáo trong tình hình mới)

Việc xây dựng quy chế dân chủ ở cơ sở cần quán triệt những quan điểm chỉ đạo sau:

- Đặt việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân ở cơ sở trong cơ chế tổng thể của hệ thống chính trị “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ”. Coi trọng cả ba mặt nói trên, không vì nhấn mạnh một mặt mà coi nhẹ, hạ thấp các mặt khác.

- Vừa phát huy tốt chế độ dân chủ đại diện, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của Quốc hội, Chính phủ, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp, vừa thực hiện tốt chế độ dân chủ trực tiếp ở cơ sở để nhân dân bàn bạc và quyết định trực tiếp những công việc quan trọng thiết thực, gắn liền với lợi ích của mình.

- Phát huy dân chủ phải gắn liền với phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao dân trí, tạo điều kiện mở rộng dân chủ có chất lượng và hiệu quả.

- Nội dung các quy chế phát huy dân chủ ở cơ sở phải phù hợp với Hiến pháp, pháp luật, thể hiện tinh thần dân chủ đi đôi với kỷ cương, trật tự, quyền hạn gắn với trách nhiệm, lợi ích đi đôi với nghĩa vụ, chống quan liêu, mệnh lệnh, đồng thời chống tình trạng vô chính phủ, lợi dụng dân chủ vi phạm pháp luật.

- Gắn quá trình xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ với công tác cải cách hành chính, sửa đổi những cơ chế, chính sách về thủ tục hành chính không phù hợp.

(Chỉ thị số 30 CT/TW của Bộ Chính trị ngày 18/2/1998 về xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở).

Bản chất của Nhà nước ta là Nhà nước của dân, do dân và vì dân dưới sự lãnh đạo của Đảng. Dân là người thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ của Chính phủ, đoàn thể, nên dân phải được hiểu biết, bàn bạc và giám sát, do đó không chỉ có Mặt trận, các đoàn thể mà chính quyền các cấp từ Trung ương đến địa phương cũng phải làm công tác dân vận. Trong bài báo “Dân vận” ngày 15 tháng 10 năm 1949, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: “Tất cả cán bộ chính quyền, tất cả cán bộ đoàn thể và tất cả hội viên của các tổ chức nhân dân (Liên Việt, Việt Minh...) đều phải phụ trách dân vận”.

Quán triệt quan điểm quần chúng của Đảng, làm theo lời dạy của Bác Hồ, trong những năm qua, nhất là từ khi thực hiện đường lối đổi mới, Chính phủ đã có nhiều chính sách, chương trình, dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo, triển khai các quy chế dân chủ ở cơ sở nhằm phát huy tốt hơn và nhiều hơn nữa quyền làm chủ của nhân dân. Chính phủ đã chỉ đạo các Bộ, ngành Trung ương và các địa phương triển khai chương trình cải cách hành chính, chống tham nhũng, buôn lậu, quan liêu, lãng phí, cửa quyền, khắc phục những thủ tục hành chính gây phiền hà cho nhân dân. Các Bộ, ngành, nhất là Ủy ban Nhân dân các cấp đã phối hợp ngày càng tốt hơn với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên để cùng làm tốt công tác dân vận.

Tuy nhiên, do nhận thức chưa đầy đủ và sâu sắc về tầm quan trọng của công tác dân vận, nên không ít cán bộ, công

chức còn chưa đi sát và chú ý lắng nghe ý kiến của nhân dân; tác phong làm việc còn quan liêu, cửa quyền, nặng về biện pháp mệnh lệnh, hành chính, áp đặt, coi nhẹ việc vận động, thuyết phục. Việc phối hợp của các cơ quan quản lý Nhà nước với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên ở một số cơ sở trong công tác dân vận còn chưa cụ thể, hiệu quả chưa cao.

Để thực hiện nghị quyết của Đảng và lời dạy của Bác Hồ về công tác dân vận, Thủ tướng Chính phủ chỉ thị:

1. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các cấp trong phạm vi và quyền hạn của mình:

- Phải chỉ đạo và có kế hoạch thường xuyên tuyên truyền và giáo dục nhận thức về công tác dân vận. Nhân “Ngày Dân vận” 15 tháng 10 hàng năm, cần tăng cường chỉ đạo, triển khai học tập bài báo “Dân vận” của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nghị quyết dân vận của Đảng, và bài “Nhớ ngày 15 tháng 10” của đồng chí Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam Lê Khả Phiêu...nhằm tạo ra những chuyển biến mới trong nhận thức và hành động về công tác dân vận.

- Nâng cao năng lực quản lý Nhà nước, sửa đổi lề lối làm việc theo hướng dân chủ hóa và công khai hóa, chống quan liêu, cửa quyền, tham nhũng. Thực hiện nghiêm chỉnh các quy chế dân chủ ở cơ sở; cần tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, rà soát, bãi bỏ những văn bản trái pháp luật, quyền, những thủ tục hành chính rườm rà gây phiền hà cho nhân dân; khi soạn thảo các văn bản pháp luật, các chính sách, triển khai các chương trình, dự án phải tổ chức lấy ý kiến rộng rãi trong nhân dân, tiếp thu ý kiến đóng góp của nhân dân, làm cho các văn bản pháp luật, các chính sách, chương trình, dự án phù hợp với thực tiễn, lợi ích và nguyện vọng

chính đáng của nhân dân, được nhân dân đồng tình ủng hộ.

- Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra và xử lý nghiêm minh những hành vi sách nhiễu, ức hiếp nhân dân, xâm phạm lợi ích chính đáng và quyền làm chủ của nhân dân, giải quyết kịp thời các kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân. Trong những tháng còn lại của năm 2000, các cấp chính quyền có chương trình và kế hoạch cụ thể tập trung giải quyết một số vấn đề bức xúc của nhân dân về nhà ở, đất đai và các chính sách xã hội khác.

2. Cán bộ, công chức ở Trung ương, tỉnh, huyện phải có chương trình đi cơ sở, bám sát thực tiễn, gặp gỡ, tiếp xúc với dân, lắng nghe ý kiến nguyện vọng của nhân dân, tuyên truyền giải thích chính sách pháp luật của Nhà nước.

3. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh phối hợp với Học viện Hành chính Quốc gia nghiên cứu bổ sung, hoàn chỉnh nội dung công tác dân vận đưa vào chương trình giảng dạy ở các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các trường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức.

4. Các phương tiện thông tin đại chúng, từ Trung ương đến địa phương cần có các chuyên đề về công tác dân vận và chính quyền làm công tác dân vận; thông tin kịp thời và dành thời lượng thích đáng để giới thiệu, tuyên truyền về công tác dân vận; kịp thời biểu dương các cá nhân, tập thể làm tốt công tác dân vận.

5. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các cấp cần tăng cường phối hợp với các cơ quan của Đảng, Tòa án Nhân dân, Viện Kiểm sát Nhân dân các cấp và các đoàn thể chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội...nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp trong việc xây dựng và thực hiện công tác dân vận.

Dân vận Lâm Đồng làm theo lời Bác

Căn cứ Chỉ thị này, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cần xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện.

Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ chủ trì, phối hợp với Ban dân vận Trung ương theo dõi, đôn đốc thực hiện Chỉ thị này và định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

(Chỉ thị số 18/2000/CT-TTg ngày 21-9-2000 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác dân vận)

Trước hết, cần thấy rõ tỉnh ta có thành phần, cơ cấu dân cư rất đa dạng, có nhiều tôn giáo, có đông đồng bào dân tộc, dân kinh tế mới từ nhiều nơi đến. Do đó, nhiệm vụ hàng đầu của Đảng bộ là phải làm tốt công tác vận động quần chúng xây dựng cho được khối đại đoàn kết toàn dân, làm thất bại mọi âm mưu chia rẽ Kinh - Thượng, lương - giáo, Bắc - Nam... Quán triệt sâu sắc quan điểm “dân làm gốc”, mọi chủ trương, chính sách của Đảng và chính quyền các cấp trong tỉnh đều phải xuất phát vì lợi ích của dân, phù hợp với tâm tư nguyện vọng chính đáng của nhân dân.

(Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ V (vòng II). Lưu hành nội bộ, 1992, trang 84.)

Đổi mới tổ chức và hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân theo hướng đa dạng hóa hình thức tập hợp các đối tượng quần chúng, mở rộng Mặt trận đại đoàn kết toàn dân... Phải hướng mọi hoạt động về cơ sở, lấy xã, thôn, buôn và từng gia đình làm địa bàn hoạt động, lấy đoàn viên, hội viên làm đối tượng vận động để thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội của từng địa phương, đơn vị. Chú trọng làm tốt công tác vận động tranh thủ các chức sắc, già làng, các trí thức, các tầng lớp trên trong các dân tộc, tôn giáo. Mở rộng các hình thức tổ chức phù hợp để tập hợp các nhà công kỹ nghệ gia, thân nhân người Việt Nam ở nước ngoài...

(Đảng cộng sản Việt Nam - Tỉnh ủy Lâm Đồng - Văn kiện Hội nghị Đại biểu Đảng bộ tỉnh giữa nhiệm kỳ (khóa V). Lưu hành nội bộ, 3/1994, tr 53-54.)

Đối với đồng bào dân tộc ít người, nghiên cứu có chính sách chăm lo xây dựng các già làng và thanh niên, trí thức, cán bộ kỹ thuật người dân tộc để làm nòng cốt trong vận động đồng bào ổn định định canh định cư, xây dựng vườn hộ, chăn nuôi trâu bò, quản lý bảo vệ rừng, không phát rừng làm rẫy...

(Đảng cộng sản Việt Nam - Tỉnh ủy Lâm Đồng - Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VI- Lưu hành nội bộ, 4/1996, tr.37.)

Động viên và tổ chức để nhân dân thường xuyên tham gia xây dựng Đảng, đóng góp ý kiến vào các chủ trương, nghị quyết công tác của Đảng; giám sát, phê bình cán bộ, đảng viên; giới thiệu những người xứng đáng để bầu vào các cơ quan lãnh đạo của Đảng; giới thiệu những người đủ tiêu chuẩn để kết nạp Đảng; giúp tổ chức Đảng làm tốt công tác kiểm tra, phát hiện, đấu tranh với những hành vi tham nhũng, buôn lậu và các tệ nạn tiêu cực khác.

Tlđđ, tr.44.

Từ quan điểm “cách mạng là sự nghiệp của quần chúng”, các cấp ủy Đảng phải tăng cường công tác quần chúng của Đảng trong quá trình lãnh đạo của mình, khắc phục tình trạng vi phạm dân chủ, dân chủ hình thức, tránh mọi biểu hiện quan liêu, mệnh lệnh, xa rời quần chúng...

Xây dựng thành chế độ lấy ý kiến của đoàn thể và nhân dân đóng góp xây dựng tổ chức Đảng và tham gia góp ý xây dựng đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nhận xét phê bình cán bộ, chống các biểu hiện hách dịch, độc đoán, coi thường dân, xa dân, mị dân, theo đuôi quần chúng.

Tlđđ, tr.98.

“LẤY DÂN LÀM GỐC”

Tiếp tục quán triệt sâu sắc tư tưởng dân vận của Bác Hồ trong giai đoạn cách mạng mới

HUỲNH MINH XUYẾN

Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy

Trong lịch sử của một dân tộc luôn phải chống chọi với thiên tai, với thù trong, giặc ngoài như dân tộc Việt Nam, nhưng với truyền thống yêu nước và đoàn kết đã giúp nhân dân ta giữ yên bờ cõi, bảo vệ giang sơn, giữ vững độc lập, tự do cho dân tộc. Những truyền thống quý báu đó trải qua quá trình lịch sử đã không ngừng được vun đắp và phát huy, tạo thêm sức mạnh của toàn dân tộc. Đặc biệt, từ ngày có Đảng lãnh đạo, nhân dân Việt Nam đã vùng lên phá tan xiềng gông của đế quốc thực dân, phong kiến trong cách mạng Tháng Tám, giành độc lập, tự do cho Tổ quốc, tiến hành thắng lợi các cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc, đánh thắng các đế quốc to; thống nhất đất nước, đưa cả nước đi lên xây dựng Chủ nghĩa xã hội. Quá trình đó, Đảng ta luôn luôn xác định vai trò, vị trí quan trọng của công tác dân vận trong sự nghiệp cách mạng. Chủ tịch Hồ Chí Minh là hiện thân của tư tưởng lấy dân làm gốc. Tư tưởng dân vận của Người đã thể

hiện xuyên suốt từ khi thành lập Đảng và trong quá trình Đảng lãnh đạo nhân dân Việt Nam đứng lên giành độc lập dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Ngày nay, thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, nhân dân ta đã đồng tình, hưởng ứng và tổ chức thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới đất nước, góp phần làm nên những thành tựu to lớn, quan trọng, đưa nước ta thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, từng bước phát triển đi lên; đời sống đại bộ phận nhân dân được cải thiện, xã hội ổn định, an ninh quốc phòng được giữ vững; quan hệ hợp tác quốc tế được mở rộng, uy tín của Việt Nam trên thế giới ngày càng được nâng cao, tạo tiền đề cho giai đoạn phát triển mới: đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Có được sức mạnh trên đây là nhờ Đảng ta có đường lối đúng đắn, có chủ trương thích hợp với từng thời kỳ, đã luôn quán triệt quan điểm, tư tưởng của Bác Hồ “cách mạng là sự nghiệp của quần chúng”, coi trọng công tác dân vận, biết vận dụng và tổ chức sáng tạo trong phối hợp thống nhất ý chí hành động của các tầng lớp nhân dân, động viên lòng yêu nước và tinh thần đoàn kết của mỗi người dân, khơi dậy và phát huy sức mạnh tổng hợp của dân tộc và thời đại để thực hiện thành công mục tiêu đã đề ra.

Trong những năm qua, mặc dù còn gặp nhiều khó khăn, nhưng Đảng bộ Lâm Đồng đã luôn bám sát các chủ trương, nghị quyết của Đảng, nhất là những chủ trương, nghị quyết về công tác dân vận để phát huy sức mạnh đoàn kết, tập hợp, động viên nhân dân khắc phục khó khăn, thử thách và giành được những thành tựu to lớn trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhà; đời sống nhân dân không ngừng được cải thiện; an ninh - chính trị, trật tự an toàn xã hội luôn được giữ vững và ổn định.

Những thành tựu nêu trên là kết quả lao động sáng tạo của mọi tầng lớp nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ. Trước hết, đội ngũ công nhân đã vượt qua nhiều khó khăn để duy trì và phát triển sản xuất, đổi mới công nghệ, nâng cao tay nghề, chất lượng sản phẩm. Giai cấp nông dân đã tích cực khắc phục khó khăn do thiên tai liên tiếp gây ra, đưa sản xuất nông nghiệp của tỉnh nhà không ngừng phát triển, nông sản hàng hóa ngày càng đa dạng, phong phú; cơ cấu nông nghiệp đã có những chuyển đổi hợp lý, bước đầu hình thành những vùng chuyên canh tập trung: cây chè, cà phê, dầu dừa, lúa, ngô... với chất lượng, hiệu quả ngày càng cao; đời sống của nông dân ở nhiều vùng có bước cải thiện đáng kể, hàng ngàn hộ đã trở nên giàu có, nhất là ở những vùng đã ổn định. Đội ngũ trí thức đã hòa mình với công nhân và nông dân, gắn bó với sản xuất, từng bước tiếp cận và vận dụng những thành tựu mới về khoa học kỹ thuật phục vụ yêu cầu sản xuất, đời sống. Những năm gần đây, được sự quan tâm đầu tư mọi mặt của Đảng và Nhà nước các cấp, đời sống kinh tế - xã hội của đồng bào các dân tộc đã có nhiều đổi thay; từ đó đồng bào các dân tộc thiểu số càng tin tưởng hơn vào Đảng, chính quyền; không ngừng cố gắng vươn lên để vượt qua đói nghèo, từng bước nâng cao mức sống cả về vật chất và tinh thần. Đồng bào theo đạo thấm nhuần tư tưởng, quan điểm của Đảng, đã đoàn kết giúp đỡ nhau trong sản xuất, đời sống, thực hiện phương châm "tốt đời đẹp đạo". Giới doanh nghiệp đã cố gắng đẩy mạnh đầu tư sản xuất kinh doanh, dịch vụ, tạo ra nhiều sản phẩm mới, ngành nghề mới, góp phần giải quyết việc làm cho người lao động và tăng tích lũy cho nền kinh tế.

Thông qua những phong trào hành động và những việc làm thiết thực, tình nghĩa nêu trên, nhiều gương sáng về người tốt, việc tốt đã xuất hiện trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, thể hiện lòng yêu nước, đức tính cần cù trong lao

động, truyền thống đoàn kết, tương thân, tương ái của dân tộc. Mỗi người dù trên cương vị nào, hoặc ít hoặc nhiều đều có những đóng góp cho công cuộc đổi mới đất nước, xây dựng quê hương Lâm Đồng ngày càng giàu đẹp.

Đạt được những kết quả trên đây có nhiều nguyên nhân, nhưng trước hết là do Đảng bộ, chính quyền, đoàn thể và nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã quán triệt và thực hiện lời dạy của Bác Hồ về công tác dân vận; Đảng bộ các cấp coi trọng công tác lãnh đạo nâng cao trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, chủ động đề ra những hình thức, biện pháp tập hợp, vận động quần chúng và phát huy sức mạnh của toàn dân. Đồng thời, thường xuyên chăm lo, bảo vệ lợi ích thiết thân của nhân dân gắn với động viên mọi người dân thực hiện đầy đủ nghĩa vụ, trách nhiệm của mình; phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong thảo luận, bàn bạc và đặt ra kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ cụ thể, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tiễn; tăng cường quan hệ phối hợp giữa tổ chức Mặt trận, đoàn thể với các cấp, các ngành của chính quyền để kịp thời xem xét, giải quyết những vấn đề bức xúc, mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân... Đó là những yếu tố hết sức cơ bản và thuận lợi để động viên nhân dân tích cực thực hiện các phong trào phát triển kinh tế, xã hội, giữ vững an ninh trật tự tại địa phương và cơ sở.

Tuy nhiên, cùng với những thành tựu, chuyển biến và tiến bộ nêu trên, trong quá trình thực hiện công tác dân vận của Đảng và thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh về công tác dân vận, vẫn còn nhiều vấn đề làm hạn chế hoặc gây ảnh hưởng không tốt đến khối đại đoàn kết toàn dân, cũng như công tác tập hợp, vận động quần chúng. Đó là, những khó khăn trong phát triển kinh tế, giải quyết những nhu cầu bức xúc của nhân dân về việc làm, đời sống và nhiều vấn đề xã hội khác; thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng

và pháp luật của Nhà nước chưa nghiêm; quản lý kinh tế - xã hội có mặt còn nhiều yếu kém; chưa có chính sách phù hợp để khơi dậy và phát huy mạnh mẽ nguồn lực của mọi tầng lớp nhân dân cho sản xuất. Do đó, trong xã hội vẫn còn tâm trạng chưa thật an tâm mang hết tài năng, trí tuệ, của cải vật chất để phát triển sản xuất kinh doanh và làm những việc ích nước lợi nhà. Mặt khác, vẫn còn không ít cấp ủy Đảng, chính quyền nhận thức về công tác dân vận chưa sâu sắc, toàn diện, chỉ coi công tác dân vận là nhiệm vụ của những người làm công tác dân vận, nên ở các cơ quan công quyền và trong không ít cán bộ, đảng viên còn xem nhẹ công tác dân vận. Có thể nói một cách nghiêm túc, tư tưởng về công tác dân vận của Bác Hồ chưa được nhận thức một cách đầy đủ, đúng đắn trong các cấp, các ngành và ngay cả trong các cơ quan trực tiếp làm công tác dân vận. Từ đó, công tác dân vận có lúc, có nơi bị hành chính hóa, hình thức, không sát dân. Công tác vận động, giải thích và tập hợp quần chúng chưa được coi trọng đúng mức, thiếu động viên, giúp đỡ kịp thời, nên đã làm hạn chế đến kết quả thực hiện các phong trào chung ở địa phương. Bên cạnh đó, quyền lợi của nhân dân có lúc, có nơi bị xâm phạm, sự phân hóa giàu nghèo, cách biệt giữa thành thị và nông thôn ngày càng tăng...; những vướng mắc trong quan hệ giữa dân với dân, giữa dân với một số cán bộ, nhất là ở cơ sở chưa được phát hiện giải quyết kịp thời; hiện tượng xuống cấp về đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên cùng với tình trạng quan liêu, cửa quyền, xa dân đã làm cho một bộ phận cán bộ, nhân dân bất khoan, lo lắng, giảm sút lòng tin đối với Đảng, Nhà nước.

Để ghi nhớ và thực hiện lời dạy của Bác Hồ về công tác dân vận, khắc phục những tồn tại, khuyết điểm nêu trên, sắp đến cần nghiên cứu, nắm vững và quán triệt sâu sắc hơn nữa những quan điểm, tư tưởng về dân và công tác dân vận của

Chủ tịch Hồ Chí Minh và của Đảng; chỉ rõ những thiếu sót, tồn tại trong nhận thức, tư tưởng và trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ công tác dân vận của Đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể, từ đó rút kinh nghiệm tổ chức thực hiện tốt hơn trong thời gian tới. Trước mắt có nhiều việc phải làm nhưng tựu trung làm tốt một số việc sau:

Trước hết, cần phải làm cho các cấp, các ngành quán triệt sâu sắc hơn nữa tư tưởng về công tác dân vận của Bác Hồ thể hiện qua bài báo “Dân vận” Bác viết ngày 15 tháng 10 năm 1949. Những nội dung đó vẫn còn sáng ngời giá trị hiện thực. Đồng thời, phải tiếp tục quán triệt sâu sắc và thực hiện Nghị quyết 8B của Ban Chấp hành Trung ương (khóa VI) về “Đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân”; đặc biệt, gần đây nhất là Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, thực hiện tự phê bình và phê bình nhân kỷ niệm 30 năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Qua tổ chức học tập, quán triệt, làm cho các chủ trương, chính sách do Đảng ta đề xướng thực sự đi vào đời sống, trở thành phong trào hành động cách mạng của nhân dân; chống tham nhũng, quan liêu, hách dịch, cửa quyền, sách nhiễu nhân dân, lập lại trật tự kỷ cương, ngăn chặn và bài trừ tệ nạn xã hội, củng cố tổ chức, giáo dục đảng viên, khen thưởng xứng đáng người có công... làm cho phong trào thi đua yêu nước ở địa phương, cơ sở ngày càng phát triển sâu rộng và đạt nhiều thành tích mới.

Đồng thời với việc tổ chức học tập, quán triệt, cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp trong tỉnh phải xây dựng kế hoạch, cụ thể hóa các quan điểm chỉ đạo công tác dân vận của Đảng và chương trình hành động của Chính phủ về công tác dân vận để tổ chức thực hiện. Trong kế hoạch, từng ngành, từng cấp phải làm rõ các nội dung chỉ đạo, tổ

chức thực hiện; loại bỏ những khâu, những việc gây ách tắc, phiền hà, những nhiễu đối với nhân dân. Phải xem công tác vận động nhân dân là của cả hệ thống chính trị, là trách nhiệm của Đảng, chính quyền, các đoàn thể và nhân dân. Động lực thúc đẩy phong trào quần chúng là đáp ứng lợi ích thiết thân của nhân dân, kết hợp hài hòa các lợi ích, thống nhất quyền lợi và nghĩa vụ; hình thức tập hợp quần chúng phải phong phú, đa dạng và phải có kết quả thiết thực, hết sức tránh phô trương, hình thức.

Tích cực tuyên truyền, giáo dục và phát huy vai trò làm chủ của nhân dân, tạo điều kiện để nhân dân bàn bạc, thảo luận và tổ chức thực hiện đúng với phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” nhằm phát huy mọi tiềm lực vật chất, tinh thần và trí tuệ của tất cả các giai cấp và tầng lớp xã hội, tập hợp trong khối đại đoàn kết dân tộc, phát huy truyền thống yêu nước, tích cực tham gia các phong trào hành động cách mạng góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế - xã hội đã đề ra.

Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý, điều hành của Nhà nước và vai trò làm chủ của nhân dân; coi trọng công tác xây dựng Đảng trong các đoàn thể nhân dân; chăm lo đào tạo, bồi dưỡng, giới thiệu những cán bộ có đủ tiêu chuẩn tham gia hoạt động trong các đoàn thể nhằm không ngừng nâng cao năng lực hoạt động của các đoàn thể theo hướng dân chủ hóa, tiếp xúc, đối thoại, lắng nghe ý kiến đóng góp, giáo dục thuyết phục nhân dân. Đồng thời, tôn trọng tính tự chủ, ủng hộ mọi hoạt động tích cực, sáng tạo của các tổ chức Mặt trận và đoàn thể nhân dân.

Trong công tác xây dựng Đảng, phải thấm nhuần quan điểm của Bác là: Đảng liên hệ mật thiết với nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân. Từ đó, tạo mọi điều kiện phát huy

dân chủ, tổ chức cho quần chúng tham gia xây dựng Đảng, chính quyền; không ngừng tăng cường mối quan hệ gắn bó máu thịt giữa Đảng với nhân dân; nâng cao chất lượng cán bộ, đảng viên và sức chiến đấu của tổ chức Đảng gắn với quan tâm xây dựng tổ chức Mặt trận, đoàn thể các cấp vững mạnh; đồng thời coi trọng xây dựng thực lực chính trị, cốt cán ở cơ sở, nhất là ở vùng tôn giáo, dân tộc.

Để xây dựng Nhà nước thực sự là của dân, do dân và vì dân, chính quyền các cấp trong tỉnh cần phải có cơ chế thích hợp hơn nữa để tổ chức động viên nhân dân tham gia xây dựng các chính sách, pháp luật; tham gia quản lý kinh tế, quản lý Nhà nước và giám sát hoạt động của các cơ quan Nhà nước; kịp thời thể chế hóa các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước bằng các văn bản pháp quy hoặc thông qua quy ước, hương ước để xác định rõ quyền hạn, lợi ích, nghĩa vụ của nhân dân lao động để tổ chức thực hiện; kiên quyết xử lý nghiêm minh những hiện tượng vi phạm quyền làm chủ của nhân dân, tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức quần chúng, các tổ chức xã hội hoạt động có hiệu quả, thiết thực. ■

Một số suy nghĩ về chiến lược đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh (*)

PHẠM THUẬN

*(Nguyên Chủ tịch Ủy ban Mặt trận
Tổ quốc Việt Nam tỉnh Lâm Đồng)*

Khi viết bài “Dân vận”, ngay ở mấy câu đầu, Bác Hồ đã lưu ý toàn Đảng là “Vấn đề dân vận nói đã nhiều, bàn đã kỹ, nhưng vì nhiều địa phương, nhiều cán bộ chưa hiểu thấu, làm chưa đúng cho nên cần phải nhắc lại”.

Điều nhắc lại ấy của Bác không những cần thiết mà còn đặc biệt cần thiết khi Đảng ta là đảng cầm quyền, cán bộ, đảng viên đang ở vào địa vị khác trước, có nhiều điều kiện và lý do để gần dân hơn là gần và hiểu dân.

Nói “dân vận” tức là nói đến công tác vận động quần chúng nhân dân đứng lên làm cách mạng. Nhưng “nhân dân” là những ai thì suốt trên 70 năm trời kể từ ngày thực dân xâm lược Pháp đổ quân vào chiếm bán đảo Sơn Trà (Quảng Nam) năm 1858 cho đến những năm thập kỷ 20 của thế kỷ này, các bậc yêu nước tiền bối của chúng ta, hoặc do hạn chế

tâm nhận thức có tính lịch sử, hoặc do cách nhìn riêng của tầng lớp sĩ phu yêu nước đương thời nên đã thu hẹp lực lượng nhân dân vào một số tầng lớp có vị trí trong xã hội lúc bấy giờ. Chỉ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, Đảng của giai cấp công nhân do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, thì lực lượng nhân dân mới được xác định cụ thể rõ ràng và đầy đủ.

Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác dân vận và chiến lược đoàn kết dân tộc là một công trình khoa học đồ sộ dành cho các học giả và sử gia Việt Nam. Ở đây, tôi xin trình bày một số suy nghĩ về chiến lược đoàn kết của Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Nói “đoàn kết” thì ai cũng nói được, nhưng thực hành đoàn kết thì không phải dễ, thậm chí là cực kỳ khó khăn nếu chủ nghĩa cá nhân chưa được tẩy sạch.

Trong thời đại văn minh ngày nay, chúng ta vẫn thường xuyên nhận được nhiều thông tin phản ánh bao nỗi bất hạnh, chồng chất những đau thương, tang tóc của nhiều dân tộc trên hành tinh này chỉ vì không biết đoàn kết, chỉ vì lầm mưu của thế lực phản động quốc tế chuyên gây chia rẽ, tạo nên các cuộc tranh chấp lãnh thổ, xung đột tôn giáo, sắc tộc nhằm phục vụ lợi ích sống còn của chúng.

Đến đây, vấn đề được đặt ra là:

- Đoàn kết phải được bắt nguồn từ đâu?
- Đoàn kết với những ai?
- Đoàn kết vì mục đích gì?
- Làm thế nào để đoàn kết?...

Như chúng ta đã biết, từ ngày thực dân Pháp đổ quân

chiếm bán đảo Sơn Trà (Quảng Nam) năm 1858 đến những năm thập kỷ 20 của thế kỷ này, biết bao các bậc yêu nước tiền bối, hết người này đến người khác, cả miền xuôi và miền núi đã đứng lên kêu gọi nhân dân đoàn kết tập hợp lực lượng để đánh đuổi thực dân xâm lược Pháp, giành lại độc lập cho dân tộc. Từ khởi nghĩa Trương Định 1859, phong trào Cần Vương 1885, đến khởi nghĩa Yên Thế 1885-1913..., cơ sở xã hội của các phong trào ấy chỉ bó hẹp trong các tầng lớp có vị trí xã hội lúc bấy giờ gồm các quan lại, các sĩ phu hào lý, trí thức yêu nước và các con em, gia thuộc của họ.

Chính bắt nguồn từ tư tưởng hẹp hòi, cố chấp đã làm hạn chế tầm nhìn của các sĩ phu yêu nước, nên họ không thể tập hợp đông đảo các tầng lớp nhân dân để hình thành một khối liên minh chính trị rộng lớn, trong đó lực lượng của giai cấp nông dân chiếm 99% trong dân tộc lúc bấy giờ, mà cố Tổng Bí thư Trường Chinh đã nói: “Dân tộc Việt Nam, thực chất là giai cấp nông dân”.

Các bậc yêu nước tiền bối càng không nhìn thấy giai cấp công nhân tuy nhỏ bé về số lượng, nhưng có sứ mệnh lớn lao đối với đất nước và dân tộc. Do các hạn chế trên nên họ không thể vạch ra đường lối chính trị phù hợp với đương đại; từ đó không đề ra được phương pháp chiến lược đúng đắn, tạo nên sức mạnh chiến thắng kẻ thù. Vì vậy, các phong trào yêu nước lúc bấy giờ đều đi đến thất bại. Chỉ đến khi Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam nắm lấy sứ mệnh lịch sử của dân tộc thì tư tưởng đại đoàn kết dân tộc mới được xác định một cách đúng đắn và đầy đủ.

Vậy, nguồn gốc tư tưởng đại đoàn kết của Chủ tịch Hồ Chí Minh là gì?

Đó là tinh thần dân tộc chân chính, ý thức giai cấp trong sáng; chủ nghĩa nhân đạo truyền thống chối loại của dân tộc

Việt Nam, chủ nghĩa nhân văn cao đẹp, chủ nghĩa anh hùng cách mạng vô song, chủ nghĩa quốc tế vô sản cao quý với sự thấm nhuần sâu sắc học thuyết Mác, tiếp thụ thiên tài cách mạng của Lênin qua bản luận cương nổi tiếng về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa, phát ra lời kêu gọi vang khắp địa cầu “vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại!”. Đó là sự tổng hòa tất cả những nhân tố trên, được quyện chặt, nhuần nhuyễn vào nhau cấu thành tư tưởng Hồ Chí Minh - nền tảng của chiến lược đại đoàn kết rộng rãi, chân thật, vững chắc và lâu bền. Tư tưởng ấy đã được Đảng Cộng sản Việt Nam quán triệt sâu sắc và vận dụng sáng tạo vào việc lãnh đạo công tác mặt trận qua các thời kỳ.

Từ nguồn gốc tư tưởng chiến lược ấy, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ đối tượng đoàn kết và sắp xếp đội hình của đạo quân chính trị đông đảo gồm: giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, tiểu tư sản (bao hàm cả học sinh, sinh viên, trí thức, tiểu thương, tiểu chủ, dân nghèo thành thị), tư sản dân tộc, các nhân sĩ tiến bộ, thân sĩ dân chủ, các tôn giáo, các dân tộc (sắc tộc) và những người Việt Nam yêu nước khác cả trong nước và cư trú ở các nước ngoài.

Số rất ít còn lại chỉ là bọn tay sai của thực dân, đế quốc xâm lược. Đối với số này, với lòng nhân đạo “đánh kẻ chạy đi, không đánh người chạy lại”, Mặt trận dân tộc thống nhất vẫn ra sức vận động, thuyết phục, phân hóa, lôi kéo, chỉ ít cũng trung lập họ để tăng bạn, bớt thù, làm thay đổi tương quan lực lượng ngày càng có lợi cho cách mạng; đồng thời, đi đến cô lập cao độ thực dân, đế quốc để đánh bại chúng.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của quân và dân ta, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến lược đại đoàn kết càng được mở rộng hơn nữa với nhiều hình thức phong phú sáng tạo, tiêu biểu nhất là 3 lực lượng sau:

- Lực lượng của phong trào tự trị các tỉnh Tây Nguyên,
- Phong trào của lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình ở các đô thị miền Nam Việt Nam.
- Phong trào rộng lớn và mạnh mẽ của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

Ba lực lượng ấy mà nòng cốt là Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, với nghệ thuật đấu tranh 2 chân, 3 mũi trên cả 3 vùng chiến lược, phối hợp nhịp nhàng liên tục tấn công Mỹ - Ngụy, đã tác động mạnh mẽ đến hàng ngũ địch, đi đến hình thành phong trào phản chiến trong quân đội viễn chinh Mỹ và thức tỉnh lương tri của các tầng lớp nhân dân Mỹ, làm dấy lên các cuộc biểu tình, đấu tranh quyết liệt ngay trên đất nước Hoa Kỳ, nhất là sau cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ 2 của Mỹ ở miền Nam Việt Nam 1960-1967.

Chiến lược đại đoàn kết của Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ tập hợp lực lượng hình thành đạo quân chính trị mà quan trọng hơn là biết phát huy sức mạnh của đạo quân ấy. Vì vậy, theo tư tưởng Hồ Chí Minh, Mặt trận dân tộc thống nhất - tổ chức tập hợp và cổ vũ phong trào cách mạng của quần chúng nhân dân, kho tàng trí tuệ thông minh và tài năng vô hạn, tạo nên sức mạnh vật chất và tinh thần không thể lường hết được. Sức mạnh ấy đã đánh bại đế quốc Mỹ xâm lược, một đế quốc giàu mạnh nhất thế giới.

Chính điều đó mà mãi đến nay các học giả và các nhà mưu lược quân sự Hoa Kỳ vẫn chưa tìm ra lời giải đáp: “Vì sao nước Mỹ giàu mạnh nhất thế giới mà không thắng được Việt Nam, một nước đất không rộng, người không đông, kinh tế nghèo nàn lạc hậu, khoa học kỹ thuật gần như không có gì đáng kể?”.

Họ chưa tìm ra lời giải đáp vì họ không hiểu được chiến lược đại đoàn kết của Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam bắt nguồn từ tư tưởng Hồ Chí Minh. Tư tưởng ấy, như trên đã nói là sự tổng hòa của tinh hoa dân tộc và tinh hoa nhân loại, đặc biệt là chủ nghĩa nhân đạo Việt Nam, có sức cảm hóa lòng người theo hướng chân, thiện, mỹ: sống vì con người, “mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người”, suốt đời lo toan cho con người, cho cộng đồng dân tộc và cho cả nhân loại. Tư tưởng ấy đã khơi dậy trong mọi người Việt Nam lòng tự hào dân tộc, niềm tin sắt đá, ý chí và nhiệt tình cách mạng, biết làm sống lại và phát huy cao độ truyền thống quá khứ của dân tộc mình thành sức mạnh tổng hợp cho hiện tại và sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước.

Trong thời gian Việt Nam chống Mỹ cứu nước, Hélène Tourmaire - một nhà văn vừa là nhà báo phương Tây viết: “Ở con người Hồ Chí Minh, mỗi người đều thấy biểu hiện của nhân vật cao quý nhất và được kính yêu nhất trong gia đình mình. Nếu so sánh với vũ khí thì điều đó quan trọng không kém tất cả vũ khí của Hạm đội 7. Hình ảnh của Hồ Chí Minh đã hoàn chỉnh với sự kết hợp đức khôn ngoan của Phật, lòng bác ái của Chúa, triết học của Mác, thiên tài cách mạng của Lenin”. (Phạm Văn Đồng: “*Hồ Chí Minh, một con người, một dân tộc, một thời đại, một sự nghiệp*”... đăng trên báo Nhân Dân tháng 01 năm 1999).

Trong tình hình hiện nay, cụ thể hóa chiến lược đại đoàn kết của Chủ tịch Hồ Chí Minh vào đường lối đổi mới của Đảng trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, chính sách đối nội của chúng ta cần phải mở rộng hơn nữa khối đại đoàn kết toàn dân trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, lấy khối liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức làm nòng cốt; đồng thời thực

hiện chính sách ngoại giao mở rộng là: “Việt Nam muốn làm bạn của tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển”.

Trong khi thực hiện chiến lược đại đoàn kết, chúng ta cần phải luôn luôn nhớ lời dạy của Bác Hồ là: “Trong chính sách đoàn kết cần phải thấy hai khuynh hướng sai lầm: cô độc, hẹp hòi và đoàn kết vô nguyên tắc” .

Nói cách khác là đề phòng hữu khuynh và tả khuynh trong khi thực hiện chiến lược đại đoàn kết theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Hữu khuynh là chỉ biết đoàn kết đơn thuần một chiều, bằng mọi giá không vì mục đích yêu cầu phát triển của đất nước, dẫn đến tê liệt tinh thần cảnh giác cách mạng, tự mình tạo nhiều sơ hở để kẻ thù lợi dụng chống phá ta trên các lĩnh vực: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh và quốc phòng.

Tả khuynh là đóng cửa tự trời mình, gây cản trở việc mở rộng khối đại đoàn kết các tầng lớp nhân dân trong nước và cả kiều bào ở nước ngoài; gây trở ngại cả việc thực hiện chính sách ngoại giao của Nhà nước ta: “Việt Nam muốn là bạn của tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển”.

() Bài tham luận tại Hội thảo
Tư tưởng dân vận của Bác Hồ, 10/1999.
Dầu đề do Hội đồng Biên tập đặt.*

Tư tưởng dân vận của Chủ tịch Hồ Chí Minh mãi mãi soi sáng con đường cách mạng của Đảng ta (*)

NGUYỄN XUÂN DU

(Nguyên Bí thư Tỉnh ủy Lâm Đồng)

Dân vận vừa là mục tiêu của cách mạng, vừa là phương pháp vận động cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Thực chất của công tác dân vận là xây dựng mối quan hệ gắn bó máu thịt giữa Đảng với nhân dân. Dân là nguồn gốc của sức mạnh, là lực lượng vô địch của Đảng để vượt qua mọi khó khăn, để chiến thắng mọi quân thù... Điều này đã được chứng minh bằng thực tiễn cách mạng do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo trong suốt 70 năm qua.

Trong bài báo “Dân vận”, Bác chỉ rõ dân vận là gì? Là vận động, giác ngộ mọi tầng lớp nhân dân, mọi lực lượng, mọi người trong xã hội tổ chức thành lực lượng cách mạng đông đảo bao gồm: đội quân áo trắng, áo lam, áo đà; lực lượng cầm súng, cầm búa, cầm cuốc, cầm cây, cầm bút; là đội quân tóc ngắn, tóc dài... Dân vận là phát huy truyền thống anh hùng bất khuất, là phối hợp giữa tiền tuyến và hậu phương, là tổ

chức lực lượng ngay trong lòng địch, là đánh địch từ mọi phía. Dân vận là phát huy trí tuệ của toàn dân, phát huy sức mạnh tổng hợp của nhân dân bằng cách bàn bạc với dân, hỏi ý kiến và kinh nghiệm của dân, cùng nhân dân lập ra kế hoạch phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh cụ thể để giành toàn thắng.

Ai phụ trách dân vận? Bác Hồ chỉ rõ: Tất cả cán bộ, đảng viên trong mọi tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể từ Trung ương đến địa phương, cơ sở đều phải làm công tác dân vận theo sự phân công của Đảng.

Tôi còn nhớ trong chỉnh huấn chính trị năm 1950-1951 của Đảng ta; trong đó có nội dung kiểm điểm đường lối công tác dân vận, kiểm điểm phương thức 3 cùng, 5 bước công tác vận động quần chúng. Đó là Đảng ta cụ thể hóa tư tưởng dân vận của Người. Lúc bấy giờ Bác cũng đã chỉ rõ những khuyết điểm về dân vận, Người nói *“Khuyết điểm to ở nhiều nơi là xem khinh việc dân vận. Cử ra một ban hoặc vài người, mà thường cử những cán bộ kèm rồi bỏ mặc họ. Vận được thì tốt, vận không được cũng mặc...”*. Tệ hại hơn nữa là *“những cán bộ khác không trông nom, giúp đỡ, tự cho mình không có trách nhiệm dân vận. Đó là sai lầm rất to, rất có hại”*. Hiện nay, Đảng bộ ta có còn tình trạng này không? Tôi xin mạnh dạn phát biểu chuyện ấy vẫn còn! Nhưng mức độ có khác trước, nặng hay nhẹ còn tùy từng nơi.

Cuối bài báo Bác khẳng định *“Lực lượng của dân rất to. Việc dân vận rất quan trọng. Dân vận kém thì việc gì cũng kém. Dân vận khéo thì việc gì cũng thành công”*.

Nghiên cứu học tập và liên hệ những điều Bác Hồ dạy về dân vận, tôi thấy rằng, suốt cả quá trình vận động cách mạng, kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc xâm lược Mỹ, cũng như 25 năm xây dựng đất nước thống nhất, nhờ làm tốt

công tác dân vận mà Đảng ta đã vượt qua mọi khó khăn thử thách, đưa sự nghiệp cách mạng của dân tộc ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Thực tế cho thấy, ở đâu và lúc nào làm tốt công tác dân vận thì tập hợp và thúc đẩy được mọi lực lượng quần chúng tích cực tham gia và đạt kết quả toàn diện, vững chắc. Ngược lại, nơi nào, xem nhẹ công tác dân vận, cán bộ xa rời quần chúng, quan liêu, mệnh lệnh, cửa quyền, thiếu trách nhiệm, thiếu đạo đức, không quan tâm đến tâm tư, nguyện vọng và lợi ích của quần chúng, không có phương thức vận động quần chúng phù hợp..., thì nơi ấy khó đưa chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng đến tận người dân và sẽ không thể nào có được thắng lợi.

Liên hệ học tập bài báo “Dân vận” của Bác Hồ, tự mình nghiêm túc kiểm lại mình và liên hệ với Đảng bộ Lâm Đồng qua các thời kỳ cách mạng, tôi có thể khẳng định là đa số cán bộ, đảng viên đã quán triệt và thực hiện tốt tư tưởng dân vận của Người. Đội ngũ cán bộ, đảng viên theo sự phân công của Đảng đã xuống biển, lên rừng, thâm nhập ngay trong lòng địch để vận động binh lính, đặc biệt họ đã đi sâu vào quần chúng để vận động quần chúng thực hiện 3 cùng, vận dụng 5 bước công tác; tuyên truyền giác ngộ, tổ chức quần chúng chiến đấu và chiến thắng kẻ thù, hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Tôi nghĩ rằng, có ai đó dù học thuộc lòng từng câu, từng chữ chủ trương, chính sách, nghị quyết của Đảng, nhưng không biết cách tiếp cận quần chúng nhân dân, không làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, giác ngộ nhân dân, không có hành động thực tế vì lợi ích thiết thân của nhân dân, thì người đó chưa xứng đáng là cán bộ, đảng viên của Đảng, xa lạ với tư tưởng, quan điểm dân vận mà Bác Hồ đã dạy.

Bác Hồ và Đảng ta luôn luôn nhắc chúng ta: Nước lấy dân làm gốc; dân lấy cuộc sống làm đầu; chế độ ta là chế độ của dân, do dân, vì dân; người lãnh đạo, người cầm quyền mà không sâu sát dân, không biết đến cuộc sống của dân, không hiểu gì tâm tư, tình cảm, nguyện vọng của dân, thì làm sao dân thừa nhận sự lãnh đạo của mình, thì làm sao chứng minh được chế độ ta là chế độ của dân, do dân, vì dân...

Nhân kỷ niệm ngày Bác Hồ viết bài báo “Dân vận”, tôi đọc đi đọc lại nhiều lần để hiểu từng câu, từng chữ của Bác dạy. May thay, tôi lại được đọc bài báo “Nhớ ngày 15 tháng 10” của đồng chí Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu đăng trên trang nhất báo Nhân Dân ra ngày 30 tháng 9 năm 1999. Trong bài báo, có đoạn đồng chí Tổng Bí thư viết:

“Tôi ngồi học lại bài “Dân vận” của Bác Hồ và nghĩ rằng: những điều Bác căn dặn thật dễ hiểu, dễ nhớ, sâu sắc và đầy đủ. Làm theo tư tưởng của Bác, Đảng ta đã có nghị quyết về công tác dân vận, đề ra phương châm: Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra...”, và đồng chí Tổng Bí thư nêu lên 4 vấn đề cần phải tập trung làm đến nơi đến chốn...

Đó là ý kiến chỉ đạo của Tổng Bí thư trong giai đoạn cách mạng hiện nay về tổ chức thực hiện tư tưởng dân vận của Bác Hồ mà toàn Đảng, toàn dân nói chung và Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận, đoàn thể các cấp, các cơ quan, đơn vị của tỉnh ta phải nghiêm túc chấp hành. Gắn công tác dân vận với cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng Đảng bộ và chính quyền cơ sở trong sạch vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; đồng thời gắn công tác dân vận với nhiệm vụ kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng, chống tiêu cực, tệ nạn xã hội... góp phần làm trong sạch địa bàn dân cư. Đó chính là thiết thực đưa tư tưởng dân vận của Bác Hồ đi vào cuộc sống.

Cán bộ, đảng viên chúng ta phải luôn ghi nhớ lời dạy của Bác:

“Bao nhiêu lợi ích đều vì dân.

Bao nhiêu quyền hạn đều của dân.

Công việc đổi mới, xây dựng là trách nhiệm của dân

Sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc là công việc của dân,

Chính quyền từ xã đến Chính phủ Trung ương do dân cử ra.

Đoàn thể từ Trung ương đến xã do dân tổ chức nên.

Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân”.

Những điều Bác nêu trên đây là tóm tắt bản chất của chế độ ta. Thực hiện đúng lời dạy của Người, là đem lại hạnh phúc cho nhân dân; đó là tiêu chuẩn trung thành với chế độ, với Đảng, với Bác, với Tổ quốc và dân tộc.

() Bài tham luận tại Hội thảo tư tưởng dân vận của Bác Hồ, 10/1999. Đầu đề do Hội đồng Biên tập đặt.*

Tiếp tục thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở

PHAN THIÊN

*(Ủy viên Thường vụ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh,
Trưởng Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ tỉnh)*

Việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở là một chủ trương lớn, một nhiệm vụ trọng tâm vừa cấp bách vừa lâu dài, có tác dụng quyết định đến việc thực hiện thắng lợi đường lối chủ trương của Đảng và Nhà nước; Tỉnh ủy, Ủy ban Nhân dân tỉnh đã có nghị quyết, kế hoạch lãnh, chỉ đạo việc tổ chức triển khai thực hiện trong toàn tỉnh đến các loại hình cơ sở theo tinh thần Chỉ thị 30 CT/TW của Bộ Chính trị và các Nghị định 29, 71, 07 của Chính phủ.

Qua hơn 2 năm triển khai thực hiện, chúng ta có thể rút ra được một số vấn đề sau:

Việc triển khai thực hiện Chỉ thị 30-CT/TW, các Nghị định của Chính phủ đã được nhiều cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận, các tổ chức đoàn thể lãnh đạo, chỉ đạo, phối hợp triển khai thực hiện khá nghiêm túc. Ở những nơi có sự lãnh đạo chặt chẽ, phối hợp triển khai đồng bộ đều đạt kết quả tốt. Nhận thức của cấp ủy Đảng, chính quyền, của cán bộ, đảng

viên và quần chúng nhân dân được nâng lên. Phương thức lãnh đạo của Đảng, sự quản lý điều hành của chính quyền các cấp, nhất là ở cấp cơ sở đã được chấn chỉnh. Quyền làm chủ của nhân dân đã được tôn trọng và phát huy tốt hơn trước. Ở nhiều nơi nhân dân đã chủ động góp công sức, trí tuệ cùng chính quyền địa phương giải quyết tốt những khó khăn, vướng mắc để xây dựng phát triển kinh tế - xã hội. Nhiều đơn vị yếu kém đã vươn lên trở thành đơn vị khá, có tình hình kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng ổn định. Tình trạng trông chờ ỷ lại vào sự bao cấp của Nhà nước đã giảm hẳn. Chúng ta có thể chỉ ra được nhiều thôn, buôn, khu phố, xã, phường như vậy.

Từ thực tế chỉ đạo và những kết quả đã đạt được chúng ta có thể khẳng định chủ trương xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở của Đảng và Nhà nước là hoàn toàn đúng đắn, phù hợp với xu thế phát triển của xã hội, đáp ứng yêu cầu, nguyện vọng của đại đa số quần chúng nhân dân, được nhân dân đồng tình hưởng ứng. Quy chế dân chủ đã thực sự đi vào cuộc sống, tác động tích cực đến tất cả các lĩnh vực đời sống, kinh tế - xã hội ở cơ sở.

Tuy vậy, việc chỉ đạo, xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở còn bộc lộ một số mặt tồn tại thiếu sót như sau:

- Việc chỉ đạo triển khai thực hiện Quy chế dân chủ chưa được tiến hành một cách đồng bộ giữa các địa phương, các ngành, các cấp. Vì vậy chưa tạo ra được sự tác động thúc đẩy lẫn nhau cùng phát triển.

- Trình độ năng lực và nhận thức của một bộ phận cán bộ, đảng viên về chủ trương xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở chưa sâu, nên việc triển khai thực hiện còn lúng túng, hiệu quả chưa cao, thậm chí có nơi còn nặng về hình thức.

- Sự tham gia của các tổ chức đoàn thể chính trị, các hội

Dân vận Lâm Đồng làm theo lời Bác

quần chúng vào quá trình chuẩn bị, xây dựng và triển khai thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở từ tỉnh đến cơ sở chưa nhiều.

- Việc tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn và tạo điều kiện của cấp trên ở một số nơi còn thiếu cụ thể và chưa thiết thực. Nhiều đơn vị chưa gắn việc triển khai thực hiện Quy chế dân chủ với việc triển khai các công tác khác nên hiệu quả chưa cao.

Để phát huy kết quả đạt được và khắc phục những khuyết điểm, tồn tại vừa qua, thời gian tới cần tập trung làm tốt các công việc sau:

Tiếp tục quán triệt sâu sắc quan điểm, tư tưởng dân tộc của Bác Hồ; bài báo “Nhớ ngày 15 tháng 10” của Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu; Chỉ thị 30CT/TW của Bộ Chính trị và mới đây là Chỉ thị 18/2000/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ cho các cấp, các ngành, mọi cán bộ, đảng viên để nâng cao hơn nữa nhận thức trách nhiệm đối với dân và công tác dân vận. Đồng thời tập trung công tác chỉ đạo các ngành, các cấp tích cực triển khai thực hiện tốt những mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra trong kế hoạch triển khai của Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Gắn việc xây dựng, thực hiện Quy chế dân chủ với công tác xây dựng, phát triển kinh tế và cải cách hành chính, tiến hành rà soát chức năng, nhiệm vụ, sắp xếp tổ chức bộ máy và tinh giản biên chế. Đảm bảo từng bước phát huy đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, năng lực quản lý điều hành của chính quyền cơ sở, vai trò của Mặt trận và các tổ chức đoàn thể, đảm bảo tổ chức thực hiện thắng lợi mọi chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước ở từng đơn vị, tạo động lực thúc đẩy nhanh công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở địa phương.

Kiến toàn tổ chức và cán bộ của các Ban chỉ đạo thực

hiện quy chế dân chủ ở các cấp, theo tinh thần Thông báo số 304-TB/TW ngày 22/6/2000 của Bộ Chính trị. Lựa chọn cán bộ có đủ trình độ, năng lực và nhiệt tình bổ sung vào Ban chỉ đạo đảm bảo các cấp đủ sức chỉ đạo triển khai công việc có hiệu quả.

Tập trung chỉ đạo các ngành, các cấp tiếp tục tổ chức cho cán bộ, đảng viên, công nhân viên chức - lao động và nhân dân học tập, quán triệt sâu sắc quan điểm chỉ đạo của Đảng và các văn bản, tài liệu hướng dẫn thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, kết hợp với đẩy mạnh việc phổ biến tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng, đảm bảo cho các đối tượng nhân dân có nhận thức đầy đủ và sâu sắc về quyền lợi, nghĩa vụ trong các quan hệ với cơ quan Nhà nước, với tổ chức đoàn thể và với địa bàn dân cư...

Khẩn trương chỉ đạo các cơ sở xây dựng ban hành quy chế thực hiện dân chủ ở đơn vị, tiếp tục xây dựng, rà soát, bổ sung và hoàn chỉnh các quy ước, nội quy, quy chế đã xây dựng trước đây gắn với việc đẩy mạnh công tác cải cách hành chính và với cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Đưa công tác thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở thành nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể.

Tập trung sức giải quyết những vấn đề nổi cộm, những cơ sở có vấn đề khiếu kiện, nội bộ mất đoàn kết. Có kế hoạch vận động nhân dân đóng góp ý kiến xây dựng các dự thảo văn kiện đại hội Đảng các cấp và phê bình cán bộ, đảng viên, tổ chức Đảng nhằm phát huy quyền dân chủ của nhân dân tham gia xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng chính quyền trong sạch vững mạnh.

Tiếp tục chỉ đạo triển khai để rút kinh nghiệm về một số vấn đề quan trọng và còn mới mẻ trong nội dung thực hiện

Quy chế dân chủ ở cơ sở, như việc bầu trưởng, phó thôn, buôn, khu phố; việc xây dựng quy ước, hương ước cộng đồng dân cư thôn buôn, khu phố; việc mời đại diện cử tri tham dự họp Hội đồng nhân dân phường, xã.

Tăng cường hướng dẫn, giúp đỡ của các ngành chức năng quản lý cấp trên đối với cơ sở, trước hết là đối với một số ngành và một số nội dung có liên quan trực tiếp đến việc tổ chức quản lý hoạt động các cơ sở như: các tổ chức đoàn thể nhân dân (hướng dẫn quy trình, thủ tục, nội dung, thời gian tiến hành đại hội công nhân viên chức, tổ chức, nội dung, phương pháp hoạt động của Ban thanh tra nhân dân; nội dung, phương thức hoạt động của các tổ chức đoàn thể trong việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân theo quy chế thực hiện dân chủ).

Tập trung sức xây dựng, củng cố tổ chức và hoạt động, từng bước nâng cao vai trò Mặt trận và các đoàn thể quần chúng, nhất là ở cơ sở trong quá trình triển khai thực hiện Quy chế dân chủ, đảm bảo là tổ chức đại diện cho quyền làm chủ của nhân dân ở cơ sở trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Thường xuyên tiến hành công tác kiểm tra, giám sát, đề cao trách nhiệm kiểm tra của tổ chức Đảng, của cơ quan cấp trên đối với cấp dưới. Định kỳ tiến hành sơ - tổng kết việc chỉ đạo triển khai thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở để rút kinh nghiệm, kịp thời uốn nắn những sai lệch trong tổ chức thực hiện, đảm bảo cho chủ trương xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở được thực hiện một cách hiệu quả trên thực tế. ■

Suy nghĩ về tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về dân (*)

PGS.TS LÊ CHÍ DŨNG

(Trưởng khoa Ngữ văn - Trường Đại học Đà Lạt)

Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân đã được nhiều tác giả nghiên cứu và đề cập qua nhiều công trình nghiên cứu khác nhau. Ở đây, chúng tôi xin nêu một vài suy nghĩ bước đầu về tư tưởng của Người về dân trong mối liên hệ với tư tưởng ấy ở phương Đông và ở Việt Nam trong lịch sử.

I. Suy nghĩ về tư tưởng về dân ở phương Đông và ở Việt Nam trong lịch sử.

1. “Dân là nước, chở thuyền là nước, lật thuyền cũng là nước” (Khổng Tử). “Dân là quý, xã tắc là thứ hai, vua là thường” (Mạnh Tử). Đánh giá dân như vậy, Khổng Tử chủ trương đức trị, thương người, từ hiếu với cha mẹ, để với anh em trong gia đình, ứng xử cẩn trọng và gìn giữ chữ tín, mà yêu rộng ra hết thấy mọi người trong thiên hạ; Mạnh Tử cảnh báo với vua chúa: “Nếu vua coi thần dân là giặc, thù, thì thần dân cũng sẽ xem vua là cỏ rác”. Những khuyến cáo ấy của các nhà hiền

triết, trong mức độ này hay mức độ khác, được những nhà cầm quyền sáng suốt tiếp thụ và đưa vào cuộc sống: họ chủ trương tranh thủ lòng dân, thân dân, an ủi vỗ về dân, với mong muốn “đáp thiên mệnh”, “thỏa dân vọng”, xã tắc vững bền, dân an cư lạc nghiệp trong cảnh thái bình. Trong lịch sử phương Đông, từng có những ông vua vi hành để tìm hiểu dân phong, dân tục, xem xét đời sống và nguyện vọng của dân, trừng trị tại chỗ bọn tham quan, ô lại làm hại dân; từng có những vị “dân chi phụ mẫu” dâng biểu mô tả tỉ mỉ tình cảnh khốn khó của dân lên nhà vua, mong nhà vua khoan sức cho dân. Vào đời Tống, nhà nho Phạm Trọng Yêm - nhà nho trở thành biểu tượng đạo đức của các nhà nho ở bốn nước đồng văn Trung Quốc, Triều Tiên, Nhật Bản, Việt Nam - tâm niệm: “Tiên thiên hạ chi ưu nhi ưu, hậu thiên hạ chi lạc nhi lạc”. Nếu vua chúa và quan lại ở một nước có thái độ như vậy trước dân, thì hẳn là cảnh tượng “phú quốc, cường binh” xã tắc vững bền, nhân dân no ấm không còn là chuyện mơ ước. Và, mơ ước lớn suốt đời của người trí thức chân chính thời trung đại là hoài bão “trí quân, trạch dân” giúp vua trở thành vua Nghiêu, vua Thuấn; làm ơn cho dân để dân trở thành dân của thời vua Nghiêu, vua Thuấn...

2. Ở Việt Nam thời trung đại, những tư tưởng nói trên được thấm sâu và nâng cao ở những ông vua sáng suốt, ở những người trí thức yêu nước, thương dân. Nhà vua - nhà sư Trần Thái Tông nói: “Phàm đã làm vua thiên hạ, phải lấy ý muốn của thiên hạ làm ý muốn của mình, phải lấy tấm lòng của thiên hạ làm tấm lòng của mình”. Nhà vua - thi nhân Trần Minh Tông viết: “Sinh dân nhất thị ngã bào đồng, Tứ hải hà tâm sử khốn cùng” (Hết thấy trăm họ là đồng bào ta. Nỡ lòng nào để cho bốn bể phải khốn cùng). Vị tướng - người trí thức Trần Quốc Tuấn khi sắp mất đã trời trăng lại là phải: “Làm thế nào thu hút binh lính như cha con một nhà” thì mới có thể chiến thắng giặc ngoại xâm

được và lại phải “khoan sức cho dân để làm cái kế sâu rễ bền gốc. Đó là thượng sách giữ nước, không còn gì hơn”. Ở một thời đại mà nhà cầm quyền sáng suốt như thế; những người trí thức biết phát hiện quy luật vận động của cuộc sống như thế, thì ở thời đại ấy hẳn nhiên xuất hiện thiên thời, địa lợi, nhân hòa - mà điều quyết định hàng đầu là nhân hòa - đó là những điều kiện cần và đủ để “phú quốc, cường binh” và đánh bại giặc ngoại xâm.

Các vua nhà Trần và trí thức, quân và dân nhà Trần ba lần chiến thắng quân xâm lược Nguyên Mông - kẻ thù lớn nhất của loài người lúc bấy giờ. Nhà Hồ để đất nước rơi vào tay giặc Minh xâm lược không phải thiếu tinh thần cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu, không phải không có quân đông và được trang bị tốt, không phải thiếu các tướng dũng lược, mà vì “chính sự phiền hà”, lòng dân không theo.

Cuộc khởi nghĩa của Lê Lợi chống quân Minh đô hộ đã thu hút được sức mạnh và tài trí của toàn dân, kể cả những người đi ở tở; trong hàng ngũ của nghĩa quân, tướng và binh đông lòng như cha con. Nước Đại Việt đã được giải phóng. Bên cạnh người anh hùng dân tộc Lê Lợi nổi bật lên nhà tư tưởng vĩ đại Nguyễn Trãi với những suy nghĩ thấm sâu lòng yêu nước, thương dân: “Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân, quân điếu phạt trước lo trừ bạo”; ông đánh giá cao sức mạnh của nhân dân: “Lật thuyền mới biết sức dân mạnh như nước”, rằng những công trình to lớn của đất nước đều do sức dân làm nên; ông chân thành biết ơn nhân dân, ông làm quan là để đền ơn vua và cũng là để đáp lại ơn dân: “Ăn lộc đền ơn kẻ cấy cày”. Hoài bão của Nguyễn Trãi - tập đại thành những ước nguyện của các nhà nho thời trung đại: xây dựng một quốc gia, ở đó vua là vua Nghiêu, vua Thuấn, dân được sống như dân của thời vua Nghiêu, vua Thuấn; xây dựng một quốc gia mà ở những nơi thôn cùng xóm vắng không có tiếng

oán sâu của dân.

3. Các quốc gia phong kiến Trung Quốc, Nhật Bản, Triều Tiên, Việt Nam đã trải qua những thời kỳ thịnh trị. Nhưng thái độ sáng suốt coi trọng sức mạnh của dân, khoan sức cho dân không phải là bản chất của vua chúa - những kẻ vẫn nghĩ rằng ngai vàng của chúng, sự thống trị của chúng chỉ phụ thuộc vào “thiên mệnh”, đất đai trong thiên hạ là đất đai của chúng. “Tiên ưu, hậu lạc” và “ăn lộc đền ơn kẻ cấy cày” chỉ là “độc thiện kỳ thân”, “độc thiện kỳ hành” trong hàng ngũ trí thức nho sĩ. Những quốc gia phong kiến ấy không tránh được nội loạn, trong đó có những cuộc nông dân khởi nghĩa, là một trong nhiều nguyên nhân làm cho chúng suy yếu dần. Không chịu nổi sự áp bức, bóc lột hà khắc của phong kiến, địa chủ, nông dân đã vùng lên khởi nghĩa vũ trang; trong tình huống ấy nhiều trí thức nho sĩ thương dân, thức thời đã lãnh sứ mạng đứng đầu những cuộc dấy nghĩa ấy với lá cờ “thế thiên hành đạo”, quyết tâm đập đổ hôn quân bạo chúa, đem lại thái bình và an cư lạc nghiệp cho dân... Vào nửa cuối thế kỷ XIX, những quốc gia phong kiến ấy, trừ Nhật Bản, đã thất bại trước tàu to, súng lớn của chủ nghĩa tư bản, mặc dù nhân dân ở những nước ấy có thừa lòng dũng cảm. Ở Việt Nam trong hoàn cảnh nước sôi, lửa bỏng đó, những “người mang hơi đội nón” (soa lạp nhân), những người “dân ấp, dân lân” đã đứng lên, tự động tự nhiệm cứu nhà, cứu nước, bất chấp triều đình Huế dâng thành, cắt đất cho giặc Pháp và ngăn cản nhân dân chống bọn xâm lược. Nhiều trí thức nho sĩ đã cùng nhân dân dấy binh chiến đấu chống quân thù từ phương Tây đến. Quả thật, “súng giặc đất rền, lòng dân trời tỏ”, như Nguyễn Đình Chiểu đã viết.

4. Đầu thế kỷ XX, tân thư (sách, báo mới bằng tiếng Trung Quốc giới thiệu văn minh phương Tây, cuộc duy tân ở Nhật Bản và tư tưởng của những nhà cải cách Trung Quốc) đã thay đổi tư duy của trí thức nho sĩ Việt Nam, đem lại cho họ một tầm mắt

“doanh hoàn” nhìn rộng toàn cầu, một quan điểm cạnh tranh sinh tồn để quan sát xã hội, gợi ý cho họ một đường lối cứu nước mới lấy dân làm động lực. Các nhà nho yêu nước và duy tân ấy đã tách dân và nước ra khỏi vua; coi việc để mất nước là thuộc về trách nhiệm của dân, do đó cứu nước, hiển nhiên, là nghĩa vụ của dân. Phan Bội Châu quả quyết: “Sông phía Bắc bể phía Đông; Nếu không dân cũng là không có gì”. Phan Châu Trinh trong thư gửi cho Nguyễn Ái Quốc năm 1922 khẳng định ý đồ của ông là “cùng với nhân dân, chí sĩ ba kỳ thức tỉnh nhân tâm, hợp quần, hợp xã, khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh, ai nấy thấu rõ ngọn nguồn, đồng tay sao mà chẳng vỡ nên bộp”. Ở đây có thể nhấn mạnh rằng Phan Bội Châu quan niệm công cuộc cứu nước gồm nhiều việc lớn, nhỏ khác nhau, phải được toàn dân tham gia, tùy tài tùy sức mới đi tới thành công. Phan Bội Châu kêu gọi mười hạng người: phú hào, quan tước thế gia, lính tập, đồng bào theo Thiên chúa giáo, côn đồ nghịch tử, nhi nữ anh thư, bếp bồi thông kỹ, cù gia đệ tử, sĩ và du học sinh - đồng tâm để cứu nước. Trong sự nghiệp ấy, có thể có cá nhân anh hùng, có thể có cả nhà đều anh hùng, cả làng đều anh hùng, cả nước đều anh hùng. Phong trào yêu nước và duy tân đầu thế kỷ XX nói chung, Phan Bội Châu nói riêng đã không đi tới thành công trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, nhưng đã chuẩn bị nền móng cho tư tưởng “đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết” của Chủ tịch Hồ Chí Minh và của Đảng Cộng sản Việt Nam.

II. Suy nghĩ về tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về dân

1. Trong *Đường cách mệnh* - một tác phẩm huấn luyện cán bộ cách mạng - Nguyễn Ái Quốc nhấn mạnh: “*Cách mệnh là việc chung của dân chúng, chứ không phải việc của một hai người*”. Trong cách mạng giai cấp công nhân chiếm vị trí trung tâm và đóng vai trò dẫn đạo. Nguyễn Ái Quốc đã kế thừa truyền thống tốt đẹp của tư tưởng về nhân dân trong lịch sử phương Đông và lịch sử Việt Nam; nhờ thấm nhuần một cách sáng tạo

chủ nghĩa Mác - Lênin và hoạt động thực tiễn trong phong trào công nhân và cộng sản quốc tế, Người đã nâng cao được tư tưởng đó. Trong *Đường Kách mệnh*, Nguyễn Ái Quốc nhận rõ những hạn chế về lịch sử và về giai cấp của cách mạng dân chủ tư sản, chẳng hạn Cách mạng Mỹ 1776 và Cách mạng Pháp 1789 – “*hai cuộc cách mạng không đến nơi*”. Vào thời điểm tiền Cách mạng tháng 8- 1945, Người đã diễn thành thơ tư tưởng đoàn kết dân tộc để nhân dân hiểu, nhớ, thuộc nằm lòng và làm theo:

*Hòn đá to, Hòn đá nặng
Một người nhắc, Nhắc không dặng
Hòn đá to, Hòn đá nặng,
Nhiều người nhắc, Nhắc phải dặng.*

Đoàn kết dân tộc là một trong những nguyên nhân không thể thiếu đưa đến thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám 1945, lật đổ ách thống trị của thực dân Pháp ngót trăm năm, chấm dứt sự áp bức, bóc lột của chế độ phong kiến ngót ngàn năm, lập ra nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á. Cuộc cách mạng ấy đã đưa nhân dân lên làm chủ đất nước, đưa Đảng Cộng sản Việt Nam lên vị trí đảng cầm quyền. Đó là sợi chỉ đỏ xuyên suốt lịch sử dân tộc Việt Nam từ ấy đến hôm nay.

2. Chính trong điều kiện như vậy, Chủ tịch Hồ Chí Minh - vừa là lãnh tụ tối cao của dân tộc Việt Nam, vừa là lãnh tụ tối cao của Đảng Cộng sản Việt Nam – nhấn mạnh “*quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân*” (Dân vận, 1949); “*Đảng ta là một đảng cầm quyền... Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân*” (Di chúc, 1969). Tư tưởng “*đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; thành công, thành công, đại thành công*” của Người được phát biểu chính trong điều kiện đó. Và, chính từ việc nhân dân coi sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc là sự nghiệp của mình, “*đảng viên đi trước, làng nước theo sau*” mà sức mạnh của dân tộc Việt Nam đã được nhân lên một cách phi thường, sức mạnh

đó nhận được sự giúp đỡ và ủng hộ to lớn về tinh thần và vật chất của thế giới. Thấy rõ sức mạnh đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định trong *Di chúc* của Người, rằng nước ta sẽ có vinh dự là một nước nhỏ mà đã đánh thắng hai đế quốc to - là Pháp và Mỹ, rằng sau khi thắng giặc Mỹ nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước ta “*đàng hoàng hơn, to đẹp hơn*”.

3. Lúc sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh từng “*vi hành*” để xem xét tình hình những nhiều nhân dân của những “*ông quan bà quan, ông lại bà lại cách mạng*”. Đó là sự kế thừa và nâng cao truyền thống vi hành (incognito) của vua chúa ngày xưa muốn tự mình tìm hiểu dân tình, không tin vào những tờ biểu, tờ tấu của quần thần và quan lại. Trong *Di chúc* của Người, Chủ tịch Hồ Chí Minh dặn Đảng và Chính phủ cần miễn thuế nông nghiệp cho nông dân mấy năm sau khi đất nước đã thắng giặc Mỹ. Đây cũng là sự kế thừa và nâng cao truyền thống khoan sức cho dân của những triều đại sáng suốt, thân dân trong thời trung đại và điều mà Chủ tịch Hồ Chí Minh muốn thực hiện là : “*Bao nhiêu lợi ích đều vì dân*” (Dân vận). Trong thời trung đại, người ta cũng nói quan là “*dân chi phụ mẫu*” (cha mẹ dân), là “*công bộc*” (đầy tớ công) của dân; không phải lúc bấy giờ không có những ông quan cố gắng xứng đáng với những danh hiệu ấy, nhưng đó chỉ là những giọt nước trong biển lớn. Trong thời đại của Người, Chủ tịch Hồ Chí Minh đòi hỏi người cán bộ cách mạng “*phải tìm mọi cách giải thích cho mỗi một người dân hiểu rõ rằng: việc đó là lợi ích cho họ và nhiệm vụ của họ. họ phải hăng hái làm cho kỳ được*”; “*bất cứ việc gì đều phải bàn bạc với dân, hỏi ý kiến và kinh nghiệm của dân, cùng với dân đặt kế hoạch cho thiết thực với hoàn cảnh địa phương, rồi động viên và tổ chức toàn dân ra thi hành. Trong lúc thi hành phải theo dõi, giúp đỡ, đôn đốc, khuyến khích dân*” (Dân vận). Trong thời trung đại, trung, hiếu là hai đức mục hàng đầu của hệ thống đạo đức. Trong thời đại mới Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: “*Trung với Đảng, hiếu với dân...*”,

Ở đây, Người giữ lại cái “*hạt nhân hợp lý*” của lòng trung hiếu, vì nó người ta có thể hy sinh cả mạng sống và cấp cho nó một nội dung sâu rộng, cách mạng và hiện đại.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khắc phục triệt để những hạn chế trong tư tưởng về dân của người xưa, giải phóng tư tưởng ấy ra khỏi quan niệm “*mệnh trời*” về ngôi vị của nhà cầm quyền, ra khỏi tiên nghiệm, ra khỏi lòng tốt của những cá nhân thương dân, nhưng đứng trên dân và ngoài dân.

Chủ tịch Hồ Chí Minh thực hiện sự kế thừa có phê phán đó dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin và thực tiễn cách mạng Việt Nam.

4. Tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về dân đã thấm sâu vào cán bộ, đảng viên của Đảng Cộng sản Việt Nam, đã trở thành suy nghĩ và hoạt động thực tiễn của Đảng ta, của nhân dân ta. Đó là di sản sống của chúng ta và nó ảnh hưởng tích cực vào văn hóa ứng xử của nhân loại, vào chủ nghĩa nhân đạo của loài người.

5. Chủ tịch Hồ Chí Minh dạy: “*Dân vận là vận động tất cả lực lượng của mỗi một người dân không để sót một người dân nào, góp thành lực lượng toàn dân, để thực hành những công việc nên làm, những công việc Chính phủ và đoàn thể đã giao cho*”. Dân vận là một hệ thống bao gồm công nhân vận, nông dân vận, trí thức vận, quân nhân vận, phụ nữ vận, thanh niên vận, thiếu niên nhi đồng vận, phụ lão vận... Tuy nhiên, theo chúng tôi, cần và có thể coi công nhân vận, trí thức vận, nông dân vận, thanh niên vận, vận động lực lượng vũ trang là những trọng tâm hàng đầu trong hệ thống dân vận ấy, để đảm bảo sự an toàn và sự thành công cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập đất nước vào khu vực và vào thế giới ngày nay...

(*) Bài tham luận tại Hội thảo
tư tưởng dân vận của Bác Hồ, 10/1999

Tư tưởng dân vận của Chủ tịch Hồ Chí Minh, bài học sâu sắc trong xây dựng mối quan hệ máu thịt “Quân với dân một ý chí” (*)

Thiếu tướng LÊ NGỌC SANH
(Phó Giám đốc Học viện Lục quân)

Những người làm công tác Đảng, công tác chính trị trong quân đội đều coi bài báo “Dân vận” của Chủ tịch Hồ Chí Minh đăng trên báo Sự Thật ngày 15 tháng 10 năm 1949 như một cương lĩnh về công tác dân vận. Bài báo ngắn gọn, nhưng chứa đựng nhiều giá trị lý luận cũng như hướng dẫn nhận thức và hành động, trở thành bài học sâu sắc trong xây dựng mối quan hệ máu thịt “Quân với dân một ý chí”, nguồn sức mạnh to lớn trong xây dựng, trưởng thành, chiến đấu và chiến thắng của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Bài báo “Dân vận” của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đi vào cuộc sống của nhân dân ta tròn 50 năm. 50 năm qua cách mạng nước ta đã giành được những thành tựu quan trọng và

kỳ diệu. Một câu hỏi lớn đặt ra là: Vì sao Việt Nam một đất nước đất không rộng, người không đông, kinh tế nghèo nàn, có một đội quân mà lúc đầu kẻ địch chỉ coi là một nhóm nổi dậy có vũ trang lại đánh thắng Pháp, đánh thắng Mỹ là 2 tên đế quốc to, có tiềm lực kinh tế và quân sự mạnh, giành độc lập dân tộc, thống nhất đất nước, bảo vệ vững chắc vùng đất, vùng biển và vùng trời của Tổ quốc, bước vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa với tương lai tươi sáng: “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh”.

Một trong những nguyên nhân thắng lợi chính là Đảng ta đã phát huy được sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân, đã kết hợp nhuần nhuyễn sức mạnh của dân tộc và sức mạnh của thời đại, được nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới đồng tình và ủng hộ. Ngày nay, nhiệm vụ trung tâm của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta là tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước thì sức mạnh vô địch vẫn là khối đại đoàn kết toàn dân, vẫn là sự thống nhất ý Đảng - lòng dân, là Đảng tin dân, dân tin Đảng. Công tác dân vận phải được nâng lên tầm cao mới, tác động sâu rộng tới mỗi người, mỗi gia đình, mỗi địa phương và cả dân tộc; hết sức năng động, sáng tạo về nội dung, đa dạng về phương thức hoạt động và tổ chức để tạo ra nội lực to lớn vượt qua các nguy cơ, thách thức, tranh thủ thời cơ và thuận lợi, phấn đấu đạt tới mục tiêu của sự nghiệp cách mạng Xã hội chủ nghĩa.

Quân đội ta từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu; do đó, gắn bó máu thịt với nhân dân là một nguyên tắc trong xây dựng quân đội, là truyền thống, bản chất và là nguồn sức mạnh của quân đội ta. Cách đây 55 năm, tiền thân của quân đội ta được Đảng và Bác Hồ đặt tên: “Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân” với nhiệm vụ chính trị trọng hơn quân sự, lấy việc tuyên truyền, vận động nhân dân để xây dựng lực lượng vũ trang là chính, “vì cuộc kháng chiến

của ta là cuộc kháng chiến toàn dân cần phải động viên toàn dân, vũ trang toàn dân”. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, quân đội ta đã đoàn kết, gắn bó máu thịt với nhân dân, luôn xứng đáng là quân đội của dân, do dân và vì dân, “Trung với Đảng, hiếu với dân”. Đó là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa bản chất cách mạng và truyền thống tốt đẹp của Quân đội ta.

“Nước ta là nước dân chủ. Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân”, “Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân”. Do đó, trong lời thề thứ 9 của Quân đội ta nêu rõ: Khi tiếp xúc với dân làm đúng 3 điều nên:- Kính trọng dân, giúp đỡ dân, bảo vệ dân, và 3 điều răn:- Không lấy của dân, không dọa nạt dân, không quấy nhiễu dân để gây lòng tin cậy và yêu mến của nhân dân, thực hiện “Quân với dân một ý chí”.

Nhờ đó, hình ảnh “Anh bộ đội Cụ Hồ” luôn luôn là một biểu tượng đẹp đẽ trong lòng nhân dân ta, từ miền xuôi đến miền ngược, từ người già đến em nhỏ đều dành cho bộ đội một tình cảm “cá nước” đặc biệt, “đi dân nhớ, ở dân thương”, đùm bọc, che chở, hết lòng giúp đỡ về vật chất và tinh thần để quân đội ta làm tròn chức năng của một đội quân chiến đấu, một đội quân công tác và đội quân lao động sản xuất.

Có người đặt câu hỏi: Vì sao không gọi quân đội ta là quân đội Hoàng Gia Việt Nam, hay không gọi là Hồng quân Việt Nam mà lại gọi là Quân đội nhân dân Việt Nam? Câu trả lời đầy đủ nhất là vì: Quân đội ta từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu, gắn bó máu thịt quân dân là bản chất, truyền thống và là nguồn sức mạnh của quân đội ta, là nguyên tắc trong xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng.

Ngày nay, đất nước bước vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch đang

Dân vận Lâm Đồng làm theo lời Bác

thực hiện chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ hòng chống phá cách mạng Việt Nam, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta mà nòng cốt là lực lượng vũ trang nhân dân có nội dung và yêu cầu mới. Quân đội ta phải nhanh chóng xây dựng theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ và từng bước hiện đại. Dù trang bị hiện đại đến đâu, dù cán bộ chiến sĩ sống tập trung trong doanh trại theo yêu cầu chính quy, hiện đại... thì tư tưởng dân vận của Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn soi sáng nhận thức và tình cảm của cán bộ, chiến sĩ, một lòng, một dạ vì nhân dân phục vụ. “Tất cả vì dân, tất cả do dân, có dân là có tất cả. Dưới bầu trời, không có lực lượng nào mạnh hơn dân, không có gì cao cả hơn phục vụ dân”.

Thấm nhuần quan điểm về vai trò quyết định và sức mạnh vĩ đại của quần chúng nhân dân của Chủ tịch Hồ Chí Minh, 55 năm qua, công tác dân vận luôn được xác định là một chức năng quan trọng của quân đội ta. Chủ tịch Hồ Chí Minh giải thích: “Dân vận là gì? Dân vận là vận động tất cả lực lượng của mỗi một người dân, không để sót một người dân nào, góp thành lực lượng toàn dân, để thực hành những công việc nên làm, những công việc Chính phủ và đoàn thể đã giao cho”. Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định rõ trách nhiệm “Tất cả cán bộ chính quyền, tất cả cán bộ đoàn thể và tất cả hội viên của các tổ chức nhân dân (Liên Việt, Việt Minh...) đều phải phụ trách dân vận”. Như vậy, công tác vận động nhân dân không chỉ là việc của Đảng và các đoàn thể, mà chính là cơ quan Nhà nước, nhân viên Nhà nước, trong đó quân đội ta cũng phải coi trọng và làm tốt. Nghĩa là, công tác dân vận là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị nước ta.

Công tác dân vận là một nhiệm vụ cơ bản, gắn liền với quá trình xây dựng và trưởng thành của quân đội ta. Khi quân đội ta còn non yếu thì vận động nhân dân xây dựng lực

lượng, khi đã lớn mạnh thì tiếp tục vận động nhân dân “Toàn dân kháng chiến, toàn diện kháng chiến”. Khi đất nước tiến hành công cuộc đổi mới thì cùng với nhân dân thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

Chủ tịch Hồ Chí Minh thường căn dặn: “Anh em phải nhớ rằng: Mỗi người trong bộ đội phải là một người tuyên truyền... Một quân đội văn hay, võ giỏi, là một quân đội vô địch”. Người nói tiếp: “Bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và du kích không nên chỉ biết đánh. Biết đánh là cái tốt, nhưng chỉ biết đánh mà coi nhẹ chính trị, kinh tế, tuyên truyền giáo dục nhân dân, tức là chỉ biết có một mặt, vì đánh không thể tách rời được với chính trị và kinh tế”.

Mang trong mình bản chất giai cấp công nhân, quân đội ta là lực lượng chính trị tin cậy của Đảng, được tổ chức chặt chẽ, có kỷ luật nghiêm, được giáo dục, giác ngộ, không chỉ hăng hái giết giặc lập công, mà còn hăng hái giúp đỡ nhân dân, bảo vệ dân, làm chỗ dựa cho dân. Cán bộ, chiến sĩ quân đội ta luôn ghi nhớ lời Bác dạy: “Những người phụ trách dân vận cần phải óc nghĩ, mắt trông, tai nghe, chân đi, miệng nói, tay làm. Chứ không phải chỉ nói suông, chỉ ngồi viết mệnh lệnh. Họ phải thật thà nhúng tay vào việc”. Rõ ràng là, quan liêu, lười biếng, thiếu đức, thiếu tài, cá nhân chủ nghĩa thì không thể làm tốt công tác dân vận được, mà chỉ làm cho dân ghét, dân khinh mà thôi.

Lịch sử sinh thành của quân đội ta đã thể hiện rõ tư tưởng này của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Khi mới giành được chính quyền và trong cuộc kháng chiến chống Pháp, quân đội ta vừa chiến đấu, vừa tích cực cùng nhân dân chống giặc đói, giặc dốt, làm công tác bình địch vận, vừa kháng chiến, vừa kiến quốc làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ chấn động địa cầu. Trong cuộc kháng

chiến chống Mỹ, cứu nước, hàng vạn anh hùng, dũng sĩ đã nêu cao tinh thần chiến đấu, khéo vận động, tổ chức, nên ở đâu cán bộ, chiến sĩ cũng được nhân dân che chở, giúp đỡ để hoàn thành mọi nhiệm vụ. Ngược lại, những thắng lợi trên chiến trường lại hỗ trợ cho công tác đấu tranh chính trị, trong công tác binh, địch vận của nhân dân làm nên chiến thắng lịch sử 30/4/1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước. Trong nhiệm vụ quốc tế vẻ vang, quân đội ta luôn nêu cao tinh thần “Giúp bạn là tự giúp mình”, luôn đoàn kết với quân dân nước bạn, khắc phục mọi gian khổ, hy sinh, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ mà Đảng và nhân dân giao phó, được nhân dân nước bạn tin yêu, mến phục.

Hiện nay, nhân dân ta đang đẩy mạnh công cuộc đổi mới, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh”, trong tình hình vừa có thời cơ, vận hội mới, vừa có những nguy cơ, thách thức không thể xem thường. Sự nghiệp xây dựng, củng cố quốc phòng an ninh, giữ vững độc lập, tự chủ đang đặt ra những yêu cầu mới, đòi hỏi quân đội ta phải làm tốt hơn nữa công tác dân vận, tăng cường tình đoàn kết quân dân, góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, đánh bại âm mưu chia rẽ quân đội với nhân dân của các thế lực thù địch, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong bất kỳ tình huống nào.

Làm được như thế, quân đội ta mới thực hiện được lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh:

“Quân tốt dân tốt,

Muôn sự đều nên”.

“Gốc có vững cây mới bền,

Xây lâu thắng lợi trên nền nhân dân”.

Là một nhà trường ra đời rất sớm, Học viện Lục quân đã có lịch sử 53 năm xây dựng và trưởng thành, với 8 lần thay đổi tên

gọi, 9 lần thay đổi địa điểm đóng quân. Dù ở đâu, Học viện cũng được Đảng, chính quyền và nhân dân địa phương tận tình giúp đỡ. Hơn 23 năm gắn bó với Đà Lạt - Lâm Đồng, nhờ làm tốt công tác dân vận, Học viện đã được Đảng, chính quyền và nhân dân các dân tộc Đà Lạt - Lâm Đồng dành cho tình cảm đặc biệt, tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất để Học viện phấn đấu hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ trên giao. Học viện Lục quân đã được Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc tỉnh Lâm Đồng tặng bức trướng ghi dòng chữ: “Đoàn kết keo sơn, nghĩa tình trọn vẹn”. Và đó cũng là nét son truyền thống vô cùng tự hào của cán bộ, giảng viên, học viên, công nhân viên quốc phòng, hạ sĩ quan - binh sĩ của Học viện Lục quân.

Làm theo lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong những năm qua, công tác dân vận của Học viện Lục quân luôn được Đảng ủy và Ban Giám đốc quan tâm lãnh đạo và chỉ đạo, tích cực triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 8B (khóa VI) và các nghị quyết của Đảng ủy Quân sự Trung ương về công tác vận động quần chúng trong tình hình mới, về quân đội tham gia giải quyết các vụ việc phức tạp trên địa bàn...

Kỷ niệm ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh viết bài báo “Dân vận” là dịp để cán bộ, giảng viên, học viên, công nhân viên quốc phòng, hạ sĩ quan - binh sĩ của Học viện tiếp tục học tập, quán triệt các quan điểm, tư tưởng dân vận của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đây cũng là dịp để mỗi cán bộ, đảng viên chúng ta xem xét lại mình đã hiểu và làm đúng những lời căn dặn của Bác về công tác dân vận chưa? Làm thế nào để dân vận khéo?... Đó là những tư tưởng lớn mang tính nhân văn và tính thời sự sâu sắc, vẫn giữ nguyên giá trị soi sáng, dẫn dắt chúng ta trong giai đoạn hiện nay và mai sau trong tiến trình phát triển của cách mạng.

(*) Bài tham luận tại Hội thảo
Tư tưởng dân vận của Bác Hồ, 10/1999.

Xây dựng tổ chức Mặt trận, đoàn thể vững mạnh - nội dung quan trọng trong cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng hiện nay (*)

NGUYỄN LAN

*(Ủy viên Thường vụ -
Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy)*

Củ tịch Hồ Chí Minh lúc sinh thời đã rất quan tâm đến công tác dân vận và cán bộ dân vận. Người khẳng định “Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng”, “Có lực lượng nhân dân thì việc khó mấy, to mấy cũng làm được”. Thực tiễn cách mạng Việt Nam, trong sự nghiệp kháng chiến và kiến quốc của thời đại Hồ Chí Minh đã chứng minh chân lý đó. Muốn công tác dân vận thành công thì việc xây dựng tổ chức, xây dựng đội ngũ cán bộ Mặt trận, đoàn thể vững mạnh giữ vị trí hết sức quan trọng.

VỀ TỔ CHỨC

Không lập ra tổ chức thừa hoặc thiếu, đổi mới hợp quy

luật. Bất kỳ cấp nào, đoàn thể nào cũng cần phải phân định rõ chức năng, nhiệm vụ một cách minh bạch. Với mục tiêu “Việc gì cũng vì lợi ích của nhân dân mà làm và chịu trách nhiệm trước nhân dân”. Không rõ chức năng, nhiệm vụ hoặc chồng chéo với tổ chức khác thì tổ chức ấy là thừa (không hợp quy luật) cần phải giải thể. Có tổ chức rồi thì phải xây dựng quy chế hoạt động và thực hiện quy chế ấy một cách hợp lý (chú ý cả mối quan hệ trong và ngoài hệ thống). Không có quy chế thì nhân viên đòi làm những việc của thủ trưởng, còn thủ trưởng chỉ làm những việc của nhân viên, cấp dưới đòi làm những việc của cấp trên và ngược lại...

VỀ XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ

Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Cán.bộ là cái gốc của mọi công việc”, “bất cứ chính sách, công tác gì nếu có cán bộ tốt thì thành công”. Công tác dân vận là một trong những công tác khó. Vì “Dân vận là vận động tất cả lực lượng của mỗi một người dân, không để sót một người dân nào, góp thành lực lượng toàn dân, để thực hành những công việc nên làm, những công việc Chính phủ và đoàn thể đã giao cho”. Công việc của nước ta hiện nay hết sức nặng nề, với hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh”, đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nói chung và đội ngũ cán bộ làm công tác dân vận nói riêng phải ra sức hoàn thành sứ mạng mà lịch sử giao phó. Làm thế nào để vận động, giải thích cho mỗi người dân hiểu rằng mục tiêu cao cả đó là lợi ích và nhiệm vụ của họ? Muốn làm được điều đó không ai khác ngoài đội ngũ cán bộ dân vận nói riêng và đội ngũ đảng viên, cán bộ, công chức nói chung cần phải quán triệt và thực hiện tốt lời dạy của Bác về công tác dân vận. Bác chỉ rõ: “Tất cả

cán bộ chính quyền, tất cả cán bộ đoàn thể và tất cả hội viên của các tổ chức nhân dân... đều phải phụ trách dân vận". Như vậy, công tác dân vận không phải chỉ là "sản riêng" của các đoàn thể, của Đảng hay một tổ chức nào, mà là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, gia đình, nhà trường và xã hội.

Để có đội ngũ cán bộ dân vận tốt, trách nhiệm trước hết thuộc về cấp ủy Đảng (đứng đầu là đồng chí bí thư, thủ trưởng đơn vị và cơ quan tham mưu). Đội ngũ cán bộ dân vận trước hết bao gồm: cán bộ của tổ chức Mặt trận, các đoàn thể, hội quần chúng... Sau đó, nói rộng ra là mọi đảng viên, cán bộ, công chức Nhà nước đều phải làm công tác dân vận.

Thực tiễn ở địa phương và nước ta thời gian qua đã ít nhiều mắc phải khuyết điểm mà cách đây 50 năm Bác Hồ đã cảnh báo: "Khuyết điểm to ở nhiều nơi là xem khinh việc dân vận. Cử ra một ban hoặc vài người, mà thường cử những cán bộ kém rồi bỏ mặc họ. Vận được thì tốt, vận không được cũng mặc. Những cán bộ khác không trông nom, giúp đỡ, tự cho mình không có trách nhiệm dân vận. Đó là sai lầm rất to, rất có hại". Khắc phục khuyết điểm đó, chúng ta phải sắp xếp lại hợp lý đội ngũ cán bộ dân vận hiện có phù hợp với sở trường, hoàn cảnh, môi trường... của từng cán bộ. Không ngừng đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ nhằm nâng cao năng lực và hiệu quả công tác của người cán bộ làm công tác vận động quần chúng. Người cán bộ làm công tác dân vận trong điều kiện cơ chế thị trường đang tác động tạo nên những biến đổi, làm xuất hiện nhiều vấn đề xã hội khá phức tạp. Do đó, đội ngũ cán bộ nói chung, những người làm công tác dân vận nói riêng, trước hết phải có bản lĩnh chính trị vững vàng, có cái tâm trong sáng, biết tin yêu nhân dân, biết hợp lực với đồng đội vì cái chung; phải sâu sát, gần bó với quần chúng để tuyên truyền, vận động quần chúng. Đồng thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng chính đáng của quần chúng để phản ánh với

Đảng, với Nhà nước kịp thời bổ sung, sửa đổi những chủ trương, chính sách chưa phù hợp. Tình trạng quan liêu bàn giấy của hệ thống chính trị hiện nay là một nguy cơ cần phải sớm khắc phục. Mặt khác, phải tuyển chọn, bổ sung và có chính sách thu hút cán bộ tăng cường cho các đoàn thể, Mặt trận các cấp. Đặc biệt, quan tâm ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng cán bộ dân vận cho cơ sở. Chính đội ngũ cán bộ cơ sở mới gần dân, sâu sát dân và hiểu dân nhất. Họ “là những người đem chính sách của Đảng và Chính phủ giải thích cho dân chúng hiểu rõ và thi hành. Đồng thời đem tình hình của dân chúng báo cáo cho Đảng, cho Chính phủ hiểu rõ, để đặt chính sách cho đúng,... cách xa dân chúng, không liên hệ chặt chẽ với dân chúng, cũng như đứng lơ lửng giữa trời, nhất định thất bại”.

Nhân dân ta có câu: “Đảng viên đi trước, làng nước theo sau” là yêu cầu tất yếu và rất bình thường trong đời sống chính trị, xã hội. Anh vận động tôi làm điều hay, việc thiện thì bản thân anh, gia đình anh hãy làm điều hay, việc thiện trước đã. Như vậy, muốn làm công tác dân vận thành công, thì ngoài việc thực hiện tốt quy chế hoạt động, đội ngũ cán bộ dân vận còn phải gương mẫu thực hiện tốt nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nói đi đôi với việc làm, kiên trì, nhẫn nại, hết lòng vì nhiệm vụ; chắc chắn sẽ chiếm được lòng tin yêu và sự ủng hộ nhiệt tình của quần chúng nhân dân. Đó là phần thưởng vô giá đối với những người làm công tác dân vận.

Trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và địa phương, Đảng biết cách lãnh đạo, chính quyền biết cách quản lý, các đoàn thể, Mặt trận biết cách vận động, khai thác, sử dụng trí tuệ của toàn dân một cách hiệu quả, thì mọi công việc từ lớn đến nhỏ, đặc biệt công việc xây dựng và chỉnh đốn Đảng nhất định thành công. Nhân dân Việt Nam

nhất định thực hiện được điều mong muốn cuối cùng của Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu: “Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”.

(*) *Bài tham luận tại Hội thảo
Tư tưởng dân vận của Bác Hồ. 10/1999.*

Vận dụng tư tưởng dân vận của Bác Hô vào việc đổi mới, nâng cao vai trò của chi bộ cơ sở đối với công tác dân vận hiện nay (*)

NGUYỄN THANH HIẾU

(Nguyên Phó Trưởng Ban Dân vận Tỉnh ủy)

Trong vài ba năm gần đây, theo sự chỉ đạo chung, phường 5 thành phố Đà Lạt đã tổ chức tổng kết công tác dân vận theo Nghị quyết 8B; qua đó, tạo được bước tiến bộ về nội dung và cách làm dân vận. Về nội dung, công tác dân vận hướng vào những vấn đề thiết thực của đời sống nhân dân như xóa đói giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa, công tác dân số, vệ sinh môi trường, nâng cấp một số con đường theo phương châm “nhân dân và Nhà nước cùng làm”, động viên nhân dân làm tốt nghĩa vụ công dân như nộp thuế, làm nghĩa vụ quân sự, hưởng ứng các cuộc vận động nhân đạo, từ thiện, tham gia phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, vận động cảm hóa một số đối tượng cần quản lý... Về phương thức hoạt động cũng từng bước được đổi mới; trước hết, Đảng bộ phường và chi bộ khu phố 1 đã tập trung xây dựng, củng cố tổ chức

Mặt trận và các đoàn thể quần chúng ở địa bàn dân cư bằng những việc làm thiết thực như phát triển hội viên, phát huy dân chủ trong sinh hoạt nội bộ, quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tình cảm của hội viên, đoàn viên. Thông qua đó, đẩy mạnh công tác vận động quần chúng tham gia các phong trào. Chi bộ 1 có 26 đảng viên, trừ vài ba đồng chí được miễn sinh hoạt và công tác, trừ một số đồng chí làm công tác Đảng, chính quyền, thì một nửa số đảng viên trong chi bộ trực tiếp làm công tác Mặt trận, đoàn thể ở phường, khu phố, tổ dân phố. Nhiều đồng chí tuy tuổi cao nhưng rất nhiệt tình và có trách nhiệm cao trong công tác, xứng đáng là tấm gương tốt, là hạt nhân lõi kéo số cán bộ ngoài Đảng cùng tham gia công tác. Số đảng viên khác tuy không trực tiếp tham gia Ban chấp hành, của các tổ chức quần chúng, nhưng cũng thường xuyên gắn bó với nhân dân, được nhân dân tín nhiệm.

Tuy nhiên, liên hệ với tư tưởng dân vận của Bác Hồ, công tác này ở cơ sở vẫn còn nhiều bất cập, cần được nghiêm túc xem xét rút kinh nghiệm, cải tiến để không ngừng nâng cao chất lượng hoạt động. Đảng bộ và không ít chi bộ, đảng viên vẫn còn “hiếu chưa thấu”, “làm chưa đúng”, thậm chí còn buông lỏng, quên lãng, xem nhẹ, xem thường, chưa có nghị quyết chuyên đề bàn sâu, chưa đeo bám thực hiện đến nơi đến chốn công tác dân vận. Mặt trận, các đoàn thể tuy có hình thành tổ chức ở khu phố và ở một số tổ dân phố, nhưng hoạt động không đều, không chặt chẽ, sinh hoạt chưa thành nền nếp; nội dung sinh hoạt còn nghèo nàn, thiếu tính hướng dẫn và giáo dục; chưa coi trọng đúng mức công tác bồi dưỡng nâng cao kiến thức, nhận thức của cán bộ, đoàn viên, hội viên các đoàn thể.

Trên cơ sở thực tiễn ở địa bàn dân cư, vận dụng tư tưởng và những nội dung súc tích và còn nóng bỏng tính thời sự

trong bài báo “Dân vận” của Bác Hồ và bài báo “Nhớ ngày 15 tháng 10” của đồng chí Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu, theo chúng tôi cần tiếp tục làm tốt hơn nữa một số việc sau đây:

1- Qua cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, sinh hoạt tự phê bình, phê bình lần này và kỷ niệm ngày Bác Hồ viết bài báo “Dân vận”, Đảng bộ phường và chi bộ cơ sở cần đi sâu kiểm điểm vai trò lãnh đạo toàn diện trên địa bàn dân cư, trong đó có lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ dân vận. Thông qua kết quả kiểm điểm, các tổ chức cơ sở Đảng có cơ sở để đổi mới và nâng cao hơn nữa vai trò lãnh đạo của Đảng về công tác dân vận tại các khu phố, xứng đáng là tổ chức hạt nhân lãnh đạo, là trung tâm gắn bó mật thiết với nhân dân tại chỗ. Cán bộ, đảng viên trong chi bộ phải thực sự phát huy tính tiên phong gương mẫu, tính giáo dục thuyết phục của mình trên mọi mặt, chấp hành nghiêm điều lệ Đảng và những quy định của Đảng (19 điều cấm...); tôn trọng và hành động theo pháp luật, giữ gìn đạo đức lối sống mẫu mực; có thái độ, tác phong ứng xử đúng mực trong các mối quan hệ cụ thể hàng ngày với nhân dân, nhất thiết không để nhân dân chê trách, nghi ngờ một điều gì dù nhỏ. Chi bộ có nghị quyết chuyên đề bàn về dân vận ở khu dân cư một cách cụ thể, thiết thực; phân công tổ Đảng phụ trách tổ dân phố, đảng viên phụ trách hộ dân cư. Chi bộ phải lấy kết quả công tác dân vận là một trong những tiêu chuẩn để nhận xét đánh giá đảng viên định kỳ trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của mình.

2- Nội dung chủ yếu trong hoạt động của tổ chức cơ sở Đảng ở khu dân cư là chăm lo lợi ích thiết thực của nhân dân. Vì vậy, chi bộ phải thường xuyên nắm chắc tình hình đời sống, tâm tư, nguyện vọng của nhân dân để có chủ trương, biện pháp giải quyết đúng đắn, kịp thời, đáp ứng yêu cầu chính đáng của dân. Đồng thời chi bộ cũng phản ánh đề nghị

lên trên những vấn đề vượt khả năng giải quyết của cơ sở.

Chi bộ, mà trước hết là chi ủy và đồng chí bí thư phải chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ chính quyền tại khu phố, tổ dân phố, tránh quan liêu, hành chính đơn thuần. Chi bộ phải thực sự lãnh đạo các đoàn thể, quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ cốt cán làm công tác Mặt trận, đoàn thể tại các khu dân cư. Cán bộ làm công tác dân vận phải nhiệt tình, có tâm huyết, chịu làm và biết làm việc, được quần chúng tin nhiệm.

3- Ai phụ trách dân vận? Trong bài báo “Dân vận”, Bác Hồ chỉ rõ trước hết là “tất cả cán bộ chính quyền”. Sở dĩ Bác xác định như vậy là vì cán bộ, nhân viên chính quyền có quan hệ trực tiếp đến dân, hàng ngày hàng giờ tiếp xúc với dân, hiểu từng hộ, từng người dân, hiểu rõ đặc điểm kinh tế - xã hội ở địa bàn, cho nên trước hết họ phải là những người biết vận động nhân dân thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước có hiệu quả nhất.

Muốn vậy, số cán bộ chính quyền này phải là những đại biểu thực thụ của dân, thực hiện quyền dân chủ đại diện của nhân dân. Họ phải nắm vững và thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, thường xuyên lắng nghe, tiếp thu những ý kiến chính đáng của nhân dân để phản ánh lên trên hoặc giải đáp kịp thời cho dân. Cải tiến các cuộc họp dân sao cho có chất lượng, thiết thực, bổ ích, đưa những sinh hoạt dân chủ này thành định kỳ, nề nếp, tạo điều kiện cho đông đảo nhân dân tham gia thảo luận, vừa góp ý xây dựng chính quyền địa phương, vừa biểu dương người tốt, việc tốt tại chỗ, vừa đấu tranh xây dựng nội bộ nhân dân.

4- Hệ thống chính trị ở cơ sở sẽ không vững mạnh nếu không chú ý xây dựng Mặt trận và các đoàn thể quần chúng vững mạnh. Vừa qua, thực trạng của các tổ chức này còn nặng hình thức, hoạt động chưa thực chất. Do đó, phải tiếp tục xây

dựng, kiện toàn hệ thống các tổ chức này không để “trắng” về tổ chức ở địa bàn dân cư; phải khéo lồng ghép về tổ chức, kiêm nhiệm về chức danh cán bộ để phù hợp với đặc điểm tình hình ở cơ sở. Phát huy hơn nữa vai trò đầu tàu gương mẫu của đảng viên, trong đó có lực lượng đáng kể là đảng viên hưu trí trong các tổ chức đoàn thể; tăng cường kèm cặp, bồi dưỡng, phát huy đội ngũ cán bộ trẻ, cán bộ đoàn thể ngoài Đảng; cố gắng chọn được những người nhiệt tình, hăng hái công tác, biết dành nhiều thì giờ, công sức cho công việc chung.

Nội dung hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể cần phong phú, hấp dẫn; ngoài việc đề cập những vấn đề chung về kinh tế - xã hội, cần phải hướng trọng tâm vào bàn và giải quyết những vấn đề thiết thực, bức xúc đối với hội viên, đoàn viên và các tầng lớp nhân dân; thường xuyên tuyên truyền, giải thích cho hội viên, đoàn viên hiểu được tình hình, nhiệm vụ, nắm được chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước để họ chấp hành thật tốt. Có kế hoạch tổ chức các chuyên đề thiết thực bồi dưỡng hội viên, đoàn viên; đặc biệt phải chăm lo giáo dục, kèm cặp thế hệ trẻ, nhất là số đoàn viên thanh niên, từ đó phát hiện đào tạo cán bộ trẻ, từng bước bố trí công việc thích hợp để họ có điều kiện trưởng thành.

* * *

Nửa thế kỷ đã qua, nhưng bài báo “Dân vận” của Bác Hồ vẫn còn sức sống mãnh liệt, tiếp tục soi sáng cho chúng ta nhiều vấn đề rất cơ bản, rất sâu sắc về quan điểm nhận thức, về nội dung công tác, về phương thức hoạt động, về hình thức tổ chức của sự nghiệp vận động quần chúng.

Thời gian qua, chúng ta đã làm được nhiều việc có sức thuyết phục về công tác dân vận, nhưng rõ ràng vẫn chưa nắm thật chắc mọi tầng lớp quần chúng, mọi lực lượng nhân

dân, chưa làm đúng tư tưởng dân vận của Bác Hồ.

Do vậy, kỷ niệm ngày bài báo “Dân vận” ra đời, là dịp tốt để chúng ta ôn, học lại, hiểu sâu hơn tư tưởng dân vận của Bác Hồ để làm tốt hơn nữa, đúng tầm hơn nữa công cuộc vận động nhân dân trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và trước mắt cũng là để làm tốt cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

(*) *Bài tham luận tại Hội thảo
Tư tưởng dân vận của Bác Hồ, 10/1999.*

Tình hình đội ngũ trí thức và công tác trí thức của Đảng (*)

PGS.TS PHẠM BÀ PHONG

(Giám đốc Sở Khoa học - Công nghệ - Môi trường)

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng. Đảng luôn luôn coi trọng đội ngũ trí thức. Nhờ có những chính sách của Đảng, nửa thế kỷ qua, đội ngũ trí thức nước ta phát triển rất nhanh và có những đóng góp xứng đáng vào công cuộc giải phóng dân tộc, cũng như trong sự nghiệp xây dựng đất nước.

Tính đến nay, cả nước có khoảng 4.000.000 lao động kỹ thuật, trong đó có 1.200.000 người có trình độ trung cấp; trên 800.000 người có trình độ đại học, cao đẳng; gần 10.000 tiến sĩ, phó tiến sĩ và thạc sĩ.

Trí thức người dân tộc thiểu số còn chiếm tỷ lệ quá nhỏ trong tổng số người có trình độ đại học, cao đẳng trong cả nước. Trong tổng số người có trình độ đại học, cao đẳng, nữ chiếm 38%, trình độ trên đại học, nữ chiếm 15%.

Số đông cán bộ có trình độ khoa học cao thường tập trung ở các cơ quan Trung ương và các thành phố lớn. Nhiều tỉnh, đặc biệt là trung du và miền núi, đồng bằng sông Cửu Long, Tây

Nguyên còn thiếu cán bộ khoa học, kỹ thuật một cách trầm trọng.

Ở Lâm Đồng có 6.580 lao động kỹ thuật có trình độ đại học, cao đẳng trở lên, trong đó nam chiếm 3.853 người (58,56%), nữ 2.727 người (41,44%).

Cũng như trong cả nước, ở địa phương việc phân bố lực lượng khoa học kỹ thuật chưa hợp lý giữa nông thôn và thành thị là một thực tế. Nông thôn Lâm Đồng chiếm 70% dân số nhưng chỉ có 22,1% cán bộ khoa học kỹ thuật, trong khi đó ở thành thị chỉ có 30% dân số thì chiếm 78,9%; nếu tính số cán bộ có trình độ đại học, cao đẳng trở lên thì tỷ lệ này còn cách biệt hơn; thành thị chiếm 86,8%, nông thôn chỉ có 13,2%.

Lực lượng trí thức khoa học và công nghệ địa phương là đội ngũ nòng cốt để thực hiện các chương trình nghiên cứu khoa học, các dự án phát triển do những yêu cầu đặt ra của nền kinh tế, đưa tiến bộ khoa học, kỹ thuật thích hợp vào nông nghiệp, nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc ít người, góp phần từng bước thực hiện công nghiệp hóa nông nghiệp và nông thôn theo tinh thần Nghị quyết 6 (lần 1) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII.

Cũng như trí thức cả nước, trí thức Lâm Đồng là những người giàu lòng yêu nước, gắn bó với Đảng và nhân dân, ham hiểu biết, nhạy bén với cái mới, có khả năng tiếp vận với trình độ tiên tiến của khoa học - công nghệ; cảm nhận rất rõ cái nhục của nghèo khổ và lạc hậu, mong muốn được tạo điều kiện để làm việc có hiệu quả, đóng góp vào việc phát triển kinh tế, văn hóa, khoa học, giáo dục...

Tuy nhiên trí thức cũng bộc lộ một số mặt yếu cần được khắc phục: ở chỗ này hay chỗ khác có những biểu hiện khó đoàn kết, khó hợp tác với đồng nghiệp; ở một số trí thức khi chuyển sang cơ chế kinh tế mới hiện nay, có sự hẫng hụt về kiến thức và

kỹ năng thực hành, trình độ ngoại ngữ còn yếu, hạn chế sự mở rộng giao lưu hợp tác quốc tế; thiếu kiến thức sâu ở nhiều lĩnh vực khoa học và công nghệ hiện đại; trước những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới, những khó khăn của nền kinh tế, một số tỏ ra hoang mang, dao động, giảm sút niềm tin vào Chủ nghĩa xã hội, một số ít lại mơ hồ về chính trị, phủ nhận thành tựu cách mạng, bài bác chủ nghĩa Mác-Lênin, có những biểu hiện tự do vô chính phủ, dân chủ cực đoan.

Đại đa số trí thức tin tưởng và phấn khởi trước những thành tựu của công cuộc đổi mới, có nhiều băn khoăn trước các hiện tượng sa sút về văn hóa, đạo đức, lối sống; lo lắng trước xu thế chạy theo lợi ích kinh tế đơn thuần, bất chấp đạo lý, truyền thống dân tộc; tỏ ra bất bình trước tệ nạn tham nhũng cũng như vi phạm trật tự kỷ cương xã hội... Tâm trạng chung của trí thức là thiết tha mong muốn được Đảng tin dùng và đối xử thật sự công bằng, dân chủ, tạo môi trường thuận lợi để họ có cơ hội tốt đóng góp nhiều nhất cho địa phương, đất nước.

Quan điểm của Đảng trước sau như một, coi trí thức là vốn quý của dân tộc, là lực lượng tiêu biểu cho trình độ trí tuệ của Đảng, của Nhà nước và của dân tộc; là bộ phận hợp thành của khối liên minh công nhân - nông dân - trí thức, nền tảng của khối đại đoàn kết toàn dân do Đảng lãnh đạo. Đảng coi lao động của trí thức là lao động trí óc, là loại lao động có khả năng tạo ra những giá trị rất to lớn, là một tài nguyên vô tận; và Đảng coi việc đầu tư xây dựng đội ngũ trí thức trong khoa học - công nghệ, giáo dục, đào tạo, văn hóa - văn nghệ là một trong những hướng chính của đầu tư phát triển.

Đến nay, ở ngưỡng cửa của thế kỷ XXI, xét về phương diện trình độ của lực lượng sản xuất là bước quá độ từ thời đại công nghiệp lên thời đại trí tuệ trên cơ sở dịch chuyển từ nền kinh tế công nghiệp truyền thống sang nền kinh tế dựa trên

tri thức - hay nói cách khác là nền kinh tế tri thức, trong đó tri thức và thông tin là nền tảng của sự phát triển.

Lịch sử cho thấy, ở thời nào cũng vậy, sự hưng vong của đất nước tùy thuộc phần lớn vào việc coi trọng và sử dụng tri thức như thế nào. Ngày nay, xây dựng đội ngũ tri thức lớn mạnh và đề cao vai trò của tri thức trong sự nghiệp cách mạng chính là để tăng cường khối liên minh công - nông - trí. Mặt khác, vai trò của tầng lớp tri thức được thể hiện thông qua sự liên minh chặt chẽ với các giai cấp công nhân và nông dân, do đó, càng được nhân lên gấp bội.

Cơ chế thị trường đặt ra những yêu cầu rất cao đối với lao động sáng tạo của tri thức, đòi hỏi tri thức phải gắn bó hơn với thực tiễn sản xuất và đời sống, phải chấp nhận sự cạnh tranh và sàng lọc qua thị trường. Song, như vậy không có nghĩa là thả nổi cho cơ chế thị trường điều tiết, sàng lọc. Nhiều lĩnh vực hoạt động của tri thức vẫn cần có sự tổ chức, quản lý và đầu tư của Nhà nước, không thể áp dụng cơ chế thị trường một cách đơn giản.

Để thực hiện các quan điểm của Đảng về công tác tri thức, cần tổ chức thực hiện tốt các chính sách và biện pháp Đảng đã nêu ra là:

* Tiếp tục thực hiện và quán triệt chính sách đại đoàn kết dân tộc của Đảng, tạo ra cơ chế thích hợp để tri thức có thể đóng góp sức mình cho sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội; gặp gỡ, đối thoại chân thành, cởi mở, với thái độ trân trọng, tin cậy và thực sự lắng nghe; củng cố và tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật để tổ chức này thực sự là mặt trận tập hợp, đoàn kết tri thức khoa học và công nghệ theo tinh thần của Chỉ thị 45-CT/TW của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII về đẩy mạnh hoạt động của Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam,

trong đó nhấn mạnh: “Liên hiệp hội là một tổ chức chính trị - xã hội của trí thức khoa học và công nghệ Việt Nam, cùng với các đoàn thể chính trị - xã hội khác tạo thành lực lượng nòng cốt trong công cuộc công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước”.

* Tạo môi trường và điều kiện cần thiết cho trí thức làm việc có hiệu quả: đổi mới cơ chế quản lý của các cơ quan khoa học và đào tạo để đảm bảo sử dụng và đãi ngộ trí thức theo cống hiến thực tế, chống bình quân; khuyến khích trí thức tiến thân bằng con đường đi sâu vào lĩnh vực chuyên môn của mình; tổ chức thực hiện tốt pháp lệnh bảo hộ quyền tác giả, bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp và chuyển giao công nghệ, coi đó là động lực quan trọng để phát huy sức sáng tạo của đội ngũ trí thức; cải tiến chế độ tiền lương đối với đội ngũ trí thức theo hướng đưa lương của cán bộ văn hóa, khoa học lên hàng ưu tiên.

* Tăng mức đầu tư và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước cho các lĩnh vực hoạt động của trí thức: xây dựng cơ sở hạ tầng cho khoa học và công nghệ, đầu tư ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ hàng năm theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII.

* Đẩy mạnh đào tạo và bồi dưỡng trí thức: cập nhật kiến thức, bồi dưỡng nâng cao trình độ đội ngũ trí thức hiện có trước hết là cán bộ lãnh đạo và quản lý các cấp, các ngành, cán bộ khoa học và công nghệ, có cơ chế tuyển chọn, sàng lọc thích hợp để thúc đẩy đội ngũ trí thức chủ động học tập, rèn luyện nâng cao kiến thức và năng lực của mình, mở rộng đào tạo trí thức dân tộc ít người, trí thức nữ. Cần đặc biệt quan tâm đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ trí thức về chính trị, tư tưởng và đạo đức, ý chí với những hình thức và nội dung đổi mới phù hợp.

(*) Bài tham luận tại Hội thảo
Tư tưởng dân vận của Bác Hồ, 10/1999.

Xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số ở Lâm Đồng theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong sự nghiệp đổi mới

NGUYỄN THỊ LAN

Chủ tịch Hồ Chí Minh rất coi trọng vai trò của đội ngũ cán bộ cách mạng. Người cho rằng: “Cán bộ là cái gốc của mọi công việc”, “Muôn việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém”. Những di sản tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về vấn đề cán bộ nói chung và cán bộ dân tộc thiểu số nói riêng là sự chỉ dẫn quý báu, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn cho việc định ra và thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta.

Đào tạo đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số theo Hồ Chí Minh là một yêu cầu của cách mạng Việt Nam. Người thường nhắc nhở: Việc huấn luyện cán bộ dân tộc thiểu số phải “Xuất phát từ nhiệt tình cách mạng, tình thương yêu chân thành đồng bào các dân tộc, từ tinh thần phục vụ đồng

bào các dân tộc". Nội dung huấn luyện phải rất cụ thể, thiết thực, phù hợp với trình độ nhận thức, trình độ phát triển kinh tế - xã hội của từng dân tộc, làm cho cán bộ dân tộc dễ nhớ, dễ hiểu và lãnh đạo được đồng bào dân tộc họ làm có hiệu quả. Phương pháp huấn luyện cán bộ dân tộc phải hết sức chú trọng lý luận gắn với thực tế, từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp.

Việc làm quan trọng và rất thiết thực đối với cán bộ dân tộc thiểu số mà Bác Hồ thường quan tâm là kèm cặp bồi dưỡng trong thực tế công tác. Bày vẽ hướng dẫn cho họ biết cách làm và làm được việc, chứ không bao biện làm thay. Cán bộ dân tộc thường có tính tự ti, mặc cảm, nên lại càng phải giúp đỡ để họ tự tin, vững tâm mà làm tốt công tác được giao. Bác thường khuyên bảo chúng ta về cách đối xử với cán bộ dân tộc thiểu số là phải đặc biệt chú ý phương pháp thuyết phục, không suy diễn, không đao to búa lớn, không truy chụp, phải có thái độ khoan dung, độ lượng và luôn biết khơi dậy ở họ những nhân tố tốt đẹp của mỗi con người. Trong quan hệ hàng ngày, kèm cặp trong công việc, phải luôn chú ý thận trọng và phát huy tính chân thật vốn có của người cán bộ dân tộc thiểu số.

Là một tỉnh có trên 30 dân tộc thiểu số, chiếm 23% dân số toàn tỉnh, trong 15 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể trong tỉnh luôn quan tâm đến việc đào tạo, bồi dưỡng và tăng cường đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt ở các vùng dân tộc thiểu số. Các địa phương, các cấp, các ngành chú trọng đưa cán bộ dân tộc đi học các trường chính trị, chuyên môn nghiệp vụ ở Trung ương và ở tỉnh. Chỉ tính từ năm 1991 đến năm 1995, Trường Chính trị của tỉnh đã đào tạo chương trình trung cấp lý luận chính trị cho 40 cán bộ, trung cấp hành chính Nhà nước cho 13 cán bộ, hệ bồi dưỡng 2-3 tháng cho 102 cán bộ và

hệ bồi dưỡng ngắn hạn cho 140 cán bộ.

Theo số liệu thống kê năm 1995, trong số cán bộ chủ chốt ở cơ sở toàn tỉnh, cán bộ người dân tộc thiểu số là Bí thư Đảng ủy ở cấp xã và tương đương chiếm 17,5%, Chủ tịch Ủy ban nhân dân là 22,8%, Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc 15,6%, Chủ tịch Hội Phụ nữ 13,26%, Bí thư Đoàn thanh niên 15%, Chủ tịch Hội Nông dân 13%, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh 16,5%, Trưởng Công an 19,7%, Xã đội trưởng 18%. Tỷ lệ trên tương đối hợp lý, phù hợp với cơ cấu dân cư trong tỉnh, nhưng còn một số chức danh như Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Nông dân, Mặt trận Tổ quốc tỷ lệ cán bộ chủ chốt còn thấp. Phần lớn cán bộ dân tộc thiểu số trưởng thành qua các phong trào nhờ nhiệt tình, hăng hái, xốc vác công việc nhưng chưa được đào tạo, bồi dưỡng qua trường lớp.

Trong 15 năm qua, bộ máy Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng vùng dân tộc đã từng bước phát huy tác dụng, là công cụ lãnh đạo, quản lý, điều hành, vận động nhân dân phát triển sản xuất, củng cố quốc phòng an ninh, thực hiện các chính sách xã hội ở cơ sở. Nhưng nhìn chung năng lực lãnh đạo, quản lý của bộ máy Đảng, chính quyền còn nhiều mặt hạn chế, các đoàn thể quần chúng chưa làm tốt vai trò vận động, tập hợp đoàn viên, hội viên.

Nguyên nhân của tồn tại trên là do cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp chưa thấy hết vị trí, vai trò chiến lược của vấn đề dân tộc và vấn đề cấp bách về xây dựng thực lực cách mạng vùng dân tộc. Tổ chức, nội dung, phương thức hoạt động của tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể chậm được đổi mới. Đội ngũ cán bộ thiếu ổn định, năng lực, trình độ hạn chế, đời sống khó khăn nên đã ảnh hưởng đến sự tích cực, năng nổ công tác, sâu sát gần bó với dân.

Hiện nay, đất nước ta đang chuyển sang thời kỳ đầy

mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nên công tác đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ nói chung, trong đó có đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số là yêu cầu vừa cấp bách, vừa cơ bản lâu dài. Đây là nội dung lớn của chính sách dân tộc, là vấn đề then chốt để thực hiện chính sách dân tộc của Đảng. Chúng ta có thể vận dụng các quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về công tác dân vận để xác định những tiêu chuẩn chung cho cán bộ dân tộc thiểu số.

Một là, phải có đạo đức cách mạng. Đây là một yêu cầu quan trọng, bởi vì đồng bào các dân tộc thiểu số hiểu và cảm nhận trực tiếp về Đảng, về chế độ xã hội chủ nghĩa thông qua người cán bộ cụ thể ở buôn, làng mình.

Hai là, phải tuyệt đối trung thành với lý tưởng cách mạng. Ở các địa bàn phức tạp, các thế lực thù địch luôn luôn tìm cách phá hoại, gây rối bằng nhiều hình thức khác nhau, kể cả hình thức mua chuộc cán bộ. Vì thế, tiêu chuẩn trung thành với cách mạng là điều cực kỳ thiết yếu ở người cán bộ dân tộc.

Ba là, phải có mối liên hệ mật thiết với nhân dân. Bằng hành động, người cán bộ phải gần dân, làm cho dân tin, dân yêu, dân phục, có uy tín cao để đưa đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước vào cuộc sống.

Bốn là, phải có trình độ, tri thức nhất định. Chủ tịch Hồ Chí Minh quan niệm: “dốt” là một trong ba loại “giặc” cần phải chống, trong công cuộc xây dựng đất nước, người cán bộ “không thể lãnh đạo chung chung được nữa”, “chỉ có nhiệt tình không thôi thì chưa đủ, còn phải có tri thức nữa”, có như vậy mới nhanh chóng đáp ứng được yêu cầu cách mạng.

Năm là, phải có năng lực lãnh đạo thích ứng với điều kiện nơi mình công tác. Đây là yêu cầu cực kỳ quan trọng hiện nay, khi Đảng và Nhà nước ta đang triển khai một loạt chính sách phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ở vùng dân tộc.

Sáu là, phải có phong cách công tác phù hợp với trình độ dân cư ở mỗi địa bàn, tránh bệnh chủ quan, quan liêu, chuộng hình thức, xa rời quần chúng.

Trên cơ sở những tiêu chuẩn trên đây, quá trình xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số cần lưu ý những vấn đề sau:

Thứ nhất, đánh giá đúng cán bộ. Có đánh giá đúng cán bộ mới có quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng và sắp xếp đúng. Việc đánh giá cán bộ đòi hỏi phải khách quan, dân chủ và lấy hiệu quả thực tế làm thước đo.

Thứ hai, bố trí đúng cán bộ. Chủ tịch Hồ Chí Minh quan niệm: “Người đời ai cũng có chỗ hay và chỗ dở”, “Phải biết tùy tài mà dùng người, dùng để xảy ra tình trạng thợ rèn thì bảo đi đóng tủ, thợ mộc thì bảo đi rèn dao, thành thử cả hai người đều lúng túng”. Đối với vùng dân tộc thiểu số cần chú ý cán bộ tại chỗ, người địa phương, đó là những người am hiểu sâu sắc địa bàn và dân cư.

Thứ ba, kết hợp giữa cán bộ lão thành và cán bộ trẻ. Cả hai loại cán bộ này đều có những ưu điểm, nhược điểm nên cần phải kết hợp, bổ sung cho nhau để phát huy ưu điểm, hạn chế khuyết điểm của họ trong quá trình lãnh đạo. Có thể vận động đưa già làng, trưởng thôn, buôn vào trong đội ngũ cán bộ của hệ thống chính trị cơ sở. Thực tế cho thấy, những người có uy tín trong từng dòng tộc, trưởng thôn, buôn cũng đồng thời là cán bộ của Đảng, chính quyền, Mặt trận đoàn thể thì phong trào ở địa phương hoạt động hiệu quả hơn.

Thứ tư, phải chú ý phát hiện nhân tài. Việc phát hiện nhân tài đi đôi với việc bồi dưỡng, đào tạo, thử thách, sàng lọc trong phong trào để cán bộ đó phát huy được tài năng.

Thứ năm, có chính sách đãi ngộ thỏa đáng về vật chất và

tinh thần nhất là đối với cán bộ chủ chốt. Việc thực hiện chính sách đãi ngộ cán bộ dân tộc thiểu số còn cần phải chú ý đến đặc điểm tình cảm, phong tục tập quán vốn có của từng dân tộc.

Công tác đào tạo cán bộ dân tộc thiểu số là một nhiệm vụ quan trọng nhưng còn nhiều khó khăn, phức tạp và lâu dài. Vì vậy, phải có quy hoạch, tạo nguồn, có chế độ, hình thức đào tạo thích hợp và quản lý, sử dụng tốt số cán bộ đã có. Đây là một quá trình khép kín từ các trường phổ thông, tiếp đó là lựa chọn đào tạo, bố trí công tác hợp lý, kèm cặp đào tạo tiếp để sử dụng cao hơn.

Xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số theo tư tưởng Hồ Chí Minh là một yêu cầu bức xúc để không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào, cùng cả nước thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.■

Tư tư tưởng về dân vận của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhìn lại công tác đào tạo bồi dưỡng lý luận chính trị ở Trường Chính trị Lâm Đồng (*)

Thạc sĩ VŨ VĂN NHỎ

(Hiệu trưởng Trường Chính trị Lâm Đồng)

Xuất thân từ nhân dân một nước bao đời chịu cảnh lầm than, nô lệ, Chủ tịch Hồ Chí Minh bao giờ cũng tôn thờ và thực hành đức gắn với đồng bào, tin tưởng, quý trọng nhân dân, thấy rõ sức mạnh vô cùng to lớn của nhân dân, Người nói: “Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân”.

Vượt trội các nhà yêu nước tiền bối, để thực hiện thắng lợi cách mạng, Người luôn nghĩ về “Sự nghiệp cách mạng là của quần chúng”. Vì vậy, Người là người Việt Nam đầu tiên dạy làm công tác vận động quần chúng theo kiểu mới, Người đã thực hành công tác vận động bằng khoa học, nghệ thuật ở trình độ cao nhất, Người nói: “Dân chủ là của quý báu nhất của nhân dân”, “nước ta là nước dân chủ, địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ”, “bao nhiêu lợi ích đều vì dân, bao nhiêu

quyền hạn đều của dân, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân”, “Nhân dân có quyền lợi làm chủ, thì phải có nghĩa vụ làm tròn bốn phận công dân...”. Rõ ràng, Người nói, Người viết, Người làm đều nổi lên tấm gương sáng chói đạo hiếu “Nước lấy dân làm gốc”, “Gốc có vững, cây mới bền, xây lầu thắng lợi trên nền nhân dân”. Đối với công tác dân vận, Chủ tịch Hồ Chí Minh làm trước khi nói, trước khi viết; đã nói, đã viết là phải làm... Trong câu kết luận bài báo “Dân vận”, Bác viết: “Lực lượng của dân rất to. Việc dân vận rất quan trọng. Dân vận kém thì việc gì cũng kém. Dân vận khéo thì việc gì cũng thành công”, đã nói lên ý nghĩa hết sức bao quát về công tác dân vận.

Chủ thể công tác dân vận là toàn dân. Đối tượng của dân vận cũng là toàn dân. Do đó, Bác chỉ rõ phải vận động cho bằng được “lực lượng của mỗi một người dân, không để sót một người dân nào, góp thành lực lượng toàn dân, để thực hành những công việc nên làm, những công việc Chính phủ và đoàn thể đã giao cho”.

Tuy vậy, Người đặc biệt chú ý đến vai trò người cán bộ phụ trách công tác dân vận. Theo Người: Tất cả cán bộ chính quyền, tất cả cán bộ đoàn thể (tức là cán bộ Đảng và đoàn thể quần chúng) đều phải làm công tác dân vận, cùng nhau bàn tính kỹ càng, cùng nhau chia công việc rõ rệt, rồi cùng nhau đi giải thích cho dân hiểu, cổ động dân, giúp dân đặt kế hoạch, tổ chức nhân công, sắp xếp việc làm, khuyến khích, đôn đốc, theo dõi giúp đỡ dân giải quyết những điều khó khăn. Cán bộ phụ trách dân vận cần phải: “Ôc nghĩ, mắt trông, tai nghe, chân đi, miệng nói, tay làm. Chứ không phải chỉ nói suông, chỉ ngồi viết mệnh lệnh”. Dường như hiểu thấu đáo từng loại cán bộ, Người nêu lên những đặc trưng tiêu biểu, đặc biệt là cán bộ làm công tác dân vận. Người phê phán rất nghiêm khắc việc bỏ trí cán bộ làm dân vận và cách

lãnh đạo công tác dân vận theo kiểu “cử ra một ban hoặc vài người, mà thường cử những cán bộ kém rồi bỏ mặc họ. Vận được thì tốt, vận không được cũng mặc”. Người cũng nêu lên những khuyết điểm mà người cán bộ cách mạng cần phải khắc phục, sửa chữa như: “địa phương chủ nghĩa, óc bè phái, óc quân phiệt, óc hẹp hòi, ham chuộng hình thức, làm việc lối bàn giấy, vô kỷ luật, kỷ luật không nghiêm, ích kỷ, hủ hóa”.

Tại Đại hội toàn quốc lần thứ II của Đảng, trong báo cáo chính trị, Người nêu lên những căn bệnh phổ biến dễ mắc trong cán bộ cách mạng, cần phải tránh và khắc phục như quan liêu, mệnh lệnh, công thần, chủ quan, hẹp hòi. Người hết sức nghiêm túc, khắt khe với đội ngũ cán bộ và công tác cán bộ, bởi vì theo Người, cán bộ có vai trò cực kỳ quan trọng của cách mạng, “Cán bộ là cái gốc của mọi công việc, công việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém”.

Để có đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu của cách mạng nói chung, đặc biệt trong lĩnh vực dân vận, Người yêu cầu phải thực hiện tốt việc đào tạo cán bộ, trước hết phải đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chính trị.

Trong thư gửi Bộ phương đông Quốc tế cộng sản, Người đã nêu rõ sự cần thiết và ý nghĩa to lớn của việc học tập lý luận; chỉ rõ nội dung, phương pháp giảng dạy và học tập lý luận Mác-Lênin một cách hết sức cụ thể, tỉ mỉ và sát thực tế.

Trong huấn thị tại khóa 1 lớp cán bộ học tập lý luận chính trị của Trường Nguyễn Ái Quốc Trung ương (nay là Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh), Người nói: “Trước hết Đảng ta tổ chức trường học lý luận cho cán bộ là để nâng cao trình độ lý luận của Đảng ta đang giải quyết sự đòi hỏi của nhiệm vụ cách mạng và tính thực tế của Đảng, để Đảng ta có thể hoàn thành tốt hơn nhiệm vụ vĩ đại của mình”. Trong số vàng truyền thống của Trường Nguyễn Ái Quốc, Người ghi:

“Học để làm việc, làm người, làm cán bộ, phụng sự nhân dân...”. Trong kho tàng tư tưởng Hồ Chí Minh, có vô vàn tư tưởng có giá trị khoa học và trí tuệ to lớn, trong đó vấn đề cán bộ và đào tạo bồi dưỡng lý luận là một hạt kim cương sáng chói trong chuỗi kim cương quý báu mà Người để lại cho toàn Đảng, toàn dân.

Những lời dạy của Người về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ về lý luận Mác-Lênin, lý luận chính trị đến nay vẫn còn nguyên giá trị, thậm chí còn mang tính cấp bách, tính thời sự và thời đại sâu sắc.

Điều đó được thể hiện sâu sắc trong Nghị quyết Trung ương 6 lần 2 về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, trong đó có vấn đề nâng cao nhận thức lý luận chính trị cho đội ngũ đảng viên. Theo tinh thần đó, Bộ Chính trị đã ban hành Quy định số 54 QĐ/TW về việc đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên. Đồng chí Đỗ Mười - nguyên Tổng Bí thư Đảng ta đã khẳng định: “Bộ môn Mác-Lênin và đội ngũ giáo viên Mác-Lênin có vị trí rất quan trọng. Thế giới quan Mác-Lênin, tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh có giữ được vị trí chủ đạo trong đời sống tinh thần xã hội hay không? Đất nước có đi lên con đường Xã hội chủ nghĩa hay không? Chúng ta có đánh bại âm mưu diễn biến hòa bình của kẻ thù hay không... Để có câu trả lời khẳng định cho những câu hỏi trên, đất nước trông đợi một phần ở sự cố gắng của đội ngũ giáo viên Mác-Lênin”.

Quan triệt tư tưởng chỉ đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và quan điểm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Đảng nói chung và về lý luận chính trị nói riêng, nhất là từ khi sự nghiệp đổi mới được đi sâu vào lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, tỉnh Lâm Đồng đã có những chuyển biến to lớn trong quy hoạch, đào tạo và sử dụng đội ngũ cán bộ nói chung và nâng cao

trình độ lý luận chính trị cho cán bộ các cấp nói riêng. Chỉ tính riêng việc đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chính trị ở Trường Chính trị tỉnh cũng có thể chứng minh điều này.

Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt kế hoạch và đã chỉ đạo thực hiện mở 4 lớp cao cấp và cử nhân chính trị cho gần 350 cán bộ, trong đó 3 lớp cử nhân và hoàn chỉnh cử nhân cho 248 cán bộ ; 27 khóa trung cấp và trung học chính trị cho 1.596 cán bộ cơ sở và công chức, trong đó hệ đào tạo chính quy tập trung là 586 đồng chí, hệ tại chức 1.010 đồng chí.

Hệ bồi dưỡng trong những năm gần đây tăng lên với số lượng lớn. Tổng số các lớp bồi dưỡng từ năm 1994-1999 là 118 lớp với trên 11.000 người tham dự, trong đó 1/3 chuyên về lý luận chính trị, 2/3 gồm cả lý luận chính trị và nghiệp vụ công tác. Chỉ tính riêng các lớp lý luận chính trị do Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh và các cơ quan Trung ương giảng dạy và cấp chứng chỉ như tư tưởng Hồ Chí Minh, Tôn giáo học, Xã hội học, cũng có tới 27 lớp với trên 2.600 học viên, đứng đầu về số lớp và số người so với các tỉnh trong toàn quốc được bồi dưỡng loại hình này.

Nhìn lại công tác đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chính trị của Trường Chính trị, có những mặt nổi lên như sau:

Một là: Về chất lượng đào tạo và bồi dưỡng, đã có một bước tiến khá dài về các mặt như: Các khóa học đều tổ chức rất nghiêm túc và chặt chẽ; thực hiện quy mô, quy trình và yêu cầu đào tạo bằng hoặc cao hơn các yêu cầu của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (các lớp Đại học, Trung học hệ tập trung, các lớp dành riêng cho cán bộ người dân tộc, các lớp hệ tại chức tại chỗ); nhiều nội dung sát thực tế được bổ sung, tính chất chính quy hóa và cập nhật thông tin kịp thời, các báo cáo của địa phương được hết sức chú trọng, yêu cầu

học tập thực tế bước đầu có chuyển biến tốt; môi trường đào tạo và phương tiện giảng dạy có chú ý bổ sung nâng cấp.

Hai là: Về sự trưởng thành của đội ngũ giảng viên, đến nay toàn bộ số cán bộ giảng dạy (28 đồng chí) đều đã tốt nghiệp đại học trở lên; trong đó có 3 đồng chí là thạc sĩ, 3 đồng chí đang học đào tạo thạc sĩ, một số đồng chí khác đang chuẩn bị nhập học sau đại học. Đa số giảng viên của nhà trường hoàn thành nhiệm vụ vào loại khá, có thể đảm nhiệm 80% chương trình đào tạo bậc Trung học chính trị. Số giảng viên cũ có kinh nghiệm đang ở độ phát huy năng suất và hiệu quả giảng dạy khá, số giảng viên trẻ mới về đã được chọn lọc nên nhiều đồng chí rất có triển vọng.

Ba là: Trường Chính trị Lâm Đồng đã hết sức phát huy nội lực, điều kiện hiện có, tăng cường cơ sở vật chất và các điều kiện phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng theo hướng ngày càng hiện đại.

Bốn là: Nhà trường luôn luôn mở rộng quan hệ đối tác với nhiều học viện, nhà trường, cơ quan Trung ương và các tỉnh bạn trong công tác đào tạo, bồi dưỡng, tạo được mối quan hệ tin cậy và có hiệu quả.

Năm là: Nhà trường cũng hết sức chú trọng củng cố nâng cao hiệu lực lãnh đạo của tổ chức Đảng, quản lý của Nhà nước và chất lượng của các tổ chức quần chúng. Xây dựng tác phong lễ lối làm việc khoa học, xây dựng phong trào văn hóa, thể thao, đẩy mạnh thi đua để tăng cường công tác rèn luyện toàn diện đối với giảng viên và học viên, nâng cao nội lực của nhà trường.

Quán triệt tư tưởng dân vận của Chủ tịch Hồ Chí Minh và tư tưởng về công tác cán bộ và đào tạo cán bộ của Người là dịp tốt để mọi cấp, mọi ngành có liên quan nhìn lại, tự đánh giá mình để hướng đến yêu cầu mới của thế kỷ sắp tới. Trường

Dân vận Lâm Đồng làm theo lời Bác

Chính trị Lâm Đồng - trung tâm đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo Đảng, Nhà nước và các đoàn thể quần chúng của tỉnh sẽ có thêm sức mạnh mới vươn lên hoàn thành tốt hơn nhiệm vụ của tỉnh giao cho.

(*) *Bài tham luận tại Hội thảo
Tư tưởng dân vận của Bác Hồ, 10/1999.*

Mấy vấn đề xây dựng Đảng của hệ thống dân vận trong bối cảnh hiện nay

NGUYỄN BẠN

Phó Trưởng Ban Dân vận Tỉnh ủy

Vấn đề xây dựng Đảng đã được nhiều nhà nghiên cứu đề cập trong nhiều tác phẩm khác nhau, trong phạm vi bài viết này tôi chỉ xin đề cập một vài suy nghĩ xung quanh vấn đề xây dựng Đảng của hệ thống Dân vận trong bối cảnh hiện nay, bởi lẽ hầu như ai cũng biết đó là sức mạnh của Đảng bắt nguồn từ sự liên hệ gắn bó máu thịt giữa Đảng và nhân dân, chính truyền thống đó đã làm nên thắng lợi của cách mạng. Bài học lịch sử trong đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, mãi mãi là dấu son chói lọi về mối quan hệ gắn bó Đảng - Dân. Nhưng không phải bất cứ ở đâu và lúc nào cũng nhận thức đầy đủ và thực hiện một cách thấu đáo. Công tác xây dựng Đảng theo quan niệm thông thường và gần như phổ biến là khi nói đến, người ta nghĩ ngay đến các cơ quan chuyên môn của Đảng đó là Ban Tổ chức, Tuyên giáo và Kiểm tra của Đảng; do đó phần nào hạn chế đến nhận thức và trách nhiệm đối với công tác Dân vận, phát huy một cách

đầy đủ vai trò của Ban Dân vận trong quá trình tham gia xây dựng Đảng.

Mấy năm qua cùng với quá trình tổng kết nhiều mặt công tác của Đảng, Đảng ta đã tiến hành tổng kết công tác dân vận: tiếp tục khẳng định công tác dân vận trong bối cảnh mới có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Tại Hội nghị tổng kết công tác dân vận 1999 (tháng 3-2000) ở Hà nội, đồng chí Phạm Thế Duyệt - Ủy viên Thường vụ Thường trực Bộ Chính trị đã có bài phát biểu quan trọng khẳng định vai trò, vị trí công tác dân vận và chỉ rõ Ban Dân vận thực sự là một trong những Ban xây dựng Đảng. Thực hiện nghị quyết Hội nghị BCHTW lần thứ 7 (khóa VIII), ngày 25-5-2000, Ban Tổ chức và Ban Dân vận Trung ương Đảng đã có Hướng dẫn số 01 về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và biên chế cán bộ của Ban Dân vận địa phương, trong đó quy định rõ chức năng của Ban Dân vận là một Ban thuộc hệ thống các Ban xây dựng Đảng, là cơ quan tham mưu của cấp ủy về công tác dân vận, trong đó có công tác tôn giáo, dân tộc và người Hoa. Điều này càng thể hiện rõ quan điểm, về công tác dân vận của Đảng ta trong thời kỳ mới, và đặt ra nhiều yêu cầu mới đối với công tác Dân vận cần phải nghiên cứu giải quyết.

Thời gian qua, bên cạnh những cố gắng và thành tựu đã đạt được trong công tác xây dựng Đảng, Đảng ta cũng còn bộc lộ một số tồn tại, yếu kém đó là: “Sự suy thoái về tư tưởng chính trị, tình trạng tham nhũng, quan liêu lãng phí của một bộ phận cán bộ, đảng viên có chiều hướng phát triển nghiêm trọng, bộ máy tổ chức của Đảng và Nhà nước chậm được củng cố và đổi mới” (*Nghị quyết TW6 (lần 2) - khóa VIII*).

Bản thân công tác dân vận cũng chưa gắn chặt và phục vụ đắc lực cho công tác xây dựng Đảng, tổ chức và hoạt động

chưa đổi mới kịp thời với đòi hỏi của tình hình ngày càng cao của sự nghiệp cách mạng. Vì vậy nhiệm vụ có tầm quan trọng đặc biệt trong giai đoạn hiện nay là động viên mọi tầng lớp nhân dân phát huy truyền thống gắn bó Đảng - Dân, tham gia xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước trong sạch vững mạnh cả về ba mặt: tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, tổ chức và cán bộ, khắc phục những yếu kém tồn tại, khuyết điểm để Đảng ta ngang tầm với thời đại; đòi hỏi hệ thống dân vận các cấp phải được đổi mới một cách toàn diện và sâu sắc, ngày càng hoàn thiện với nhiều nội dung đa dạng và phong phú, góp phần tích cực của mình vào công tác xây dựng Đảng; thể hiện trên một số mặt sau đây:

Một là, Dân vận tham gia xây dựng Đảng chính là xây dựng mối quan hệ gắn bó máu thịt giữa Đảng và nhân dân. Trong bất kỳ hoàn cảnh nào, trách nhiệm xây dựng, củng cố, tăng cường mối liên hệ này trước hết cũng thuộc về Đảng thể hiện thông qua tác phong, thái độ, trách nhiệm, lời nói, việc làm hàng ngày của mỗi cán bộ, đảng viên trước nhân dân, vì thế yêu cầu hàng đầu là phải tham gia xây dựng để mỗi cán bộ, đảng viên đều phải gắn chặt với công tác dân vận, sinh hoạt trong một tổ chức quần chúng nhất định; làm sao mỗi cán bộ, đảng viên đều phải thường xuyên bám chặt đường lối, quan điểm chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước để tuyên truyền giáo dục nhân dân; nhằm tạo ra sự nhất trí về chính trị, tinh thần trong nhân dân, động viên nhân dân hăng hái thực hiện các nhiệm vụ chính trị và chống mọi biểu hiện của các tệ nạn xã hội, tiêu cực, âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch nhất là trong bối cảnh mới của tình hình; bên cạnh mặt tích cực, trong nhân dân cũng còn một bộ phận có những biểu hiện lệch lạc, thờ ơ với nhiệm vụ chính trị của địa phương, đất nước. Vì vậy, nhiệm vụ công tác dân vận là phải gắn nhiệm vụ của mình cùng với các tổ chức

Đảng tăng cường hơn nữa công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho đoàn viên, hội viên và nhân dân. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng, không có gì khác là nhằm giác ngộ sứ mệnh, ý thức làm chủ của nhân dân đối với cộng đồng, xã hội và ngay cả đối với bản thân và gia đình. Đây chính là biện pháp tốt nhất để tăng cường mối quan hệ gắn bó giữa Đảng và nhân dân. Trước hết, Dân vận phải chủ động, sâu sát cơ sở, nắm vững tâm tư nguyện vọng của nhân dân, sớm phát hiện những điểm nóng, những khiếu kiện, tranh chấp, những vấn đề bức xúc trong nhân dân để tham mưu với Đảng và các cấp chính quyền, tìm ra biện pháp giải quyết hữu hiệu, chỉ có như vậy Dân vận mới có chỗ đứng trong nhân dân và mới thực sự là cơ quan tham mưu cho Đảng và chỗ dựa vững chắc của chính quyền các cấp, làm tốt việc này tức là góp phần thiết thực vào việc thực hiện Nghị quyết Trung ương VI (lần 2) “Về xây dựng, chỉnh đốn Đảng” và phát huy quyền làm chủ thực sự của nhân dân.

Hai là, Phải gắn chặt công tác Dân vận với nhiệm vụ xây dựng Đảng, thông qua quá trình triển khai quy chế dân chủ ở cơ sở và thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương cần phải vận dụng phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” vào quá trình xây dựng chỉnh đốn Đảng; cải cách thủ tục hành chính Nhà nước, chuẩn bị và hoạch định các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, vận động nhân dân tham gia đóng góp ý kiến vào các Văn kiện của Đảng và chuẩn bị nhân sự nhân dịp Đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội lần thứ IX của Đảng; tham gia xây dựng, tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị; phát huy vai trò của nhân dân trong tham gia lựa chọn bầu cử các chức danh trưởng, phó thôn, buôn, khu phố; tham gia củng cố thanh tra nhân dân, tổ hòa giải, tổ dân phố, khu phố theo hướng dân cử, dân nuôi (tức dân đóng góp hỗ trợ một phần

kinh phí), dân kiểm tra, giám sát, dân bãi miễn (nếu không làm tròn trách nhiệm với dân) như một vài địa phương trong tỉnh đã thực hiện, làm được như vậy tức là chúng ta đã góp phần tích cực của mình vào việc trực tiếp tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, mặt trận, đoàn thể vững mạnh.

Ba là, Để phát huy tốt vai trò của Dân vận trong công tác xây dựng Đảng, một vấn đề có ý nghĩa chiến lược và lâu dài, đó là phải thực hiện tốt chính sách đại đoàn kết dân tộc của Đảng và Nhà nước ta theo tinh thần Nghị quyết 07 của Bộ Chính trị (khóa VII). Đây là sự kế thừa và phát huy cao độ truyền thống yêu nước, đoàn kết, bất khuất của dân tộc. Nó có ý nghĩa sống còn và là nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng do Đảng ta lãnh đạo, nhất là trong quá trình đổi mới và thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước phấn đấu vì mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh” thì càng phải ra sức thực hiện tốt chính sách đoàn kết các dân tộc; lấy mục tiêu chung làm điểm tương đồng; chấp nhận những ý kiến khác nhau, miễn không trái với lợi ích của Tổ quốc, của dân tộc để tập hợp thu hút đông đảo quần chúng vào tổ chức; tạo thành khối vững chắc xung quanh Đảng, vận dụng và cụ thể hóa các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước vào hoàn cảnh thực tế của địa phương, tạo ra phong trào quần chúng rộng khắp trong nhân dân, qua đó, lựa chọn những người có đủ tiêu chuẩn để giới thiệu với Đảng xem xét kết nạp, tạo nguồn bổ sung cán bộ cho Đảng; làm sao mỗi thôn, buôn, khu phố, xóm ấp... đều có đảng viên, đoàn viên, hội viên làm nòng cốt tiến tới xóa các thôn buôn trắng đoàn, trắng hội không có đảng viên, đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng, động viên nhân dân đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh, góp phần đáng kể vào việc xây dựng củng cố hệ thống chính trị ngay từ địa bàn khu

dân cư.

Bốn là, Để phát huy vai trò tham gia xây dựng Đảng của hệ thống Dân vận, ngoài việc quan tâm chỉ đạo kiện toàn Mặt trận, đoàn thể các cấp cần coi trọng việc củng cố Ban Dân vận theo Hướng dẫn số 01 của Ban Tổ chức Trung ương và Ban Dân vận Trung ương để vừa làm tốt chức năng của ban tham mưu cho Đảng về công tác quần chúng, vừa nghiên cứu hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện các chủ trương chính sách của Đảng về công tác dân vận. Nhưng để tham mưu tốt, phải coi trọng chất lượng công tác nghiên cứu, đây là hai mặt của một vấn đề, có mối quan hệ biện chứng hữu cơ với nhau. Do đó, ngoài đảm bảo số lượng cán bộ theo biên chế được duyệt. Ban Dân vận các cấp phải được củng cố tăng cường theo hướng nâng cao chất lượng hoạt động có hiệu lực và hiệu quả. Phải xuất phát từ thực tiễn ở cơ sở và những vấn đề bức xúc do yêu cầu cuộc sống quần chúng đặt ra và nhiệm vụ chính trị của Đảng trong từng giai đoạn mà lựa chọn những nội dung để nghiên cứu, nắm kỹ tình hình quần chúng ở cơ sở để tham mưu cho cấp ủy một cách chính xác, kịp thời, đúng, trúng, phù hợp với yêu cầu thực tiễn giúp cho cấp ủy xem xét ra các quyết định cần thiết; khi có chủ trương, nghị quyết thì cần kiểm tra việc thực hiện đó, làm được như thế là biến ý Đảng thành lòng dân; tạo ra động lực mới góp phần thúc đẩy việc thực hiện thắng lợi các nghị quyết của Đảng, sớm đưa nghị quyết của Đảng đi vào cuộc sống của nhân dân.

Năm là, Quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ của Đảng nói chung, trong đó có cán bộ dân vận; cán bộ dân vận là bộ phận cấu thành đội ngũ cán bộ của Đảng, ngoài tiêu chuẩn theo quy định chung, cán bộ dân vận phải là người có “óc nghĩ, mắt trông, tai nghe, chân đi, miệng nói, tay làm chứ không phải chỉ nói suông, chỉ ngồi viết mệnh lệnh. Họ phải thật thà nhúng tay vào việc” như Bác Hồ đã dạy.

Thực tế hiện nay ở một số nơi do chưa nhận thức đầy đủ hoặc vì lý do này hay lý do khác mà việc bố trí cán bộ làm công tác dân vận chưa tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ. Trong bối cảnh mới của tình hình, đòi hỏi việc bố trí cán bộ dân vận phải được xem xét một cách đúng mức; cán bộ dân vận ngoài bản lĩnh chính trị vững vàng, phải có năng lực nghiên cứu, vận dụng, tổ chức thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng; liên hệ gần bó mật thiết với nhân dân, gương mẫu trước quần chúng. Cán bộ dân vận phải có cái tâm trong sáng, không tư lợi cá nhân, đặt lợi ích dân tộc, Tổ quốc lên trên hết, phải có năng lực hoạt động thực tiễn đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp cách mạng. Ngày nay, cán bộ dân vận không phải chỉ có lực lượng cán bộ chuyên trách ở mặt trận, đoàn thể, trong các Ban Dân vận mà cả hệ thống chính trị đều làm công tác dân vận. Vì vậy việc xã hội hóa lực lượng làm công tác dân vận là yêu cầu cấp thiết không thể thiếu được; khắc phục nhận thức, xem nhẹ việc bố trí cán bộ dân vận và phải có cách nhìn mới, coi công tác dân vận là một nghề như bao nghề khác trong xã hội, và đã coi là một nghề thì cần phải thâm canh nghề tức là phải có đào tạo, bồi dưỡng, đưa công tác quy hoạch cán bộ dân vận vào quy hoạch cán bộ chung của Đảng, có vậy mới góp phần tích cực vào việc tham gia xây dựng Đảng; tạo nguồn bổ sung cán bộ cho Đảng trong mọi tình huống. ■

“DÂN VẬN KHÉO THÌ VIỆC GÌ CŨNG THÀNH CÔNG”

Trong bầu trời không có gì quý bằng nhân dân.
Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng
đoàn kết của nhân dân.

Không sợ thiếu, chỉ sợ không công bằng;
Không sợ nghèo, chỉ sợ lòng dân không yên.

Đến mười lần không dân cũng chịu,
Khó trăm lần dân liệu cũng xong.

Phải làm cho dân mến, khi sắp tới dân mong,
khi đi dân tiếc, chờ vác mặt làm quan cách mạng
cho dân ghét, dân khinh, dân không ủng hộ.

Chủ tịch HỒ CHÍ MINH



Dân vận Lâm Đồng làm theo lời Bác



Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng,
thắng lợi của cách mạng là do sự phấn đấu
hy sinh và trí thông minh sáng tạo
của hàng triệu nhân dân, nhất là công nhân,
nông dân và những người trí thức cách mạng.



Chủ tịch HỒ CHÍ MINH





Các đại biểu dự "Hội thảo Khoa học về phát triển Nông nghiệp - Nông thôn Tây Nguyên" tại
Lâm Đồng(12.1998) Ảnh : HÀ HỮU NẾT



Đồng chí Nguyễn Minh Triết, UV Bộ Chính trị (Nguyên Trưởng Ban Dân vận TW) phát biểu tại Hội thảo tư tưởng Dân vận của Bác Hồ, (10 - 1999)



Đ/c Nguyễn Xuân Du (nguyên Bí thư Tỉnh uỷ) và cụ Phạm Thuần (nguyên Chủ tịch UBMTTQ tỉnh) với các đại biểu dự hội nghị già làng toàn tỉnh lần thứ I (1993)



Đồng chí Phạm Thế Duyệt, UV Thường vụ Bộ Chính trị, Chủ tịch Đoàn Chủ tịch UBTVMTTQ Việt Nam nói chuyện với các cán bộ Mặt trận, Đoàn thể tỉnh



Các đại biểu dự hội nghị tổng kết công tác dân vận toàn tỉnh 1999



Đ/c Huỳnh Minh Xuyên, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy với các đại biểu dự Đại hội những người Công giáo Việt Nam xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Tỉnh Lâm Đồng lần thứ 2 (1997 - 2002)



Thường trực Ban trị sự Phật giáo tỉnh chúc tết xuân 97
Thường trực Tỉnh Ủy



Đồng chí Nguyễn Hoài Bảo, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh, phát biểu tại "Hội nghị Tổng kết 10 năm thực hiện phương châm Dân biết, Dân bàn, Dân làm, Dân kiểm tra"

Ảnh : PV



Đồng chí Phan Hữu Giản, UV Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng Ban Dân vận Tỉnh ủy, phát biểu khai mạc Hội thảo tư tưởng Dân vận của Bác Hồ (10 - 1999)

Ảnh: PV

Công tác Đảng, công tác dân vận là chìa khóa vạn năng mở đường đi đến thắng lợi

BÍCH HIẾN

Một ngày tháng mười năm 2000, tôi tìm đến nhà bác Phạm Thuận, một cán bộ lão thành cách mạng từng giữ các trọng trách trong cơ quan Đảng, Chính quyền của khu VI cũ và tỉnh Lâm Đồng... Ông niềm nở đón tôi và thật cởi mở trong câu chuyện. Trò chuyện với ông, tôi được biết ông tham gia cách mạng từ rất sớm. Năm nay 83 tuổi, ông đã có 55 năm tuổi Đảng và từng được Đảng, Nhà nước tặng thưởng nhiều Huân chương, trong đó cao nhất là Huân chương Hồ Chí Minh. Ông nguyên là Tỉnh uỷ viên tỉnh Gia Lai, Phó Bí thư Tỉnh uỷ Đắc Lắc, Thường vụ Khu uỷ Khu VI và Bí thư Tỉnh uỷ các tỉnh Quảng Đức, Lâm Đồng (cũ).

Ông Phạm Thuận quê ở Bình Định, từ nhỏ đã theo gia đình lên Kon Tum sinh sống. Trải qua nhiều nghề từ dạy học, đến trồng rừng, làm việc trong đồn điền của Pháp ở GiaLai, KonTum... Và cũng chính từ những môi trường này, ông được giác ngộ và đi theo cách mạng. Vào những năm 1944-1945,

ông đã tham gia phong trào thanh niên, cùng công nhân đấu tranh đòi quyền dân chủ, dân sinh, đòi tăng lương, giảm giờ làm, đòi thả tù chính trị...Tinh thần rực lửa nhiệt tình cách mạng, nhưng bản thân ông vẫn chưa hiểu một cách rõ ràng cách mạng là như thế nào. Sau này, khi Cách mạng Tháng Tám bùng nổ, có đồng chí Phan Thêm, đặc phái viên của Xứ ủy, Việt Minh và Ủy ban Hành chính Trung bộ đã giảng giải cho ông hiểu và chính đồng chí này là một trong hai người đã giới thiệu ông vào Đảng.

Mấy chục năm hoạt động cách mạng của người cán bộ lão thành dường như gắn liền với công tác dân vận. Vậy mà khi tôi hỏi ông: Bác thấy làm “dân vận” có khó không? Ông vẫn nói: Khó lắm. Cho đến giờ bác vẫn thấy khó. Ông bảo, trước hết người làm dân vận phải có kiến thức rộng, khéo nói, khéo làm, có thể mới làm cho người khác hiểu và làm theo được. Nói công tác dân vận có 5 bước: Đó là điều tra, tuyên truyền, tổ chức, huấn luyện và lãnh đạo, nhưng thực ra không phải xong bước này là tới bước kia, mà đây là những nội dung đan xen, kết hợp, bổ sung cho nhau. Vì muốn tuyên truyền, vận động phải tiến hành điều tra nắm chắc tình hình, đối tượng. Và có điều tra, nắm vững tình hình, đối tượng mới có hình thức vận động, tổ chức phù hợp. Đây là một quá trình vận động phát triển đi lên tựa như hình xoáy tròn ốc. Theo kinh nghiệm của ông thì công tác dân vận phải thực sự sâu sát, linh hoạt, bởi trong quần chúng nhân dân có nhiều thành phần: công, nông, binh, trí thức, dân tộc, tôn giáo... mỗi đối tượng phải có hình thức vận động phù hợp. Gần bó cùng địa bàn Tây Nguyên, với ông, “Tây Nguyên không xa” (như tựa đề cuốn hồi ký của ông vừa xuất bản trong tháng 9-2000) mà còn rất gần gũi, nghĩa tình. Những năm tháng bám địa bàn hoạt động cách mạng, đồng bào nơi đây vẫn gọi ông bằng cái tên thân thương Ama Phong (cha Phong). Ông tâm sự: Làm

công tác dân vận vùng đồng bào dân tộc là phải nắm vững phương châm: kiên nhẫn, thận trọng, chắc chắn. Phong tục, tập quán của từng địa phương, dân tộc, đòi hỏi cán bộ dân vận phải hết sức thận trọng, phải “sáp vô”, gần gũi, chia sẻ và hòa đồng mới có thể tìm hiểu được một cách cặn kẽ, hiểu được đồng bào, cũng là để đồng bào hiểu được cán bộ, tin cán bộ. Đối với đồng bào dân tộc, khó thì thật khó, nhưng khi đã tin rồi thì trước sau như một. Nói chuyện với tôi, thỉnh thoảng ông lại xen vài tiếng Jarai, Ê Đê, để diễn đạt tập tục của đồng bào. Ông bảo: Hồi đó, các bác, các chú hoạt động trong vùng dân tộc đều phải học tiếng của bà con để có thể nghe được, hiểu được và cũng để nói cho đồng bào hiểu được mình. Ví dụ, muốn diễn đạt được ý: Cần phải đoàn kết lại để tạo thành sức mạnh đấu tranh, thì cán bộ cũng phải biết cách nói bóng bẩy, ví von, hình ảnh của bà con, đại ý như đối với người Kinh là câu: “Một cây làm chẳng nên non, ba cây chụm lại nên hòn núi cao”. Nếu mình biết, mình vận dụng đúng hoàn cảnh thì bà con thích lắm, tin lắm...

Khi tôi đề cập đến yêu cầu công tác dân vận hôm nay, ông trao đổi: Bây giờ tình hình đã khác rồi, kinh tế-xã hội phát triển, dân trí được nâng lên, nhưng không phải vì thế mà không cần đến công tác dân vận. Những chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước nếu không được tuyên truyền, phổ biến, không được tổ chức thực hiện thì làm sao thành hiện thực được. Do đó, bất kỳ trong hoàn cảnh nào cũng phải làm tốt công tác dân vận. Thậm chí, khi kinh tế-xã hội phát triển, dân trí nâng cao thì càng đòi hỏi công tác dân vận phải được nâng lên ngang tầm. Bây giờ có điều kiện rồi, cán bộ làm công tác dân vận phải được quan tâm đào tạo một cách bài bản, hệ thống, phải có kiến thức tổng hợp. Không những có trình độ chuyên môn giỏi mà còn phải được học tâm lý học, xã hội học... Và không chỉ người làm chuyên trách dân vận,

mà cán bộ các cấp chính quyền, các ngành, các đơn vị Đảng, Nhà nước đều phải làm công tác vận động quần chúng, phải làm dân vận ngay trong từng lĩnh vực công tác của mình. Mới đây, tôi đọc bài viết của đồng chí Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu trước khi Chính phủ cử 5 đoàn công tác về các địa phương để giải quyết khiếu nại, tố cáo, tôi càng thấm thía hơn về sự cần thiết của công tác dân vận. Quả thật là hiện nay, không ít nơi, không ít cán bộ ta quan liêu, hách dịch, làm sai, dẫn đến mất lòng tin trong nhân dân. Do đó, phải tăng cường hơn nữa công tác dân vận, phải sửa ngay những sai sót, khuyết điểm. Sai thì sửa, cán bộ sai thì đứng ra xin lỗi dân, có sao đâu! Dân mình tốt lắm, rộng lượng lắm! Cán bộ cũng từ dân mà ra, do đó, không thể không vì dân, thương dân. Bác Hồ chẳng nói: Cái gì lợi cho dân thì làm, cái gì hại cho dân thì tránh đó sao.

Trong suốt buổi trò chuyện với tôi, ông Phạm Thuần luôn nhắc đến tầm quan trọng của công tác dân vận. Người cán bộ lão thành rất tâm đắc với ý tưởng: Công tác Đảng, công tác vận động quần chúng là chiếc chìa khóa vạn năng để mở đường đi đến thắng lợi! ■

Dân vận trong kháng chiến: Nguyên tắc “3 điểm”: Đoàn kết - Bình đẳng - Tương trợ

KHẮC DŨNG

Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, công tác dân vận được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của cách mạng. Với Lâm Đồng lúc bấy giờ, công tác này càng trở nên quan trọng khi mà địa bàn rừng núi này là nơi sinh sống chủ yếu của người dân tộc thiểu số bản địa vốn chưa tiếp xúc nhiều với cách mạng, với kháng chiến. Ông Chế Đăng, nguyên là Ủy viên Ban Cán sự Lâm Đồng phụ trách công tác dân vận trong kháng chiến nói: “Lúc bấy giờ, trong công tác dân vận, vấn đề quan trọng nhất là phải thực hiện cho bằng được nguyên tắc “3 điểm”: bình đẳng, đoàn kết, tương trợ”.

Những năm 50, Lâm Đồng là vùng địch chiếm; ta hầu như không có căn cứ cách mạng nào trên vùng đất này. Bên cạnh đó, đây còn là vùng đồng bào dân tộc thiểu số bản địa còn nhiều khó khăn, trình độ dân trí thấp, lạc hậu và đặc biệt là những con người đó hầu như chưa hiểu biết gì về cách

mạng. Ngoài ra, Lâm Đồng là địa bàn nằm xa sự chỉ đạo của cấp trên (Ban Cán sự khu đóng ở Ô rô - Bình Thuận), nên cán bộ cách mạng hoạt động ở Lâm Đồng và Đồng Nai Thượng lúc bấy giờ phải phát huy cao tính tự lập, tự chủ trong nhiều công việc. Ông Chế Đăng nhớ lại: “Bởi những lý do đó nên hoạt động của chúng tôi những năm đầu gặp không ít khó khăn. Tuy nhiên, theo lệnh của trên là phải bằng mọi giá xây dựng cho được căn cứ vùng Tà Nung - Păng Tiêng - Nam Ban làm căn cứ của Đà Lạt. Để từ đó phát triển ra vùng Rô Men - Đầm Ròn nối với Đắc Lắc làm thành trục liên hoàn vùng Tây Nguyên. Trong quá trình phát triển cách mạng, người dân đóng vai trò hết sức to lớn. Người dân ở đây chính là các tộc người thiểu số bản địa như Kôho, Mnông, Cil, Mạ...”.

Ông Chế Đăng nói tiếp: “Vấn đề rất quan trọng đối với những cán bộ hoạt động ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số lúc bấy giờ là phải nắm thật vững chính sách của Đảng về vấn đề dân vận. Có thể nói gọn là phải thực hiện đúng nguyên tắc “3 điểm” là “bình đẳng - đoàn kết - tương trợ” đối với bà con. Khi đã làm được điều này thì bà con mới tin ở cán bộ cách mạng, giúp cách mạng nắm bắt tình hình của địch, giữ bí mật cho ta. Khi họ tin rồi thì ta mới thành công và ngược lại”. Một vấn đề khác, trong những năm này, đa số bà con dân tộc ít người không nói được tiếng Việt. Do vậy, muốn tiếp xúc với họ, cán bộ người Kinh phải tự học tiếng Mnông, tiếng Kôho để phục vụ cho việc tuyên truyền, vận động bà con. Hoạt động của cán bộ cách mạng lúc đầu là bí mật: gặp bà con dân tộc trên rẫy, dưới suối, trên đường đi chợ, đi rừng...; hạn chế việc vào làng. Vấn đề quan trọng nhất là vận động bà con như thế nào để từ chỗ họ chưa hiểu biết cách mạng đến lúc hiểu, tin và làm theo cách mạng. Khi đã chiếm được cảm tình của bà con thì điều kiện phát triển cốt cán, mở rộng căn cứ của cách mạng được thuận tiện hơn. Và cuối cùng là những

con người của núi rừng ấy hoàn toàn đứng về phía cách mạng để đánh địch.

“Khi bà con đã tin ở cán bộ rồi thì bà con rất bảo vệ cách mạng” - Ông Chế Đăng nói và kể cho chúng tôi nghe một câu chuyện về lòng tin ấy: Đạo đó ông hoạt động ở vùng căn cứ Tà Nung (Đà Lạt - Lạc Dương). Pháp biết ông là Đội trưởng đội công tác cách mạng khá nguy hiểm đối với chúng nên treo giải thưởng khá cao cho những ai bắt được ông hoặc chỉ chỗ để chúng bắt ông. Dân làng lúc này đã tin ông nên không một ai màng đến cái giải thưởng đó của lính Pháp. Một hôm, toán lính Pháp vô làng và buộc dân làng dẫn chúng đi đến chỗ trú của ông Chế Đăng. Dân làng buộc phải dẫn chúng đi, vì nếu không thì chúng đánh. Một người dân đứng ra lãnh nhận trách nhiệm này. Toán lính Tây cao to ục ịch đi theo người dẫn đường. Người thanh niên dẫn đường khỏe mạnh và nhanh nhẹn như con sóc trong rừng. Anh ta đưa chúng đi hết núi cao này đến vực sâu nọ. Núi rừng không lối không đường mòn làm bọn Tây rã rời. Thình thoảng chúng lại hỏi người dẫn đường: “Sắp đến nơi chưa?”. Người dẫn đường trả lời: “Chỉ còn vài “xà gạt” nữa”. Nhưng đi mãi từ sáng tới tối mịt mà vẫn không “hết được cái xà gạt của người dân tộc” nên bọn Pháp đành quay về. Tối đó, người dẫn đường vào báo sự việc với ông Chế Đăng. Lần khác, khi chuyển đến căn cứ Đồng Mang - Dạ Tro (Lạc Dương), ông Chế Đăng có việc phải đến nhà đồng chí Hà Hai (một người dân tộc thiểu số đã giác ngộ cách mạng). Đến nơi thì thấy trước cửa treo một nhánh lá cây rừng. Biết tín hiệu nhà có chuyện kiêng cử nên ông Chế Đăng đứng chờ ở bên ngoài. Hà Hai đang đi làm rẫy, không có mặt ở nhà. Chiều về thấy ông Chế Đăng đứng chờ, hỏi: “Sao không vào nhà?”. Ông Chế Đăng trả lời: “Thấy nhà đang kiêng cử, không dám vào”. Hà Hai bảo: “Kiêng là với cái đứa khác. Còn với đứa anh (ý chỉ ông Chế Đăng) thì không.

Vì cái đứa anh cũng là người nhà của mình mà!”. Kể xong câu chuyện, ông Chế Đăng nói: “VẬY ĐÂY, PHẢI SỐNG NHƯ THẾ NÀO ĐỂ CHO DÂN TIN THÌ MỚI ĐƯỢC VIỆC!”.

Một lần khác, đang đêm trong cú, ông Chế Đăng được người tìm đến báo rằng đứa con nhỏ của Ha Suông, cũng là một người dân tộc thiểu số đi theo cách mạng, bị đau nặng. Lúc ấy đã 11 giờ đêm. Đường từ cú đến nhà Ha Suông đi bộ mất khoảng 6 tiếng đồng hồ. Ông Chế Đăng quyết định lên đường ngay. Cùng đi với ông là bác sĩ Mạnh. Đến được nhà Ha Suông thì trời vừa sáng. Lúc này, thầy cúng vẫn đang cúng. Thầy cúng (cũng là một người quen) nói với ông Chế Đăng: “Mình chỉ cúng bồi dưỡng cho cháu thôi, chứ nó đau nặng khó sống lắm. Cái thằng anh là bác sĩ này phải cho cái thuốc của cách mạng ngay đi thôi”. Bác sĩ Mạnh bắt tay vào việc và sau đó cháu bé đã khỏi bệnh. Việc làm đó khiến cho dân làng ngày thêm tin tưởng vào cách mạng.

Trong khi kể cho chúng tôi nghe những câu chuyện trên, ông Chế Đăng thường hay nhấn mạnh nguyên tắc “3 điểm” của công tác dân vận trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số lúc bấy giờ là “bình đẳng - đoàn kết - tương trợ”. Nguyên tắc đó, thiết nghĩ trong hiện tại vẫn còn có nhiều giá trị. ■

Muốn làm tốt công tác dân vận phải có phương pháp và thật sự gần gũi với dân

HOÀNG VƯƠNG MỸ

*(Ghi theo lời kể của ông Lê Văn Các tức Lê Đạo -
nguyên Bí thư Huyện ủy Đức Trọng 1976-1982, nguyên
Trưởng Ban Dân tộc miền núi tỉnh Lâm Đồng 1982 -1984.)*

Có thể nói quá trình hoạt động cách mạng của tôi là quá trình làm công tác dân vận trong vùng đồng bào dân tộc. Qua đấu tranh gian khổ và xây dựng cơ sở cách mạng ở nhiều vùng, nhiều địa phương, nhiều thời kỳ khác nhau, tôi đúc rút được bài học kinh nghiệm rằng: Muốn làm tốt công tác dân vận phải có phương pháp và thật sự gần gũi với dân...

Cuối năm 1950 tôi được điều lên xã Đakđăm - Đăkmin - Đăk Lăk hoạt động với cương vị Bí thư chi bộ. Buổi đầu 5 anh em chúng tôi (trong đó có 3 người dân tộc ít người) gặp rất nhiều khó khăn, phần do đồng bào dân tộc Êđê, M'Nông ít hiểu biết về Việt Minh - cách mạng, nên họ ngại tiếp xúc, phần do giặc Pháp lùng sục gắt gao. Trước thực tế đó, tôi bàn với anh em phải tiếp xúc với đồng bào, bằng cách: Ban ngày

làm cho da đen, đóng khố lên nương rẫy bắt chuyện, xin cùng được gieo tía lúa rẫy, bắp, khoai lang, củ mì... Khi họ đã đồng ý cho cùng làm, chúng tôi mới giải thích để họ hiểu Việt Minh với đồng bào là một, Việt Minh đánh đuổi giặc Pháp để đồng bào được tự do làm ăn, được bình đẳng với người Kinh... Việt Minh có Cụ Hồ, Cụ Hồ hết sức thương yêu đồng bào, sẽ cho đồng bào có cơm ăn, áo mặc, và cho cái chữ để sáng cái đầu... Dần dà, một vài người, rồi nhiều người hiểu ra. Đồng bào không những cho chúng tôi cùng làm, cùng ăn, mà còn tạo điều kiện để đêm đêm chúng tôi vào buôn, tổ chức các cuộc tuyên truyền bí mật. Từ một vài buôn ban đầu, chúng tôi phát triển rộng ra nhiều buôn khác theo phương thức cầu chuyện, nghĩa là: thông qua sự giới thiệu của những bà con ở buôn này, chúng tôi tiếp xúc tuyên truyền ở thôn kia. Cứ như vậy, số lượng bà con dân tộc hiểu biết, chờ che Việt Minh không ngừng tăng. Với ba cùng: cùng ăn, cùng ở, cùng làm, không những đã giúp chúng tôi tạo dựng được lòng tin, sự yêu mến, sự mang của đồng bào dân tộc, mà còn tạo điều kiện để chúng tôi học tiếng, học làm và hiểu biết phong tục tập quán của đồng bào, từ đó làm tốt hơn công tác dân vận. Khi đã được đồng bào tin yêu, chúng tôi tiến hành xây dựng các tổ chức quần chúng như: Thanh niên, phụ nữ..., đồng thời giao nhiệm vụ cụ thể cho từng tổ chức trong việc vận động bà con hưởng ứng phong trào Hồ gạo tiết kiệm nuôi quân, động viên thanh niên lên đường tòng quân giết giặc, tổ chức các lớp dạy chữ... Bằng cách làm đó, đến ngày hòa bình lập lại 1954, chúng tôi đã tuyển chọn được hàng chục thanh niên dân tộc Êđê, M'ông đưa xuống Phú Yên, để đưa ra miền Bắc đào tạo, hoặc bồi dưỡng thêm chính trị và đưa trở lại Tây Nguyên làm hạt nhân trong cuộc đấu tranh chống âm mưu phá hoại Hiệp định Hòa bình.

Trong công tác dân vận thời kỳ chống Pháp, cùng với ba

cùng, chúng tôi thực hiện 2 không: không lấy của dân, không giết đồng bào lâm đường lạc lối. Với phương châm đó, ngoài việc giúp dân sản xuất, chúng tôi còn chủ động trồng tía lương thực, hoa màu để tự túc cái ăn, cái mặc. Khi thiếu hụt lương thực, chúng tôi dùng tre nứa, lồ ô đan nong nia, rổ rá, làm điều hút thuốc dổi gạo, hoa màu... kiên quyết không lấy của dân. Cùng với việc không lấy của dân, chúng tôi chủ trương lấy tuyên truyền, vận động làm chính. Ngay cả đối với những người lâm đường lạc lối, chúng tôi cũng thông qua người thân, già làng vận động, giác ngộ họ trở về với đồng bào, với Việt Minh. Điều muốn nói nữa là: trong công tác dân vận, cùng với việc hướng về người nghèo để tuyên truyền, xây dựng cơ sở cách mạng, chúng tôi còn đề cao vai trò của già làng trong việc tuyên truyền vận động bà con cứu mạng giúp đỡ cách mạng. Nhờ tranh thủ được sự ủng hộ của già làng, nên chúng tôi đã “thoát hiểm” được nhiều trường hợp, cơ sở cách mạng không những được bảo vệ tốt, mà còn không ngừng được lớn mạnh. Một lần, tại một buôn nọ có một tên Phó tổng làm tay sai cho giặc, già làng đến chất vấn: “Nếu mày hoặc người nhà mày chết thì thằng Pháp khiêng đi chôn hay bà con trong buôn và Việt Minh khiêng đi chôn?”. Cùng với sự chất vấn đó, già làng phân tích sự nguy hại nếu làm việc cho giặc. Kết quả, sau đó viên Phó tổng kia trở thành cơ sở tin cậy của Việt Minh.

Trong thời kỳ chống Mỹ, dù trải qua nhiều cương vị khác nhau như: Tỉnh ủy viên tỉnh Quảng Đức, Ban Cán sự B7, Bí thư Huyện ủy Khiêm Đức (nay là huyện Lạc, tỉnh Đắk Lắk), Trưởng đoàn cán sự giúp tỉnh bạn Mông dên Kri -Campuchia, tôi vẫn luôn gần gũi với dân để làm tốt công tác dân - binh vận. Sau năm 1975, với cương vị là Bí thư Huyện ủy Đức Trọng, tôi vẫn quan tâm đến công tác tuyên truyền vận động bà con dân tộc bảo vệ, xây dựng chính quyền cách mạng còn

non trẻ. Đặc biệt năm 1978, khi Fulro chống phá quyết liệt, tôi đã chỉ đạo các ngành hữu quan cùng lực lượng vũ trang kết hợp giữa tuyên truyền vận động với truy quét, tiêu diệt. Mặt khác, tôi cử ông Nguyễn Đức Ba (sau đó làm Bí thư Huyện ủy Đức Trọng) vào điểm nóng Đa Đồn cùng ăn, cùng ở, cùng làm với bà con dân tộc và tranh thủ sự hỗ trợ của các già làng trong việc tuyên truyền giác ngộ những người lầm lạc về đầu thú chính quyền cách mạng. Nhờ vậy đã góp phần quan trọng giải quyết được triệt để vấn đề Fulro ở Lâm Đồng. Mặt khác, cũng nhờ làm tốt công tác dân vận, Đức Trọng đã vận động được bà con dân tộc từ bỏ được lối sống du canh du cư, xây dựng mô hình định canh định cư, xóa bỏ dần những tập tục cổ hủ, lạc hậu, từng bước xây dựng cuộc sống văn minh, hạnh phúc.

Hiện nay, tuy đã nghỉ hưu, tôi vẫn luôn trăn trở với công tác dân vận vùng đồng bào dân tộc. Cuộc sống của bà con tuy đã có đổi thay, nhưng so với những gì bà con đóng góp cho cách mạng trong chiến tranh, thì sự đền đáp đó còn chưa tương xứng. Theo tôi để làm tốt công tác dân vận hiện nay, cán bộ Đảng - Nhà nước hãy đến với đồng bào dân tộc bằng một thái độ chân thành, có trách nhiệm cao. Trách nhiệm đó được thể hiện trong việc thực hiện tốt chính sách dân tộc miền núi, trong đầu tư củng cố phát triển mô hình định canh định cư, trong phát triển kinh tế hộ gia đình, trong xóa đói giảm nghèo, trong phát triển giáo dục nâng cao trình độ dân, bài trừ tập tục lạc hậu... Làm tốt những công việc đó, góp phần củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, cũng có nghĩa thực hiện được mục đích cao cả của công tác dân vận. ■

**“Nếu không có nhân dân che chở,
bảo vệ thì chắc tôi
không còn sống đến bây giờ...”**

TUYẾT MAI

Đó là lời của dì Trần Thị Khả - nguyên là Hội trưởng Hội phụ nữ giải phóng tỉnh Tuyên Đức, Ủy viên Ban Chấp hành Hội Phụ nữ giải phóng miền Nam và sau ngày đất nước được hoàn toàn giải phóng, dì tiếp tục được bầu làm Hội trưởng, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Lâm Đồng cho đến lúc nghỉ hưu (1985).

Dì tên thật là Khả nhưng mọi người thường quen gọi là “chị Cả” chắc bởi cái phong thái chững chạc và điềm đạm. Quê ở làng Kế Môn, xã Phong Thạnh, huyện Phong Điền - một trong những vùng quê nghèo khó của tỉnh Thừa Thiên - Huế. Nhà nghèo, dì sớm phải nghỉ học để lo phụ giúp gia đình. Cách mạng Tháng Tám 1945 thành công, cô thôn nữ Trần Thị Khả say sưa tham gia hoạt động trong các tổ chức đoàn thể cách mạng như: Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ. Năm 1947 dì được kết nạp vào Đảng. Đến năm 1950, do yêu cầu công tác, dì được điều động lên huyện, làm Hội trưởng

Dân vận Lâm Đồng làm theo lời Bác

phụ nữ huyện Phong Điền. Cuối năm 1952, trong một chuyến đi công tác ở cơ sở, gặp địch càn bất ngờ, dì bị địch bắt và nhốt ở lao Thừa Phủ (Huế). Ở trong tù, dì đã cùng với các đồng chí trong chi bộ nhà lao vận động anh chị em tù chính trị đấu tranh đòi cải thiện bữa ăn, đòi địch không được tra tấn, đánh đập tàn nhẫn với phụ nữ... Rồi Hiệp định Giơ-ne-vơ ký kết, miền Bắc được giải phóng, lẽ ra dì thuộc diện trao trả nhưng tổ chức Đảng đã bố trí cho dì ở lại vùng địch với lý do xin về quê vì hoàn cảnh gia đình. Với cái "vỏ bọc" đó, dì ở lại bám trụ trong Nam để hoạt động cách mạng. Từ lao Thừa Phủ về lại làng quê, dì được bà con làng xóm thương yêu, chăm sóc tận tình. Từ đó, dì cảm nhận một điều sâu sắc: Mình phải sống, làm việc cho cách mạng tốt hơn để khỏi phụ lòng tin yêu của bà con. Và chỉ có nhân dân mới chở che, đùm bọc, bảo vệ cho mình một cách an toàn nhất trong những tháng ngày hoạt động tới. Mà thật vậy, trong suốt quãng đời hoạt động lâu dài, gian khổ trong vùng địch kiểm soát cho đến ngày đất nước được hoàn toàn giải phóng, mặc dù bị kẻ địch nhiều phen lùng bắt và có lúc chúng treo giải thưởng rất lớn cho ai phát hiện, bắt được dì... song nhờ được dân che chở, bảo vệ, dì đã nhiều lần thoát hiểm, bảo đảm an toàn tính mạng để tiếp tục hoạt động, xây dựng phong trào.

Hoạt động khi công khai, khi bí mật ở những địa bàn hoàn toàn xa lạ ở Sài Gòn rồi Đà Lạt - Tuyên Đức, dì Cả đã xây dựng được hàng chục cơ sở thuộc nhiều đối tượng trong xã hội, họ phần lớn đều đã trung thành với cách mạng, hết lòng, hết sức bảo vệ, giúp đỡ cách mạng từ lương thực, thực phẩm, thuốc men, nuôi giấu cán bộ, đưa đón cơ sở ra cứ, vào thành... Nhiều gia đình tin tưởng gửi con em mình vào rừng cho cách mạng để tham gia lực lượng cách mạng, góp phần giải phóng quê hương.

Dì kể nhiều chuyện vận động quần chúng đấu tranh với

địch trong việc chống lập ấp chiến lược, chống tăng thuế... nhưng với bản năng nghề nghiệp, tôi nhận biết qua những câu chuyện có lẽ vấn đề di tâm đặc nhất: Đó là người cán bộ cách mạng phải luôn gần gũi, bám sát dân, hiểu dân. Có vậy mới có thể tạo dựng, chiếm được lòng tin và giác ngộ họ theo cách mạng. Dù kẻ địch có gian ác đến đâu, người cán bộ cách mạng khi đã được dân ủng hộ thì nhiệm vụ dù dầu khó khăn gian khổ đến mấy cũng có thể hoàn thành.

Nhân kỷ niệm 70 năm truyền thống công tác Dân vận, từ kinh nghiệm hoạt động xương máu của mình và đồng đội trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, dì Trần Thị Khả - người nữ cán bộ cách mạng lão thành đã được Đảng và Nhà nước tặng thưởng nhiều Huân, Huy chương các loại; trong đó có Huân chương Độc lập hạng 2 và Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng muốn nhắn nhủ với lớp cán bộ trẻ ngày nay hãy phát huy truyền thống cách mạng của cha ông vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đừng bao giờ quên bài học “lấy dân làm gốc” nhất là trong cơ chế kinh tế thị trường hiện nay.■

Hai thời dân vận

VĂN VIỆT

Tôi muốn nhắc đến cả trong chiến tranh và hòa bình, hai thời kỳ lịch sử vẻ vang của đất nước, ở cao nguyên Lâm Viên tiêu biểu một trong những “nhân vật” mà hễ nhắc đến tên là nhắc đến sự cảm tình của đông đảo nhân dân. Ông Lê Phụng, cán bộ an ninh Tuyên Đức - Đà Lạt thời kháng chiến và là ủy viên Ban chấp hành Hội Luật gia Việt Nam, Chủ tịch Hội Luật gia tỉnh Lâm Đồng hiện nay.

Ông theo cách mạng từ năm 16 tuổi, tại một làng quê đất võ Bình Định. Hoạt động trên lĩnh vực an ninh đến năm 19 tuổi được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam (dự bị ngày 2.10.1949; chính thức ngày 2.4.1950). Vào sinh ra tử trên nhiều chiến trường đánh Pháp ác liệt như: An Khê, Quy Nhơn; rồi tham gia tiếp quản Nam Định, Hà Đông và thủ đô Hà Nội ngày 10.10.1954; mãi đến năm 1965, ông mới được lệnh vào xây dựng phong trào cách mạng ở Lâm Đồng, Tuyên Đức. Ông kể: Thời điểm này, giặc Mỹ hùng hổ đổ quân viễn chinh, chur hầu trên “bốn vùng chiến thuật” ở miền Nam. “Dưới trướng” quan thầy Mỹ là bọn ác ôn, ngụy quyền Sài Gòn ngày đêm càn quét, lùng sục giết hại, bắt bớ ráo riết những chiến sĩ

cách mạng và hàng loạt thành phần mà chúng hồ nghi là “thân Cộng sản”. Tình thế hết sức gian nguy. Làm thế nào gây dựng, mở rộng cơ sở cách mạng trong lòng địch giữa lúc “ngàn cân treo sợi tóc” này?

Bấy giờ khu vực an ninh do ông phụ trách là khu núi Voi, Định An, Quảng Hiệp, Prenn - cửa ngõ vào thành phố Đà Lạt. Tại đây có các đồn cảnh sát dã chiến, do quân nguy thành lập từ những năm đầu thập kỷ 60. Về sau, chúng càng tăng cường dần dần hơn về lực lượng và trang bị vũ khí, nhằm khủng bố tinh thần cách mạng của nhân dân. Năm 1967, xây dựng được phong trào cách mạng ở Quảng Hiệp (nay là Hiệp Thạnh anh hùng), đội công tác quyết định phân công một mũi bám trụ xây dựng thực lực cách mạng ở vùng Định An. Mũi công tác gồm 3 người, do Lê Phượng làm mũi trưởng “hạ lệnh”: Hành động!

7 đêm đầu tiên, mũi công tác khi bí mật đến đầu làng dân cư, lại buộc phải quay về phía bìa rừng. Âm hiệu từ một “gia đình cảm tình” cách mạng báo là “có địch tại chỗ!”. Quá sốt ruột, sau ngày thứ 8 “án binh bất động”, mũi trưởng Lê Phượng quyết định táo bạo: một mình xung phong đột nhập vào ấp dân cư. Tình hình đã rõ. Địch (thăm báo, cảnh sát, nghĩa quân...) liên tục vây ráp, nhưng biết quy luật hoạt động của chúng, ta có thể tận dụng mọi thời cơ để tuyên truyền, giác ngộ cách mạng cho nhân dân. Nhờ thế, ngay tháng đầu tiên, qua công tác nắm tình hình, tiếp xúc nhân dân, mũi công tác đã xây dựng được 5 gia đình cảm tình và cơ sở cách mạng. Không lâu sau, cả đội công tác kết hợp với bộ đội, du kích địa phương mở một cuộc vũ trang tuyên truyền cho 100 gia đình ấp Định An (ấp Định An bấy giờ có trên 500 gia đình). Hình thức tuyên truyền lẻ, nhỏ; phân công từng bộ đội trực tiếp tuyên truyền với những nội dung đã được thống nhất trước, như: lên án chế độ kìm kẹp của Mỹ - nguy; giải

thích mục đích của cách mạng là đánh đuổi Mỹ - ngụy, giải phóng đồng bào; cách mạng muốn thành công phải có sự ủng hộ, giúp đỡ của đồng bào...

Nhận xét đêm dân vận đầu tiên, mũi công tác thấy rằng, nhân dân bắt đầu đón nhận cách mạng với niềm tin tưởng sâu sắc. Thái độ của dân rất rõ: căm thù địch; nhận lời sẽ thực hiện nghĩa vụ cách mạng, đấu tranh thu hút con em dân vệ của địch buông súng gia nhập hàng ngũ cách mạng... Ấn tượng nhất là người dân quá sung sướng đến bất ngờ khi thấy người chiến sĩ cách mạng khỏe khoắn, mạnh dạn, lại giản dị và rất dễ gần gũi, chứ không phải như địch rêu rao tuyên truyền: "Bảy người cộng sản đeo một cành đu đủ không gãy"!

Vài năm sau, phong trào cách mạng ở Quảng Hiệp phát triển rộng khắp. Thanh niên, phụ nữ, binh vận, an ninh... lần lượt hình thành. Mậu Thân 1968, khí thế cách mạng sôi sục trong cả nước. Chiều mùng 5 tết, trong khi quân giải phóng tấn công Đà Lạt, mũi công tác quyết định bắt sống bọn nghĩa quân đồn Định An. Được cách mạng vận động, nhân dân Định An rầm rộ xuống đường. Trên khắp ngã đường tràn ngập biểu ngữ và hô vang các khẩu hiệu: Đả đảo Mỹ - ngụy, hoan hô giải phóng quân, quyết tâm ủng hộ Cách mạng lâm thời miền Nam Việt Nam... Ba cán bộ công tác dẫn đoàn quần chúng kêu gọi đồn trưởng Định An: Nguyễn Nhung và 21 tên lính nghĩa quân đầu hàng. Kết quả ta thu được 18 khẩu súng AR15, 2 trung liên, 1 đại liên, 1 súng ngắn. 21 tên lính nghĩa quân đưa về học tập tại trường học Định An, sau đó cho hưởng chính sách khoan hồng của cách mạng, trả tự do toàn bộ. Riêng đồn trưởng Nguyễn Nhung đã sớm nhận ra con đường lầm lạc, tự nguyện đi theo cách mạng và anh dũng hy sinh trong lúc chiến đấu đánh đồn cảnh sát Tùng Nghĩa (Đức Trọng). Nguyễn Nhung được công nhận là liệt sĩ...

Sau Mậu Thân, phong trào cách mạng nhiều lúc gặp khó khăn, nhưng vẫn giữ vững đến ngày giải phóng. Quảng Hiệp, Định An đã góp phần cùng toàn xã Hiệp Thạnh lập nên thành tích anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Hòa bình, ông Lê Phụng giữ nhiều cương vị công tác khác nhau trong ngành công an (phó Ty Công an Đà Lạt; trưởng phòng cảnh sát bảo vệ, quản lý trị an; phó giám đốc Công an tỉnh Lâm Đồng); rồi cuối đời nghỉ hưu, ông vẫn còn được tin nhiệm giữ chức vụ Chủ tịch Hội Luật gia Lâm Đồng. Ông luôn xem trọng, lấy điểm tựa của lòng dân để thực thi xuất sắc nhiệm vụ của mình. Làm công an, ông có tài năng chỉ đạo điều tra khám phá các vụ án hình sự. Tài năng ấy, trước hết, ông biết dựa vào lực lượng lớn mạnh của quần chúng, vận động họ xây dựng thể trận an ninh nhân dân ngày càng vững chắc. Làm Chủ tịch Hội Luật gia Lâm Đồng, ông đề ra mục tiêu: hướng luật gia về cơ sở, thường xuyên tiếp xúc, giải thích, nâng cao nhận thức pháp luật cho dân; vận động nhân dân chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước; phát huy quyền dân chủ, tham gia đấu tranh phòng chống các loại tội phạm hình sự và những tiêu cực xã hội. Công việc này, 800 luật gia hiện có trong tỉnh Lâm Đồng vẫn đang tiến hành một cách thường xuyên, liên tục nhằm đạt được những kết quả cao nhất mà ông đã khởi xướng, mong mỏi!

Ông Lê Phụng năm nay đã 70 tuổi. Hai thời dân vận: trong kháng chiến và trong hòa bình trực tiếp tham gia, ông đúc kết: Công tác dân vận muốn thành công phải tiến hành các bước tuần tự: nghiên cứu, điều tra tình hình cụ thể, xây dựng kế hoạch tỉ mỉ, cách tổ chức khoa học, khi thâm nhập vào quần chúng phải kiên trì. Và hơn hết mọi sự, khi vận động quần chúng luôn luôn tâm niệm lời giáo huấn của Bác Hồ: “Để trăm lần không dân cũng chịu. Khó vạn lần dân liệu cũng xong!”. ■

Trách nhiệm dân vận của cán bộ Nhà nước làm công tác chính sách (*)

NGUYỄN TRỌNG HOÀNG

*(Tỉnh ủy viên - Giám đốc
Sở Lao động thương binh và xã hội Lâm Đồng)*

Bài báo “Dân vận” của Bác Hồ với lời văn mộc mạc, bình dị, dễ hiểu, Người đã dạy cho chúng ta về trách nhiệm, nội dung và cả phương pháp dân vận. Những lời dạy đó không phải chỉ có ý nghĩa vào những năm cách đây nửa thế kỷ mà cho đến nay và cho cả nhiều năm sau này nữa vẫn còn tươi rói tính thời sự của nó.

Đối với những người làm công tác chính sách, cũng nhận ra được bài học quý giá cho mình, khi Người viết: “Ai phụ trách dân vận? Tất cả cán bộ chính quyền, tất cả cán bộ đoàn thể và tất cả hội viên của các tổ chức nhân dân... đều phải phụ trách dân vận”. Đúng vậy, công tác dân vận không chỉ là trách nhiệm riêng của các đoàn thể, của Mặt trận hay của Ban Dân vận mà là trách nhiệm chung của cả hệ thống chính trị; trong đó trách nhiệm của phía Nhà nước cũng hết

sức quan trọng. Đôi khi còn có ý nghĩa quyết định. Một chính sách đúng, một quyết định hợp lòng dân sẽ đem lại sự phấn khởi, tin tưởng trong nhân dân; trái lại, một chính sách, một quyết định của các cấp chính quyền sai trái, không hợp lòng dân thì cho dù Mặt trận, đoàn thể có dân vận đến cỡ nào cũng không thể lấy lại lòng tin của dân được. Cán bộ chính quyền tham ô, sách nhiễu dân mà không được giải quyết bằng pháp luật lại đòi hỏi các đoàn thể đi vận động lòng tin của dân thì thật là khó. Nhiều năm công tác trong ngành Lao động - Thương binh và Xã hội, chúng tôi nhận ra rằng, giải quyết nhiều nhất việc làm cho người lao động tức là góp phần cơ bản giải quyết được cuộc sống ấm no hạnh phúc - đó là dân vận; thực hiện đầy đủ, chu đáo các chính sách của Nhà nước đối với những người có công với nước - là dân vận; bảo vệ được lợi ích chính đáng của người lao động trong các doanh nghiệp - là dân vận; xóa đói giảm nghèo có kết quả - là dân vận; giải quyết tốt các vấn đề xã hội phát sinh - là dân vận...

Các nội dung chính sách của nước ta thường xuất phát từ những năm cả dân tộc cùng đánh giặc. Có khi phải thực hiện chính sách “trả nợ” cho lịch sử cách đây đã hơn 50 năm; chính sách cũng xuất phát từ tình hình hiện tại và nội dung chính sách cũng góp phần định hướng cho sự phát triển của tương lai. Do vậy, người thực hiện chính sách phải đến với đối tượng chính sách, không chỉ với tư cách là một cán bộ Nhà nước mà còn phải đến với đối tượng chính sách như một cán bộ dân vận; có nghĩa là cũng phải tuyên truyền, giải thích chính sách đến nơi, đến chốn làm cho đối tượng hiểu rõ và cùng bàn bạc thực hiện cho đúng. Đặc biệt, người cán bộ làm công tác chính sách phải có thái độ cần mẫn, tận tụy, lịch sự kể cả sự “nhẫn nại” nếu cần trong khi tiếp xúc giải quyết chính sách cho đối tượng, tạo cho dân tin tưởng và yên tâm khi đến làm việc với cơ quan Nhà nước, đó chính là công

tác dân vận của cán bộ Nhà nước.

Đã có trường hợp khá điển hình về thái độ phi dân vận của cán bộ Nhà nước làm công tác chính sách. Đó là chuyện một người lính già đã về hưu đến phòng chính sách để làm thẻ thương binh; sau khi xem xét, người cán bộ trẻ làm công tác chính sách trả hồ sơ lại và bảo - thiếu thủ tục không giải quyết được; người lính già xoay lưng lại chỉ tay vào gáy mình nói:

- Nhưng mà còn một mảnh đạn cối sau ót tôi đây, anh có tin không?

Người cán bộ trẻ trả lời:

- Một mảnh cối chứ cả một quả đạn cối sau ót bác, cũng chịu.

Giận quá người lính già xé vụn tập hồ sơ rồi bỏ về.

Thái độ phi dân vận và vô lễ của người cán bộ trẻ làm công tác chính sách vừa nói đã đánh mất lòng tin của dân vào Nhà nước, làm suy giảm sức mạnh của hậu phương quân đội, làm yếu đi sự gắn kết giữa Đảng với dân; nếu cứ để nó kéo dài thì hậu quả sẽ khôn lường.

Theo quy định của Nhà nước, hầu hết những thủ tục giải quyết chính sách đều phải thông qua các đoàn thể ở xã, phường và trong thực tế nhiều hồ sơ khai man, khai tăng để hưởng chính sách cũng được xử lý thông qua sự phát hiện của nhân dân; kể cả những trường hợp bị thiệt thòi muốn xem xét giải quyết lại quyền lợi đúng đắn cho đối tượng, nếu biết dựa vào dân thì chúng ta cũng sẽ có thể xử lý chính xác.

Ở tỉnh ta cũng đã có trường hợp một công nhân làm việc ở một nông trường tại Nghệ An cách đây trên 30 năm đã phạm tội giết vợ, bị kết án tù 20 năm; chưa hết hạn tù thì

miền Nam được giải phóng, đất nước thống nhất. Thực hiện chính sách ân xá của Nhà nước, anh ta được tha về; tổ chức ở nông trường nọ lại lập hồ sơ liên tục công tác cho anh ta rồi chuyển vào Công ty Dầu tầm tơ Lâm Đồng công tác, sau một năm thì xin nghỉ hưu và đã được giải quyết (vì toàn bộ thủ tục hồ sơ không có thời gian tù của anh ta hoàn toàn hợp lý). Nhưng nhờ sự phát hiện của quần chúng nhân dân, chúng tôi đã tìm đến Công an Nghệ An và được cung cấp đầy đủ hồ sơ tội phạm của nhân vật này. Sơ đã quyết định cắt chế độ.

Vấn đề dân vận mà Bác Hồ viết cách đây 50 năm và Bác viết cho mọi ngành, mọi người, nhưng chúng tôi cứ tưởng như những điều Bác viết là để dành răn dạy cho những người làm công tác chính sách chúng tôi vậy.

(*) Bài tham luận tại Hội thảo
Tư tưởng dân vận của Bác Hồ. 10/1999.

Phật giáo Lâm Đồng luôn đồng hành theo con đường của dân tộc

Hòa thượng THÍCH TỪ MÂN

*Ủy viên Hội đồng trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam -
Trưởng ban Trị sự Tỉnh hội Phật giáo Lâm Đồng*

70 năm đã trôi qua kể từ khi Đảng cộng sản Việt Nam được thành lập, cũng là 70 năm hoạt động đầy hiệu quả của hệ thống Dân vận từ Trung ương đến cơ sở. Đất nước ta đã được độc lập, tự do và bước vào giai đoạn hàn gắn những mất mát trong đấu tranh và xây dựng đất nước được 25 năm rồi. Trong khoảng thời gian này, Phật giáo Việt Nam với lý tưởng diệt khổ, mang lại hạnh phúc cho mọi chúng sanh của Đức bốn sư Thích ca Mâu ni, đã không ngừng phát huy lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết hòa hợp dân tộc vốn đã được thể hiện từ 20 thế kỷ trước, đã đáp ứng lời kêu gọi của Đảng, tham gia công cuộc đấu tranh giành độc lập và xây dựng đất nước.

Phong trào chấn hưng Phật giáo trong những thập niên đầu thế kỷ 20 của Phật giáo Việt Nam thực chất là xuất phát từ lòng yêu nước, yêu đạo bằng cách thực hiện các hình thức hoạt động mạnh mẽ hơn, tân tiến hơn và hữu hiệu hơn; đúng

vào lúc Đảng đang kêu gọi yêu nước, giải phóng dân tộc. Con đường giải thoát cho chúng sanh khỏi khổ đau lúc này chính là con đường giải phóng dân tộc mà Hồ Chủ tịch đã vạch ra. Chúng ta có thể kể ra rất nhiều những vị tiên phong Phật giáo khởi từ phong trào chấn hưng Phật giáo và đến với cách mạng như sư Khánh Hòa, sư Thiện Chiếu, cư sĩ Nguyễn An Ninh, cư sĩ Lê Đình Thám... Lý tưởng Đạo pháp - Dân tộc nổi rõ trong rất nhiều tăng ni Phật tử tham gia cách mạng và trở thành những cán bộ, chiến sĩ cách mạng. Từ năm 1975, khi đất nước hoàn toàn thống nhất, Phật giáo lại cùng với chính quyền và nhân dân xây dựng đất nước xã hội chủ nghĩa, nỗ lực thực hiện đoàn kết, đã thảo luận, vận động để đến năm 1981, Giáo hội Phật giáo Việt Nam được thành lập trên cơ sở thống nhất 9 tổ chức hệ phái Phật giáo trên toàn lãnh thổ thành một tổ chức duy nhất, đó là Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Chỉ chưa đầy 20 năm, Giáo hội đã đạt được những thành tựu to lớn: tổ chức Giáo hội được thành lập chặt chẽ trên khắp các tỉnh thành với những hoạt động ban, ngành, viện... rất tích cực và hiệu năng. Chúng ta có thể nêu ra vài nét đáng chú ý như: sự trùng tu và xây dựng mới nhiều chùa chiền, tự viện, gần cả trăm tác phẩm Phật học được xuất bản mỗi năm; các tạp chí, tập san định kỳ như báo Giác ngộ, Tập văn, Tạp chí Nghiên cứu Phật học và nhiều kỷ yếu, đặc san, nội san Phật giáo được tăng ni Phật tử nhiệt tình đón nhận; Đại Tạng kinh Việt Nam lần đầu tiên được hình thành và đã in đến 31 tập, gồm khoảng 18.000 trang; hệ thống giáo dục phát triển mạnh nhất từ trước đến nay với 28 trường Trung cấp Phật học khắp cả nước, 3 Học viện Phật giáo, ngoài ra còn có nhiều lớp sơ, trung cấp, cao đẳng và nhiều khóa Phật học được tổ chức ở nhiều địa phương. Chỉ riêng tăng ni sinh đang du học theo chương trình cao học, tiến sĩ ở nước ngoài cũng đã hơn 100 vị.v.v...

Đối với Phật giáo tỉnh Lâm Đồng, hòa theo đà phát triển chung của tỉnh và đất nước cũng như của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Ban trị sự Phật giáo đã có nhiều đóng góp tích cực vào phong trào tốt đời đẹp đạo..., xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư và xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở... thu hút đông đảo tăng ni và Phật tử vào các phong trào thi đua do Mặt trận và Trung ương Giáo hội phát động, nổi bật là các ban ngành thuộc Ban trị sự Tỉnh hội đã làm tốt công tác từ thiện xã hội, giúp đỡ đồng bào nghèo, ủy lạo, cứu trợ đồng bào bị thiên tai, lập nhà tình thương, nhà tình nghĩa, xóa đói giảm nghèo, bảo vệ môi sinh môi trường, bảo tồn bản sắc dân tộc, duy trì nếp sống đạo đức, thực hiện tốt phương châm “Đạo pháp - Dân tộc và chủ nghĩa xã hội”. Nhờ đó mà tổ chức hệ thống Giáo hội không ngừng được củng cố, nhiều lớp sơ cấp, trung cấp Phật học với hàng trăm tăng ni sinh theo học và đang chuẩn bị xin phép chính quyền địa phương mở lớp cao đẳng Phật học... Những mặt hoạt động như Tăng sự, Hoằng pháp cũng đạt được những thành tích khả quan góp phần vào việc truyền bá giáo lý Phật giáo an cư, kiết hạ, huấn luyện trụ trì, giảng sư và đang nỗ lực đưa văn hóa Phật giáo vào các vùng sâu, vùng xa...

Đạt được những kết quả đó là nhờ sự giúp đỡ của Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, Ban Dân vận các cấp đối với việc chấn hưng Phật giáo nối tiếp con đường Hoàng dương, Chánh pháp. Vì vậy mà trong những năm qua, Phật sự được tiến hành khả quan. Tuy vậy, Giáo hội cũng còn có một số khó khăn tồn tại trong những dự định, kế hoạch của Tỉnh Hội sẽ được nêu ra. Ngoài nỗ lực tối đa của Giáo hội Phật giáo tỉnh, chúng tôi mong được sự giúp đỡ của Đảng, chính quyền, các ban ngành, Mặt trận, đoàn thể của địa phương trên một số lĩnh vực hoạt động của Giáo hội, nhất là lĩnh vực đào tạo tăng tài, ổn định đất đai, cơ sở thờ tự.v.v... để phát huy tốt

vai trò của Giáo hội, xứng đáng là ngôi nhà chung của Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh, vững bước cùng với đồng bào các dân tộc tỉnh nhà bước vào thế kỷ thứ 21, thế kỷ của công bằng, văn minh, hiện đại, nhằm thực hiện cho kỳ được đường hướng của Giáo hội Phật giáo Việt Nam đề ra là “Đạo pháp - Dân tộc và chủ nghĩa xã hội”, thể hiện Từ bi và Trí tuệ, Vô ngã và Vị tha của Đức Phật; trong nỗ lực đóng góp công sức xây dựng tỉnh nhà cùng với chính quyền và nhân dân tỉnh. tăng ni Phật tử Tỉnh hội Phật giáo Lâm Đồng tin chắc rằng các Phật sự sẽ thành công tốt đẹp và ý thức rõ ràng rằng mình đang đi trên con đường của Dân tộc.■

“Sống phúc âm trong lòng dân tộc, để phục vụ hạnh phúc đồng bào”

Linh mục PHẠM VĂN NHƯỢNG
(Chủ tịch Ủy ban Đoàn kết Công giáo tỉnh Lâm Đồng)

Tại hội nghị lần thứ 2, nhiệm kỳ III tháng 1 năm 1999, Ủy ban Đoàn kết Công giáo Việt Nam chính thức phát động rộng rãi trong đồng bào Công giáo Việt Nam phong trào thi đua “Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư, sống tốt đời, đẹp đạo”. Mục tiêu của phong trào đặt ra là: Vận động đồng bào công giáo đoàn kết, phát huy truyền thống yêu nước, thực hiện tốt các nghĩa vụ công dân, thông qua các phong trào yêu nước ở địa phương đóng góp tích cực vào công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc, cùng đồng bào cả nước thực hiện sự nghiệp CNH - HĐH đất nước trong thời kỳ đổi mới, phấn đấu cho mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh”, đồng thời giúp đồng bào công giáo sống đạo gắn với tinh thần Thư Chung 1980 của Hội đồng Giám mục Việt Nam “sống phúc âm trong lòng dân tộc, để phục vụ hạnh phúc đồng bào”.

Ở Lâm Đồng có khoảng 60% dân theo các tôn giáo khác

nau. Trong đó đồng bào theo đạo Công giáo là 250.000 người, chiếm 25% dân số toàn tỉnh, với 5 giáo hạt, 61 giáo xứ, 42 giáo họ và nhiều dòng tu nam, nữ. Năm 2000 là năm diễn ra nhiều sự kiện trọng đại. Bối cảnh đó đã tác động không nhỏ đến phong trào thi đua yêu nước của đồng bào Công giáo tỉnh Lâm Đồng. Và, trong mọi hoàn cảnh, đồng bào Công giáo đã phát huy truyền thống yêu nước, đoàn kết, tích cực tham gia lao động, sản xuất, phát triển kinh tế, thực hiện tốt các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, xây dựng nếp sống văn hóa, phòng chống các tệ nạn xã hội, thực hiện nếp sống đạo và thể hiện niềm tin Kitô giáo bằng những việc làm thiết thực, cụ thể qua các lĩnh vực.

Thực hiện cuộc vận động trên của Ủy ban Đoàn kết Công giáo Việt Nam, trong thời gian qua, đồng bào Công giáo tỉnh Lâm Đồng đã có nhiều cố gắng và đã đạt những kết quả đáng khích lệ. Trong đó, thể hiện rõ nhất là trên lĩnh vực lao động sản xuất, ổn định đời sống, tiến tới dân giàu nước mạnh. Thực hiện công cuộc đổi mới đất nước, các giáo dân Công giáo Lâm Đồng đã rất chú trọng đến việc áp dụng những tiến bộ của khoa học kỹ thuật, biết chuyển đổi cơ cấu cây trồng một cách hợp lý, không ngừng cải tiến, đưa các giống mới có năng suất cao vào sản xuất nông nghiệp. Theo báo cáo của các Tổ Đoàn kết Công giáo thì thu nhập của các hộ sản xuất nông nghiệp trong đồng bào Công giáo tỉnh Lâm Đồng đã ngày càng được nâng cao. Cá biệt có những hộ có thu nhập mỗi năm lên đến 80 triệu hoặc trên 100 triệu đồng. Với tinh thần bác ái, thương yêu đồng loại, người Công giáo Lâm Đồng đã ý thức được việc giải quyết khó khăn trong đời sống không chỉ thông qua công tác từ thiện mà còn phải giúp nhau cùng vươn lên bằng chính khả năng của mình trong hoạt động sản xuất. Trong hai năm gần đây, các Giáo xứ và dòng tu đã có khá nhiều các hình thức giúp nhau xóa đói, giảm nghèo như cho

các hộ nghèo vay không lãi hàng chục triệu đồng, giúp hàng trăm kg thóc giống... Những kết quả này của đồng bào Công giáo đã góp phần cùng với nhân dân tỉnh Lâm Đồng thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế chung của tỉnh nhà. Điều đó cũng là kết quả của việc thực hiện theo một trong những nội dung của Thư Chung năm 1980 là: “Về nhiệm vụ thứ nhất là tích cực góp phần cùng đồng bào cả nước bảo vệ và xây dựng Tổ quốc, chúng tôi muốn khẳng định rằng: Yêu Tổ quốc yêu đồng bào đối với người Công giáo không những là một tình cảm tự nhiên phải có, mà còn là một đòi hỏi của phúc âm...” (Thư Chung của Đại hội Giám mục Việt Nam gửi toàn thể linh mục, tu sĩ và giáo dân cả nước năm 1980).

Với đồng bào Công giáo, việc thực hiện cuộc phát động của Ủy ban Đoàn kết Công giáo Việt Nam (tháng 1/1999 tại Hội nghị lần thứ 2, nhiệm kỳ III) cũng là thực hiện tốt cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư” do Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát động. Cuộc vận động đó đã tập hợp được các phong trào thi đua yêu nước của các cấp, các ngành, tạo được nhiều hoạt động phong phú và đa dạng; khơi dậy được nếp sống lành mạnh và không khí tình làng nghĩa xóm để mọi người cùng nhau xây dựng cuộc sống ấm no cho bản thân mình và cho cả cộng đồng dân cư trên cùng địa bàn. Qua tổng kết phong trào hàng năm đã có rất nhiều gương người tốt là giáo dân; đông đảo gia đình Công giáo trong tỉnh Lâm Đồng đạt danh hiệu gia đình có cuộc sống mới, nhiều khu dân cư toàn tòng được công nhận là khu dân cư có cuộc sống mới. Trong đó, nổi bật lên là hoạt động đóng góp xây dựng các cơ sở hạ tầng tại địa phương của đồng bào giáo dân. Ví dụ tại Đà Lạt, giáo dân đã đóng góp trên 500 triệu đồng để tu sửa đường; tại Đơn Dương, đóng góp trên 400 triệu đồng để làm cầu, công trình điện và xây mương thủy lợi; tại Lâm Hà đóng góp gần 400 triệu đồng

và hàng ngàn công lao động cho công trình kéo điện thắp sáng và tu sửa đường sá; tại Bảo Lâm, bà con giáo dân đã đóng góp hàng trăm triệu đồng cho việc mở đường liên thôn, làm cầu treo, kéo điện phục vụ cho đồng bào Công giáo vùng sâu. Đặc biệt là, việc thực hiện nếp sống văn hóa trong sinh hoạt đạo, đời, các tổ chức nghi lễ tôn giáo được thực hiện đúng theo quy định. Trong đó, đáng chú ý là việc cưới, việc tang và các lễ hội Công giáo đã luôn được tổ chức một cách phù hợp với cuộc sống mới. Thực hiện nếp sống văn hóa không chỉ bằng hình thức bề ngoài mà người Công giáo còn luôn được dạy phải sống với tinh thần của giới luật là thảo kính cha mẹ và yêu người như yêu chính mình. Từ đó các phong trào xây dựng gia đình hoà thuận, “Ông bà mẫu mực, con cháu thảo hiền” do MTTQ phát động được đồng bào Công giáo tỉnh Lâm Đồng nhiệt tình hưởng ứng. Rất nhiều gương con cháu thảo hiền trong đồng bào Công giáo xuất hiện, trong đó, điển hình là gia đình chị Lan tại Giáo xứ Ka Đô (Đơn Dương) đã được đi dự hội nghị con cháu thảo hiền do Trung ương tổ chức.

Bên cạnh đó, các hoạt động xã hội cũng đã được bà con giáo dân trong toàn tỉnh đặc biệt quan tâm và tham gia thực hiện mang lại kết quả khá cao. Trong công tác từ thiện - nhân đạo, đồng bào Công giáo tỉnh Lâm Đồng luôn thể hiện tấm lòng của mình với những hoàn cảnh khó khăn, với tinh thần phục vụ tha nhân, nhường cơm xẻ áo, giáo dân trong tỉnh luôn hưởng ứng tích cực những cuộc cứu trợ đồng bào bị thiên tai lũ lụt hàng năm. Riêng đợt lũ lụt 1999 tại các tỉnh miền Trung, đồng bào Công giáo tỉnh Lâm Đồng đã nhanh chóng quyên góp thông qua sự vận động của MTTQ các cấp, các đoàn thể cũng như góp theo giáo xứ, kịp thời tổ chức đi thăm và cứu trợ đồng bào bị nạn. Trong đó có nhiều cá nhân và tập thể đã không nề hà đóng góp một khoản tiền lớn như

Tòa Giám mục góp hàng chục triệu đồng; cá nhân góp hàng chục triệu đồng điển hình là linh mục Vũ Đình Tân. Ở khía cạnh khác của công tác xã hội, vấn đề được bà con giáo dân quan tâm rất nhiều nữa là giáo dục. Trong đó nổi lên là các hình thức khuyến học. Hầu hết các giáo xứ đều có tổ chức khen thưởng, động viên con em giáo dân học tập đạt kết quả cao. Điều đó đã góp phần nâng cao chất lượng học tập của con em giáo dân mà biểu hiện rõ nhất là số lượng học sinh Công giáo đạt học sinh giỏi các cấp ngày một tăng, đạt nhiều giải thưởng tại các cuộc thi như em Nguyễn Thị Thành Lai (Đơn Dương) đoạt giải nhất tỉnh tại cuộc thi “Nhà hùng biện trẻ” do Tỉnh Đoàn tổ chức. Có thể nói, trong hai năm qua, các linh mục và các dòng tu có rất nhiều đóng góp cho việc phát triển sự nghiệp giáo dục: Thành phố Đà Lạt mỗi năm khen thưởng gần 500 học sinh trị giá trên 20 triệu đồng; kết hợp mở nhà trẻ nhân đạo tại xã Tà Nung nuôi 20 em dân tộc chi phí hàng năm hàng chục triệu đồng. Tại Đức Trọng, bà con giáo dân đã đóng góp tiền để xây dựng trường lớp, mở lớp học tình thương, lớp dạy nghề, trợ cấp học bổng cho học sinh nghèo vượt khó hàng năm chi phí lên đến hàng trăm triệu đồng. Tại Đa Tẻh, linh mục Dương Công Hồ chi trên 400 triệu đồng để xây dựng trường học. Tại Lâm Hà, các linh mục đã tổ chức nuôi dạy miễn phí 19 học sinh dân tộc nghèo; hàng năm trợ cấp 500.000 đồng cho trẻ em nghèo vượt khó. Riêng tại Bảo Lộc, việc chăm lo cho sự nghiệp giáo dục là thế mạnh của Tổ Đoàn kết Công giáo thị xã. Tại đây, các linh mục quản xứ ngoài việc đóng góp công sức và tiền bạc còn thường xuyên liên hệ với các ban giám hiệu để theo dõi việc học của các cháu; luôn nhắc nhở phụ huynh cũng như khuyên bảo các cháu giữ nghiêm kỷ luật và chăm lo học hành; đối với các gia đình có hoàn cảnh khó khăn, kinh tế eo hẹp, con em đi học không liên tục đều được các linh mục giúp đỡ từ bậc học mẫu giáo đến đại học.

Ngoài những hoạt động trên, trong việc thực hiện phong trào thi đua “Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư, sống tốt đời, đẹp đạo”, trong những năm gần đây, đồng bào giáo dân trong tỉnh cũng đã có nhiều hoạt động thiết thực trong việc tham gia phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc, tham gia xây dựng chính quyền cơ sở vững mạnh.

Trong Thư Chung nêu trên có nói: “Lòng yêu nước của chúng ta phải thiết thực, nghĩa là chúng ta phải ý thức được những vấn đề hiện tại của quê hương, phải hiểu biết đường lối chính sách và pháp luật của Nhà nước, và tích cực cùng đồng bào toàn quốc góp phần bảo vệ và xây dựng một nước Việt Nam giàu mạnh, tự do và hạnh phúc”. Những việc làm trên của đồng bào Công giáo cho thấy cộng đồng Công giáo ngày nay có vị trí xứng đáng trong cộng đồng dân tộc Việt Nam và đúng như nội dung của Thư Chung đã nêu là: “Là Hội Thánh trong lòng dân tộc Việt Nam, chúng ta quyết tâm gắn bó với vận mệnh quê hương, đất nước, noi theo truyền thống dân tộc, hòa mình vào cuộc sống hiện tại của đất nước”.

Dựa vào dân để thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội (*)

VŨ NGỌC SƠN

(Phó Chủ tịch UBND huyện Đa Tễ)

Đạ Tễ là huyện miền núi thuộc phía Nam tỉnh Lâm Đồng, được thành lập năm 1986. Trong những năm trước đây, đường sá giao thông đi lại còn nhiều trở ngại, cơ sở hạ tầng phát triển chưa đồng bộ, đời sống của một bộ phận nhân dân nhất là ở vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc còn gặp nhiều khó khăn. Tuy nhiên, dưới sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng địa phương cùng với sự đoàn kết thống nhất, sự nỗ lực đóng góp của các tầng lớp dân cư trên địa bàn, hiện nay, tình hình kinh tế - xã hội của huyện Đa Tễ đã có những bước chuyển biến quan trọng. Hệ thống đường giao thông được nâng cấp, tu bổ tạo điều kiện thuận lợi cho sự đi lại của nhân dân. Hệ thống thủy lợi tưới tiêu phục vụ sản xuất được đầu tư, diện tích quốc gia đã kéo đến trung tâm tất cả các xã, thị trấn trong huyện. Mạng lưới thông tin liên lạc, truyền thanh - truyền hình phát triển nhanh phục vụ tốt hơn nhu cầu văn hóa tinh thần của nhân dân lao động. Công tác giáo dục, y tế được chăm lo đầu tư đúng mức và đạt được những kết quả cụ thể, thiết thực. An ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội

luôn giữ vững.

Đạt được kết quả trên đây có phần đóng góp to lớn của công tác vận động quần chúng của cả hệ thống chính trị nói chung và của chính quyền các cấp trong huyện nói riêng. Nếu như có chủ trương đúng mà công tác vận động quần chúng thực hiện không tốt thì khó đạt kết quả như mong muốn. Qua thực hiện hai chủ trương lớn của huyện là huy động nhân dân xây dựng hệ thống kênh mương nội đồng phục vụ sản xuất và đóng góp xây dựng mạng lưới điện đã nói lên ý nghĩa và tầm quan trọng công tác dân vận của chính quyền.

1. Công tác vận động nhân dân đóng góp xây dựng kênh mương nội đồng: Đa Tề là huyện chủ yếu sản xuất lương thực, được Nhà nước đầu tư xây dựng cho huyện công trình thủy lợi Đa Tề với tổng kinh phí hơn 100 tỉ đồng.

Xác định đây là công trình trọng điểm của huyện, khi hoàn thành sẽ tạo chuyển biến lớn về sản xuất nông nghiệp của địa phương và tạo điều kiện để phát triển các mặt kinh tế - xã hội khác, nên ngay từ đầu khi khởi công công trình, Ủy ban nhân dân huyện đã tập trung chỉ đạo các ngành, các địa phương trong huyện làm tốt công tác tuyên truyền vận động nhân dân đóng góp sức người, sức của để cùng Nhà nước xây dựng công trình. Cụ thể, đó là việc huy động nhân dân xây dựng 420 km kênh mương cấp 3-4 với khối lượng đào đắp 1.260 triệu m³ tương đương với 1,5 triệu ngày công lao động. Điều đáng quan tâm là do thấy được lợi ích chung nên nhân dân không ai đòi hỏi tiền đền bù thiệt hại đất đai, cây trồng khi xây dựng kênh mương nội đồng. Ngoài ra, hàng năm huyện còn huy động hàng ngàn công lao động để tu sửa, nạo vét kênh mương phục vụ sản xuất.

2. Đối với việc vận động nhân dân đóng góp xây dựng mạng lưới điện nông thôn:

Từ năm 1993, sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh đầu tư

đường dây 35 KV từ trạm hạ thế điện Đa Huoai đến trạm hạ thế 25 KVA Đa Têh; Ủy ban nhân dân huyện nhận thấy đây là sự quan tâm thiết thực của Nhà nước đối với nhân dân vùng kinh tế mới, nên đã tập trung chỉ đạo vận động nhân dân thực hiện phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, xây dựng các công trình hạ thế điện, đưa điện đến khu vực dân cư. Đây là một chủ trương hợp lòng dân, gắn liền với lợi ích của nhân dân nên được người dân đồng tình ủng hộ, tự giác đóng góp trên 1 tỉ đồng, để cùng Nhà nước kéo 32 km đường điện dưới 20KV, chưa kể số kinh phí nhân dân tự bỏ ra để đưa điện từ đường dây vào đến nhà. Kết quả đến nay đã có 2.990 hộ nhân dân sử dụng điện chiếm tỷ lệ 34% tổng số hộ dân toàn huyện, 54 thôn có điện chiếm tỷ lệ 58% tổng số thôn toàn huyện và 10/10 trung tâm các xã có điện.

Qua kết quả đạt được cùng với thực tế hoạt động của chính quyền ở địa phương trong công tác vận động quần chúng thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng, chúng tôi đã rút ra được một số kinh nghiệm trong các bước triển khai như sau:

Bước 1: Trên cơ sở kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng của địa phương, trước một công việc cần phải vận động, huy động sự đóng góp của nhân dân, chính quyền địa phương cụ thể là UBND huyện phải xác định phương án phù hợp với chính sách của Nhà nước và có khả năng thực thi, đồng thời cũng phải xuất phát từ điều kiện thực tế của nhân dân thì cuộc vận động mới đạt kết quả. Khi xây dựng phương án, cần phải đưa ra nhiều phương án khác nhau để chọn phương án tối ưu. Chẳng hạn việc huy động nhân dân tham gia xây dựng kênh mương nội đồng phải có phương án huy động bằng công trực tiếp, huy động bằng tiền hoặc kết hợp cả huy động một phần công trực tiếp và một phần bằng tiền. Đồng thời chọn thời gian, thời vụ phù hợp với điều kiện và tình hình sản xuất ở địa phương, để tạo điều kiện nhân dân tham gia vào công việc một cách thoải mái, phấn khởi.

Bước 2: Khi đã chọn được phương án tối ưu thì phải đưa ra bàn bạc thống nhất trong lãnh đạo Đảng, chính quyền, các đoàn thể quần chúng từ huyện đến xã để tạo sự thống nhất cao trong tư tưởng, trong chỉ đạo thực hiện và tổ chức tuyên truyền giáo dục; vận động nhân dân tham gia thực hiện.

Bước 3: Bằng nhiều cách đưa các phương án ra tổ chức học tập, trao đổi trong nhân dân, trong các đoàn thể quần chúng để người dân xem xét, hiểu rõ tầm quan trọng của công việc, thống nhất mức đóng góp và bàn bạc việc triển khai thực hiện phương án. Chẳng hạn như khi đề ra chủ trương xây dựng kênh mương nội đồng, xây dựng đường điện... Nhà nước không phải trả tiền đền bù đất đai, cây cối, hoa màu cho những hộ dân bị thiệt hại mà để số tiền này tập trung xây dựng các hạng mục trọng yếu khác, được đưa ra bàn bạc công khai dân chủ trước nhân dân nên được nhân dân đồng tình ủng hộ. Hoặc việc xây dựng quy trình mắc điện vào từng hộ dân, cơ cấu giá điện bán lẻ cũng được đưa ra nhân dân thảo luận, thống nhất mức đóng góp phù hợp, đóng nhiều lần trong năm hoặc tạo điều kiện cho nhân dân vay vốn Ngân hàng để xây dựng đường điện của từng vùng, từng khu vực. Qua thực tế cho thấy, bằng những cách làm như vậy, quyền dân chủ của nhân dân được đảm bảo, người dân được bàn bạc, trao đổi công việc của mình, do đó họ rất đồng tình ủng hộ và tích cực thực hiện.

Bước 4: Tổ chức thực hiện các phương án đồng thời với việc tăng cường các biện pháp tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng để đôn đốc người dân thực hiện nghĩa vụ của mình đối với cộng đồng, đối với công trình mang lợi ích thiết thực cho gia đình và bản thân họ. Kinh nghiệm trong bước này cho thấy, việc vận động cán bộ, đảng viên gương mẫu, đi đầu trong thực hiện thì người dân sẽ noi theo và kết quả chắc chắn sẽ rất khả quan.

Bước 5: Tất cả các công trình, các công việc từ lớn đến nhỏ đều được công khai về kinh phí đầu tư của Nhà nước, kết quả đóng góp

của nhân dân và hiệu quả, lợi ích của công trình để nhân dân được rõ; qua đó giúp nhân dân thực hiện được quyền kiểm tra, giám sát đối với hoạt động của chính quyền. Nhân dân thỏa mãn với công sức, tiền của của mình bỏ ra thì những cuộc vận động, những phương án tiếp theo của chính quyền đưa ra sẽ được nhân dân đồng tình ủng hộ và tự giác thực hiện.

(*) *Bài tham luận tại Hội thảo
Tư tưởng dân vận của Bác Hồ, 10/1999*

Dân vận và công tác xét giải quyết khiếu tố

VŨ VĂN SÈ

(Phó Chánh Thanh tra Nhà nước tỉnh Lâm Đồng)

Bài báo “Dân vận” của Bác Hồ đăng trên báo Sự Thật số 120 ngày 15/10/1949, thể hiện rõ quan điểm tư tưởng của Bác về dân và công tác dân vận. Đây là một tác phẩm mang tính lý luận và thực tiễn sâu sắc, cho đến nay vẫn giữ nguyên giá trị và rất cần tiếp tục nghiên cứu để vận dụng vào mọi công việc, nhất là những công việc có liên quan trực tiếp đến dân như công tác xét giải quyết khiếu nại, tố cáo của nhân dân.

Theo Bác, “dân vận là vận động tất cả lực lượng của mỗi một người dân, không để sót một người dân nào, góp thành lực lượng toàn dân, để thực hành những công việc nên làm, những công việc Chính phủ và đoàn thể đã giao cho”. Cùng theo Bác, công tác dân vận không phải là công việc của riêng ai, mà “tất cả cán bộ chính quyền, tất cả cán bộ đoàn thể và tất cả hội viên của các tổ chức nhân dân (Liên Việt, Việt Minh,...) đều phải phụ trách dân vận”. Từ quan điểm tư tưởng của Bác về công tác dân vận, liên hệ đến công tác xét giải

quyết khiếu tố hiện nay, một công việc giải quyết các vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền lợi của nhân dân, thì thấy rằng, nếu giải quyết tốt các khiếu tố của dân sẽ có tác dụng lớn, củng cố lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước, góp phần vận động mỗi một người dân tích cực tham gia vào sự nghiệp chung của đất nước. Trong bài báo “Nhớ ngày 15 tháng 10” của đồng chí Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu, đăng trên Tạp chí Cộng sản số 20 tháng 10 năm 1999, khi nói về nhiệm vụ công tác dân vận, đã có chỉ đạo một trong mấy việc cần tập trung làm đến nơi đến chốn là: “Các cơ quan có trách nhiệm giải quyết các đơn thư khiếu nại, cố gắng tập trung thời gian và sức lực để sớm có kết luận và thông báo cho người khiếu nại. Những việc gì đã có kết luận thì các cơ quan liên quan phải chấp hành đúng theo luật định. Không được chậm trễ, ảnh hưởng đến lòng tin của nhân dân”.

Xét và giải quyết khiếu nại, tố cáo là một công việc bình thường của Nhà nước ở tất cả các chế độ xã hội. Về mặt pháp lý, xét và giải quyết khiếu tố đơn thuần là việc giải quyết mối quan hệ giữa người dân với các cơ quan Nhà nước, phát sinh khi người dân có đơn thư khiếu tố phản ánh về các hành vi mà họ cho là trái pháp luật, vi phạm quyền lợi của công dân, của xã hội. Nhưng ở chế độ ta hiện nay, xét giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân còn mang ý nghĩa sâu sắc hơn, thực chất đó là việc xử lý mối quan hệ giữa dân với Đảng và Nhà nước. Nếu làm tốt công tác xét và giải quyết khiếu tố, kịp thời khôi phục những quyền lợi chính đáng của công dân bị xâm phạm theo đơn khiếu nại; đồng thời xử lý kịp thời, nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật theo đơn tố cáo thì góp phần giữ vững và củng cố lòng tin của mỗi người dân đối với Đảng và Nhà nước, và khi đã có lòng tin thì vận động việc gì cũng được dân tích cực hưởng ứng. Ngược lại, nếu công tác xét giải quyết khiếu tố không tốt, quyền lợi chính đáng của công

dân bị xâm phạm nhưng không được khôi phục, đòi hỏi chính đáng của công dân không được đáp ứng, các hành vi vi phạm pháp luật không được xử lý nghiêm minh thì người dân sẽ không còn tin vào Đảng và Nhà nước. Khi đã như vậy, ắt hẳn tích cực tham gia các công việc chung cũng bị giảm sút, cá biệt có thể dẫn đến hành động chống đối. Nhiều nơi chỉ từ việc cán bộ chính quyền cơ sở thiếu trách nhiệm trong việc xem xét giải quyết kịp thời các khiếu tố của nhân dân mà dẫn đến khó khăn trong công tác thu thuế nông nghiệp, nhân dân địa phương không tích cực hưởng ứng các cuộc vận động đóng góp. Bài học kinh nghiệm từ tỉnh Thái Bình, do không kịp thời xem xét, kết luận và xử lý nghiêm minh các hành vi tiêu cực của cán bộ cơ sở theo đơn tố cáo của dân, đã dẫn đến việc dân phản ứng, bắt giữ cán bộ Nhà nước, làm vô hiệu hóa các cơ quan Đảng và chính quyền ở địa phương; đây là một bài học đắt giá. Nghiền ngấm những bài học thực tế đó, càng thấm thía lời dạy của Bác Hồ: “Đồng bào có oan ức mới khiếu nại, hoặc vì chưa hiểu rõ chính sách của Đảng và Chính phủ mà khiếu nại; ta phải giải quyết nhanh, tốt thì đồng bào mới thấy rõ Đảng và Chính phủ quan tâm lo lắng đến quyền lợi của họ, do đó mối quan hệ giữa nhân dân với Đảng và Chính phủ càng được củng cố tốt hơn”.

Với tầm quan trọng đặc biệt như vậy, cho nên công tác xét giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân được Đảng và Nhà nước hết sức quan tâm. Khiếu nại tố cáo được Hiến pháp quy định là một quyền cơ bản của công dân. Nhà nước cũng đã ban hành Luật khiếu nại tố cáo. Việc tăng cường hiệu quả của công tác này là một việc làm đáng quan tâm của tất cả các cơ quan có trách nhiệm trong việc xét giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân; nhất là hiện nay tình hình đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân ngày càng có chiều hướng gia tăng về số lượng và nội dung ngày càng phức tạp hơn.

Tuy nhiên, đánh giá công tác xét giải quyết khiếu tố như thế nào là có hiệu quả cũng là một vấn đề đáng phải bàn. Phải nói rằng, từ trước tới nay, việc đánh giá hiệu quả của công tác xét giải quyết khiếu tố chủ yếu căn cứ vào việc chấp hành trình tự thủ tục giải quyết, thời hạn giải quyết theo luật định, tỷ lệ đơn đã giải quyết, nội dung giải quyết căn cứ theo pháp luật để có nhận định. Việc đánh giá như trên có vẻ hết sức khoa học, có tiêu chí rõ ràng, nhưng đối chiếu với tư tưởng của Bác Hồ về dân và công tác dân vận, thì việc đánh giá như vậy còn nặng về hình thức, chưa đánh giá được thực chất sự việc. Bởi vì còn thiếu yếu tố “lòng dân”, nên cách đánh giá đó chưa phù hợp với đặc thù của công tác xét giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân. Trong thực tế, nhiều vụ việc đã được giải quyết hoàn toàn đúng pháp luật, nhưng người dân không chấp hành và Nhà nước phải tiến hành cưỡng chế, dư luận còn có những ý kiến không đồng tình. Liệu có chắc rằng việc giải quyết các vụ việc đó đã đạt hiệu quả tốt?

Để đảm bảo hiệu quả công tác xét giải quyết khiếu tố trong tình hình hiện nay, ngoài việc tuân thủ các quy định của pháp luật, cần quán triệt và vận dụng đúng đắn tư tưởng của Bác về dân và công tác dân vận.

Trước hết, việc xem xét các vụ việc nhân dân khiếu nại tố cáo cần hết sức thận trọng, tỉ mỉ, đứng về phía người dân để cân nhắc kỹ lưỡng, tôn trọng quyền lợi chính đáng của dân, như Bác đã nói: “Bao nhiêu lợi ích đều vì dân”. Không ít trường hợp, nếu chỉ căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết thì người dân bị thiệt thòi. Bởi vì, pháp luật chỉ quy định những vấn đề chung nhất, phù hợp với ý chí của một số đông người trong xã hội, nên không thể quy định tỉ mỉ. Trong những trường hợp cụ thể, có thể chưa thật phù hợp với pháp luật, nhưng giải quyết quyền lợi thỏa đáng cho một người dân mà quyền lợi đó không ảnh hưởng đến quyền lợi

của Nhà nước, của tập thể, của người khác, thì lại là một việc làm có ý nghĩa cho người dân. Một sự việc cụ thể: một hộ ở thị trấn Đ, huyện L xin đi kinh tế mới ở xã R cùng huyện và được Ủy ban nhân dân huyện, Ban định canh định cư huyện đồng ý. Trong đơn xin đất, Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt và giao cho Ủy ban nhân dân xã R bố trí đất. Ủy ban nhân dân xã R lại tiếp tục phê vào đơn cho thôn trưởng giao đất và thôn trưởng y lệnh đã chỉ đất cho hộ gia đình này. Hộ gia đình này đã làm nhà, ổn định cuộc sống từ 1994 đến nay. Nhưng hiện nay, huyện quy hoạch khu đất này làm công trình công cộng và thu hồi lại đất này, không bồi thường đất vì lý do chưa có giấy tờ hợp pháp và bác yêu cầu khiếu nại đòi lại đất. Việc giải quyết như vậy không trái về mặt pháp luật, nhưng phải chăng đã đảm bảo quyền lợi chính đáng của người dân? Phải chăng đã thật sự tôn trọng lợi ích của dân? Hay phải chăng chỉ mới thấu lý mà chưa đạt tình?

Thứ hai, trong giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân cần phải biết dựa vào dân, vận dụng tư tưởng “Bao nhiêu quyền hạn đều của dân” của Bác. Trong thực tế, có những sự việc tưởng chừng như bế tắc nhưng biết tranh thủ ý kiến của dân thì sự việc được giải quyết dứt điểm, thành công. Một sự việc cụ thể: Một số cán bộ Ủy ban nhân dân xã nọ bị tố cáo có hành vi tiêu cực trong thu chi sử dụng tiền đóng góp của nhân dân để xây dựng đường điện. Qua xác minh, đã kết luận đơn tố cáo có phần đúng, hàng chục triệu đồng trong số tiền dân đóng góp đã bị cán bộ xã chi tiêu trong các “quan hệ” như ăn nhậu, quà cáp, biếu xén..., chứng từ thu chi không hợp lệ. Đến đây, thì sự việc trở nên phức tạp. Những người tố cáo thì có thái độ gay gắt đòi xử lý thật nghiêm khắc, thậm chí có ý kiến yêu cầu khởi tố. Những cán bộ vi phạm thì tìm mọi cách phản ứng, trốn tránh trách nhiệm. Nếu xử lý không khéo thì dẫn đến đơn thư khiếu tố tiếp tục phát sinh, nội bộ mất ổn

định. Do vậy, sự việc được đưa ra dân. Nhân dân trong xã được thông báo toàn bộ kết quả thu chi tiền nhân dân đóng góp, cụ thể từng khoản vi phạm. Nhân dân đã có ý kiến rất rõ ràng, chấp nhận các khoản chi tuy chứng từ không hợp lệ nhưng nội dung chi hợp lý, yêu cầu hoàn trả lại cho dân các khoản chi tiêu tùy tiện, không hợp lý và phê bình nghiêm khắc các cán bộ vi phạm. Từ ý kiến của dân, sự việc được giải quyết dứt điểm. Những người tố cáo không còn lý do bực bội thái độ cực đoan thái quá. Những cán bộ xã vi phạm cũng không từ chối, trốn tránh trách nhiệm trước nhân dân và khắc phục các hậu quả.

Thứ ba, trong giải quyết khiếu tố cần coi trọng việc tiếp xúc và giải thích cho nhân dân kỹ càng các chính sách, pháp luật liên quan đến việc khiếu nại, tố cáo và giải thích rõ các căn cứ giải quyết. Không ít người dân do không hiểu chính sách, pháp luật nên mới khiếu nại, tố cáo. Đối với những người khiếu nại, tố cáo không đúng chính sách, pháp luật, khi nhận được quyết định giải quyết bác yêu cầu khiếu nại mà không được giải thích cặn kẽ thường có thái độ ầm ỹ, thậm chí có người chống đối không thi hành quyết định. Nhưng nhiều người khi đã được giải thích cặn kẽ thì vui vẻ chấp nhận, tự giác thi hành quyết định giải quyết và cũng có nhiều người xin rút đơn, Nhà nước không cần ban hành quyết định giải quyết.

Tuy nhiên, cũng có người vì quyền lợi cá nhân, nên mặc dù đã được giải thích nhiều lần vẫn cố tình không chấp nhận việc giải quyết của các cơ quan chính quyền Nhà nước. Gặp những trường hợp này, thì việc giải thích cho nhân dân xung quanh hiểu rõ sự việc là hết cần thiết nhằm tạo ra dư luận phê phán, trường hợp cưỡng chế cũng nhận được sự đồng tình của nhân dân.

Cũng có những sự việc khi được giải thích rõ ràng, nhân dân thông thì tự nhân dân giải quyết có kết quả tốt. Một sự việc cụ thể: Ở giáp một khu dân cư nọ có một khu nghĩa trang nằm trên một quả đồi. Chính quyền địa phương dự kiến chuyển khu nghĩa trang ra vị trí xa hơn để đảm bảo vệ sinh môi trường và trồng lại cây trên đồi để tạo cảnh quan cho khu dân cư. Nhưng khi triển khai thì gặp sự phản ứng, các hộ ở khu dân cư nọ đồng thanh khiếu kiện vì lý do xâm phạm mồ mả. Sau khi được giải thích và vận động, hiểu rõ lợi ích của việc di chuyển khu nghĩa trang và chấp nhận để các hộ tự chọn địa điểm khu nghĩa trang mới, thì các hộ cũng đồng thanh nhất trí chủ trương của lãnh đạo địa phương, tự nguyện dời mồ mả đến khu nghĩa trang mới, không nhận tiền hỗ trợ di dời để có thêm chi phí san lấp và trồng lại cây xanh trên đồi ở khu nghĩa trang cũ. Qua sự việc này, càng thấm thía lời dạy của Bác: “Trước nhất là phải tìm mọi cách giải thích cho mỗi một người dân hiểu rõ ràng: việc đó là lợi ích cho họ và nhiệm vụ của họ, họ phải hăng hái làm cho kỳ được”.

Qua một số sự việc cụ thể kể trên lại càng thấm thía hơn lời dạy của Bác: “Dân vận kém thì việc gì cũng kém. Dân vận khéo thì việc gì cũng thành công”, càng đúng với những việc có liên quan trực tiếp đến quyền lợi của người dân và công việc xét giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân là một trong những công việc như vậy. ■

Thi đua yêu nước trong thời kỳ đổi mới ở Lâm Đồng

NGUYỄN QUANG NHÀN

Là một bộ phận của phong trào thi đua yêu nước của nhân dân địa phương, phong trào thi đua lao động giỏi, phong trào thi đua yêu nước trong công nhân viên chức - lao động tỉnh Lâm Đồng thời kỳ đổi mới đã được hình thành, phát triển trong cơ chế mới và đã góp phần quan trọng cùng phong trào thi đua yêu nước của nhân dân tỉnh nhà, giáo dục, rèn luyện, xây dựng đội ngũ công nhân lao động, giữ vững ổn định chính trị, an ninh quốc phòng, phát triển kinh tế - xã hội địa phương đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa. Từ cơ chế, thực tiễn phong trào, Liên đoàn Lao động tỉnh đã từng bước nghiên cứu xây dựng, thử nghiệm nhiều mô hình, nhiều đối tượng, nhiều nội dung ở nhiều ngành, nghề kinh tế - xã hội khác nhau; vừa vận động, vừa tổ chức phong trào: từ phong trào thi đua hiến kế, tìm việc làm, sắp xếp lại lao động trong các cơ quan, doanh nghiệp Nhà nước trong thời kỳ đầu chuyển đổi cơ chế đến phong trào thi đua liên kết phục vụ nông nghiệp khi Nhà nước mở cơ chế khoán nông nghiệp, sản xuất, chế biến gắn liền với nguyên liệu sản xuất từ nông nghiệp, phong trào thi đua liên kết trong khối trường học, cao đẳng, đại học, trung học chuyên nghiệp; tương trợ,

giúp đỡ nhau yên tâm công tác, nâng cao chất lượng trong phong trào thi đua “2 tốt”, và chăm lo, cải thiện đời sống, khắc phục khó khăn...đến phong trào thi đua lao động giỏi trong các doanh nghiệp, cơ quan trước tình hình nhiều khó khăn, thử thách về sản xuất, việc làm, đời sống của công nhân lao động trong cơ chế mới, với mục tiêu năng suất - chất lượng - hiệu quả, có tích lũy, tăng thu nhập, cải thiện điều kiện làm việc... Phong trào thi đua lao động giỏi đã được nghiên cứu, thử nghiệm từ cụm thi đua liên kết 3 đơn vị có điều kiện sản xuất tương đối ổn định, có quan hệ nhiều đến nền kinh tế - xã hội, sinh hoạt đời sống nhân dân địa phương, đó là: Điện lực, Bưu điện và Công ty Cấp nước Lâm Đồng. Cụm thi đua liên kết ở 3 đơn vị đã trở thành nhân tố mở đầu cho phong trào thi đua lao động giỏi trong công nhân lao động địa phương, được công nhân lao động tích cực hưởng ứng, phong trào đã được nhân lên, phát triển, dần trở thành phong trào thi đua sâu rộng trong công nhân lao động các doanh nghiệp, các ngành nghề kinh tế - xã hội địa phương.

Phong trào thi đua lao động giỏi là phong trào thi đua có nội dung tổng hợp và toàn diện với các phong trào từng mặt như lao động sáng tạo, sáng kiến, tiết kiệm, hợp lý hóa sản xuất, nâng cao năng suất - chất lượng - hiệu quả, phong trào xanh-sạch-đẹp, an toàn vệ sinh lao động, phong trào học tập nâng cao trình độ học vấn, tay nghề, chuyên môn, nghiệp vụ thích ứng với các dây chuyền công nghệ mới, hiện đại, kỹ thuật cao... Bằng các phong trào thi đua chào mừng nhân các sự kiện chính trị - xã hội lớn của đất nước và địa phương, với các hình thức linh hoạt, sáng tạo, tiết kiệm như xây dựng công trình sản phẩm mới, công trình xây dựng chất lượng cao, công trình “Đền ơn đáp nghĩa”, các cuộc hội thi “Giáo viên giỏi”, hội thi “Y đức”, hội thi “Thợ giỏi”, “Điều dưỡng viên giỏi”, “Bàn tay vàng”, “Kiểm ngân giỏi”, “Giao dịch viên

duyên dáng”, “Người bưu điện giỏi”... phong trào đã đi sâu vào từng ngành nghề, cơ sở với những mục tiêu, nội dung cụ thể phù hợp với tính chất ngành nghề, sản xuất, công tác và các quan hệ lợi ích trong doanh nghiệp. Kết hợp thi đua với khen thưởng, lấy khen thưởng để ghi nhận, động viên phong trào; tuyên truyền và cổ động, kết hợp với các cơ quan, phương tiện truyền thông đại chúng, xây dựng và nhân điển hình tiên tiến trong phong trào thi đua.

Phong trào thi đua lao động giỏi là phong trào thi đua trung tâm trong công nhân lao động các cơ quan, doanh nghiệp, các thành phần kinh tế trong thời kỳ đổi mới đã có hiệu quả và có tác động quan trọng trong phát triển nền kinh tế - xã hội địa phương; phong trào đã lôi cuốn, động viên đông đảo công nhân viên chức - lao động tham gia, là một nội dung cơ bản trong tổ chức quản lý của các cơ quan, doanh nghiệp góp phần cùng các doanh nghiệp ổn định, phát triển sản xuất, đảm bảo việc làm, doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách Nhà nước hàng năm tăng. Tuy chiếm tỷ lệ không lớn trong các thành phần kinh tế, xã hội, nhưng các doanh nghiệp Nhà nước nộp ngân sách với tỷ trọng không nhỏ (30,03%) trong tổng số ngân sách địa phương (năm 1996-1999); thu nhập người lao động tăng (nhiều doanh nghiệp bình quân trên dưới 1 triệu đồng/người/tháng), đời sống luôn được cải thiện, quan hệ lao động luôn được củng cố trên cơ sở pháp luật lao động.

Các cơ quan khối hành chính sự nghiệp, Giáo dục, Y tế...phong trào thi đua ngày càng được phát triển, góp phần nâng cao chất lượng trong phục vụ khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân; trong phong trào thi đua “2 tốt”, cải cách hành chính, thực hiện dân chủ, nâng cao hiệu lực quản lý Nhà nước, nâng cao dân trí, dân sinh... Các phong trào thi đua lao động sáng tạo, nghiên cứu sáng kiến, tiết kiệm, xây dựng công trình sản phẩm mới, nâng cao trình độ văn hóa,

tay nghề được phát triển, nâng cao. Đã có 44 cá nhân được Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tặng 52 Bằng khen và Huy hiệu Lao động sáng tạo 5 năm (1995-1999). Nhiều sáng kiến cải tiến, đề tài nghiên cứu đã được đưa vào ứng dụng trong sản xuất, có giá trị làm lợi hàng tỷ đồng; có 293 công trình sản phẩm mang tên các công trình chào mừng Đại hội Đảng, Đại hội Công đoàn Việt Nam lần thứ 8, kỷ niệm 50 năm ngày Thương binh - Liệt sĩ, 70 năm ngày thành lập Công đoàn Việt Nam và ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam; có hơn 80% công nhân lao động trình độ học vấn cấp II-III, nhiều cơ quan, đơn vị có 70% trở lên có trình độ đại học và đang tiếp tục tiêu chuẩn hóa.. Qua phong trào thi đua yêu nước đã góp phần không nhỏ trong phát triển nền kinh tế - xã hội địa phương, nâng cao số lượng, chất lượng đội ngũ công nhân lao động tỉnh nhà, sẵn sàng đáp ứng yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa... Nhiều doanh nghiệp, cơ quan đã dần tự khẳng định mình trong cơ chế mới, đã xuất hiện nhiều nhân tố mới điển hình tập thể, cá nhân trong phong trào thi đua lao động giỏi, những tập thể, cá nhân có uy tín trong hoạt động sản xuất kinh doanh, trong cơ quan, doanh nghiệp, trên thương trường, trong gia đình, ngoài xã hội và có vai trò tích cực trong phong trào thi đua.

Từ thực tiễn phong trào thi đua lao động giỏi, thi đua yêu nước của công nhân lao động tỉnh Lâm Đồng thời kỳ đổi mới, có thể khẳng định:

Phong trào thi đua lao động giỏi là phong trào thi đua của quần chúng công nhân lao động thời kỳ đổi mới trong cơ chế thị trường đã đi vào cuộc sống, góp phần xứng đáng vào quá trình phát triển nền kinh tế - xã hội địa phương, giữ gìn ổn định chính trị, an ninh quốc phòng, thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị của Đảng, Nhà nước trong từng ngành nghề, địa phương, cơ sở.

Phong trào thi đua lao động giỏi do Công đoàn tổ chức, phát động phù hợp với quy luật nền kinh tế thị trường, phù hợp với tính chất sản xuất từng ngành nghề, cơ quan, doanh nghiệp, giải quyết tốt, hài hòa các lợi ích trong thực hiện các nội dung, mục tiêu phong trào thi đua...đã được Nhà nước thừa nhận, pháp lý hóa tiêu chuẩn, danh hiệu thi đua lao động giỏi trong chế độ khen thưởng của Nhà nước.

Phong trào thi đua lao động giỏi được tổ chức mang lại hiệu quả, trở thành phong trào thi đua sâu rộng trong công nhân lao động, không tách rời mối quan hệ phối hợp giữa Nhà nước - chuyên môn và Công đoàn, giữa Thường trực Hội đồng Thi đua khen thưởng tỉnh và Liên đoàn Lao động tỉnh...trở thành nhân tố có tính quyết định trong tổ chức phong trào thi đua trong các cấp Công đoàn, trong từng ngành, cơ sở.

Với thành tích đạt được qua phong trào thi đua lao động giỏi, Nhà nước đã khen thưởng nhiều Huân chương Lao động, Cờ thi đua, Bằng khen cho các tập thể, cá nhân, cơ quan, doanh nghiệp có thành tích xuất sắc. Riêng Liên đoàn Lao động tỉnh Lâm Đồng đã được Nhà nước, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tặng Huân chương Lao động hạng nhì, Cờ thi đua và nhiều Bằng khen khác.. Qua đó đã khẳng định thành tích phong trào thi đua Công nhân viên chức - lao động tỉnh nhà thời gian qua, động viên đội ngũ công nhân lao động tỉnh nhà tiếp tục không ngừng học tập, rèn luyện trở thành người lao động vừa “hồng” vừa “chuyên”...đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa -hiện đại hóa.■

Xây dựng kinh tế hợp tác trong nông nghiệp: Cuộc vận động bền bỉ

THI HOÀNG

Giai đoạn 1987 - 1993, Lâm Đồng có 17 hợp tác xã nông nghiệp trong tổng số 40 hợp tác xã (các loại hình) của toàn tỉnh, trong đó riêng Bảo Lộc chiếm đến 8 đơn vị. Theo đánh giá của cơ quan chức năng, thời kỳ này dưới tác động của “Khoán 10” (giao khoán vườn cây và đất sản xuất cho hộ xã viên), hầu hết 17 hợp tác xã nông nghiệp của Lâm Đồng đã tự tuyên án chính mình vì không tìm được phương thức hoạt động mới trong cơ chế mới. Tình trạng này còn kéo dài cho đến mãi tận năm 1996. Từ thực tế đó và nhờ có “cây gậy” 68 (Chỉ thị 68/CT-TW ngày 24.5.1996), Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ đạo các ngành, các cấp, các địa phương và giao cho Ban Kinh tế Tỉnh ủy và Hội đồng Liên minh các hợp tác xã và doanh nghiệp ngoài quốc doanh điều tra, khảo sát một cách toàn diện về tình hình kinh tế hợp tác và hợp tác xã. Và đến ngày 17.10.1996, Nghị quyết 03/NQ-TU về củng cố, xây dựng, phát triển kinh tế hợp tác và hợp tác xã đã được Ban chấp hành Tỉnh Đảng bộ Lâm Đồng thông qua. Ngay sau đó, Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng cũng đã ban hành Quyết định số 1038/QĐ-UB-TC thành lập Ban chỉ đạo “Củng cố xây

dựng và phát triển kinh tế hợp tác và hợp tác xã của tỉnh”.

Vấn đề được đặt ra cho các hợp tác xã nông nghiệp trong quá trình củng cố và phát triển theo Nghị quyết 03 là: không nóng vội, không áp đặt, tôn trọng ý kiến của xã viên tại đại hội xã viên trong việc chuyển đổi hoặc giải thể. Ở Lâm Đồng, việc đưa chủ trương về vấn đề hợp tác xã đã được Liên minh các hợp tác xã phối hợp với Ban Kinh tế Tỉnh uỷ và các ngành chức năng tuyên truyền thông qua nhiều hình thức như tổ chức học tập, tuyên truyền thông qua các phương tiện thông tin đại chúng... Riêng lớp học tập đầu tiên được tổ chức vào tháng 3.1997 đã có trên 200 người tham dự là lãnh đạo các ban ngành, đoàn thể, các địa phương, các chủ nhiệm hợp tác xã ... Đặc biệt, theo nhận định của lãnh đạo Liên minh các hợp tác xã, công tác tuyên truyền có hiệu quả nhất vẫn là thông qua đại hội xã viên. Tại những đại hội này, xã viên (toàn tỉnh khoảng 30.000 người) đã nắm bắt được đường lối, chính sách kinh tế hợp tác xã đổi mới, Nghị quyết 03 của Tỉnh uỷ, Luật hợp tác xã, các nghị định của Chính phủ và các chính sách khác về hợp tác xã. Có thể nói, công tác tuyên truyền, phổ biến nghị quyết và pháp luật đóng vai trò rất quan trọng trong việc giải tỏa những mặc cảm của cán bộ và nhân dân về hợp tác xã, giúp họ hiểu biết thêm về hợp tác xã đổi mới, về vai trò và vị trí của kinh tế hợp tác xã, đặc biệt là hợp tác xã nông nghiệp trong công cuộc công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước, trong phát triển nông nghiệp và nông thôn.

Sau vài năm chuyển đổi và củng cố, tính đến nay Lâm Đồng có 83 hợp tác xã, trong đó có 25 hợp tác xã nông nghiệp. Trong số 25 hợp tác xã nông nghiệp này có đến 16 hợp tác xã làm dịch vụ, 9 hợp tác xã còn lại hoạt động theo dạng quản lý tư liệu sản xuất (chủ yếu là đất đai). Điều quan trọng nhất là

hoạt động theo kiểu mới, mối quan hệ về quản lý trong các hợp tác xã nông nghiệp đã được thay đổi một cách cơ bản. Trong cơ chế quản lý hợp tác xã kiểu cũ, quan hệ giữa xã viên với hợp tác xã thực chất là mối quan hệ mang tính phụ thuộc cao, xã viên bị tách khỏi tư liệu sản xuất để trở thành người làm công theo sự điều hành của hợp tác xã, tính chất hợp tác đích thực trong hợp tác xã bị triệt tiêu. Khác với điều này, khi xác định lại mô hình hợp tác xã kiểu mới, mối quan hệ giữa xã viên với hợp tác xã là mối quan hệ bình đẳng, các hộ gia đình trở thành đơn vị kinh tế tự chủ, cùng chịu trách nhiệm với đơn vị trong hoạt động sản xuất – kinh doanh. Từ những đặc trưng và nguyên tắc hoạt động của hợp tác xã kiểu mới này, trong những năm gần đây, các hợp tác xã nông nghiệp trong tỉnh đã đạt được một vài kết quả bước đầu đáng khích lệ. Điển hình là các hợp tác xã Tân Sơn, Đồng Phát, Tiến Phát, Hòa Phát, Hiệp Phát, Thiện Lập (Bảo Lộc), Lộc An (Bảo Lâm), Đông Di Linh, Tây Di Linh (Di Linh), Thanh Nghĩa (Đơn Dương) và Tự Phước (Đà Lạt). Các hợp tác xã này đã làm tốt việc cung ứng các dịch vụ vật tư, kỹ thuật thâm canh đổi mới cây trồng, xây dựng hệ thống tưới tiêu, kênh mương nội đồng, thay mặt cho xã viên ký hợp đồng tín dụng với ngân hàng và các quỹ tín dụng, nắm bắt thị trường, nâng cao chất lượng sản phẩm...

Ở nông thôn, ngoài các hợp tác xã với tư cách là một loại hình kinh tế thì những hình thức hợp tác khác cũng đang được hình thành và có xu thế ngày càng được phổ biến. Nghị quyết 03 của Tỉnh ủy nêu rõ: “Tuỳ theo tâm tư, tâm lý của những người lao động mà tổ chức loại hình kinh tế hợp tác, hợp tác linh hoạt, hợp tác một khâu, nhiều khâu, hoặc hợp tác trong một thời gian nhất định, hợp tác sản xuất và tiêu thụ sản phẩm”. Nắm bắt tinh thần trên, các ngành, các cấp và các tổ chức đoàn thể đã xây dựng được nhiều loại hình hợp

tác nhỏ như tổ đoàn kết sản xuất đối công, vần công, nhóm hợp tác và chi hội nghề nghiệp trong chăn nuôi và trồng trọt. Tổ chức phụ nữ có phong trào tín chấp vay vốn giúp nhau sản xuất, tổ chức thanh niên có phong trào giúp nhau lập nghiệp... Theo báo cáo của Hội Nông dân, nếu năm 1998 chỉ có khoảng 500 tổ chức hợp tác giản đơn với khoảng 17.000 hội viên tham gia thì đến cuối 1999, con số này đã lên đến 1.176 tổ chức với 74.589 hội viên, trong đó có 789 đơn vị được tổ chức theo địa bàn dân cư và 387 chi hội nghề nghiệp.

Phát triển kinh tế hợp tác và, trong đó có nông nghiệp là cách tập hợp đông đảo những người lao động tham gia tích cực vào việc thực hiện công nghiệp hóa – hiện đại hóa, trước mắt là công nghiệp hóa – hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII và vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Vì vậy, việc tuyên truyền vận động xây dựng kinh tế nói chung và nông nghiệp nói riêng trong những năm tới vẫn là việc làm thiết yếu.■

Lâm trường Lộc Bắc với việc giúp dân ở một địa bàn vùng sâu

VÂN PHONG

Lâm trường Lộc Bắc được thành lập từ tháng 4/1989 có nhiệm vụ quản lý 45.090,96 ha rừng và đất rừng nằm gọn trên ranh giới của xã Lộc Bắc (cũ). Là một vùng căn cứ cách mạng trong kháng chiến, được Nhà nước phong tặng đơn vị anh hùng lực lượng vũ trang; xã Lộc Bắc có 655 hộ, 3.306 nhân khẩu, 99% người dân là người đồng bào dân tộc Châu Mạ - dân bản địa. Đến năm 1994, thực hiện Nghị định 65/CP mới chia cắt thành 2 xã Lộc Bắc và Lộc Bảo với trình độ dân trí thấp, chủ yếu là phát nương làm rẫy. Theo xếp loại của chương trình 135 của Chính phủ thì cả 2 xã này thuộc vùng III đặc biệt khó khăn. Số liệu điều tra của Ban Dân tộc miền núi tỉnh trong năm 1993 thì có đến 98% hộ đói nghèo, 2% là đủ ăn. Về an ninh quốc phòng, 2 xã Lộc Bắc và Lộc Bảo có vị trí chiến lược trong hai cuộc kháng chiến trước đây của tỉnh Lâm Đồng nói riêng và của cả vùng Tây Nguyên nói chung. Hiện nay, Lộc Bắc - Lộc Bảo là vùng giáp ranh giữa Quân khu 7 và Quân khu 5.

Xuất phát từ đặc điểm nêu trên, từ ngày thành lập đến

nay lãnh đạo Lâm trường Lộc Bắc luôn ý thức được vai trò vị trí của một lâm trường quốc doanh đóng trên địa bàn, là gắn sản xuất với giúp dân xây dựng cuộc sống mới ở một địa bàn vùng sâu có đông đồng bào dân tộc sinh sống.

Một trong những công tác quan trọng hàng đầu là tuyên truyền vận động nhân dân. Lâm trường đã bố trí 2 cán bộ bám sát một buôn để vận động, hướng dẫn nhân dân định canh định cư. Thông qua những việc làm cụ thể như giải thích cặn kẽ, giúp đỡ cầm tay chỉ việc, làm mẫu cho bà con làm theo nên chỉ sau 2 năm đã vận động đồng bào sống rải rác trong rừng về định canh định cư ở 7 thôn thuộc 2 xã Lộc Bắc và Lộc Bảo. Lâm trường còn vận động bà con làm nhà thành từng hộ độc lập không làm nhà dài thiếu các điều kiện ánh sáng, vệ sinh như trước đây.

Lâm trường đã phân công những đoàn viên công đoàn có uy tín, đảm nhận công tác vận động thanh niên tham gia vào các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao, xóa mù chữ để tạo sự gắn bó với đồng bào, thông qua đó vận động họ tham gia giữ vững và phát triển vốn rừng; xây dựng mô hình lâm-nông-công-nghiệp góp phần ổn định cuộc sống, phát triển kinh tế cho đồng bào 2 xã.

Trong các nghị quyết của chi bộ cơ quan đều đề ra việc thực hiện nghiêm túc công tác vận động nhân dân tích cực bám đất bám rừng, định canh định cư, hướng dẫn đồng bào dân tộc làm quen với kinh tế vườn hộ, tham gia tiêu thụ nông sản và cung ứng cây, con, giống cho nhân dân, giúp bà con vững tin theo cách làm ăn mới. Nhờ đó sau hơn 10 năm thành lập, Lâm trường Lộc Bắc đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ mà Đảng và Nhà nước giao phó.

Đến nay bình quân mỗi hộ đã có 1,12 ha chè và cà phê; toàn vùng đã có 403 ha cà phê, 283,4 ha chè, 48 ha điều và

chọn nơi trung tâm để xây dựng trường học, trạm xá và làm các đường liên thôn với 19,7 km, 8 phòng học, 2 trạm y tế. Lâm trường đã giao khoán cho nhân dân quản lý và bảo vệ được 15.760 ha rừng, bình quân 24 ha/hộ. Nạn phá rừng làm nương rẫy đã được cấm hẳn từ năm 1994, và hàng năm còn trồng mới 100 ha rừng sao đen, tiếp tục chăm sóc 400-500 ha rừng trồng các loại. Với phương châm lấy ngắn nuôi dài, bằng cách trồng xen các cây lương thực ngắn ngày với cây công nghiệp, nên nhân dân hàng năm đã tự túc được 1/3 lương thực tại chỗ và thức ăn cho chăn nuôi. Nếu năm 1993 thu nhập bình quân của nhân dân trong khu vực là 900 ngàn đồng/hộ thì năm 1999 thu nhập đã đạt 3,5 triệu/hộ, tỷ lệ đói nghèo cũng giảm từ 98% năm 1993 xuống còn 27% trong năm 1999. Có một lần vào công tác ở Lộc Bắc - Lộc Bảo mới thấy được những vất vả mà đội ngũ CBCNV lâm trường phải vượt qua và từ đó mới đánh giá được công lao của họ, mới thấy được tầm quan trọng của công tác dân vận đối với vùng căn cứ kháng chiến Lộc Bắc cũ.

Bên cạnh việc “cùng ăn, cùng ở, cùng làm” với đồng bào, lãnh đạo lâm trường còn quan tâm đến đời sống - đến nguyện vọng của CBCNV bằng việc bố trí đất sản xuất cho CBCNV lập vườn hộ, tích cực tham gia sản xuất. Bình quân mỗi CBCNV có từ 0,5-2 ha đất sản xuất để phát triển kinh tế gia đình, chủ yếu là trồng chè và cà phê. Nhất là đối với những người mới từ các tỉnh phía Bắc đến lập nghiệp - xây dựng gia đình tại chỗ, công đoàn đã tham mưu cho lãnh đạo cơ quan có sự ưu tiên đặc biệt về đất đai, hỗ trợ vốn liếng đầu tư thông qua các dự án vay hỗ trợ việc làm từ Quỹ giải quyết việc làm quốc gia. Từ vài năm nay, lâm trường còn tích cực khai thác nguồn lâm sản phụ như song mây để tạo thêm công ăn việc làm, tạo thêm thu nhập cho CBCNV cũng đồng thời là tăng thêm nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước. Nhờ vậy, thu nhập - đời

sống của CBCNV đã không ngừng được cải thiện; năm 1999 thu nhập bình quân đầu người của CBCNV lâm trường đã được nâng lên ở mức 620.000 đồng/tháng - một con số rất có ý nghĩa trong điều kiện của một lâm trường công ích vùng sâu vùng xa. Đây quả là một tiền đề có tính thực tiễn cao và rất quan trọng giúp đội ngũ CBCNV lâm trường đứng vững trong thời buổi cơ chế thị trường, giúp mọi người gắn bó với rừng, để hài hòa các nhiệm vụ kinh tế - chính trị - xã hội được giao.

Tính đến nay, 70% số CBCNV có xe máy đi lại, dù có 10/38 người là đồng bào dân tộc tại chỗ nhưng cũng không còn hộ CBCNV, lao động thuộc diện đói nghèo. Theo anh Nguyễn Ngọc Minh (Giám đốc Lâm trường) thì “năm 2000 này, đơn vị sẽ phấn đấu đưa thu nhập của CBCNV lên mức 800.000 đồng/tháng”.

Có thể coi Lâm trường Lộc Bắc là một điển hình của ngành Lâm nghiệp Lâm Đồng làm tốt công tác dân vận trong thời kỳ đổi mới. Làm tốt công tác dân vận để vừa làm tốt vai trò bảo vệ, phát triển vốn rừng vừa làm tròn nhiệm vụ giúp phát triển KT-XH cho một vùng căn cứ cách mạng là một bài học thực tiễn sống động. ■

Khi ý Đảng đã phù hợp với lòng dân

Bs TRẦN DẰNG VINH

(Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ Lâm Đồng)

Thôn Cần Reo (xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng) có 142 hộ dân tộc Koho với gần 1.000 nhân khẩu. Mặc dù được định canh định cư từ sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, nhưng cuộc sống của nhân dân vẫn còn rất nhiều khó khăn, dân trí thấp, sức khỏe kém, tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ em còn cao... Đặc biệt, trong thôn còn phổ biến nhiều tập quán lạc hậu, trong đó có hủ tục chết chôn chung mộ. Không biết từ lúc nào, chết chôn chung mộ đã trở thành “tình cảm” của đồng bào. Việc duy trì tập quán chết chôn chung mộ là một vấn đề hết sức bức xúc, ảnh hưởng xấu đến môi trường và sức khỏe cộng đồng trong cuộc sống định cư.

Hội Chữ thập đỏ xã Liên Hiệp áp ủ việc vận động nhân dân xây dựng một nghĩa trang thay cho việc chết chôn chung mộ đã có từ lâu, song sửa đổi một tập quán đối với người dân tộc đã là khó, nói gì đến việc xóa bỏ một tập tục vốn đã in sâu trong tâm tư tình cảm của người dân tộc. Tiến hành cuộc vận động này, chị Nguyễn Thị Thu Hồng - Chủ tịch Hội Chữ thập

đỏ đã gặp phải rất nhiều khó khăn: sự phản ứng của một số nhân dân trong thôn, những người lớn tuổi, đặc biệt là sự phản ứng quyết liệt của già làng. Với nhiều uy quyền, già làng cho rằng chết chôn chung mồ là tập quán của cha ông để lại không thể thay đổi được, rằng chết không chôn chung mồ là đụng đến quyền uy của Già làng và sẽ bị Già làng phạt, rằng muốn thực hiện thì phải qua xác chết của già làng...

Không nản lòng, để tăng sức thuyết phục, chị Nguyễn Thị Thu Hồng đã học nói tiếng dân tộc Kơho. Một lần được cùng chị vào cấp phát mừng chống sốt rét cho đồng bào xã Đà Loan, tôi chứng kiến với tính cách dịu dàng của người phụ nữ và nói lưu loát ngôn ngữ của đồng bào nên chị Hồng đã chiếm được trọn vẹn tình cảm của bà con. Với lòng chân thành và trung thực, chị đã tập hợp nhân dân thành từng nhóm theo độ tuổi và trình độ; trong đó chị chọn thanh niên xây dựng thành Đội Thanh niên chữ thập đỏ để làm lực lượng nòng cốt cho cuộc vận động. Đồng thời, chị kêu gọi và được nhiều nhà hảo tâm trong xã đóng góp xây dựng được một phòng chăm sóc sức khỏe và một phòng văn hóa cho dân. Phòng chăm sóc sức khỏe đã góp một phần tích cực cùng với ngành y tế trong việc thực hiện chương trình tiêm chủng mở rộng, tuyên truyền vệ sinh phòng chống dịch bệnh, khám bệnh cấp thuốc miễn phí cho dân. Được sự phối hợp giúp đỡ của ngành Giáo dục, Hội Chữ thập đỏ xã Liên Hiệp đã sử dụng lực lượng thanh niên chữ thập đỏ dạy bổ túc văn hóa cho nhân dân. Với cương vị là Giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân xã Liên Hiệp, chị Nguyễn Thị Thu Hồng đã tạo mọi điều kiện cho những hộ gia đình khó khăn vay vốn không lãi để phát triển sản xuất. Vận động các nhà hảo tâm đóng góp, cùng với chính quyền địa phương, Hội Chữ thập đỏ xã Liên Hiệp đã làm được một con đường cấp phối vào thôn tạo điều kiện đi lại thuận tiện cho nhân dân.

Những việc làm như vậy, tuy nhỏ, nhưng đã mang lại hiệu quả rất thiết thực. Sức khỏe của nhân dân ngày càng được cải thiện, dân trí ngày càng được mở mang. Cuộc sống của nhân dân từng bước được nâng cao; một số gia đình trước đây phải bán non sản phẩm nông nghiệp cho tư thương hoặc phải vay vốn của Quỹ tín dụng thì nay đã có tiền tích lũy gửi ở Quỹ tín dụng xã Liên Hiệp. Chính những việc làm có kết quả như vậy của Hội Chữ thập đỏ xã Liên Hiệp và chị Nguyễn Thị Thu Hồng đã góp phần đáng kể làm thay đổi được nhận thức, suy nghĩ và tình cảm của người dân thôn Cần Reo. Già làng đã đồng ý xây dựng nghĩa trang thay cho việc chôn chung mồ như trước đây. Không những đồng ý, bản thân ông đã tích cực tham gia và vận động con cháu, nhân dân tham gia xây dựng nghĩa trang. Cán bộ và hội viên Chữ thập đỏ xã Liên Hiệp đã giúp nhân dân thôn Cần Reo xây dựng một nghĩa trang thật đẹp, sạch sẽ nằm trên một ngọn đồi ở về phía Bắc của thôn. Và ở đây, tại khu vực trung tâm, hiện có một ngôi mộ của vị già làng mà ngày trước đã từng ngăn cản việc xây dựng nghĩa trang. ■

Dân vận với việc giải quyết tranh chấp đất đai ở Đức Trọng

HOÀNG MINH THẬP

(Trưởng ban Dân vận Huyện ủy Đức Trọng)

Đức Trọng có tổng diện tích tự nhiên là 90.220 ha, trong đó đất nông nghiệp 32.175 ha; dân số gần 140 ngàn người với trên 20 dân tộc anh em cùng sinh sống (đồng bào dân tộc gần 1/4 dân số). Sau ngày giải phóng miền Nam, thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước, hầu hết đất đai của nông dân được đưa vào làm ăn tập thể trong các tập đoàn sản xuất, rồi hợp tác xã nông nghiệp. Thực hiện đổi mới nói chung và đổi mới kinh tế nông nghiệp nói riêng, vào những năm 90 Đảng chủ trương lấy hộ làm đơn vị kinh tế tự chủ, và thực hiện chính sách giao đất lâu dài cho nông dân sử dụng. Do cơ chế có sự chuyển đổi, lại chưa làm tốt việc học tập quán triệt nên phần lớn nông dân có sự ngộ nhận cho là không còn hợp tác xã nữa, nông dân quay về làm ăn cá thể; còn đối với ruộng đất khi thực hiện giao quyền sử dụng lâu dài cho nông dân, nhiều hộ lại cho là Nhà nước trả lại ruộng đất cho nông dân. Đối với Ban quản trị các hợp tác xã thì tỏ ra lúng túng trong hoạt động, cho là không còn gì để quản lý điều hành, dẫn đến buông lỏng công tác quản lý mọi mặt. Từ đó, nổi lên

tình trạng tranh chấp, đòi lại ruộng đất trước đây đã đưa vào làm ăn tập thể, dẫn đến tình hình tranh chấp đất đai giữa nông dân với nông dân, giữa cá nhân với tập thể và các đơn vị kinh tế Nhà nước, giữa xã này với xã khác. Có những vụ tranh chấp kéo tới hàng trăm người, cả làng, cả xóm, diễn hình như vụ tranh chấp đòi lại đất đai của đồng bào thôn Nam Sơn với Nông trường ngô, vụ đồng bào dân tộc xã N'Thol Hạ với G3 (đơn vị quân đội), tạo ra những điểm "nóng" khá phức tạp làm ảnh hưởng đến sản xuất và quan hệ tình cảm của nông dân ở địa phương, nhất là từ những năm 1990-1994.

Để giải quyết tình trạng trên, tháng 7 năm 1992 Huyện ủy đã ban hành Nghị quyết số 06 về giải quyết tranh chấp đất đai trên địa bàn huyện. Nghị quyết ra đời dựa trên cơ sở vận dụng các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và Nhà nước như Nghị quyết 10 BCT, Chỉ thị 47 BCT, Quyết định 13 HĐBT, Chỉ thị 77 HĐBT, Luật đất đai... để cụ thể hóa vào tình hình địa phương nhằm đưa ra những chủ trương giải pháp để giải quyết cơ bản tình hình tranh chấp đất đai. Nghị quyết chỉ ra trách nhiệm lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, vai trò quản lý theo pháp luật của Nhà nước địa phương. Đặc biệt là vai trò công tác dân vận của Mặt trận và các đoàn thể trong việc tuyên truyền giải thích các chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước về đất đai; sử dụng đồng bộ các biện pháp giáo dục, thuyết phục, kinh tế, hành chính, trong đó, lấy giáo dục, thuyết phục, vận động là chính, động viên tình đoàn kết tương ái trong nông dân để giải quyết tình hình tranh chấp đất đai, ổn định và phát triển sản xuất.

Từ đó, Mặt trận và các đoàn thể như Nông dân, Phụ nữ, Cựu chiến binh các cấp trong huyện đã tích cực tổ chức tuyên truyền vận động quần chúng tham gia học tập quán triệt Nghị quyết 10 BCT, Chỉ thị 47 BCT, Quyết định 13 HĐBT,

Luật đất đai, Nghị quyết 06 Huyện ủy, nhằm giúp nông dân hiểu rõ các quan điểm của Đảng, quy định của Nhà nước và chủ trương của huyện về đất đai khắc phục được những ngộ nhận trong nhận thức của bộ phận nông dân trước đây cho rằng đất đai là của tổ tiên, ông bà để lại, coi như thuộc quyền sở hữu của mình nay phải đòi lại hoặc cho là Nhà nước có chủ trương trả lại đất cho nông dân. Đồng thời còn giúp nông dân nhận thức đúng đắn hơn về đất đai là tài sản quốc gia thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước thống nhất quản lý, Nhà nước chỉ giao quyền sử dụng cho nông dân, không chấp nhận việc đòi lại đất đai, chỉ giải quyết những bất hợp lý về đất đai, đảm bảo quan điểm của Đảng là người lao động nông nghiệp có đất sản xuất.

Việc tổ chức học tập quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Đảng và Luật đất đai được tổ chức khá sâu rộng trong từng thôn, buôn, phu phố, từng khu dân cư, đem lại kết quả tốt trong nhận thức, hiểu biết của quần chúng. Ngoài ra, đội ngũ cán bộ tham gia tuyên truyền học tập cũng đã đối thoại, lý giải nhiều vấn đề quần chúng đặt ra do quần chúng hiểu không đầy đủ về chính sách, pháp luật. Cùng với việc kiên trì đẩy mạnh học tập quán triệt nghị quyết, chính sách của Đảng và pháp luật Nhà nước cho nhân dân, Mặt trận các cấp còn biết tranh thủ các vị già làng trong vùng đồng bào dân tộc, các vị chức sắc trong các tôn giáo và những người có uy tín trong các dòng tộc, trong các thôn, xóm, khu phố để có thêm tiếng nói động viên, giải thích. Đồng thời, Mặt trận và các đoàn thể còn chú ý vận động trực tiếp đến các đối tượng được xem là “cầm đầu” trong số những người đi tranh chấp, đòi lại đất đai để trực tiếp tuyên truyền vận động, giải thích có lý, có tình. Qua đó, họ đã giảm bớt căng thẳng so với trước, ảnh hưởng của họ đã phần nào tác động đến những người đi đòi lại đất đai và tình hình mỗi ngày có chuyển biến tích cực

hơn... Mặt khác, Mặt trận và các đoàn thể ở cơ sở cũng đã phát hiện với chính quyền và công an kịp thời rắn đe, xử lý một số phần tử xấu, lợi dụng tình hình kích động những người đi tranh chấp đất đai nhằm mục đích gây rối tình hình an ninh trật tự ở nông thôn.

Qua những việc làm nói trên, tình hình tranh chấp đất đai đồng người đã ngày càng giảm nhiều, song lại nảy sinh vấn đề không kém phần phức tạp, đó là việc đòi hỏi bồi thường thành quả lao động đầu tư trên đất giữa những người là chủ đất cũ (chủ đất khi đưa ruộng đất vào làm ăn tập thể) với người được giao đất sản xuất. Để ngăn chặn việc đòi bồi thường thành quả lao động quá cao theo ý muốn của những người là chủ đất cũ, Ủy ban nhân dân huyện đề ra khung mức đối với từng loại đất để hai bên tự thỏa thuận với nhau. Đối với những trường hợp hai bên tự thỏa thuận không thành, mà chủ yếu là do chủ đất cũ đòi bồi thường quá cao, thì Mặt trận và các đoàn thể trực tiếp gặp gỡ động viên, thuyết phục nhằm đảm bảo sự đoàn kết tương ái, dùm bọc trong nông dân; nhất là tạo điều kiện thuận lợi cho những hộ nông dân nghèo. Nhờ đó, đã giải quyết được nhiều vụ tranh chấp giữa nông dân với nông dân. Mặt khác, Mặt trận và đoàn thể các cấp trong huyện còn tham gia góp ý giúp chính quyền thực hiện cải cách thủ tục hành chính theo hướng “một cửa” và tham gia hội đồng tư vấn giải quyết tranh chấp đất đai nhằm giải quyết các tranh chấp, khiếu kiện về đất đai trong nông dân được nhanh chóng hơn.

Thời gian qua, với phương châm tích cực, kiên trì tham gia giải quyết tranh chấp đất đai nên công tác dân vận đã góp phần quan trọng cùng với chính quyền, các ngành và các lực lượng xã hội giải quyết cơ bản 638 vụ tranh chấp lớn nhỏ mà không để lại một di căn nào. Nhờ vậy, tình hình đất đai ở địa phương được ổn định, nông dân yên tâm sản xuất, thúc

đẩy kinh tế - xã hội địa phương phát triển, đời sống nhân dân ngày càng nâng lên, bộ mặt nông thôn có nhiều khởi sắc, tình hình an ninh trật tự và an toàn xã hội được bảo đảm, tình đoàn kết trong nhân dân nói chung và nông dân nói riêng được củng cố.

Việc giải quyết tình hình tranh chấp đất đai ở huyện Đức Trọng thời gian qua đã nói lên một điều là khi đã có chủ trương, đường lối đúng đắn; nhưng để đường lối đó trở thành hiện thực, thì công tác dân vận đóng vai trò quan trọng, đôi khi còn có tính quyết định. Do đó, phải được tăng cường thường xuyên, kiên trì với nhiều hình thức đa dạng, phong phú, thiết thực vừa đảm bảo được tính đúng đắn của chính sách, pháp luật, vừa khơi dậy được truyền thống đoàn kết, tương thân, tương ái của dân tộc Việt Nam thì dù khó khăn đến mấy cũng có thể giải quyết được.■

Nghĩa đất - tình người Lâm Hà

THU HIỀN

Là một huyện kinh tế mới, miền núi, Lâm Hà hiện có 17 xã và 2 thị trấn. Ngày nay, Lâm Hà không chỉ có người Lâm Đồng và Hà Nội mà trên mảnh đất này đã có mặt của 114.480 người dân ở 51 tỉnh, thành trong cả nước, với 23 dân tộc anh em. Do điều kiện tự nhiên, với những yếu tố về khí hậu, thủy văn, thổ nhưỡng thuận lợi cho việc sinh trưởng và phát triển các loại cây công nghiệp dài ngày, nhất là cây cà phê, nên từ năm 1990 (huyện vừa thành lập được 3 năm), Lâm Hà đã trở thành “miền đất hứa” của dòng người di cư tự do.

TỪ NHỮNG THÁCH THỨC KHÓ KHĂN...

Không ai phủ nhận mặt tác động tích cực của dân di cư tự do (DCTD) đến Lâm Hà là: khai thác được tiềm năng đất đai, mở rộng diện tích đất sản xuất, hàng năm đã góp thêm nhiều sản phẩm hàng hóa cho xã hội. Đồng thời, với cách tính toán làm ăn, sự cần cù chăm chỉ và tinh thần hiếu học của đồng bào dân tộc phía Bắc, đã có tác động tích cực đến đồng bào dân tộc thiểu số tại địa phương. Thế nhưng, thực tế nạn DCTD ồ ạt đã trở thành một gánh nặng, một thách thức quá lớn đối với một huyện kinh tế mới, còn nhiều khó khăn như

Lâm Hà. Chỉ tính trong 5 năm (1991-1996), dân số ở Lâm Hà đã tăng 6.893 hộ, 33.110 khẩu. Trong đó dân DCTD chiếm 5.430 hộ, 23.552 khẩu (nhiều gấp 2,5 lần số hộ dân của thị trấn Đinh Văn), điều đó đã gây nên tình hình bất ổn cho địa phương. Bởi chỉ có một số rất ít hộ gia đình DCTD vào Lâm Hà có tiền để sang nhượng lại đất đai, ổn định ngay cuộc sống. Còn phần lớn rất khó khăn, vào đây chỉ với hai bầy tay trắng. Không đất đai, không có vốn đầu tư cho sản xuất, phải đi làm thuê cuộc mưu sinh, hoặc vào rừng khai thác gỗ lậu, đốt than để bán kiếm tiền sinh sống qua ngày và phá rừng để xẻ gỗ làm nhà ở, lấy đất sản xuất. Theo số liệu thống kê cho thấy: Trong 5 năm (1991-1996), huyện Lâm Hà chỉ trồng được 1.051 ha rừng tập trung và 120.000 cây phân tán (chưa trừ diện tích rừng bị cháy, cây bị chết), nhưng diện tích rừng bị dân DCTD chặt phá trong 5 năm đã trên 1.500 ha. Vì thế diện tích rừng ngày càng thi thu hẹp, tài nguyên rừng ngày càng cạn kiệt, ảnh hưởng lớn đến môi trường sinh thái. Nhiều đối tượng có tiền án, tiền sự, bị truy nã đã theo chân những người DCTD đến Lâm Hà để lẩn trốn và sinh sống bằng cách khai phá và lấn chiếm đất rừng để bán. Những vùng có dân DCTD đã thường xuyên xảy ra những vụ tranh chấp, lấn chiếm đất đai quyết liệt, nhiều vụ trọng án đã xảy ra. Lâm Hà đã trở thành điểm nóng về tình hình an ninh trật tự và tệ nạn xã hội... Con em đến tuổi đi học không được tới trường, bệnh tật ốm đau không được cứu chữa kịp thời... đã gây ra một vấn đề xã hội rất bức xúc.

... ĐẾN NHỮNG CỐ GẮNG BƯỚC ĐẦU CỦA MỘT HUYỆN NGHEÒ.

Liên tục trong nhiều năm liền, cả Trung ương và các địa phương đã có những biện pháp tích cực để ngăn chặn DCTD. Thế nhưng, trên thực tế nạn DCTD vẫn cứ diễn ra, mà Lâm Hà là huyện phải chịu một gánh nặng trong dòng người DCTD

đến Lâm Đồng. Hơn 5 năm qua, ở vào cái thế “đứng không được”, nên Đảng bộ và chính quyền huyện Lâm Hà đã xem việc tổ chức lại sản xuất, bố trí dân cư, quy hoạch lại đất đai cho những vùng có dân DCTD là một việc làm bức xúc. Huyện đã tiến hành điều tra, khảo sát, phân loại và nhìn nhận được rằng: trên 90% dân DCTD đến Lâm Hà là những người nông dân chất phác, chân lấm tay bùn. Họ là những người không cam chịu đói nghèo do thiếu đất sản xuất, tìm đến vùng đất mới không ngoài mục đích là mưu cầu cuộc sống ấm no. Chính vì thế, huyện đã nhanh chóng tổ chức vận động giáo dục tinh thần nhường cơm xẻ áo, bố trí những hộ chưa có đất đai, nhà cửa ở xen ghép trên địa bàn các xã, thị trấn, với tổng diện tích đất được đưa vào cấp cho những hộ này sản xuất lương thực và cây công nghiệp là trên 2.700 ha. Huyện đã xây dựng 3 dự án “ổn định và phát triển kinh tế vùng DCTD” với tổng nguồn vốn 8 tỷ 386 triệu đồng. Đồng thời, xin hỗ trợ cho 5 điểm có dân DCTD còn nhiều khó khăn, bức xúc hơn 9 tỷ đồng. Trên 77% vốn đầu tư cho vùng DCTD đã được đưa vào xây dựng cơ sở hạ tầng. Trong 4 năm (1995-1999), huyện Lâm Hà đã xây dựng hàng chục km đường giao thông nông thôn, gần 100 phòng học mới, củng cố và mở rộng 17 trạm y tế... Huyện cũng đã chỉ đạo các địa phương nhanh chóng tiến hành đo đạc để cấp quyền sử dụng đất, giúp cho bà con có điều kiện vay vốn sản xuất. Bình quân mỗi hộ được vay từ 2-3 triệu đồng, riêng các hộ vay vốn trồng cây công nghiệp, được ưu tiên cho vay dài hạn, lãi suất thấp.

VÀ KHI ĐẤT TRẢ NGHĨA CHO NGƯỜI

Đến nay, các dự án DCTD ở Lâm Hà đã đi vào hoạt động có hiệu quả. 83,8% số hộ DCTD đã có chỗ ở, việc làm và thu nhập ổn định. Số hộ còn lại, do vườn cây đang trong thời kỳ xây dựng cơ bản, nên cuộc sống trước mắt còn khó khăn. Hiện nay, bình quân mỗi hộ dân DCTD có từ 1-1,5 ha đất

canh tác. Nhiều hộ đã bắt đầu giàu lên trên vùng đất mới như: hộ anh Trần Văn Lượng ở thôn 2 (Tân Thanh) DCTD vào xã năm 1991, tự khai phá gần 2 ha trồng cà phê, trong 3 năm (1994-1996) nhờ chịu khó đầu tư thâm canh nên cà phê đã cho năng suất cao, được mùa, được giá nên gia đình anh đã có tiền mua thêm đất đai, mở rộng sản xuất. Năm 1997, anh đã có 14 ha cà phê, thu nhập trên 500 triệu đồng. Từ năm 1998 đến nay, gia đình anh đã thu trên 30 tấn cà phê nhân/năm, dự kiến sẽ cho thu nhập trên 600 triệu đồng/năm. Xã Tân Thanh được thành lập năm 1992, với 936 hộ, 4.595 khẩu, 95% là dân DCTD. Toàn xã hiện có 1.700 ha cà phê. 150 ha dâu tằm, 180 ha lúa nước. Trước đây rất khó khăn do thiếu đất và thiếu vốn sản xuất, được huyện quan tâm tạo điều kiện, nên từ 2 năm nay số hộ đói nghèo đã giảm hẳn. Đồng chí Chủ tịch UBND xã cho biết: Tân Thanh hiện chỉ còn 25% hộ nghèo (có mức thu nhập dưới 15 triệu đồng/năm); 45% số hộ có mức thu nhập từ 15-30 triệu đồng/năm; 25% hộ giàu, có thu nhập hàng năm từ 100-200 triệu đồng. Đặc biệt từ năm 1997 đến nay, Tân Thanh đã có 5% số hộ có thu nhập từ 300-500 triệu đồng/năm. Trước năm 1992, Tân Thanh là điểm nóng về phá rừng, mỗi năm có từ 400-500 ha rừng bị chặt phá. Từ ngày có chính quyền, xã đã coi trọng công tác dân vận, vận động giáo dục người dân nê. diện tích rừng bị phá đã giảm dần.

Tân Hà trước đây (nay là Tân Hà và Liên Hà) là xã có số dân DCTD đông nhất huyện, nhưng Tân Hà cũ g là địa phương đã có nhiều chính sách hợp lý, hợp tình để giải quyết tốt nhất vấn đề DCTD. Trong đó, thôn Sinh Công - đến nay được coi là "thiên đường" của người DCTD. Thôn thành lập năm 1996, có 712 hộ, 4.132 khẩu, 98% là dân DCTD. Cả thôn có 1.700 ha đất canh tác, trong đó diện tích cà phê chiếm 76%; trên 70% diện tích cà phê đã được đưa vào kinh doanh, năng suất

bình quân đạt 4 tấn nhân/ha. Với phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, đến nay thôn Sinh Công có 8,7km đường giao thông (từ trung tâm xã vào), trạm y tế và trường tiểu học với 2 phân trường mới được xây dựng, 100% trẻ em tới tuổi đi học đều được đến trường. Đồng chí Bí thư chi bộ, kiêm Trưởng thôn Sinh Công cho biết: Hiện nay, bình quân mỗi ha cà phê kinh doanh cho thu nhập trên 80 triệu đồng, cộng với sản lượng lương thực trên 1.200 tấn (quy thóc) nên số hộ đói nghèo ở Sinh Công đã giảm đáng kể (hộ đói nghèo chủ yếu là đồng bào dân tộc Kơho từ Di Linh đến), số hộ giàu có đã chiếm 40%. Hộ anh Hoàng Hải Sầm, năm 1990 từ Cao Bằng vào chỉ hai bàn tay trắng, đến nay gia đình anh đã có 4,5 tấn cà phê, vụ đầu cho thu nhập trên 60 triệu đồng. Anh đã mua được máy tưới, tivi và làm nhà ngói mới. Năm nay anh dự tính từ vườn cà phê sẽ cho thu nhập khoảng 200 triệu đồng. Hộ anh Hoàng Văn Trung, Hoàng Tài Dón, ông Nhâm... từ năm 1998 cũng đã có thu nhập từ 100-200 triệu đồng.

Có cuộc sống ổn định, hầu hết bà con DCTD đều đã ý thức được việc bảo vệ rừng. Hơn 2 năm qua, nạn phá rừng, lấn chiếm đất rừng ở Lâm Hà đã giảm đáng kể. Có thể nói một cách chắc chắn rằng cho đến nay, huyện Lâm Hà là một huyện tuy còn nhiều khó khăn, nhưng đã giải quyết rất tốt vấn đề DCTD trên mọi phương diện. Cái đáp án ấy chỉ được tìm thấy từ lương tâm và trách nhiệm của những người lãnh đạo Đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể của Lâm Hà. Họ đã phải vượt qua biết bao khó khăn, vất vả của một huyện kinh tế mới, miền núi để chăm lo đời sống cho nhân dân, vận động người đến trước chung tay với chính quyền địa phương cứu mang người đến sau. Dù bát cơm ăn chưa đầy, nhưng người Lâm Hà vẫn sẵn lòng xẻ chia cho người khác. Và từ những vùng cư dân mới, trải qua thời kỳ khó khăn nhất, nay đất đã bắt đầu trả nghĩa lại cho người: sản lượng cà

Dân vận Lâm Đồng làm theo lời Bác

phê ở Lâm Hà tăng từ 2.125 tấn năm 1993 lên 9.700 tấn năm 1997 và từ năm 1998 đã đạt trên 14.000 tấn. Sản lượng lương thực bình quân mỗi năm tăng 15%. GDP bình quân đầu người tăng 2,5 lần so với năm 1993, tổng sản phẩm xã hội thời kỳ 1993-1997 bình quân tăng 19,5%. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên đã giảm từ 2,57% (năm 1993) xuống còn 2% (năm 1999).

Trên thực tế Lâm Hà chưa phải là miền đất hứa, nhưng với nghĩa đất - tình người, nơi đây đã trở thành bến đỗ cho những con người từ bốn phương góp lại, để họ có thể tìm lại chính mình trong lao động sản xuất, làm giàu cho bản thân, gia đình và góp phần làm giàu cho xã hội.■

Sức sống mới ở vùng đồng bào dân tộc huyện Bảo Lâm

HỒNG SƠN

Chúng tôi về thăm Lộc Bắc xã anh hùng, căn cứ địa cách mạng thời kháng chiến chống Mỹ một ngày đầu tháng 3/2000. Lúc này nhân dân ở nhiều nơi đang nô nức kỷ niệm 25 năm ngày giải phóng miền Nam thống nhất đất nước.

Mùa khô, đường vào Lộc Bắc mới được san ủi lại khá dễ đi. Con đường phủ bôxít nâu đỏ len lỏi qua những rừng thông trồng xanh mướt. Đèo B40 đoạn xung yếu nhất của tuyến đường từ trung tâm huyện Bảo Lâm vào Lộc Bắc đang được đầu tư nâng cấp. Dự án được Nhà nước đầu tư trên 7 tỷ đồng để mở rộng, hạ thấp độ cao, trải nhựa bê tông hơn 6km đường đèo B40. Nếu dự án hoàn thành đường vào Lộc Bắc đỡ khó khăn rất nhiều vào mùa mưa. Đến trung tâm cụm xã Lộc Bảo - Lộc Bắc, đường đã được rải nhựa bán thấm. Cầu Lộc Bắc 1 đã hoàn thành. Cầu Lộc Bắc 2 đang khẩn trương thi công. Trụ sở xã Lộc Bảo, Nhà văn hóa xã, Trạm y tế Lộc Bắc, Lộc Bảo được xây dựng khá khang trang. Những căn nhà mới đang mọc lên. Trạm thu phát truyền hình với ăng-ten parabol sử dụng năng lượng mặt trời vẫn thu sóng và phát hình hàng

đêm. Khu thương mại trung tâm cụm xã đã được quy hoạch chuẩn bị xây dựng... Chúng tôi như đi trong một thị tứ nhỏ vùng cao. Lộc Bảo, Lộc Bắc đang đổi thay nhanh chóng.

Có được những điều ấy là nhờ sự quan tâm đầu tư công sức, tiền của của Đảng và Nhà nước thông qua cuộc vận động định canh định cư, một cuộc vận động mang đầy tính nhân bản và ưu việt của chế độ. Huyện Bảo Lâm có 12 xã và 1 thị trấn. Hầu hết các xã đều có đồng bào dân tộc sống xen ghép. 4 xã có trên 95% hộ đồng bào dân tộc sinh sống. Toàn huyện có 3.655 hộ với 19.025 khẩu là đồng bào Mạ, Kaho (chiếm 21% dân số). Trong kháng chiến đồng bào dân tộc ở Bảo Lâm đã nghe, tin, đi theo Đảng làm cách mạng và một lòng trung thành với sự nghiệp cách mạng. Vì vậy Lộc Nam, Lộc Lâm, Lộc Bắc những xã căn cứ của cách mạng ấy đã được Nhà nước trao tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Sau giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước; bà con trở về với buôn làng, gần với núi rừng, lại phát nương làm rẫy. Cuộc sống du canh du cư nay đây mai đó, cái ăn, ốm đau bệnh tật đều nhờ vào “Giàng” thật vất vả. Đồng bào vẫn đói cơm, lạt muối khi giáp hạt, mất mùa.

Cuối thập kỷ 70 và cả thập kỷ 80, Đảng và Nhà nước thực hiện cuộc vận động định canh định cư cho vùng đồng bào dân tộc. Nhiều dự án xây dựng cơ sở hạ tầng cho vùng đồng bào được thực hiện. Bà con được hướng dẫn định cư và chuyển đổi phương thức sản xuất trồng chè, trồng điều, trồng cà phê... Nhưng do trình độ nhận thức thấp, nhiều tập quán lạc hậu ràng buộc, nên thực tế, bà con mới chỉ định cư chứ chưa định canh.

Những vườn chè, cà phê, điều được đầu tư cho từng hộ vẫn thiếu bàn tay chăm sóc của con người. Bà con vẫn bỏ lên rừng làm rẫy, cuộc sống vẫn vất vả, bấp bênh. Hàng năm

Nhà nước phải trợ cấp, cứu đói hàng trăm tấn lương thực, nhưng đời sống đồng bào vẫn tiếp tục khó khăn. Vậy làm cách nào để sử dụng nguồn lực giúp đỡ của Nhà nước có hiệu quả. Đó là câu hỏi lớn đặt ra cho lãnh đạo huyện.

Vì vậy ngay sau khi ngày thành lập huyện, Bảo Lâm đã có nhiều chủ trương, biện pháp, ngoài việc tập trung các nguồn vốn định canh định cư, vốn 327, vốn đầu tư dự án xã điểm, vốn đầu tư xây dựng trung tâm cụm xã để đẩy mạnh tốc độ phát triển các xã vùng đồng bào dân tộc, huyện đã quan tâm đến công tác vận động quần chúng xây dựng thực lực chính trị, đặc biệt ở các xã khó khăn như Lộc Bắc, Lộc Bảo, Lộc Lâm, Lộc Phú, Lộc Nam. Cùng có tổ chức Đảng cơ sở, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể. Huyện ủy có nhiều chỉ thị, kế hoạch định hướng cho công tác phát triển vùng đồng bào dân tộc theo tinh thần Chỉ thị 25/TU và Nghị quyết 15/TU của Tỉnh ủy. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể thành viên xây dựng kế hoạch tổ chức các đoàn công tác xuống từng thôn buôn làm công tác vận động đồng bào định canh định cư xây dựng cuộc sống mới. Phụ nữ vận động chị em đưa trẻ đi tiêm chủng mở rộng, đưa trẻ đến trường, thực hiện sinh đẻ có kế hoạch. Hội Nông dân vận động nông dân vùng đồng bào dân tộc tham gia các lớp tập huấn, học tập kinh nghiệm sản xuất, chăm sóc cây trồng, chăn nuôi gia súc... Đoàn Thanh niên vận động thanh niên tham gia sinh hoạt Đoàn, Hội, hỗ trợ giúp nhau phát triển kinh tế, học tập kinh nghiệm trồng chăm sóc cà phê, chè, thực hiện nếp sống mới: ăn chín, uống sôi, ngủ màn, đau bệnh đến trạm xã khám và điều trị. Đặc biệt, Bảo Lâm đã chỉ đạo các xã thành lập tổ chức Hội già làng, thu hút 163 già làng Mạ, Kaho tham gia hoạt động. Nhiều già làng đã trở thành nòng cốt của cuộc vận động định canh định cư. Già làng nói dân làng nghe, già làng vận động con cháu, bà con dòng họ không đi phá rừng làm rẫy, chăm lo

làm vườn trồng cà phê theo dự án, vận động gia đình, con cháu xóa bỏ tập quán lạc hậu.

Do biết tổ chức tốt công tác vận động quần chúng nên cuộc vận động định canh định cư ở Bảo Lâm sau 5 năm thành lập huyện đã thu được nhiều kết quả đáng phấn khởi. Trong 5 năm Bảo Lâm đã đầu tư cho các dự án vùng đồng bào dân tộc 13.659.632.000đ. Đã lập được gần 2000 vườn hộ với 1.617 ha trà, cà phê. Bình quân mỗi hộ dân tộc có 0,8 ha cây công nghiệp. Đồng bào đã nhận khoán, chăm sóc bảo vệ 20.931 ha rừng. Bình quân mỗi hộ nhận từ 10-15 ha rừng. Giải quyết việc làm cho 320 lao động tại chỗ ; 1.525 ha chè, cà phê đã vào kỳ thu hoạch. Thu nhập bình quân mỗi hộ từ 2-3 triệu/năm, nay đã tăng lên từ 4-6 triệu/năm. Đời sống đồng bào được cải thiện. Thu nhập đầu người tăng gấp 2 lần so với trước. Cơ bản đã giải quyết được tình trạng thiếu đói triền miên. Hạn chế tối đa và tiến tới chấm dứt tình trạng phá rừng làm rẫy. Tỷ lệ hộ đói nghèo từ 70% nay giảm còn 30%.

Lĩnh vực giáo dục, y tế phát triển gắn liền với việc tăng cường cơ sở vật chất trường học, trạm y tế và đội ngũ giáo viên, y, bác sĩ. Các loại dịch bệnh giảm đáng kể , 97% trẻ em được tiêm chủng mở rộng; 97% trẻ em đến độ tuổi được đến trường. Trình độ dân trí được nâng dần lên, các phong tục, tập quán truyền thống tốt đẹp được duy trì, các tập quán lạc hậu đang được xóa bỏ. Bộ mặt nông thôn mới đang được hình thành, an ninh chính trị ổn định, cuộc sống bình yên.

Trong số gần 1.800 hộ đồng bào thuộc diện đầu tư của các dự án đến nay có trên 400 hộ khá, giàu. Nhiều hộ đã biết làm kinh tế vườn rừng, vườn hộ, kết hợp chăn nuôi và dịch vụ.

K'Jờnh già làng thôn 3 Lộc Lâm có gần 2 ha chè, gần 3 ha cà phê, có 1 ao cá gần 100 m². Mấy năm nay bình quân

thu nhập gần 50 triệu đồng/năm. Ông đã có nhà cửa khang trang, mua sắm tivi, xe máy, đầu video, mua máy công nông để chở hàng hóa vật tư phục vụ sản xuất. Ông vừa được bầu chọn là đại biểu của người Mạ dự Hội nghị gặp gỡ các đại biểu tiêu biểu các dân tộc thiểu số Việt Nam lần thứ nhất tổ chức tại Hà Nội.

Già làng K'Thường vừa là Chủ tịch Hội Nông dân xã Lộc Bắc đã sản xuất trồng hơn 1,5 ha chè, 3 ha cà phê, thu nhập hàng chục triệu đồng mỗi năm. Ông là nông dân sản xuất giỏi cấp huyện. Vừa qua ông được bầu chọn là đại biểu tiêu biểu của nông dân Bảo Lâm dự Đại hội thi đua toàn tỉnh... Và còn bao những tấm gương sản xuất giỏi của bà con dân tộc ở Bảo Lâm. Họ vừa lo sản xuất ổn định cuộc sống. Họ cũng đang tích cực giúp đỡ nhau sản xuất xóa đói giảm nghèo, xây dựng cuộc sống mới.

Người Mạ, người Kơho Bảo Lâm trước đây một lòng theo Đảng, theo cách mạng tham gia kháng chiến chống Mỹ giải phóng dân tộc. Những chiến tích của họ đã được ghi vào sử sách của đồng bào các dân tộc tỉnh Lâm Đồng. Hôm nay người Mạ, người Kơho Bảo Lâm đang tiếp tục phát huy truyền thống đó trong cuộc cách mạng mới: Thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, đói khổ.■

D840 gắn bó với nhân dân

HOÀNG VŨ

Chúng tôi về thăm tiểu đoàn 840 (D840) - Đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân đúng vào lúc toàn thể cán bộ - chiến sĩ ở đây đang đẩy mạnh đợt thi đua cao điểm, thiết thực lập thành tích chào mừng Đại hội Đảng các cấp và kỷ niệm 56 năm ngày thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam. Trao đổi với chúng tôi về bước đi lên chung của toàn đơn vị, thiếu tá Tiểu đoàn trưởng Huỳnh Đông Đức cho biết: “Với nhiệm vụ, chức năng của một đơn vị huấn luyện chiến sĩ mới và sẵn sàng chiến đấu khi có lệnh, những năm qua D840 luôn hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ trên giao. Đặc biệt, để làm tốt công tác trên, đơn vị luôn xác định và coi trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho toàn thể cán bộ, đảng viên, đoàn viên, chiến sĩ. Đồng thời không ngừng đổi mới công tác vận động quần chúng, thường xuyên tăng cường mối quan hệ máu thịt giữa Đảng, đơn vị và quần chúng nhân dân”.

Quả vậy! Trên cơ sở tập trung bám sát và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị của mình, Đảng ủy, Ban Chỉ huy Tiểu đoàn 840 luôn nêu cao tinh thần đoàn kết thống nhất ý chí - hành động trong mọi hoạt động, công tác. Thực hiện

song trùng công tác Đảng, công tác chính trị; tổ chức cơ sở Đảng và người chỉ huy đơn vị ở đây đã nêu cao vai trò, vị trí và năng lực lãnh đạo trong công tác tổ chức, vận động, tập hợp quần chúng. Điều có ý nghĩa thực tiễn là đơn vị đã thực hiện nghiêm chỉnh mọi nội quy, điều lệnh, thường xuyên nâng cao ý thức tổ chức kỷ luật của quân đội; xây dựng, triển khai và thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, phát huy mạnh mẽ, đồng bộ sức mạnh của các tổ chức Đảng, Đoàn ngay trong đơn vị, tạo ra các nội dung và phương thức hoạt động phong phú, đa dạng, phù hợp với tuổi trẻ, với tình hình thực tế của đơn vị và địa phương - nơi Tiểu đoàn đóng quân. Một trong những phương thức hoạt động mang lại hiệu quả cao mà mọi người ai cũng cảm thấy hào hứng là vấn đề thay đổi không khí môi trường, tổ chức bộ đội hành quân dã ngoại làm công tác dân vận. Việc tổ chức đưa “lính trẻ” đi hành quân dã ngoại ấy vừa là cơ sở tiền đề nhằm đảm bảo tốt công tác huấn luyện, diễn tập, vừa kết hợp làm công tác vận động quần chúng ở địa phương cơ sở.

Những năm qua thực hiện phương thức này, đơn vị D840 đã tổ chức 5 cuộc hành quân đưa hàng trăm bộ đội về với nhân dân ở những nơi vùng sâu, vùng xa trong tỉnh như thôn 5 (Cát Tiên), Liêng SRôn (Lâm Hà)...để “cùng ăn, cùng ở, cùng làm” với bà con các dân tộc anh em, giúp đỡ nhân dân trồng mới trên 270 ha cà phê, sửa chữa 45 km đường giao thông nông thôn, tu bổ, sửa sang xây dựng lại hơn 1.000 ngôi nhà, trường học, trạm xá, chợ quán bị ngã đổ sau những trận thiên tai lũ lụt ở các huyện phía Nam.

Và cứ mỗi lần hành quân dã ngoại ấy là mỗi lần “cái được” lại nhân lên: “Tình nghĩa quân - dân đậm đà, thấm thiết”, “Niềm tin giữa Đảng, Quân đội và nhân dân càng thêm củng cố, vững bền”, “Mối quan hệ tình làng - nghĩa xóm thêm nhích lại gần nhau”...

Nhiều việc làm cụ thể có ý nghĩa thiết thực trong công tác vận động quần chúng, mà D840 luôn quan tâm thực hiện, đó là các hoạt động Đền ơn - đáp nghĩa, thăm động viên, tặng quà các gia đình thương binh - liệt sĩ, mẹ Việt Nam anh hùng; giúp đỡ nhân dân trong lao động sản xuất - chăn nuôi; vận động bà con thực hiện tốt các chính sách tôn giáo - dân tộc, định canh - định cư; đẩy mạnh phong trào văn hóa - văn nghệ; vận động nhân dân tích cực hưởng ứng phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc - chương trình quốc gia phòng chống các loại tội phạm, thi hành Luật nghĩa vụ quân sự, thực hiện kế hoạch hóa gia đình, tham gia chương trình xóa đói - giảm nghèo đã có tác dụng lôi cuốn hàng chục ngàn quần chúng ở các địa phương, cơ sở.

Bằng cử chỉ, hành động, nét đẹp và lối sống chan hòa, trong sáng của anh “bộ đội của dân”, những cán bộ - chiến sĩ ở D840 đã góp phần đắc lực làm cho đồng bào hiểu rõ, sâu sắc hơn những chủ trương, đường lối, chính sách đúng đắn của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Từ đó, nhiều vụ việc mâu thuẫn trong nội bộ, những băn khoăn, vướng mắc trong nhân dân, những tâm tư nguyện vọng của đồng bào được mỗi cán bộ - chiến sĩ ở D840 thu nhận và kịp thời phản ánh, đề xuất với các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương nắm bắt và có hướng giải quyết tốt hơn, thấu tình, đạt lý.

Cũng thông qua quá trình hành quân dã ngoại làm tốt công tác dân vận này mà nhiều cán bộ - chiến sĩ thuộc D840 đã được các cấp ủy, chính quyền địa phương và các tầng lớp nhân dân có điều kiện gần gũi tiếp xúc, kiểm tra, giúp đỡ, giáo dục, tạo cơ sở tốt cho những quân nhân cách mạng rèn luyện, cống hiến, tu dưỡng, trưởng thành, không ngừng nâng cao đạo đức, phẩm chất tốt đẹp, cao quý của anh “bộ đội cụ Hồ”. Qua công tác huấn luyện, xây dựng đơn vị sẵn sàng chiến đấu và vận động quần chúng, từ năm 1997 đến nay,

D840 đã có gần 100 thanh niên tiên tiến được kết nạp vào Đoàn, hàng chục đoàn viên ưu tú được công nhận là đối tượng Đảng, trong đó có trên 10 đồng chí được kết nạp Đảng, 100% đoàn viên, đảng viên đủ tư cách. Sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng được nâng lên, Đảng bộ nhiều năm liền luôn phấn đấu đạt và giữ vững danh hiệu trong sạch vững mạnh.

Có thể khẳng định rằng cùng với đổi mới vươn lên chung của toàn quân đội, việc tổ chức đưa bộ đội đi hành quân dã ngoại làm công tác dân vận ở mỗi đơn vị, địa phương là một trong những phương thức hoạt động rất đúng đắn, phù hợp với “ý Đảng, lòng dân” - Bởi nó đã góp phần tích cực vào việc xây dựng, củng cố, giữ vững nền an ninh - quốc phòng toàn dân, thúc đẩy sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ở mỗi địa phương, cơ sở vững bước đi lên. ■

Đam Rông – nơi “Điều không thể” đang thành “Điều có thể”

TẠ QUANG THÀNH

Từ trụ sở xã Đam Rông, huyện Lạc Dương đi bộ khoảng ba cây số thì đến nhà Liêng Hót Tang ở thôn Liêng K'rắc 2. Từ ngoài ngõ đã nghe tiếng mấy đứa trẻ reo hò đập phá trong ngôi nhà sàn xiêu vẹo. Khi chúng tôi đến, bọn trẻ dừng đùa nghịch rồi ngược mắt nhìn một cách chờ đợi. Thấy vậy anh Phong - Trưởng ban công tác thanh niên Công an Lâm Đồng vội lấy gói kẹo ra cho. Nhìn chúng ăn kẹo hết sức ngon lành, chúng tôi lấy làm vui vẻ, anh Phong hỏi chuyện:

- Ba các cháu đi đâu?

Đứa lớn đại diện trả lời một cách cụt ngủn:

- Uống rượu cần ngoài làng cũ.

- Bao giờ thì ba cháu về?

- Đêm.

- Còn mẹ các cháu đi đâu?

- Đi rừng lấy rau?

Đây là một đoạn trong cuộc đối thoại giữa đoàn công tác xóa đói giảm nghèo với những đứa trẻ con anh Liêng Hót Tang tại xã Đam Rông. Hộ Liêng Hót Tang là một trong 59 hộ nghèo trong xã. Cái nghèo đeo đuổi gia đình Liêng Hót Tang từ đời này sang đời khác, anh không dễ dàng thay đổi được số phận của mình vì không biết làm cho cây lúa, cây bắp nhiều hạt, cây điều, cây cà phê nhiều trái. Đã thế Liêng Hót Tang lại hay bỏ bê việc nhà để đi uống rượu, tối về xỉn quá lại quên “cái bao” của Ban dân số xã cấp cho nên vợ anh đang có bầu, sắp sửa cho ra đời “công dân thứ tám”. Quả đúng như lời nhận xét của ông Ha Soanh, Bí thư Đảng ủy xã Đam Rông về thực trạng ở xã hiện nay: “Xã chúng tôi là một xã vùng sâu, có 98% là đồng bào dân tộc. Theo kết quả khảo sát cuối năm 1999, toàn xã có 523 hộ với 3165 nhân khẩu, nhưng có đến 59 hộ thuộc diện nghèo đói. Điều đó xuất phát từ ba nguyên nhân: thứ nhất là do trình độ dân trí thấp, nên việc tiếp thu áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất kinh tế còn hạn chế; thứ hai là do bà con sinh đẻ không có kế hoạch, quá đông con nên làm không đủ ăn; thứ ba là do giao thông vào xã khó khăn, nhất là vào mùa mưa nên việc trao đổi hàng hóa thực sự gặp nhiều nan giải. Chúng tôi rất muốn giải quyết vấn đề nghèo đói cho bà con nhưng lực bất tòng tâm nên không thể thực hiện được”.

Làm gì cho xã Đam Rông vượt lên đói nghèo, xây dựng một vùng quê văn minh, no ấm đó là nhiệm vụ mà hai ngành Công an và Giao thông vận tải Lâm Đồng đã nhận trách nhiệm trước Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh. Đã nhiều lần Công an tỉnh và phụ nữ Công an thành phố Hồ Chí Minh tổ chức hỗ trợ gạo, tiền, các vật chất khác cho Đam Rông song đều không hiệu quả bởi vì bà con chưa có ý thức sử dụng những nguồn vật chất hỗ trợ đúng mục đích. Nhận gạo, nhận tiền, nhận áo quần thì không đi làm vì đã có cái ăn cái mặc;

thậm chí giới mày râu lại dùng tiền giúp đỡ để mua rượu uống lai rai. Nguy hiểm hơn đó là có nhiều hộ đã hình thành ý thức ỷ lại, sống chờ vào sự giúp đỡ của các cấp, các ngành... Rút kinh nghiệm cách làm cũ, lãnh đạo hai ngành đã đi đến quyết định: Trước hết là phải đẩy mạnh công tác dân vận để làm sao cho bà con có một tư duy mới về sản xuất cũng như trong sinh hoạt và đời sống thường ngày; sau đó mới đầu tư hỗ trợ cho bà con cái trước mắt, kết hợp với đầu tư chiến lược lâu dài...

Với tinh thần đó, ngay từ những ngày đầu năm 2000, qua đợt vận động đầu tiên đã có hơn 60 triệu đồng của cán bộ chiến sĩ và công nhân viên hai ngành quyên góp để đầu tư thực hiện dự án trồng cây tiêu cho 59 hộ nghèo thuộc xã Đam Rông. Trong đợt ra quân đầu tiên, nhiệm vụ đặt ra là phải làm cho bà con hiểu về giá trị kinh tế của cây tiêu, biết kỹ thuật trồng, chăm bón và có ý thức xây dựng vườn tiêu được đầu tư. Để thực hiện được vấn đề này thì công tác dân vận phải được đặt lên hàng đầu. Một trong những biện pháp dân vận có hiệu quả được tán thành cao nhất đó là giao cho tuổi trẻ hai ngành trực tiếp xuống Đam Rông thực hiện ba cùng, đó là: Cùng ăn, cùng ở và cùng hướng dẫn, tổ chức cho dân làm...

Với khí thế xung kích trên mặt trận "xóa đói giảm nghèo" - những thanh niên trẻ của Công an tỉnh và sở Giao thông vận tải Lâm Đồng đã tình nguyện đến Đam Rông để làm công tác dân vận và giúp dân trồng cây tiêu... Cái khó bắt đầu từ đây, bên cạnh các hủ tục lạc hậu trong đời sống thì bà con ở Đam Rông hầu như còn hết sức xa lạ với cây tiêu. Bên cạnh đó là sự hạn chế của quần chúng về kiến thức phổ thông, phần lớn trước đây họ không được đi học nên không biết chữ, thậm chí có người không nói được tiếng Kinh. Bởi vậy, việc vận động xây dựng tư duy mới và chuyển giao khoa học kỹ

thuật là hết sức khó khăn... Nhìn những vườn cà phê, vườn điều được nhà nước đầu tư qua các dự án trước đây bị bỏ hoang để cây cỏ mọc lẩn lên có lẽ ai cũng thấy nao lòng... Quả thật xóa cái đói, giảm cái nghèo nơi đây không dễ chút nào!

Vượt qua những khó khăn thiếu thốn của vùng sâu, vượt qua những tập tục làm ăn lạc hậu, tư tưởng chờ trời, những đoàn viên thanh niên của hai ngành Công an, Giao thông vận tải không chút nản lòng. Hướng dẫn cho bà con qua lý thuyết chưa đủ, hàng ngày, tất cả anh em xuống từng hộ dân trực tiếp “cầm tay chỉ việc”, hướng dẫn cụ thể từng công đoạn trồng trụ, đào hố, xử lý vôi, phân xanh, thuốc trừ sâu cho đến việc rào vườn chống súc vật phá. Một thực tế là người dân Đam Rông hầu như chưa biết sử dụng phân xanh, phân chuồng phục vụ cho trồng trọt. Tuy nhiên, khi thấy cán bộ tận tâm lao động họ đã học tập theo. Anh Ha Quang, một trong những hộ nghèo được đầu tư đã xúc động nói với chúng tôi: “Mình mỗ còi nên nghèo lắm, từ trước đến nay mình không biết làm kinh tế vì không có vốn, không có kỹ thuật, bây giờ được hai ngành Công an và Giao thông vận tải tỉnh giúp đỡ trồng cho 50 trụ tiêu thì mình biết ơn vô cùng. Mình sẽ cố gắng làm cho cây tiêu lên tốt có nhiều quả để bớt cái nghèo cái khổ”. Bên cạnh giúp dân sản xuất kinh tế, sau những ngày lao động, những cán bộ trẻ làm công tác tuyên truyền của Công an tỉnh đã tổ chức chiếu phim, giao lưu văn hóa, qua đó tuyên truyền lồng ghép một cách khéo léo để vận động bà con xóa bỏ các hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan, tích cực lao động sản xuất, tích cực tham gia bảo vệ an ninh Tổ Quốc, xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa mới...

Sự bền gan “cùng ăn, cùng ở, cùng làm” của tuổi trẻ Công an tỉnh và Sở Giao thông vận tải bước đầu đã có kết quả: trên ba ngàn trụ tiêu đã được trồng đúng các công đoạn kỹ thuật. Qua kiểm tra tiến độ thực hiện dự án, đồng chí Huỳnh Đức

Hòa - Giám đốc Công an tỉnh phát biểu: “Tôi thật sự bất ngờ trước tinh thần cũng như kết quả mà lực lượng thanh niên hai ngành đã làm được. Tuy nhiên, vấn đề lâu dài là phải làm sao cho bà con biết thâm canh cây trồng, biết chăn nuôi theo khoa học để có nguồn thu nhập ổn định, đảm bảo cho cuộc sống. Mặc dầu cây tiêu đòi hỏi yêu cầu kỹ thuật khá cao nhưng bước đầu bà con đã tiếp cận được. Để dự án đi đến kết quả còn cần đến sự theo dõi giám sát kỹ thuật lâu dài đối với các vườn tiêu. Vẫn biết rằng công tác xóa đói giảm nghèo cho xã Đam Rông sẽ còn gặp nhiều khó khăn nhưng với những điều kiện trong phạm vi cho phép thì chúng tôi sẽ tiếp tục đẩy mạnh công tác dân vận, đồng thời tiếp tục đầu tư vốn và thực hiện những biện pháp chuyển giao kỹ thuật khả thi để hoàn thành tốt nhiệm vụ trước Đảng và nhân dân giao phó”.

Rõ ràng, để có thành công trong việc xóa đói giảm nghèo cho xã Đam Rông còn phải trải qua nhiều thử thách. Song giờ đây, tại Đam Rông đã có những vườn tiêu bén rễ đâm chồi, đó chính là kết quả bước đầu trong việc biến “*điều không thể*” thành “*điều có thể*” và cũng là tín hiệu đón chào mùa “đơm hoa kết trái”. Đây không chỉ là kết quả từ nguồn vốn do cán bộ chiến sĩ đóng góp đầu tư mà còn là kết quả của sự bền gan và trí tuệ của tuổi trẻ hai ngành Công an với Giao thông vận tải Lâm Đồng trong công tác vận động quần chúng. Mặt khác còn là sự minh chứng giàu sức thuyết phục cho chủ trương vận động xây dựng tinh thần đại đoàn kết các dân tộc cũng như tô thắm ý Đảng - lòng dân trong sự nghiệp xây dựng một xã hội giàu đẹp, công bằng văn minh. ■

Thủ lĩnh chân quê

THÁP SAO

Có thể khẳng định một điều rằng: Thực tiễn sinh động của công tác Đoàn và phong trào thanh thiếu niên tỉnh Lâm Đồng những năm gần đây không chỉ đã góp phần quan trọng vào việc thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng tại địa phương, mà còn hình thành nên một lớp thanh niên mới năng động, sáng tạo, không cam chịu đói nghèo, lạc hậu và luôn ôm ấp bên mình những ước mơ, hoài bão lớn. Trên thực tế, qua các phong trào hành động cách mạng của Đoàn đã xuất hiện ngày càng nhiều những gương người tốt việc tốt, những điển hình thanh niên tiên tiến trên các lĩnh vực. Và, gương mặt thanh niên tiêu biểu của tỉnh nhà mà tôi muốn giới thiệu, không ai khác, đó là “thủ lĩnh chân quê” - Phạm Văn Dư - người đã có những đóng góp đáng kể trong công tác vận động, đoàn kết tập hợp thanh niên ở cơ sở hiện nay.

Nói tới Phạm Văn Dư - Bí thư Đoàn xã Ninh Gia (Đức Trọng) hẳn không ít bạn trẻ biết đến. Tuy nhiên, khi đề cập đến những đóng góp thầm lặng và bền bỉ của anh trong công tác vận động, tập hợp thanh niên nơi anh đang sinh sống thì tôi tin chắc rằng không phải ai cũng nhận biết điều này. Là một cán bộ

Đoàn có nhiều năm công tác tại địa phương, điều đáng quý ở Dư là bên cạnh việc ra sức học tập, rèn luyện với mong muốn được cống hiến và trưởng thành, anh còn là người luôn băn khoăn, trăn trở để tìm ra những mô hình hay, những hướng đi phù hợp cho hoạt động Đoàn và phong trào thanh niên nông thôn ở cơ sở. Anh luôn ý thức và tâm niệm rằng: để làm tốt công tác vận động, tập hợp thanh niên (nhất là thanh niên nông thôn) đến với tổ chức Đoàn, Hội, tích cực tham gia phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương, đồng thời giúp thanh niên vươn lên lập thân lập nghiệp... thì trước hết, người cán bộ Đoàn hôm nay phải thực sự là một thủ lĩnh thanh niên gương mẫu và tích cực trong mọi hoạt động. Không những thế, để trở thành trung tâm đoàn kết tập hợp thanh niên, với tư cách là một nhà hoạt động trẻ tuổi, bên cạnh việc thường xuyên gần gũi với thanh niên, tìm hiểu những nhu cầu, sở thích của đoàn viên thanh niên; khơi dậy sức bật, tính năng động, sáng tạo trong mỗi đoàn viên thanh niên; tạo dựng các hoạt động sôi nổi, hấp dẫn... còn phải biết đồng cam cộng khổ, biết chia sẻ những khó khăn và chăm lo đến lợi ích, nguyện vọng chính đáng của thanh niên. Có lẽ nhờ vậy mà Dư cùng với tập thể Ban Chấp hành Đoàn xã Ninh Gia đã không ngừng đưa công tác Đoàn và phong trào thanh niên địa phương ngày một đi lên, từ một đơn vị yếu kém nhất (vào những năm 1992-1993) trở thành lá cờ đầu trong phong trào đoàn kết tập hợp thanh niên tại cơ sở hiện nay (với 11 chi đoàn, 243 đoàn viên; 01 Ủy ban Hội liên hiệp thanh niên với 15 chi hội, đội, nhóm gồm 432 hội viên...).

Mặt khác, có thể thấy vai trò và uy tín của người thủ lĩnh trẻ tuổi này trong công tác đoàn kết tập hợp thanh niên thông qua việc mạnh dạn vận động đoàn viên thanh niên chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ cây ngắn ngày kém hiệu quả sang các loại cây dài ngày như: cà phê, mía và các loại cây ăn trái; từng bước hình thành mô hình kinh tế trang trại với quy mô từ nhỏ đến

lớn, kết hợp chăn nuôi gia súc, gia cầm với nuôi cá mang lại hiệu quả kinh tế cao. Ngoài ra, tranh thủ sự giúp đỡ của Đoàn cấp trên, Dư cùng với Ban Chấp hành Đoàn xã đã giải ngân vốn hỗ trợ sản xuất và chăn nuôi (75 triệu đồng), thu được lợi tức từ 15-20% và đã thu hồi cả vốn lẫn lãi đúng thời hạn. Từ nguồn vốn vay này cũng đã tạo việc làm thường xuyên cho 90 lao động nhân rồi, giúp được 20 thanh niên vượt nghèo; và số gia đình trẻ có mức thu nhập bình quân từ 20-100 triệu đồng/năm tại địa phương cũng ngày càng tăng.

Không chỉ dừng lại ở đó, Phạm Văn Dư còn tích cực trong công tác vận động đoàn viên thanh niên tham gia phòng chống tội phạm trong lứa tuổi thanh thiếu niên, giữ gìn an ninh trật tự an toàn xã hội tại địa phương bằng việc hình thành và đưa đội hình “thanh niên tuần tra nghĩa vụ” đi vào hoạt động. Qua mô hình này đã vận động được 2 đối tượng có lệnh truy nã ra đầu thú; phối hợp bắt giữ 4 đối tượng có lệnh truy nã khác, 3 vụ cướp tài sản có tổ chức, 7 vụ trộm cắp xe máy và nhiều vụ khai thác, vận chuyển gỗ trái phép... Đặc biệt, từ năm 1994 đến nay đã cảm hóa, giáo dục được 76 đối tượng thanh niên hư, phạm pháp giúp họ hòa nhập với cộng đồng. Với kết quả này, anh đã được Bộ Công an tặng bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc trong phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc tại địa phương.

Có thể nói, từ những việc làm và những đóng góp thiết thực như vừa nêu trên, người thủ lĩnh thanh niên - Phạm Văn Dư thực sự xứng đáng là gương mặt tiêu biểu trong số 21 gương mặt thanh niên tiên tiến của huyện Đức Trọng và của tỉnh Lâm Đồng năm 1999; là gương mặt điển hình thanh niên nông thôn sản xuất kinh doanh giỏi khu vực miền Đông Nam bộ; là đại biểu duy nhất đại diện cho tuổi trẻ các dân tộc tỉnh nhà báo cáo điển hình tại Đại hội Thi đua tỉnh Lâm Đồng lần thứ I vào tháng 8/2000 vừa qua.■

Liêng Sron ấm lại những ước mơ

PHAN VĂN ĐỒNG

“Đã lâu rồi đồng bào Liêng Sron mình không có được những ngày vui như bây giờ. Thanh niên về làng bày cho đồng bào mình cách làm ăn, cách sống hợp vệ sinh, dạy học chữ ... nhiều thứ lắm; các anh chị ấy còn tụ tập lũ trai, gái làng lại nói chuyện, ca hát nên ai cũng thích”. - Ông Liêng Hót Ka Ràng - thôn phố thôn 4 niềm nở nói khi chúng tôi hỏi đến chuyện Đoàn TNCSHCM tỉnh Lâm Đồng về làm chủ dự án xã điểm ở Liêng Sron.

Gần 2 năm nay mới có dịp trở lại Liêng Sron. Con đường bây giờ không còn sinh lầy như trước nữa. Năm 1996 tỉnh bắt đầu triển khai dự án xã điểm ở Liêng Sron và Ban quản lý rừng (QLR) bắc Lâm Hà được giao làm chủ dự án. Thế nhưng do Ban QLR bắc Lâm Hà không thực thi được nhiệm vụ nên đến tháng 6/1998 Tỉnh đoàn Lâm Đồng đã được giao thay thế. Nhận lại dự án từ Ban QLR bắc Lâm Hà, tất cả mọi việc gần như phải bắt đầu lại từ điểm xuất phát. 30 ha lúa chìm trong cỏ và 68,7 ha cà phê vàng vọt là “di sản thừa kế” dành cho người chủ mới. Đồng bào vẫn xa lạ với cây cà phê, nhà nào cũng phải đi làm thuê, lên rừng chặt “trộm” từng cây lồ ô, tre nứa về bán lấy tiền mua gạo. Trước thực trạng đó, Đoàn thanh niên đã tổ chức nhiều đợt về

thực hiện “3 cùng” (cùng ăn, cùng ở và cùng làm) với đồng bào. Hàng trăm bạn trẻ trong đội thanh niên xung kích xây dựng nông thôn mới, đội ánh sáng văn hóa của sinh viên Đại học Đà Lạt... đã không quản ngại khó khăn đến với đồng bào như những đứa con thân yêu về với quê hương. Các bạn trẻ đến từng nhà vận động bà con tăng gia sản xuất, mở hàng chục lớp chuyển giao kỹ thuật trồng trọt - chăn nuôi, giúp cho bà con một số hàng, công cụ sản xuất, hướng dẫn cách làm ăn, tập huấn về bảo vệ môi trường, bảo vệ rừng, khám - phát thuốc chữa bệnh cho đồng bào, mở 1 lớp mẫu giáo, dạy chữ, tuyên truyền về dân số kế hoạch hóa gia đình... Các bạn trẻ không bao giờ từ chối điều gì khi đồng bào nhờ giúp đỡ. Chị Rơ ông KVân - cán bộ phụ nữ xã tâm sự: “Trước đây mỗi lần đi vận động sinh đẻ có kế hoạch khó lắm. Thế nhưng từ khi có các bạn trẻ về vận động thì ai cũng nghe ra. Nhiều ông chồng đến gặp mình xin bao cao su, thuốc tránh thai và một số người nhờ mình đưa đi đình sản”. Nhằm tạo mối quan hệ thật gần gũi với đồng bào, triển khai tốt dự án, Đoàn đã điều động 2 cán bộ (1 quản lý và 1 kỹ thuật) về công tác dài hạn tại xã để điều hành, giám sát, thực thi dự án và mời 6 trưởng thôn cùng 4 cán bộ xã tham gia giám sát, điều hành dự án. Đây là một cách làm mới so với các chủ dự án khác; khẳng định vai trò và trách nhiệm làm chủ dự án, làm chủ buôn làng của đồng bào.

Kỹ sư nông nghiệp Ngô Đình Hóa - cán bộ phụ trách kỹ thuật của dự án liên tục hơn 2 năm nay sống chung với đồng bào vui vẻ nói: “Trình độ dân trí của bà con còn thấp nên hướng dẫn cũng khá vất vả. Tuy nhiên, nếu mình nhiệt tình biết làm tốt công tác vận động quần chúng, hướng dẫn chu đáo thì bà con làm theo được”. Ngày nào anh cũng đi lại giữa các thôn từ 5 - 7 km bằng đôi chân của mình; lội ruộng, lên nương cùng bà con chăm từng vạt lúa, cây cà phê. Hàng trăm bạn trẻ khác về đây cũng sống như anh - chan hòa, không phân biệt đối xử, thức

khuya dậy sớm với bà con, cùng uống chung cần rượu, cùng ăn chung mâm... Hình ảnh các bạn sinh viên cùng các em nhỏ và cả người lớn nữa của xã cặm cụi dưới ánh đèn dầu viết từng chữ, những cô gái thị thành da trắng mịn màng xấn cao ống quần cùng phát cỏ, cuốc đất với đồng bào... đã trở thành một cái gì đó rất thân quen và đầy triu mến đối với đồng bào trong xã. Cách làm đó của những người đoàn viên trẻ đã góp phần đưa bộ nặt Liêng Sron có nhiều thay đổi so với trước. 20 ha mía đã lên xanh trên vùng đất trống, 30 ha ruộng nước giao cho bà con làm đã cho những mùa vàng, cây cà phê trĩu quả rung rinh trong nắng mà không còn lo sợ cỏ lấn, bà con cùng tham gia với các bạn trẻ làm 3 km đường giao thông liên thôn, làm công trình thủy lợi và nhiều công trình dân sinh khác; ở đây còn có một ngôi trường tiểu học mới 3 phòng (xây cấp 4) được Đoàn thanh niên xây dựng giờ rộn rã tiếng đọc bài của các em thơ... Đặc biệt, nếp nghĩ của đồng bào cũng đang dần thay đổi. Gặp anh Cil'H Kkă ở thôn Phi Srôn đang làm cỏ cà phê (trồng từ vốn của dự án xã điểm), anh nói: "Mấy anh cán bộ Đoàn bây giờ là anh em với mình rồi. Nhờ anh em nên nay mình biết trồng và chăm sóc cà phê rồi. Mình không ngồi nhà uống rượu nữa mà phải đi chăm sóc vườn cây để có cà phê thu hoạch". Anh Trần Phước Mênh - cán bộ xã cũng nói: "Từ ngày Đoàn thanh niên làm chủ dự án thì chúng tôi mới thực sự thấy được sự đầu tư của Nhà nước, thấy được hiệu quả bước đầu của dự án xã điểm này. Đồng bào trong xã rất tin tưởng và luôn nghe theo sự hướng dẫn của các bạn đoàn viên thanh niên về đây". Ghi nhận của người dân, của chính quyền địa phương đã khẳng định vai trò của Đoàn thanh niên khi làm chủ dự án đối với đồng bào ở vùng đất này.

Anh Hoàng Văn Bình, cán bộ quản lý dự án cho biết: "Đoàn sẽ huy động hết khả năng của mình về mọi mặt để thực hiện dự án tốt nhất, giúp đồng bào đi vào ổn định đời sống và sản xuất, sớm thoát khỏi tình trạng đói giáp hạt trong nhiều năm nay".

Thực hiện điều này, Đoàn đã phối hợp với huyện quy hoạch, phát hoang hơn 100 ha đất tre nứa cần cỗi giáp với xã Rô men để xây dựng làng thanh niên. 70 hộ đồng bào dân tộc (vừa xây dựng gia đình, không có đất sản xuất ...) ở thôn 4 và thôn 5 của xã Liêng Sron đang được đưa đến định cư ở làng này. Chị K'Dang ở thôn 4 nói khi chúng tôi đến thăm nhà: "Lúc trước nghe nói chuyển đi đến nơi ở mới, ai cũng không chịu đi vì sợ đói khổ. Nay biết anh em Đoàn làm giúp bà con nên ai cũng tin rồi. Mình đi anh em còn làm cho cái nhà mới, cho cây giống để trồng". Quả thật, đến nơi chúng tôi thấy anh em thanh niên đang hăng hái dựng nhà, dọn vườn hộ... cho đồng bào. Một làng quê mới đầy sự sống đang dần hiện hữu trọn vẹn trên vùng đất hoang vắng bao đời nay. Và ở đó, 3 tiếng "làng thanh niên" đang là nguồn sức mạnh cho tuổi trẻ tham gia xây dựng cuộc sống mới, là động lực cho mỗi hộ đồng bào dân tộc trong vùng vươn lên và là mô hình tiêu biểu để nhân rộng ra các địa phương khác trong tỉnh.

Đêm Liêng Sron bây giờ không chỉ có ánh trăng mát dịu trên bầu trời, có ánh điện phát ra từ những chiếc mô-tơ cần mẫn quay dưới dòng suối bên nhà mà có cả ánh lửa hồng bập bùng soi rõ từng khuôn mặt của bao chàng trai cô gái từ những miền quê khác về với buôn làng. Họ cùng những người con bao đời nay của những buôn làng Darmang - Lu thip, Liêng Hùng, Phi Srôn... ở Liêng Sron này quây quần bên nhau hát vang những lời ca về Đảng, về Bác Hồ, về dòng sông Đa Rđum, con suối ĐaSal... Tất cả là anh em một nhà, cùng nắm chặt tay nhau đưa cái chữ đến từng người, đưa cái ấm no, văn minh đến từng nhà. Đêm Liêng Sron đỏ hồng mãi ánh lửa...và bình minh đang lên trong tiếng cười giòn tan, trong trẻ, tiếng bước chân nhộn nhịp của người lên nương và tiếng gọi nhau đến lớp rộn ràng của lũ trẻ thơ đang mừng một năm học mới. ■

Hướng về cơ sở để tập hợp thanh niên ở Đạ Huoai

KHÁNH THIÊN

Đã thành lệ cứ vào các tối chủ nhật, thanh niên từ các nẻo đường buôn làng ở Đạ Huoai lại tụ họp ở các địa điểm đã định để sinh hoạt thanh niên. Tại đây họ học hát, tập khiêu vũ và được bồi dưỡng các kiến thức khuyến nông... Hai năm qua, song song với việc xóa các thôn, buôn, khu phố trắng Đoàn, trắng Hội, Huyện Đoàn Đạ Huoai đã cố gắng tự đổi mới trong việc đưa hai phong trào lớn “Tuổi trẻ giữ nước” và “Thanh niên lập nghiệp” vào chiều sâu, thu hút ngày càng đông thanh niên tham gia theo tinh thần “nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở Đoàn, trọng tâm là củng cố xây dựng Đoàn ở địa bàn dân cư”.

Tại sao Huyện Đoàn Đạ Huoai đang có tỷ lệ tập hợp thanh niên cao nhất tỉnh? Qua khảo sát được biết: Huyện Đoàn đã tập trung kiện toàn công tác tổ chức, xây dựng đội ngũ bí thư chi đoàn, chọn những đoàn viên nhiệt tình, có tâm huyết, sáng tạo và biết chủ động công tác, sau đó tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ công tác thanh niên cho họ. Trọng tâm của công tác nâng cao chất lượng đoàn viên tập trung vào tuyên truyền giáo dục nâng cao giác ngộ về lý tưởng, đạo đức cách mạng, tinh tiên

phong gương mẫu của mỗi đoàn viên... Để giúp các chi đoàn tổ chức và duy trì sinh hoạt nền nếp hàng tháng; tăng cường giao lưu, kết nghĩa, đỡ đầu của chi đoàn cơ quan, chi đoàn trường học đối với các chi đoàn thôn buôn và khu phố, Huyện Đoàn đã tăng cường cán bộ chuyên trách, cùng với Ban Chấp hành Đoàn cơ sở chuẩn bị kỹ nội dung sinh hoạt, tổ chức các câu lạc bộ kỹ năng tập huấn, kỹ năng sinh hoạt giao lưu với các chi đoàn cơ sở. Mặt khác, đề nghị đảng viên tại nơi cư trú giúp đỡ cho tổ chức Đoàn ở thôn buôn, khu phố...

Với cách thức củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của các chi đoàn, 9 tháng đầu năm 2000 chất lượng hoạt động của các chi đoàn được đánh giá: Toàn huyện có 99 chi đoàn. Trong đó có 11 chi đoàn khối cơ quan trực thuộc Huyện Đoàn, 9 chi đoàn dân quân tự vệ, 50 chi đoàn thôn buôn, khu phố, 13 chi đoàn giáo viên, 16 chi đoàn học sinh. Về đánh giá chất lượng có 36 chi đoàn mạnh, 31 chi đoàn khá, 24 chi đoàn trung bình, 8 chi đoàn yếu. Tỷ lệ thanh niên được tập hợp đạt 66%.

Rõ ràng chủ trương hướng về cơ sở, ưu tiên cơ sở, mọi hoạt động tập trung cho cơ sở, phân công cán bộ bám sát cơ sở đã mang lại hiệu quả thiết thực. Sự quan tâm của các cấp ủy Đảng, chính quyền luôn là nhân tố quyết định sự phát triển và trưởng thành của các tổ chức Đoàn. Mọi hoạt động của Đoàn bám sát các nghị quyết của Đảng, gắn liền với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, không ngừng đổi mới nội dung và phương thức hoạt động đa dạng, phong phú nên đã đáp ứng kịp thời nhu cầu và nguyện vọng của thanh niên.

Việc xuất phát từ lợi ích chính đáng của thanh niên, từ cuộc sống đời thường của thanh niên, lấy lợi ích của thanh niên làm động lực trực tiếp để thúc đẩy các phong trào hành động cách mạng của Huyện Đoàn Đa Huoai đã thu hút càng đông thanh niên tham gia sinh hoạt Đoàn. ■

Lạc Xuân với hoạt động của Hội đồng bào tự quản vùng dân tộc

HOÀNG HẠN

Nằm dọc theo Quốc lộ 27B và triền sông Đa Nhim, cách thị trấn Thanh Mỹ khoảng 11 km về hướng đông là địa bàn xã Lạc Xuân (Đơn Dương). Toàn xã hiện có 12 thôn được phân bố theo hai bên bờ bắc và nam sông Đa Nhim tiếp giáp với các xã Lạc Lâm, Ka Đô với tổng số dân trên 9.280 người. Trong đó có trên 25% dân số là đồng bào các dân tộc ít người bao gồm Churu, Kơho, Cil, Raglai tập trung sinh sống lao động chủ yếu bằng nghề nông ở các thôn La Bouye, Diom A, Diom B, B'Kan và Lạc Bình. Đặc biệt trong tổng số các dân tộc trên (gồm 390 hộ - 2.530 khẩu), thì có đến 85% số bà con là đồng bào các dân tộc Churu, Kơho; và tỷ lệ người theo đạo Thiên chúa trong đồng bào các dân tộc ít người này chiếm gần 80%.

Từ những năm 1990 trở về trước, do trình độ nhận thức còn non yếu nên đời sống của đa số bà con có rất nhiều hạn chế. Những tập tục lạc hậu, mê tín dị đoan, ốm đau, ma chay, cưới hỏi; nạn rượu chè, bói toán, thầy mo, thầy cúng và tin vào Giàng ở địa phương diễn ra khá phổ biến. Thêm vào đó là

tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ở cơ sở diễn biến khá phức tạp.

Nhằm từng bước đẩy lùi các hủ tục lạc hậu và xây dựng cuộc sống mới ở nông thôn, ở vùng đồng bào dân tộc...; dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương cùng sự hỗ trợ tích cực của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã; Hội tự quản vùng đồng bào dân tộc xã Lạc Xuân được thành lập và đi vào hoạt động có hiệu quả từ năm 1991 đến nay. Đặc biệt, những hoạt động của Hội đã có sự chuyển biến tích cực về mọi mặt từ khi thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở theo tinh thần Nghị định 29/CP ngày 11/5/1998 của Chính phủ.

Trên cơ sở nguyên tắc tổ chức, không phân biệt gái trai, giàu nghèo, sắc tộc, tôn giáo, ai có hội đủ các yếu tố “đạo đức, trình độ, năng lực và nhiệt tình công tác”, từ 16 tuổi trở lên, tự nguyện tán thành và thực hiện tốt các mục tiêu phương hướng cũng như những quy định của Hội để ra đều có quyền xin gia nhập vào Hội. Từ đó, Hội đã đoàn kết, tổ chức vận động và tập hợp được các thành phần tiêu biểu trong cộng đồng dân cư bao gồm nhân sĩ, trí thức, già làng, trưởng buôn cùng đại diện các đoàn thể, Ban thôn hình thành nên Ban Chấp hành của Hội với 11 thành viên và ở mỗi chi hội có từ 5-7 thành viên.

Chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng, sự quản lý của Nhà nước và là thành viên của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã; Hội tự quản vùng đồng bào dân tộc xã Lạc Xuân đã xây dựng và duy trì 4 ban hoạt động theo các hình thức chuyên môn hóa bao gồm Ban đời sống sản xuất nông nghiệp, Ban văn hóa - y tế - giáo dục; Ban an ninh - quốc phòng và Ban pháp luật thực hiện quy chế.

Mục đích của Hội là tổ chức đoàn kết tập hợp giữa các dân tộc lại với nhau làm những việc cụ thể có ý nghĩa bổ ích,

thiết thực cùng đồng viên, cổ vũ mọi người quan tâm, giúp đỡ lẫn nhau trên tinh thần “tình làng - nghĩa xóm”, đẩy mạnh phát triển sản xuất - chăn nuôi, giữ vững an ninh - quốc phòng... góp phần xây dựng quê hương ngày càng thêm tươi vui, đổi mới... Qua quá trình xây dựng, củng cố và phát triển, tổ chức hoạt động, đến nay, Hội tự quản vùng đồng bào dân tộc xã Lạc Xuân đã tổ chức tuyên truyền vận động được hàng ngàn người hăng hái tham gia vào các phong trào hành động cách mạng của quần chúng ở địa phương, cơ sở. Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, với phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”, nhiều chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước ban hành cùng những vấn đề khác của xã hội đều được nhanh chóng triển khai học tập, quán triệt sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân lao động trong vùng.

Đến Lạc Xuân hôm nay điều mà mọi người dễ dàng tâm đắc, cảm nhận và thấy rõ là đời sống của bà con các dân tộc đã có những “đổi thịt, thay da”. Nạn du canh, du cư phát nường, làm rẫy, đốn củi, phá rừng cùng những tập tục lạc hậu lâu đời khác đã bị nhanh chóng đẩy lùi. Thay vào đó là thể ăn ở mới định canh - định cư ổn định và ngày càng phát triển. Cuộc sống ấm no, hạnh phúc đã, đang đến gần ngay trên quê hương, buôn làng của họ. Sự thay đổi ấy bắt nguồn từ việc chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện đất đai, thổ nhưỡng và sự lao động hăng say, tích cực của bà con cùng với việc áp dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất. Bên cạnh đó là những vấn đề về đời sống tinh thần văn hóa - xã hội, giáo dục - y tế từng bước được nâng lên.

Cùng với sự đổi mới đi lên chung của toàn xã, đồng bào các dân tộc ở đây đã đóng góp nhiều công sức trong việc thực hiện các chính sách tôn giáo, dân tộc và phát triển sản xuất

nông nghiệp. Bình quân hàng năm, tổng sản lượng lương thực quy thóc của Lạc Xuân đạt từ 2.350 - 2.420 tấn/năm. Trong đó có diện tích lúa nước cả năm từ 290-300 ha với năng suất bình quân từ 38-39,65 tạ/ha là một sự cố gắng lớn đối với một vùng có nhiều đồng bào dân tộc.

Nhờ việc tổ chức vận động và đoàn kết tập hợp lực lượng của Hội tự quản vùng đồng bào dân tộc nên những năm qua những vụ xích mích mâu thuẫn nhau giữa vùng này với vùng khác, giữa dân tộc này với dân tộc kia đã giải quyết dứt điểm, không còn chia rẽ nữa. Bà con nơi đây đã tin tưởng hơn vào những chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước nên càng yên tâm, phấn khởi, ra sức thi đua lao động sản xuất và đóng góp hàng trăm công lao động để tu bổ, sửa chữa hàng chục km đường sá, nạo vét khơi thông hàng ngàn mét kênh mương dẫn nước vào đồng tưới tiêu cho hàng chục ha lúa 2 vụ.

Chỉ tính riêng trong vụ đông xuân 1999-2000 và hè thu vừa qua, bà con đã gieo trồng trên 560 ha lúa, hoa màu, rau quả và cây công nghiệp với các giống lúa, bắp như F11, LVN10, DK888... cho năng suất cao. Và trong vòng thời gian ngắn, đồng bào đã tự vận động đóng góp được hơn 70 triệu đồng xây dựng hệ thống nước sạch ở các thôn La Bouye, Diom A, B'Kan và làm đường giao thông nối liền giữa các vùng trong xã.

Được gặp gỡ, tiếp xúc và trao đổi thân tình với nhiều bà con ở đây, chúng tôi thực sự vui mừng vì biết được có không ít hộ dân tộc đã chăm chỉ làm ăn, có mức thu nhập kinh tế gia đình khá cao từ 70-80 triệu đồng/năm góp phần làm cho tỷ lệ số hộ nghèo đói của xã dần dần thu hẹp lại còn khoảng 8,5%. Và nhiều hộ đã gương mẫu thực hiện kế hoạch hóa gia đình, góp phần làm hạ tỷ lệ phát triển dân số của địa phương xuống còn dưới 2% trong năm 2000. Tiêu biểu cho các gương

sáng ấy trong bà con dân tộc là những Tounh Đức, Ya Lo, Ma Ngao, Ka Huê, Ma Than, Touenh Yoh, Mang Nam, Nai Tin...
- những người chủ thực sự của buôn làng.

Lạc Xuân vừa mới tiến hành tổ chức Đại hội Đảng lần thứ 6 nhiệm kỳ 2000-2005, cũng đã đánh giá đúng mức đến vai trò, vị trí của tổ chức Hội đồng bào tự quản. Không ngừng quan tâm xây dựng, củng cố, phát huy vai trò của Hội cùng với Mặt trận và các đoàn thể ở địa phương, dưới sự lãnh đạo của Đảng góp phần thúc đẩy các mặt hoạt động nơi đây ngày càng phát triển. ■

THỰC HIỆN QUY CHẾ DÂN CHỦ Ở ĐẠ TÊH:

Phát huy quyền làm chủ của nhân dân để xây dựng huyện nhà giàu mạnh

VŨ KHẮC

Đạ Tẻh vốn là vùng kinh tế mới, nhân dân từ nhiều tỉnh trong cả nước tập trung về. Về cơ bản, Đạ Tẻh tuy là vùng kinh tế mới nhưng sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện này tương đối bền vững. Dầu vậy, do trình độ dân trí còn thấp, những phong tục tập quán lạc hậu còn khá nặng nề nên ít nhiều ảnh hưởng đến sự phát triển chung của toàn huyện; trong đó đặc biệt là việc áp dụng thực thi quy chế dân chủ trên địa bàn dân cư. Với đặc điểm ấy, Ban chỉ đạo (BCĐ) của huyện đã chọn phương thức hữu hiệu và có tính khả thi nhất trong thực hiện quy chế dân chủ là bằng mọi cách phát huy quyền làm chủ của nhân dân để xây dựng huyện nhà giàu mạnh.

Ngay từ tháng 8.1998, BCĐ triển khai thực hiện quy chế dân chủ cơ sở (QCDCCS) của huyện Đạ Tẻh đã được thành lập gồm 11 đồng chí. Được sự hỗ trợ của Ủy ban nhân dân huyện, ngay khi thành lập, BCĐ đã tổ chức nhiều lớp tập huấn nhằm quán triệt tinh thần những văn bản của Trung ương, của tỉnh về QCDCCS đến 65 đồng chí nòng cốt của các BCĐ cơ sở. Điều đáng ghi nhận ở Đạ Tẻh là BCĐ huyện đã tiến hành soạn thảo các văn bản hướng dẫn từng bước làm cụ

thể giúp BCD cơ sở tiến hành triển khai thực hiện điểm ở địa bàn dân cư, trong đó chú trọng các khâu từ tổ chức học tập, nghiên cứu quy chế, liên hệ thực tế cơ sở và địa bàn dân cư đến việc hướng dẫn nhân dân bàn bạc xây dựng quy ước tự quản cộng đồng. Một ghi nhận nữa ở Đa Tẻ là huyện đã in ấn 8.695 bộ tài liệu để cấp phát đến từng hộ gia đình, cấp 10 băng ghi nội dung tuyên truyền về QCDCC cho 10 xã và thị trấn; phòng Tư pháp huyện đã cấp 242 cuốn tài liệu, 808 áp phích tuyên truyền cho các thôn, khu phố; Ủy ban Mặt trận huyện cùng cơ quan chức năng mở nhiều lớp bồi dưỡng nghiệp vụ và các lớp tập huấn ngắn ngày về nội dung tổ chức thực hiện QCDCCS.

Ở cấp xã và thị trấn, ghi nhận trước tiên là không những 10/10 cơ sở đều có BCD mà trong quá trình hoạt động, các BCD này còn luôn được bổ sung, kiện toàn cho phù hợp với tình hình cán bộ và đúng theo chỉ đạo của huyện, các thành viên trong BCD được phân công phần việc cụ thể và cũng được phân công theo dõi, chỉ đạo trực tiếp các địa bàn dân cư. Rõ nhất là trong cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân ba cấp vừa qua, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp đã chủ động trong việc tổ chức hiệp thương và nhờ đó, phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” đã được phát huy một cách triệt để. Ủy ban nhân dân thị trấn Đa Tẻ và xã Đa Lây bước đầu đã triển khai một số hình thức thông tin những điều dân cần biết, thu nhận những ý kiến đóng góp và cả phát giác của dân như phát phiếu tự khai diện tích đất đai đến từng hộ để đối chiếu, phát sổ theo dõi các khoản đóng góp, niêm yết công khai về nghĩa vụ quân sự, về chế độ tuyển dụng...

Qua đó, không những chỉ có cán bộ đảng viên có sự chuyển biến về mọi mặt mà trong quần chúng nhân dân địa phương Đa Tẻ cũng đã có những biểu hiện tích cực về nhận thức và cả hành động của mình, và đặc biệt là việc quần chúng nhân

dân hiểu được mục đích và ý nghĩa của việc thực thi QCDCCS này trên địa bàn dân cư của mình. Cũng qua việc triển khai thực hiện QCDCC, niềm tin của quần chúng nhân dân đối với Đảng và Nhà nước trong công cuộc đổi mới hiện nay đã được thêm phần củng cố vững chắc. Biểu hiện cụ thể là người dân đã tham gia học tập, thảo luận “chuyện làng, chuyện nước” nhiều hơn trước đây, có nhiều đóng góp bổ sung, góp ý có giá trị và có ý nghĩa thiết thực trong đời sống cộng đồng. Điển hình là các khu phố 4A, 5, 8 và 10 của thị trấn Đa Tễh, các thôn Lộc Hòa (Đạ Lây), Hương Sơn (Hương Lâm), thôn 2 (Quảng Trị), 1,2,3 (Quốc Oai) đã có từ 70% - 90% số hộ tham gia các buổi học tập, sinh hoạt chính trị. Riêng việc học tập quy chế dân chủ, theo thống kê của huyện thì đã có 100% số thôn đã tổ chức phổ biến nội dung quy chế. Bên cạnh đó là việc tuyên truyền thông qua hệ thống phát thanh truyền hình, xe loa lưu động của huyện và của cơ sở cũng đã góp phần tích cực vào việc giúp cho nhận thức của quần chúng nhân dân về QCDCCS được nâng cao một cách đáng kể. Đối với cán bộ Đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể, nhận thức về việc cần thiết phải thực hiện QCDCC trong nhân dân đã được nâng lên một bước đáng kể để từ đó tự bản thân cán bộ nhận thức đúng hơn về quyền làm chủ của nhân dân và để tự điều chỉnh hành vi của mình trước cái quyền đó của nhân dân. Thực tế cho thấy thời gian gần đây ở Đa Tễh, sự lãnh đạo của cấp uỷ, sự điều hành của chính quyền, trong những hoạt động của tổ chức mặt trận và các đoàn thể đã có những chuyển biến tích cực, giảm hẳn những áp đặt trái nguyên tắc như trước đây và những vấn đề có liên quan đến quyền lợi của người dân đã được quan tâm giải quyết và giải quyết đúng trình tự, nguyên tắc. Một vấn đề nữa là, qua thực hiện QCDCCS, nhiều địa phương trong huyện Đa Tễh đã bước đầu hình thành chế độ tự quản cộng đồng lành mạnh, tính tự giác của từng thành viên trong cộng đồng được phát huy cao độ,

dư luận cộng đồng đủ sức mạnh để điều chỉnh hành vi của các thành viên. Đến Đà Tẻ lúc này, mọi người dễ dàng nhận thấy những nội dung của QCDC đã được áp dụng và thực hiện như việc công khai lịch công tác, lịch tiếp dân, niêm yết mức thu lệ phí chứng thư, thông báo công khai kết quả nộp thuế, tiền quỹ các loại; tại các cuộc họp thôn, người dân được thông báo các mức thuế các loại, việc huy động đóng góp các khoản đều có sự bàn bạc và đi đến thống nhất của mọi người dân; chế độ bầu trưởng thôn, phó thôn được thực hiện nghiêm túc...

Trong quá trình thực hiện các cuộc vận động và thực hiện QCDCS ở Đà Tẻ, phương châm được đề cao tuyệt đối là “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”. Kết quả tuy có ưu có khuyết nhưng với riêng huyện Đà Tẻ có một điểm mới nổi lên đó là: Hiện các địa phương trong cả nước đang thực thi QCDC với phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” đồng thời với việc thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư”. Theo ý kiến của nhiều người có trách nhiệm thì nên thống nhất hai BCD (thực hiện QCDC và cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư) thành BCD cuộc vận động xây dựng cuộc sống mới nhằm phát huy cao hơn nữa quyền làm chủ của người dân trong công cuộc xây dựng quê hương, đất nước. ■

Một Hội cựu chiến binh xung kích trên mặt trận mới

NGUYỄN DUY TÀN

Xã Đa Tông là một trong những xã thuộc vùng sâu, vùng xa của huyện Lạc Dương, giao thông đi lại rất khó khăn. Từ trụ sở của Hội Cựu chiến binh huyện mà muốn vào xã Đa Tông chỉ có thể đi bằng một trong hai con đường. Nếu đi bộ thì phải chuẩn bị đầy đủ cơm nắm, nước bình, men theo đường ven hồ Đan Kia, Đầm Ròn; leo vượt “Dốc Trời” cao trên 1000m. Phải dậy để đi từ lúc trời chưa sáng, cuộc bộ suốt ngày không nghỉ, mãi đến chập choạng tối mới đến được trụ sở Ủy ban nhân dân xã. Nếu đi ô tô thì gần như phải đi quanh gần giáp một vòng tròn từ Lạc Dương ra Đà Lạt, xuống Đức Trọng, qua Lâm Hà, vượt cầu trên sông K’Rông Nô (thuộc địa phận huyện Lạc của tỉnh Đắklăk) rồi “gửi” xe lại giữa núi rừng mà đi bộ khoảng từ 7-8 km nữa mới đến, cũng gần trọn hết một ngày. Bà con ở đây phần lớn là dân tộc Chil, Kơ Ho, Mạ... Từ bao đời nay, đồng bào vẫn bị ảnh hưởng nặng nề bởi tập quán canh tác lạc hậu. Dụng cụ, phương tiện sản xuất chủ yếu là cuốc, cày, liềm, xà gạc... Giống ngô, lúa truyền thống thường dài ngày, năng suất thấp. Tất cả chỉ nhờ Giàng (ông Trời), phó mặc cho thiên nhiên. Chưa quen làm cỏ, bón phân,

thuốc trừ sâu, thủy lợi hoặc thâm canh tăng vụ; chăn nuôi trâu bò, lợn gà chủ yếu là thả rông, không phòng trừ được dịch bệnh, không tận thu được nguồn phân bón cho đồng ruộng. Đời sống nhiều hộ gia đình thiếu đói, nhất là những lúc giáp hạt.

Trước tình hình đó, Hội Cựu chiến binh xã Đa Tông đã xin ý kiến của cấp ủy và chính quyền địa phương, tổ chức họp bàn bạc, vạch kế hoạch xin đất lập vườn thực nghiệm - từng bước tháo gỡ khó khăn.

Trong quan hệ xã hội ở đây, đặc biệt là chế độ mẫu hệ còn hằn rõ trong tập quán của mỗi gia đình, trong cộng đồng làng buôn. Vì vậy, khi tổ chức họp bàn giải quyết một vấn đề gì, Hội Cựu chiến binh đều mời tất cả vợ của Cựu chiến binh đến dự nhằm quán triệt thông suốt cho người chủ gia đình. Khi các bà vợ đã thông suốt và nhất trí thì chồng phải nghe theo. Một đặc điểm nữa là họ phải được tai nghe, mắt thấy những việc làm cụ thể rồi phải được hướng dẫn theo kiểu cầm tay chỉ việc thì mới tin, mới làm theo... Vì vậy, Hội đứng ra xin với chính quyền xã được 1000m² ruộng nước làm thực nghiệm thí điểm. Mời tất cả bà con, cán bộ, hội viên, cả thường trực huyện hội cùng xuống tham gia xem trình diễn cấy lúa thẳng hàng. Ruộng được cấy bằng giống lúa mới ngắn ngày. Dùng trâu bò của hội viên trực tiếp ra cày, vợ hội viên trực tiếp cấy, chăm sóc, làm cỏ, bỏ phân, phòng trừ sâu bệnh dưới sự hỗ trợ và hướng dẫn của Phòng Nông nghiệp huyện. Kết quả thật đáng mừng: Ruộng thực nghiệm năng suất hơn so với những thửa ruộng của dân bên cạnh. Vì thế gia đình nào cũng học tập làm theo các gia đình hội viên. Nhân dân bước đầu đã làm quen với các biện pháp canh tác mới, năng suất ngày một tăng. Từ mảnh ruộng thực nghiệm cho năng suất ngày một cao qua từng vụ, Hội đã gây dựng được nguồn

quỹ để trích giúp các gia đình khó khăn. Trong tổng số viên hiện nay không còn hộ đói. Song song với trồng trọt, tập quán chăn nuôi cũng đã thay đổi. Các chuồng trâu, bò, lợn, gà cũng được tách làm xa nhà và có mái che, có hố ủ phân. Hội cũng đã đứng ra đào những hố phân xanh bên các vệ đường, hướng dẫn cách cắt cây xanh ủ làm phân bón để cho dân làm theo. Các vườn cây ăn quả, điều, cà phê và lúa nước đều được bón phân, phòng trừ sâu bệnh, làm cỏ nên đều tươi tốt. Vườn cà phê của Phó Chủ tịch Hội CCB Kră Jăn Hà Sâm, của Chủ tịch Hội Phi Sơ Rom Ha Wan, của Bí thư Kơ Xá Hà Đơi... là những vườn tiêu biểu.

Nhờ thay đổi tập quán lạc hậu trong sản xuất - chăn nuôi nên cơ sở Hội đã cơ bản xóa được đói, giảm được nghèo và nhiều hộ đã vươn lên làm giàu. Nhiều hộ từ chỗ nhà tranh vách liếp, hiện nay đã có nhà lợp tôn, nền xi măng và các cháu đều được đi học. Không ít gia đình đã có tivi, radio...

Không chỉ chú trọng phát triển kinh tế, Hội còn tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện nếp sống văn minh, ăn sạch, ở sạch, dùng nước giếng, giữ vệ sinh làng buôn, phòng chống bệnh tật, bài trừ hủ tục mê tín dị đoan. Trong phong trào vận động dân số và kế hoạch hóa gia đình, hội viên cũng là người gương mẫu đi đầu. Điển hình như đồng chí Kră Jăn Hà Sâm - Phó Chủ tịch Hội, vừa đủ hai con đã tự nguyện đi đình sản nam và đã có 6 vợ hội viên gương mẫu đặt vòng tránh thai.

Hội CCB xã Đa Tông tuy là Hội ở vùng sâu, vùng xa và chỉ có 27 hội viên (thành lập tháng 3/1995), 100% là anh em đồng bào dân tộc ít người, thế nhưng toàn thể hội viên đều phát huy "bản chất truyền thống bộ đội Cụ Hồ", toàn tâm toàn ý xây dựng Hội, xây dựng phong trào. Các anh đã không ngại khó, ngại khổ, xung kích đi đầu trong mặt trận mới, chống lại nghèo nàn lạc hậu, đưa đời sống ấm no, hạnh phúc về với buôn làng. ■

Vì sự bình yên, phồn vinh của xóm làng

LÊ BÁ CẢNH

Ở xã Ninh Loan, huyện Đức Trọng có một hội viên hội Cựu chiến binh mà mỗi khi nhắc đến mọi người đều tấm tắc khen ngợi, khâm phục. Không chỉ có sản xuất giỏi, chăm dạy con cháu trưởng thành mà ở anh còn toát lên sức mạnh tinh thần, tính cương nghị và sức thuyết phục vận động quần chúng thực hiện tốt các phong trào thi đua của địa phương. Đó là anh Phạm Ngọc Can, nguyên là Chủ tịch Hội Cựu chiến binh xã và ủy viên Ban chấp hành Hội Cựu chiến binh huyện nhiều nhiệm kỳ.

Anh Phạm Ngọc Can năm nay đã bước vào tuổi 73 nhưng vẫn mạnh khỏe. Quê anh ở huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, anh đã từng là chiến sỹ quân tình nguyện Việt Nam tham gia chiến dịch Sầm Nưa trên đất bạn Lào. Trong trận đánh vào đầu tháng 4 năm 1953, trung đội anh chỉ huy đã chiến đấu rất quyết liệt với địch, tiêu diệt nhiều tên, bắt sống được cả tên quan Ba Pháp. Sau đó, anh lại hành quân cùng đồng đội về nước tham gia chiến dịch Điện Biên và được tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng nhất.

Hòa bình lập lại, do không bảo đảm được sức khỏe để đào tạo cán bộ lâu dài cho quân đội nên anh được phục viên và chuyển về công tác ở Huyện ủy, cho đến năm 1973 thì anh được nghỉ hưu. Hưởng ứng lời kêu gọi của Nhà nước, năm 1979 anh tình nguyện đưa gia đình vào lập nghiệp ở vùng kinh tế mới ở xã Ninh Loan. Trước lúc lên đường gia đình thu gom toàn bộ tài sản vụn vặt chỉ được 18.000 đồng. Thời giá lúc đó chỉ vừa đủ tiền xe, ăn uống trên đường và chỉ còn chút ít để mua sắm một số dụng cụ lao động.

Hồi tưởng lại thời kỳ đầu lập nghiệp, anh thân tình kể với chúng tôi:

- Thời còn bao cấp các anh còn lạ gì, toàn bộ gia đình tôi gồm 10 nhân khẩu, thế mà chỉ dựa vào tiêu chuẩn 13kg gạo một tháng của tôi. Bước đầu gia đình nào cũng khó khăn. Khoảng 90% số dân đổ xô ra các vùng lân cận mót khoai sắn, làm thuê và đổ xô vào đào đãi vàng ở khu vực K63 - K68. Số người chết vì sốt rét do rừng thiêng nước độc ở khu đào đãi vàng khiêng về rải rác lên đến 9 người, con tôi cũng ốm la liệt suýt chết. Trước tình hình đó, nhờ quá trình công tác ở huyện nên tôi đã về quê xin với huyện và tỉnh nhiều cơ sở thuốc và cả một bộ trung phẫu vào giúp điều trị thương tật cho bà con. Một mặt tôi đã đứng ra vận động, phân tích kỹ cho bà con thấy được hậu quả của việc đi đào đãi vàng là không thể làm giàu được, mà chỉ mang về bệnh tật, chết chóc. Tốt nhất là bà con phải kiên trì bám ruộng, bám vườn, tiếp tục khai hoang, ra sức tăng gia sản xuất, trồng nhiều rau màu để cứu đói. Tuy trước mắt có cực khổ nhưng sẽ bảo đảm được lâu dài. Nói thì dễ nhưng thực chất đây rất khó khăn. Một số hộ nản lòng bỏ đi nơi khác lập nghiệp. Bọn Fulrô quanh vùng lại tăng cường hoạt động làm cho tình hình càng căng thẳng thêm. Tiếp đến vụ mùa 1980 - 1981 do hạn kéo dài, lúa bắp mất trắng nên bà con càng dao động. May sao đến vụ mùa năm 1982 toàn

xã được mùa, gia đình tôi thu được 7 tấn lúa và rất nhiều hoa màu. Bà con ai cũng thấy no đủ, càng phấn khởi an tâm sản xuất, mua sắm thêm phương tiện, đầu tư phân bón, tăng cường kỹ thuật thâm canh. Nhìn chung cả xã đã khá lên trông thấy.

Qua làm việc với cán bộ đương chức tại xã, tôi được biết thêm: Thời kỳ còn làm chủ tịch Hội, anh Can đã cùng với Ban chấp hành đi vận động bà con đóng góp xây dựng các tuyến đường giao thông nông thôn. Hội đứng ra chủ trì vạch kế hoạch, thiết kế, tổ chức thi công, đều được bà con tin nhiệm và hưởng ứng nhiệt liệt; tiếp đến anh lại mở cuộc vận động Hội Cựu chiến binh đi đầu kết hợp với lực lượng của đoàn thanh niên, hội đồng nhà trường và nhân dân làm gấp hai ngôi trường mẫu giáo và di chuyển hai trường nữa từ vùng ẩm thấp lên nơi cao ráo để kịp cho các cháu bước vào năm học mới. Trong công việc vận động quần chúng, nhất là việc đoàn kết lương giáo, riêng trong xã Ninh Loan có đến 27% là giáo dân, anh thường xuyên tiếp xúc với linh mục để bàn việc xây dựng mối đoàn kết toàn dân, đoàn kết lương giáo. Vị linh mục không những nhất trí mà còn mời ông đến nói chuyện với giáo dân trong các buổi lễ. Nội dung thì nhiều nhưng anh chỉ cần nêu bật những điểm then chốt như: “Lịch sử Việt Nam đã có trên 4000 năm, lịch sử Thiên Chúa giáo mới gần 2000 năm. Lương hay giáo chúng ta đều là con của mẹ Việt Nam. Trước hết hãy coi trọng mẹ Việt Nam. Có mẹ Việt Nam mới có con cháu giáo dân, lương dân của Việt Nam. Chúng ta hãy thực hiện lời Bác Hồ dạy “Kính Chúa yêu nước”. Từ đó để cùng nhau đoàn kết, xây dựng cuộc sống mới, xây dựng cộng đồng làng xóm giàu đẹp, yên vui...”!

Đối với phong trào đền ơn đáp nghĩa và chính sách hậu phương quân đội, anh cũng là người năng nổ, hết mình với công việc. Anh luôn giúp đỡ cán bộ chính quyền xã làm tốt công tác chính sách đối với gia đình thương binh, liệt sỹ và người có công với cách mạng. Trường hợp ông Đỗ Văn Ráng có 2 con là liệt sỹ

nhưng bị thất lạc hồ sơ, anh đã trực tiếp ra quê xác minh, tìm lại giấy tờ gốc rồi trình bày với cơ quan Thương binh - Xã hội xem xét và cuối cùng ông Ráng đã được hưởng đầy đủ các chế độ chính sách của gia đình liệt sỹ. Trường hợp thứ hai là bà Võ Thị Ôn, vợ liệt sỹ, sống cô đơn, anh cũng đã lo đầy đủ thủ tục để bà Ôn được hưởng chính sách gia đình liệt sỹ. Anh còn đứng ra vận động nhân dân và chi hội 8 Cụm chiến binh làm tặng bà một căn nhà gỗ tình nghĩa trị giá trên ba triệu đồng. Trong những năm qua, anh đã cùng với các đồng chí trong Ban chấp hành vận động hòa giải 34 vụ mâu thuẫn giữa các gia đình trong nội bộ nhân dân. Điển hình nhất là vụ một bộ phận của dòng họ Phạm và dòng họ Nguyễn, cũng chỉ vì những chuyện vụn vặt trong sinh hoạt đã dẫn đến ẩu đả, thù oán nhau có nguy cơ lan rộng dữ dội. Trước tình hình đó, anh đã xuống cơ sở, cùng bàn bạc với Chi hội 4 Cụm Chiến binh và Ban an ninh của tập đoàn sản xuất 6 gặp gỡ 2 dòng họ, khéo léo thuyết phục, giáo dục, nêu những hậu quả có thể xảy ra, tập trung hòa giải, từ đó cả hai bên đều nhận ra thiếu sót, lỗi lầm của mình và hứa khắc phục sửa chữa, đoàn kết trở lại.

Về giáo dục thế hệ trẻ, anh không chỉ là người hành động, nhà tổ chức, anh còn là một nhà sư phạm, một tuyên truyền viên có năng lực. Bà con trong xã, anh em dân quân, thanh thiếu niên, học sinh rất thích nghe cụ Phạm Ngọc Can kể chuyện chiến đấu, nhất là chiến dịch Điện Biên Phủ mà cụ được vinh dự tham gia. Qua đó nhằm ôn lại truyền thống kiên cường, bất khuất của dân tộc, giáo dục thế hệ con cháu noi theo, củng cố niềm tin xây dựng đất nước.

Trước những việc làm giàu trách nhiệm và với vai trò tiên phong gương mẫu luôn được bà con tin yêu, kính phục, anh đã được Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Lâm Đồng tặng bằng khen và được Ban chấp hành Hội Cựu chiến binh tỉnh cử đi dự Đại hội thi đua của Hội Cựu chiến binh toàn quốc lần thứ nhất. ■

Sức sống Kơ Ming

THU HIỀN

Kơ Ming là một thôn dân tộc Kơho (thuộc xã Gung Ré, huyện Di Linh) có 251 hộ gia đình, 1.448 nhân khẩu. Theo lời của thôn trưởng Moul Jiuh thì các già làng thường kể lại rằng: “Đây là vùng đất do già làng người Kơho tên là Kơ Ming đến phát nương làm rẫy đầu tiên, vì thấy đất tốt nên dẫn lũ làng về ở, lập nên cái buôn dân tộc này, lúc đầu chỉ vài nóc nhà sàn bằng tranh tre, nửa lá thoi”. Người Kơho thì chỉ biết làm rẫy, mỗi năm một mùa lúa xen ngô. Sau khi chộc lỗ tra hạt xuống đất rồi thì no đói đều nhờ trời. Kơ Ming hồi đó ít người, mà bà con bị thiếu ăn nhiều lắm! Sau giải phóng, được Hội Nông dân, Hội Phụ nữ hướng dẫn, bà con đã biết cải tạo đất sinh, đắp bờ để làm ruộng nước, tăng thêm lương thực. Nhưng người thì ngày càng đông mà quanh năm chỉ trông chờ vào một vụ lúa, vì thế người dân Kơ Ming cứ luẩn quẩn trong cái vòng nghèo đói, rất nhiều hộ đã bỏ buôn làng vào rừng kiếm sống. 10 năm nay, nhờ chính sách định canh định cư và hỗ trợ vùng đồng bào dân tộc phát triển kinh tế của Đảng, đã giúp cho người Kơho ở Kơ Ming đổi đời nhanh chóng như vậy đó.

Đến Kơ Ming hôm nay, chúng tôi thật sự ngỡ ngàng

trước một vùng nông thôn hoàn toàn mới lạ: Những dãy nhà sàn thấp lụp xụp trước đây đã được thay bằng những căn nhà xây kiên cố, khang trang, đẹp mắt. Con đường làng bụi mù đất đỏ ngày xưa đã được mở rộng thêm trên 4 mét và láng nhựa suốt chiều dài trên 2km từ Di Linh Thượng đến hết đường thôn Kơ Ming. Cả thôn hiện nay đã có 154 căn nhà xây kiên cố, 97 nhà ván lợp tôn, nhà nào cũng có khuôn viên rộng rãi, thoáng mát, cây trái sum xuê. Già làng K'Jét Tam Bô năm nay đã trên 70 tuổi - Người có công rất lớn trong việc vận động đồng bào Kơho ở Kơ Ming định canh định cư, đưa 373 ha đất canh tác manh mún của đồng bào vào hợp tác xã để quy hoạch, lập vườn hộ, trồng cà phê đã cho chúng tôi biết: "Từ năm 1990, khi 225 ha cà phê vườn cho vụ thu hoạch thì bà con ở Kơ Ming đã hoàn toàn hết đói, còn hiện nay thì Kơ Ming chỉ phấn đấu làm giàu thôi". Thật vậy, đến cuối năm 1999, thu nhập bình quân đầu người trong thôn Kơ Ming đã đạt từ 5 - 6 triệu đồng/người/năm. Cả thôn chỉ còn 59 hộ nghèo (do ít đất, ít lao động, neo đơn), nói là nghèo nhưng mỗi năm họ cũng thu nhập từ 10-20 triệu đồng từ kinh tế vườn, con số này hiện nay nhiều vùng dân cư trong tỉnh vẫn còn đang mơ ước.

Nhà của thôn trưởng Moul Jiuh trên triền đồi. Căn nhà xây 2 tầng, có diện tích sử dụng khoảng 120m² nằm giữa vườn cà phê đang trở bông trắng muốt. Vợ chồng anh mở chõe rượu cần thơm phức để đón khách, anh nói đây là tục lệ của dân tộc Kơho khi có khách quý đến thăm nhà. Moul Jiuh dẫn chúng tôi đi thăm vườn và giới thiệu: "Gia đình mình có 3,7 ha đất canh tác (3,2 ha cà phê và 5 sào lúa nước), cà phê đã cho thu hoạch mấy năm rồi, bình quân từ 8-9 tấn/năm, cộng với 2 tấn lúa nữa mỗi năm gia đình mình có thu nhập từ 100-120 triệu đồng". Moul Jiuh

còn cho biết, ở Kơ Ming số gia đình có thu nhập như anh còn 13 hộ nữa. Riêng nhà già làng K'Jét Tam Bô, già làng K'Brốp có mức thu nhập trên 200 triệu đồng/năm. 179 hộ trong thôn có mức thu nhập từ 20-60 triệu đồng/năm, những hộ này trưởng thôn chỉ xếp vào loại có mức sống trung bình.

Bên chèo rượu cần, các già làng phấn khởi nói rằng: “Từ ngày có cuộc vận động của Mặt trận Tổ quốc, người Kơho ở Kơ Ming đã biết bỏ những hủ tục lạc hậu như chết không chôn chung trong một nhà mồ, không chia của cho người chết, bỏ tục tảo hôn, nạn thách cưới bằng trâu trắng, bỏ tháng quên (tháng ăn chơi sau Tết nguyên đán)...”. Nhưng trong cái văn minh, hiện đại của ngày hôm nay, ngoài việc thành lập câu lạc bộ văn hóa, đội bóng đá... người dân Kơ Ming vẫn bảo tồn được những nét văn hóa độc đáo của đồng bào dân tộc Kơho là con gái vẫn bắt chồng, trên 70% hộ gia đình vẫn giữ bộ công chiêng trong nhà để làm lễ đón mùa vụ mới... Gần 5 năm qua, nhân dân Kơ Ming đã đóng góp gần 800 triệu đồng để cùng với Nhà nước xây dựng một trường tiểu học ngay tại trung tâm thôn; làm mới 2 km đường nhựa; đưa lưới điện hạ thế về đến từng buôn làng. Hiện nay, trên 98% số hộ gia đình ở Kơ Ming đã sử dụng điện lưới quốc gia, 100% trẻ em trong độ tuổi đều đến trường đi học, các cháu 5 tuổi đã được vào lớp mẫu giáo. Đến cuối năm 1999, Kơ Ming đã có 30 em tốt nghiệp đại học, 12 em khác đang học đại học tại thành phố Hồ Chí Minh, Nha Trang, Đà Lạt. Nét mới ở đây là gia đình nào cũng phấn đấu để cho con được đi học. Nhà nào có con thi đỗ đại học là cả thôn cùng mừng, cùng góp phần chia sẻ khó khăn.

Hiện nay, ở Kơ Ming cứ bình quân 2 hộ gia đình có 1 xe máy, 4 hộ gia đình có 1 máy cày; cả thôn đã có 5 máy

tuốt lúa, 3 máy xay xát. So sánh đời sống của đồng bào dân tộc Kơho ở Kơ Ming với các thôn buôn khác trong xã, đồng chí Bí thư Đảng ủy xã Gung Ré cho biết: “Kơ Ming đang dẫn đầu xã về tốc độ tăng trưởng kinh tế, đây là một mô hình tiêu biểu về việc phát huy vai trò của già làng, trưởng buôn trong việc đoàn kết xây dựng khu dân cư có cuộc sống mới. Trong năm 2000 này, Kơ Ming sẽ được công nhận là “thôn văn hóa” của tỉnh và cũng trong năm nay chúng tôi đang có kế hoạch phát triển mô hình này ở các thôn dân tộc Hàng Làng, Di Linh Thượng”. Trước khi chia tay với chúng tôi, thôn trưởng Moul Jiuh còn nhấn gửi kiến nghị của bà con Kơ Ming là “Nhà nước cần tạo điều kiện cho con em người dân tộc được đi học mẫu giáo lúc 3 tuổi như con em người Kinh, để các cháu có thể làm quen với tiếng phổ thông sớm hơn và khi vào lớp 1 các cháu không còn thua kém học sinh người Kinh như hiện nay”. ■

Người đảng viên 45 năm gắn bó công tác phụ vận

LÊ THỊ HIỆP

Sinh ra trong một gia đình bần nông ở xã Gia Hưng - Gia Viễn - Ninh Bình, bố mất khi chị Nguyễn Thị Lữ tròn 4 tuổi và 7 năm sau người mẹ thân yêu của chị cũng qua đời, để lại trên mảnh đất quê nghèo nần mái nhà tranh và 3 đứa con thơ dại. Chị Lữ cùng anh và người em nhỏ phải đương đầu với cuộc sống làm thuê, ở dợ để kiếm miếng ăn qua ngày. Đó là thời kỳ cả nước ta đang trong vòng nô lệ của bọn thực dân Pháp. Đến năm 13 tuổi, ba anh em chị dùm bọc nhau về ở nhờ nhà cậu ruột, tiếp tục mò cua, bắt ốc, kiếm kế sinh nhai và nuôi nhau ăn học.

Với quyết tâm của người nữ thanh niên ở nông thôn, chị Lữ đã tham gia cách mạng khi 16 tuổi. Ở cương vị Chi hội trưởng phụ nữ, vệ sinh viên của thôn, nữ dân quân tự vệ... hay tiểu đội trưởng, chị đều tích cực vận động phụ nữ thực hiện tiết kiệm, tăng gia sản xuất, xây dựng hậu phương vững chắc làm nền tảng cho tiền tuyến. Với phương châm “miệng nói - tay làm”, chị đem đến cho phụ nữ trong thôn niềm tin vào Đảng, vào Nhà nước cũng như vào tổ chức Hội. Chiến

dịch Điện Biên Phủ kết thúc, chị được địa phương cử đi học kế toán hợp tác xã tín dụng. Trở lại phục vụ quê nhà, chị vẫn kiêm công tác Hội phụ nữ. Ngày đi làm ở hợp tác xã, đêm về cùng chị em sinh hoạt, vận động và động viên nhau tăng gia sản xuất, thực hiện nghĩa vụ của người công dân, xây dựng mô hình người phụ nữ 2 giỏi “Giỏi việc nước, đảm việc nhà”... Không dừng ở đó, chị còn được địa phương cử đi học lớp kế toán trưởng nông nghiệp. Làm Phó Chủ nhiệm rồi Chủ nhiệm hợp tác xã Nông nghiệp Hoa Tiên. Cũng vào thời điểm này, chị được vinh dự đứng vào hàng ngũ của Đảng Cộng sản Việt Nam. 6 năm làm chủ nhiệm là 6 năm chị kiêm luôn cán bộ Hội nên có điều kiện tuyên truyền, vận động phụ nữ tích cực hơn. Sau này, chị được điều động làm cán bộ chuyên trách ở Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện. Nhờ sự phấn đấu không ngừng, chị đã được bầu làm Phó Hội Trưởng Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện. Thế nhưng, do hoàn cảnh gia đình khó khăn: Chồng đi công tác xa, con nhỏ, cha mẹ chồng già yếu..., nên chị phải xin về công tác tại địa phương để tiện chăm sóc gia đình. 15 năm liền chị vừa làm kế toán trưởng hợp tác xã mua bán, vừa làm chi hội trưởng phụ nữ...

Sau khi đất nước thống nhất, theo tiếng gọi của Đảng - Nhà nước, gia đình chị đã xung phong vào Lâm Đồng để xây dựng vùng kinh tế mới tại Tiên Hoàng (Cát Tiên) - một xã nghèo nằm trong dự án 135 của quốc gia. Trên vùng đất mới, với tinh thần trách nhiệm của mình chị đã không ngừng vận động nhân dân thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Chị được chị em phụ nữ tin yêu, Đảng tín nhiệm bầu chị làm chủ tịch Hội phụ nữ xã Tiên Hoàng. Hai năm sau, gia đình chuyển ra thị trấn Đồng Nai, chị lại được bầu làm Chi hội trưởng Hội phụ nữ khu 2. Trong những ngày tháng tiếp tục vị trí của một người cán bộ Hội phụ nữ chị đã không phụ lòng chị em, đến đâu chị cũng

phát huy được khả năng thuyết phục, vận động, tuyên truyền, giáo dục của mình. “Chị Lữ đi đến đâu là phong trào phụ nữ lên đến đó” - cán bộ các địa phương nơi chị từng tham gia công tác có nhận xét như vậy. Không quản ngại khó khăn với vùng đất “chưa nắng đã bụi, chưa mưa đã lầy” và chẳng quản ngày đêm, trưa sớm chị đều đến từng nhà hội viên để tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của chị em để cùng với Ban chấp hành hội, địa phương giải quyết. Năm 1990 chị được bầu vào Ban chấp hành Đảng ủy thị trấn Đồng Nai và được Đại hội đại biểu phụ nữ thị trấn bầu làm Chủ tịch Hội phụ nữ cho đến nay.

Năm nay, chị Lữ đã 61 tuổi. Tuy không còn trẻ nữa, nhưng sức “vẫn còn thừa” để làm công tác Hội. Chị từng tâm sự: “Cuộc đời tôi gắn liền với công tác phụ vận, công việc chưa bao giờ làm tôi chán nản dù ngay cả khi gặp khó khăn bởi tôi tin chị em và chị em tin tôi”. Vâng, làm được như chị đâu dễ nói được như chị thật càng khó hơn. Với sự đóng góp không nhỏ trong công tác phụ nữ, năm 1997, chị được Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tặng Huy chương “Vì sự nghiệp giải phóng phụ nữ”, và gần đây nhất (20/9/2000) chị được Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam tặng Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng nhưng chị có 45 năm làm công tác phụ vận. Riêng những năm ở vùng quê hương thứ hai, 10 năm liền chị được Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Lâm Đồng tặng bằng khen và với tập thể Hội phụ nữ thị trấn Đồng Nai thì 2 năm được Trung ương Hội khen, 8 năm Tỉnh hội khen. ■

Muốn bà con làm mình hãy làm trước

PHAN VĂN ĐỒNG

Lâm Đồng hiện có 2 xã và gần 20 thôn buôn đăng ký xây dựng thôn buôn văn hóa nhưng chỉ có thôn Bằng Tiên II (xã Phú Sơn, huyện Lâm Hà) là do người dân tự làm đơn xin đăng ký xây dựng thôn buôn văn hóa. Và đây cũng là nơi mà trong lễ ra mắt xây dựng thôn văn hóa (tháng 7/2000), tất cả những người dân tham dự đã nghiêm trang đồng thanh hát quốc ca. Anh Nguyễn Thành Chung, thôn phó nói: sợ đồng bào hát không đều nên một cán bộ văn hóa của huyện đề nghị mở băng Cassette nhưng nhân dân không đồng ý. Tất cả đều hát rất hay với một niềm tự hào.

Bằng Tiên II hiện có 129 hộ dân (603 khẩu). Trước đây nhiều hộ dân ở thôn sống nhờ vào khai thác lâm sản trái phép, trên địa bàn thôn hay xảy ra nhiều vụ gây rối trật tự, trộm cắp... Thế nhưng giờ đây những điều này đã chấm dứt. Bà con chăm lo làm ăn, tập trung vào thâm canh cà phê và chè. Cả thôn hiện có 240 ha cà phê và 20 ha chè. Hơn 60% hộ dân trong thôn có mức lãi ròng từ trồng cà phê, chè mỗi năm trên 20 triệu đồng, 20 hộ đạt mức lãi trên 50 triệu đồng/năm

và cả thôn chỉ còn 2 hộ nghèo do bệnh tật, thiếu lao động, không còn hộ đói. Ấm no đang đến từng ngày với mỗi gia đình, nhà nào cũng có phương tiện nghe nhìn và được dùng điện lưới trong sinh hoạt và sản xuất, trong thôn có 4 ô tô vận chuyển hành khách và hàng hóa, 7 máy cày, 40 máy bơm nước, 88 xe gắn máy các loại...

- Bí quyết nào để vận động được mọi người trong thôn có được thay đổi này ? Tôi hỏi anh Nguyễn Thành Chung - thôn phó.

Anh cười vui vẻ: - Ở đây anh em cán bộ thôn luôn gắn mình với mọi gia đình. Phương châm là hãy sống với mọi người như sống với người thân của mình. Không lên lớp hay ra lệnh cho ai mà chỉ trao đổi, phân tích cái được, cái chưa được của mỗi việc để mọi người cùng hiểu như mình, không lấy danh nghĩa làm việc thôn để tư lợi cho riêng mình... và đặc biệt là muốn bà con làm gì thì mình hãy làm trước.

Chúng tôi đến thăm nhiều gia đình trong thôn và được nghe bà con khen các anh cán bộ thôn làm việc đúng như lời anh Chung nói. Là cán bộ thôn nên hằng ngày các anh được tiếp xúc với bà con, lắng nghe được tất cả những vấn đề bức xúc, những tâm tư nguyện vọng của bà con... nên hiểu được “sự tình” của mọi việc, biết được mình nên làm gì. Khi thôn có việc, không những họp dân để bàn bạc mà trưởng, phó thôn còn đến tận nhà bà con để trao đổi, vận động... Nhận xét về cách làm việc của các cán bộ thôn, nhiều người trong thôn khẳng định: Ở đây gần như không có “quan làng” mà chỉ có những người tự giác “ăn cơm nhà – thối tù và hàng tổng”, luôn hòa đồng, rất có trách nhiệm và hết lòng hết sức vì quyền lợi của thôn. Đến nhà anh Chung - thôn phó, chúng tôi thấy anh đang cúi húi tìm giấy tờ, hỏi ra mới biết năm nay do cà phê rớt giá, một số hộ khó khăn chưa kịp có tiền nộp

thuế nên anh em cán bộ thôn đứng ra xoay xở lo đóng thuế cho những hộ này, mặc dù mới chỉ tháng 8. Đến cuối năm bà con bán được sản phẩm sẽ trả lại cho các anh.

Ai về Bằng Tiên II trong những ngày này chắc chắn sẽ được nghe nói đến chuyện thôn có 1 thư viện và 1 trạm truyền thanh. Tuy nhiên, cái đặc biệt hơn để thư viện và trạm truyền thanh này được nói đến, là chúng được đặt ngay trong nhà anh thôn trưởng Nguyễn Tấn Chơi; Chị Thiện - vợ anh Chơi là nhân viên duy nhất và cũng là nhân viên luôn làm việc vui vẻ, tận tình của “2 cơ quan văn hóa” này mặc dù chỉ làm “không công”. Thư viện có hơn 500 đầu sách các loại (được luân chuyển qua hệ thống thư viện huyện), có thể mượn sách đúng qui chuẩn...và luôn mở cửa phục vụ miễn phí mọi lúc cho bà con trong thôn. Trạm truyền thanh ngoài việc phát các văn bản, thông báo liên quan đến bà con còn là trạm tiếp âm Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài phát thanh tỉnh... cho nhân dân cùng nghe. Chị Thiện tâm sự: Vợ chồng em tự nguyện lo việc này. Tuy vất vả song lại vui, và nhất là nhờ thế mà bà con thương yêu, tin tưởng hơn, anh Chơi cũng được mọi người ủng hộ làm tốt việc làng việc xã.

Một trong những đặc điểm nổi bật nhất giúp cho thôn trở thành một khối thống nhất là thôn biết phát huy sức mạnh tập thể của các đoàn thể. Mặt trận, Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên, Hội nông dân, Hội cựu chiến binh... của thôn luôn phối hợp chặt chẽ trong mọi công việc, cùng nhau tham gia tích cực trong việc tuyên truyền đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước đến mọi người, cùng đến từng nhà hội viên của mình để vận động, cán bộ hội cũng như hội viên luôn gương mẫu trong mọi việc... Gần đây nhất là năm 2000 này, chi hội cựu chiến binh thôn nhận 60 ha đất trồng rừng và qua

Đã vận động các hộ trong thôn nhận 180 ha khác cùng trồng

Với phương châm, cách làm như thế nên mặc dù thôn chỉ mới thành lập song mọi “việc làng” nhanh chóng đi vào nề nếp. Tất cả những việc trong thôn bây giờ không còn là chuyện của riêng ai. Đồng bào trong thôn đã góp tiền, tự thiết kế xây dựng hai hệ thống nước sạch tập trung kéo từ trong núi về để phục vụ nước sinh hoạt. Đội văn nghệ của thôn với hơn 40 anh chị em (có cả những người lớn tuổi) lúc nào cũng hào hứng với việc tự nguyện luyện tập, biểu diễn phục vụ đồng bào trong thôn. Năm nào thôn cũng luôn đạt và vượt chỉ tiêu thu các loại thuế, thu các quỹ... có 85% số hộ được công nhận gia đình văn hóa, 100% trẻ em trong độ tuổi đi học đến trường và cả thôn không có người mù chữ, 1 câu lạc bộ không sinh con thứ 3 có 52 chị em sinh hoạt đều đặn...

Nhờ làm tốt công tác dân vận mà giờ đây có thể nói Bằng Tiên II đang là điểm sáng biết tập hợp và huy động sức mạnh của toàn dân để xây dựng một vùng nông thôn miền núi đoàn kết, thanh bình, no ấm. Và với nội lực của toàn dân đó, Bằng Tiên II đang hào hứng lập quỹ khuyến học, lập sổ vàng để ghi tên những con em có trình độ cao đẳng đại học trở lên...và thi đua phấn đấu đạt được những mục tiêu do Hội nghị thôn đưa ra là vào năm 2002, mọi gia đình trong thôn đều có mức sống khá trở lên, 80% hộ có nhà khang trang, 100% hộ thực hiện tốt quy ước thôn, 98 - 100% hộ đạt Gia đình văn hóa... Điều đó càng thấm sâu lời dạy của Bác Hồ: “Dân vận khéo thì việc gì cũng thành công”. ■

Như những cơn mưa dầm thấm sâu

VIỆT HƯNG

Xã Đa-Ploa (huyện Đa Huoai) có số dân 2.716 khẩu nằm rải rác ở 5 thôn. Cư dân ở đây tới 90% là đồng bào dân tộc, trong đó 40% là người Kơ Ho; 50% là dân tộc Nguồn và chỉ có 10% là người Kinh diện kinh tế mới. Do thành phần dân cư như vậy lại sinh sống tại một địa bàn mà địa hình, thổ nhưỡng và khí hậu hết sức bất lợi nên đời sống kinh tế của hầu hết dân trong xã còn rất nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, trình độ dân trí thấp... nên chẳng những các ngành khác triển khai công việc ở đây gặp phải nhiều khó khăn trở ngại mà riêng ngành y tế càng gặp phải những điều nan giải hơn...

Đa Ploa một thời là điểm nóng về sốt rét không những của riêng huyện Đa Huoai mà còn là của cả tỉnh. Người dân nơi đây chưa quên hình ảnh của một thời không xa lắm khi xảy ra những dịch sốt cao điểm, làng xóm vắng lặng hắt hiu, từ già đến trẻ trong nhiều gia đình đắp chăn nằm quanh bếp lửa chống chọi suông với bệnh tật kiểu may nhờ rủi chịu hoặc mời thầy mo về khấn vái mà không chịu đến trạm xá. Bởi thế, tỷ lệ tử vong do sốt rét không phải là thấp. Ngoài sốt rét,

hàng loạt các bệnh khác đều tăng cao.

Có tình trạng trên ngoài một vài yếu tố khách quan như đường sá cách trở, tình trạng đói kém thì nguyên nhân chính là vì trình độ dân trí thấp nên ý thức bảo vệ sức khỏe cho bản thân và gia đình rất hạn chế, nếu không muốn nói là quá kém... Trước tình hình ấy, được sự hỗ trợ tích cực của Sở Y tế, Trung tâm Y tế và Phân viện Đạm Ri, đội ngũ cán bộ y tế xã đã tập trung làm tốt công tác dân vận, phối hợp với Ủy ban nhân dân xã và các đoàn thể mở nhiều đợt tuyên truyền vận động bà con thực hiện ăn chín, uống sôi, vệ sinh nhà cửa, chuồng trại gia súc, gia cầm và ngủ phải có màn; ốm đau, sinh nở... phải đến trạm xá... Đây là một cuộc vận động hết sức cam go. Bởi lẽ, các nếp sống mang nặng tính hủ tục đã ăn sâu trong ý nghĩ của bà con dân tộc từ lâu đời nên không dễ gì thay đổi được trong ngày một ngày hai. Song, với quyết tâm và lòng kiên trì, nhẫn nại, chịu đựng vất vả khó khăn, những cán bộ y tế xã Đạp Loa đã không quản ngày đêm, mưa nắng; họ treò dèo, lội suối đi đến từng thôn, từng nhà động viên, giải thích và vận động mọi người tin tưởng vào y học hiện đại, vào cán bộ y tế để phòng bệnh, chữa bệnh vì sức khỏe và hạnh phúc của gia đình, dòng tộc và cộng đồng.

Cùng với tuyên truyền, những người thầy thuốc còn tổ chức hàng loạt đợt khám chữa bệnh, cấp thuốc và cấp cứu tại nhà, tại thôn. Trước những ca bệnh được cứu chữa thành công đó đã dần xóa tan mỗi nghi ngờ về việc dùng thuốc tây y và đồng bào dần tin yêu cán bộ y tế.

Rồi với những đợt truyền thông và truyền thông lồng ghép như những cơn mưa dầm thấm sâu vào lòng đất, bà con các dân tộc Đạp Loa bây giờ đã biết thế nào là phòng chống bệnh. Ốm đau, sinh nở đều tới trạm y tế hoặc gọi y tế. Các đợt tiêm phòng cho trẻ em và phụ nữ ở Đạp Loa giờ đây đã

đạt hiệu quả tương đối cao. Bởi vậy, tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng và bị bệnh tật đã giảm một phần đáng kể...

Từ công tác tuyên truyền, vận động đến những kết quả trong việc chăm sóc sức khỏe cộng đồng, những cán bộ y tế ở Đạ Lơ đã thực sự làm tốt công tác dân vận. Kết quả đó đã góp phần cùng xã hội nâng cao đời sống kinh tế, văn hóa cho một vùng sâu Đạ Lơ trên đà phát triển. ■

Chị Hai Dran suốt đời gắn bó với phong trào phụ nữ

QUỲNH UYÊN

Chị em hoạt động phong trào phụ nữ trong tỉnh vẫn quen gọi chị Võ Thị Hai - Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ thị trấn Dran (huyện Đơn Dương) bằng những tiếng thân thuộc triu mến “Chị Hai Dran”. Chị Hai 62 tuổi rồi, nay đã lên “chức” bà, nhưng chị vẫn gắn bó với phong trào phụ nữ - một công việc mà 38 năm nay chị đã làm.

Năm 1962, khi còn rất trẻ, có chồng là du kích, chị Hai tham gia cách mạng tại quê nhà Phô Minh - Đức Phổ - Quảng Ngãi. Chị nấu cơm cho anh em du kích và vận động chị em đóng góp lương thực nuôi quân. Năm 1967, bọn Mỹ - ngụy tiến hành nhiều cuộc thảm sát dã man, chồng chị hy sinh. Một mình 4 con nhỏ, chị vào Dran tiếp tục công tác giao liên, cùng chị em ở thôn Phú Thuận tiếp tế cho đơn vị K3 đóng tại địa phương. Từ sau giải phóng đến nay, 25 năm rồi chị làm Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ thị trấn Dran. Nhiệt tình, năng nổ, chị Hai đi đầu trong mọi phong trào. Sống với đồng bào dân tộc gốc địa phương, chị nhìn rõ sự đói nghèo lạc hậu của đồng bào. Đến năm 1995, thị trấn Dran vẫn còn 13% số

hộ đói nghèo, mà chủ yếu là đồng bào dân tộc, nhiều gia đình vẫn sinh 5-8 con, cuộc sống du canh du cư chưa hoàn toàn bị xóa bỏ. Trước cảnh đó, chị Hai luôn trăn trở: “Làm thế nào để giúp chị em đồng bào dân tộc vượt được đói, thoát được nghèo, vực được họ dậy và dìu dắt họ đi lên?”. Và chị quyết tâm xóa đói giảm nghèo trong từng buôn làng. Bên cạnh việc tín chấp cho chị em người Kinh vay vốn Ngân hàng Nông nghiệp để sản xuất, chị cùng chị em trong Ban Chấp hành bàn bạc, xây dựng kế hoạch cụ thể để có thể xóa đói giảm nghèo trong từng hộ gia đình ở từng thôn, buôn dân tộc.

Năm 1997, chị đã chọn thôn Kanking làm điểm về công tác xóa đói giảm nghèo. Qua điều tra khảo sát, thôn có 82 hộ, 361 khẩu (170 phụ nữ), bà con là người dân tộc Chil, trình độ dân trí thấp, chưa từ bỏ phát nương làm rẫy, hàng năm có tới 45 hộ đói giáp hạt chiếm tỷ lệ 54%. Để thay đổi cách nghĩ, cách làm trong đồng bào dân tộc, đòi hỏi phải kiên trì, bền bỉ. Đi đôi với công tác vận động định canh định cư, chị đã dành 100 triệu đồng từ nguồn vốn 120 - giải quyết việc làm - cho 50 chị em dân tộc vay phát triển kinh tế gia đình. Với thực tế địa phương có đồng cỏ, chị Hai lập dự án chăn nuôi bò. Sau khi giúp đỡ chị em chọn mua được bò, chị mời cán bộ khuyến nông xuống hướng dẫn chị em cách chăn thả đạt hiệu quả. Sau 2 năm vay vốn, 100% số chị em đã hoàn trả đủ cả vốn lẫn lãi cho Nhà nước và vẫn còn lại 42 con bò, 32 con heo.

Ngoài nguồn vốn 120, chị Hai còn tranh thủ nguồn vốn từ Ngân hàng người nghèo, hướng dẫn chị em làm đơn vay được 30 triệu đồng giao cho 14 hộ nghèo trong thôn nuôi heo và trồng rau thương phẩm. Nguồn vốn phát ra rồi, chị còn gặp nhiều khó khăn vì chị em dân tộc thích nuôi heo thả rông và trồng các loại cây ít đầu tư, chăm sóc. Chị Hai lại đến chỉ cho chị em cách đóng chuồng, làm máng, chọn giống, hướng dẫn họ cách lên luống, gieo hạt, bón phân. Bằng lòng tận tụy,

chị Hai đã giúp chị em dân tộc biết cách làm ăn. Đến nay thôn Kănkings đã giảm 19/45 hộ nghèo, không còn hộ đói, 45 nhà tranh xưa, nay đã được thay bằng mái tôn. Đặc biệt chị em dân tộc đã thay đổi cách nghĩ cách làm, biết tích lũy, biết tiết kiệm trong chi tiêu và có ý thức tự vươn lên thoát khỏi đói nghèo. Chị còn tổ chức nhiều chuyên đề thu hút chị em đi sinh hoạt hội, phát động nhiều đợt xây dựng buôn làng xanh - sạch - đẹp. Trong buổi sinh hoạt nào chị cũng tranh thủ trao đổi với chị em về kinh nghiệm làm ăn và kinh nghiệm chăm sóc nuôi dạy con cái. Không chỉ dừng lại ở đó, chị còn vận động chị em dân tộc đến lớp, đến trường. Với cách nghĩ, cách làm của chị Hai, thôn Kănkings được vực dậy rõ rệt. Thôn đã ra mắt được câu lạc bộ gia đình văn hóa, là một trong 3 câu lạc bộ gia đình văn hóa của thị trấn Dran và thôn được công nhận là thôn văn hóa.

Bằng cái tâm và lòng nhiệt huyết, dám nghĩ dám làm, chị có mặt mọi lúc mọi nơi để sẵn sàng ghé vai giúp chị em và bà con giải quyết vướng mắc, góp phần xóa đói giảm nghèo cho không riêng gì đồng bào dân tộc thôn Kănkings mà được nhân rộng trong nhân dân các dân tộc ở Dran. Qua 5 năm vận động và cả dìu dắt, Hội Phụ nữ của chị Hai đã cùng địa phương giải quyết được 431 lao động có việc làm, xóa được 47/56 hộ đói (9 hộ dân tộc), giảm 168/380 hộ nghèo (trong đó có 22 hộ dân tộc). Được hỏi về bí quyết để đồng bào tin và nghe theo chị, chị Hai bộc bạch: "Một vấn đề đối với người cán bộ Hội Phụ nữ trong tình hình mới hiện nay là uy tín, năng lực và trình độ, biết đúc rút kinh nghiệm, biết học hỏi kinh nghiệm để vận dụng phù hợp với từng đối tượng, từng thôn, khóm, buôn, làng. Đối với bà con dân tộc, phải cầm tay chỉ việc, phải hiểu tâm lý, tập tục để giúp họ gìn giữ cái tốt, xóa bỏ cái lạc hậu, thì công tác vận động mới thành công!". ■

Phường 10 Đà Lạt làm công tác nhân đạo

NGUYỄN TÂM GIÀM

(Phó Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ Lâm Đồng)

Phường 10 - Đà Lạt không xa trung tâm thành phố nhưng lại có đặc điểm của một vùng ven. Đa số nhân dân sống bằng nghề làm vườn (vườn rau và vườn cây ăn trái). Số hộ có mức sống trung bình chiếm phần lớn, hộ giàu ít và cũng còn hộ nghèo. Dân cư ở đây phần lớn là người miền Trung nghèo khó, tha phương lập nghiệp nên rất đoàn kết, sâu nặng tình làng - nghĩa xóm. Cán bộ hưu trí trong phường tương đối đông, trong đó có nhiều đồng chí cách mạng lão thành thích hoạt động xã hội, muốn làm điều nhân nghĩa, muốn cứu giúp những người có hoàn cảnh khó khăn. Tại phường còn có ngôi chùa lớn, du khách hành hương thường đến viếng chùa lễ Phật.

Đây là mảnh đất tốt để Hội Chữ thập đỏ gieo mầm nhân ái, vận động mọi người làm nhân đạo. Ấy vậy mà trước năm 1995 rất khó vận động phong trào quần chúng làm việc thiện, đóng góp giúp đỡ người nghèo là do chưa có cách vận động thích hợp cho từng lúc, từng người và từng vấn đề.

Trước tình hình đó, sau Đại hội Chữ thập đỏ phường 10 lần thứ 2, Ban Chấp hành có quyết tâm là phải xây dựng Hội Chữ thập đỏ phường 10 vững mạnh để trở thành điểm sáng của phong trào chữ thập đỏ thành phố Đà Lạt. Vấn đề đặt ra là phải làm gì để đạt được mong muốn đó? Trước hết, Ban Chấp hành phải thống nhất nhận thức: Hội Chữ thập đỏ là một tổ chức quần chúng, nên mọi nguồn lực cho Hội hoạt động phải dựa vào quần chúng để giải quyết những vấn đề của quần chúng. Quán triệt tinh thần này, Ban Chấp hành Hội Chữ thập đỏ phường 10 xác định nhân - tài - vật lực cho Hội hoạt động đều ở trong dân. Muốn có được phải ra sức vận động nhân dân, phải tạo một phong trào quần chúng rộng mạnh tham gia các hoạt động nhân đạo. Do vậy, Hội Chữ thập đỏ phường đã đề ra các chương trình hành động thiết thực mang ý nghĩa nhân đạo và vận động toàn dân tham gia như: chương trình Hũ gạo tình thương, xây dựng quỹ cứu trợ nhân đạo.

Để xây dựng chương trình Hũ gạo tình thương một cách vững chắc, Hội Chữ thập đỏ phường thận trọng tiến hành từng bước. Nhằm gây men cho phong trào, Ban Chấp hành đã chọn Chi hội khu phố 6 làm điểm, qua đó rút kinh nghiệm phát động phong trào ra diện rộng. Ban Chấp hành Hội cũng nghĩ rằng: Nếu xây dựng phong trào Hũ gạo tình thương ở Chi hội khu phố 6 (một chi hội yếu) thành công thì việc phát động phong trào trong toàn phường sẽ đạt kết quả tốt. Xây dựng Hũ gạo tình thương có phương thức giống Hũ gạo nuôi quân trong kháng chiến. Phương thức vận động tuy cũ nhưng vẫn có sức thu hút, nên được đông đảo nhân dân hưởng ứng và phong trào này đang lan rộng tại các chi hội khu phố trong phường và được nhân rộng ở một số nơi, trong đó có xã Xuân Thọ. Phong trào phát triển mạnh là do phù hợp với tình làng - nghĩa xóm. Nhưng có một yếu tố quan trọng nữa

là nhờ biết xây dựng lực lượng nòng cốt cho phong trào. Hội Chữ thập đỏ phường 10 phát triển được nhiều hội viên: 2.219 hội viên, đạt tỷ lệ 75% trên hộ dân thuộc loại khá cao so với toàn thành phố. Nhiều chi hội Chữ thập đỏ khu phố đạt 100% hội viên trên hộ dân. Hội viên luôn gương mẫu thực hiện các chủ trương, các cuộc vận động của Hội. Đây chính là lực lượng nòng cốt.

Cái khéo của Ban Chấp hành Hội Chữ thập đỏ phường 10 là biết vận động các đồng chí cách mạng lão thành và các cụ lớn tuổi làm gương người tốt - việc tốt cho phong trào vì các đồng chí có uy tín ở tại địa phương. Lời nói và việc làm của các đồng chí và các cụ tác động sâu sắc đến các tầng lớp nhân dân. Ban Chấp hành Hội còn chỉ đạo cho các em thanh thiếu niên Chữ thập đỏ vận động các du khách đến tham quan chùa Thiên Vương Cổ Sát ủng hộ quỹ nhân đạo. Việc làm và lời nói cảm động của các em đã khơi dậy được tấm lòng nhân ái trong mọi người sẵn lòng bỏ vào thùng từ thiện những đồng tiền tình nghĩa. Quỹ nhân đạo này đã thu về cho quỹ Hội một số tiền tương đối lớn, từ 20 triệu đồng đến 25 triệu đồng mỗi năm. Ngoài ra, Hội còn biết tranh thủ sự lãnh đạo, giúp đỡ, phối hợp của Đảng, chính quyền, Mặt trận và các ban, ngành, đoàn thể nên tạo được nhiều thuận lợi trong việc triển khai các hoạt động nhân đạo. Phương thức vận động trên đây đã đem lại cho Hội kết quả tốt. Hàng năm, hàng trăm Hũ gạo tình thương đã thu gom hàng tấn gạo để cứu trợ cho các trường hợp khó khăn.

Không những phong trào hũ gạo tình thương mà phong trào xây dựng quỹ cứu trợ nhân đạo cũng được đông đảo nhân dân hưởng ứng, tự nguyện đóng góp cho quỹ Hội để chăm lo sức khỏe và đời sống nhân dân. Có năm mức tồn quỹ lên đến 50 triệu đồng. Các chi hội Chữ thập đỏ khu phố cũng có quỹ, nhiều nhất là Chi hội khu phố 6 với 8 triệu đồng. Nhờ vậy,

nên ngoài việc cứu trợ trị giá gần 10 triệu đồng cho mỗi năm, Hội còn xây dựng nhà tình thương với chi phí cả chục triệu đồng, cũng như những đợt khám bệnh cho người nghèo với vài chục triệu đồng tiền thuốc được cấp miễn phí trong mỗi năm. Trong những lần giao lưu, phong trào Chữ thập đỏ phường 10 là mô hình luôn được các đơn vị Chữ thập đỏ ngoài tỉnh nghiên cứu, trao đổi kinh nghiệm.

Hiện nay Hội Chữ thập đỏ phường 10 là một đơn vị mạnh. Sức mạnh mà Hội có được là sức mạnh của phong trào quần chúng, sức mạnh trong nhân dân, sức mạnh được kết hợp bởi ý Đảng - lòng dân. Phương thức vận động quần chúng và kết quả đạt được trên đây là thực tiễn của lời Bác dạy “Dân vận khéo thì việc gì cũng thành công”.■

Hòa giải ở vùng đông bào công giáo

MINH LÂN

Phường Lộc Phát - Bảo Lộc hiện có hơn 96% là bà con Công giáo, số còn lại là thành phần lao động tự do hoặc dân di cư mới. Theo thống kê từ 5 năm trở lại đây, Hội Phụ nữ Lộc Phát đã tham gia hòa giải trên 50 vụ tranh chấp đất đai tài sản, bất bình giữa mẹ chồng với con dâu, ly hôn, bất hòa giữa chòm xóm hoặc con cái bỏ học vì bất mãn với cha mẹ, gia đình... Phần lớn đều thuộc về diện di cư mới hoặc lao động tự do. Điều đáng nói là cứ 10 vụ như vậy thì sau hòa giải chỉ có 1 vụ ra toà. Lý giải về kết quả này chị Vũ Thị Mát - Chủ tịch Hội Phụ nữ phường tâm sự: “Ở địa phương chúng tôi luôn có sự thống nhất cao giữa Mặt trận với các đoàn thể, lại luôn được sự cổ vũ nhắc nhở của cha xứ trong việc đôn đốc xây dựng cho các chị em... Nhưng một điều cần bản nữa là phải có sự tận tâm nhiệt tình của hội viên và cán bộ phụ nữ thì việc hòa giải mới thành công”.

Muốn như vậy, điều cốt lõi là phải nắm được tâm tư của người được hòa giải trên nguyên tắc: không hấp tấp nóng nảy, biết tôn trọng lắng nghe ý kiến của đối tượng và tuyệt

đổi kín đáo. Có những vụ phải kiên trì hàng tháng trời mới xong, ngày nào tổ hòa giải cũng tìm cách đến nhà đối tượng để trò chuyện hỏi han, thuyết phục. Chị Vũ Thị Mát kể tiếp: “Thậm chí có lúc bọn mình còn bị chửi là “hâm”, “mát”, “bao đồng”...nhưng vẫn phải kiên trì. Mình không mềm mỏng và chịu khó thì không thể lay chuyển được đối tượng. Có kiên trì tác động việc này phải, việc kia trái, một ngày chưa đủ cứ tiếp tục nhiều ngày mới có thể đánh động được suy nghĩ tình cảm của họ”. Chị nhớ lại một vụ tranh chấp bắt hòa đòi ra tòa, phía gia đình chồng đòi bắt đưa con. Tổ hòa giải mà trực tiếp là chị đã phải liên tục làm việc 3 tháng trời, ngày nào cũng khoảng từ 5-6 giờ chiều là kéo đến gia đình nọ để khuyên lơn, động viên. Ngày quyết định cuối cùng là đúng vào lúc 11 giờ đêm các cán bộ phụ nữ cùng đội nón đi dưới mưa khuxuya tầm tã, dắt đứa trẻ và bà mẹ từ nhà bố mẹ quay trở lại nhà riêng của mình. Chuyện xảy ra hơn 1 năm rồi nhưng các chị vẫn không quên được cái cảm giác sung sướng đến rần rần nước mắt lúc đưa hai mẹ con trở về nhà. Mọi chuyện đã qua và giờ đây họ sống thật êm ấm.

Kể không hết được những vụ hòa giải mà phụ nữ Lộc Phát đã làm. Sau hòa giải là chuyện tiếp tục lồng ghép xen kẽ với các chương trình của Hội như: vận động chị em lao động học tập nuôi dạy con tốt, trợ giúp nhau làm kinh tế, thực hành tiết kiệm. Nhiều chị em đã giúp nhau 5-7 cặp heo, hàng trăm cây giống hoặc hàng triệu đồng không lấy lãi. Song thực tế cũng cho thấy: Có lúc giúp nhau một lời khuyên đúng nghĩa cũng đáng giá nghìn vàng.

Chị Hai Mát trả lời khi chúng tôi hỏi về một kỷ niệm đáng nhớ trong lúc tham gia công việc hòa giải ở cơ sở:

- Làm tốt việc hòa giải cũng chính là thực hiện công tác dân vận đấy các chú ạ. Chúng tôi nuôi nấng mười mấy đứa

con nuôi, giúp các cháu trưởng thành, có gia đình được cùng chính là nhờ sự ủng hộ của những người xung quanh, nhất là chồng tôi. Cưới hỏi nhau đã mấy chục năm, một lần nọ chúng tôi mới đưa nhau đi ăn nem ở Lộc Sơn. Mới ra gần đến nơi đã thấy một hai cô giáo chạy đến níu tay bảo rằng có một vụ cãi cọ xô xát dữ lắm nhưng không gọi được công an. Thế là tôi lao ngay vào can thiệp... Mọi chuyện cơ bản ổn thỏa nhưng khi đó trời đã tối, chồng tôi giận ra mặt không chịu đi. Nằn nì mãi, cuối cùng vợ chồng ra tới quán nem thì mọi thứ đã bán sạch bách! Đành cười trừ rồi chờ nhau về chứ sao!

Có lẽ từ lâu “tào lao” đã là cái tính nết thấm đẫm vào con người chị Mát để rồi lây lan sang chồng con và những người khác. Thương người thì phải chịu thiệt mình - đạo lý ấy dễ thường mấy khi chúng ta chấp nhận để mà hành động?!■

Nông dân phường 4 - Những bước chuyển mình

NGỌC AN

Nằm ở vùng ven thành phố Đà Lạt, phường 4 có 2.900 ha đất tự nhiên, trong đó có 337 ha diện tích sản xuất nông nghiệp, dân số 14.715 người. Sản phẩm nông nghiệp ngoài rau, hoa các loại, cây trồng chủ yếu khác là hồng, cà phê và dâu ăn trái. Do biết khai thác thế mạnh của thành phố du lịch, nên du khách đến Đà Lạt, không chỉ biết phường 4 qua các danh lam thắng cảnh, mà người ta còn biết đến một vùng ven xanh thắm, quanh năm hoa trái ngọt ngào. Dâu còn chưa trổ, song để có “vị ngọt” ngày hôm nay, chúng ta hãy cùng chia sẻ, cảm thông với bao nỗi nhọc nhằn của những người nông dân chân đất, một nắng hai sương đồng quyết tâm xây dựng cuộc sống. Từng đoạn đường mới mở, một công trình điện kéo qua... tất cả như những nét chấm phá, điểm tô thêm cho bức tranh toàn cảnh của phường 4 hôm nay, đang vững bước đi lên trên con đường đổi mới.

CÓ MỘT ĐIỂM KHỞI ĐẦU NHƯ THẾ!

Vào những năm sau ngày giải phóng, từ chủ trương mở

rộng diện tích sản xuất nông nghiệp, lần lượt đất đai được khai hoang dần và kèm theo đó là sự du nhập dân cư. Tính đến thời điểm 1990 tại các khu vực Tuyên Lâm, Quảng Thừa, An Lạc đã có đến gần 200 hộ dân, với diện tích sản xuất là 215 ha, chiếm 2/3 diện tích đất nông nghiệp trong toàn phường. Tuy đã hình thành một vùng sản xuất khá lớn, song phường 4 lúc bấy giờ cũng đã đối mặt với một thực trạng hết sức nan giải, đó là vấn đề quản lý Nhà nước trong sản xuất, quy hoạch khu dân cư, cũng như nhiều vấn đề phức tạp khác... Cái khó ở chỗ là hầu hết dân ở đây không ổn định, họ đến từ các phường lân cận trong thành phố và một số ít ở các tỉnh khác đến sản xuất theo phương thức xâm canh. Trước tình hình ấy, với phương châm “Đâu có nông dân, nơi đó có Hội”, được sự thống nhất của Đảng ủy và chính quyền địa phương, toàn bộ hoạt động ở các địa bàn phức tạp trên được giao cho Hội Nông dân phường trực tiếp điều hành quản lý. Với một bước khởi đầu không mấy thuận lợi, song biết dựa vào dân cùng với sự năng động của mình, Hội đã không ngừng phát triển tổ chức và làm được những kết quả khó ngờ.

KHI CÁC CHI HỘI NÔNG DÂN ĐƯỢC HÌNH THÀNH

Từ các hộ dân cư rải rác, dựa theo địa hình các khu vực sản xuất, với mục đích đem lại quyền lợi thiết thực, Hội Nông dân tích cực vận động các hộ nông dân tham gia vào Hội và đã có 8 chi hội nông dân hình thành. Nhiệm vụ trọng tâm của Hội lúc bấy giờ là ổn định tổ chức, từng bước vận động giáo dục nông dân chấp hành tốt chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tiến tới xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, từ đó tập trung đẩy mạnh đầu tư sản xuất. Thông qua hội nghị các chi hội bàn về xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, theo tinh thần dân chủ, công khai “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”; thế là mọi việc được quyết định nhanh chóng với 2 vấn đề chủ yếu trước mắt là thủy lợi và giao thông nông thôn để tập trung vận động hội viên - nông dân đóng góp xây dựng.

SỨC DÂN VỚI NHỮNG CÔNG TRÌNH

Lật lại từng tập hồ sơ lưu trữ, Ông Phạm Quỳnh Nuôi - Chủ tịch Hội Nông dân phường 4 cho chúng tôi biết: Về giao thông nông thôn, trong 3 năm từ 1996-1998, tại các chi hội Tuyền Lâm 1, 2, 3 và Quảng Thừa 1, 2, 3, nông dân đã chủ động góp vốn làm mới 5 km đường nông thôn, với tổng vốn đầu tư là 605 triệu đồng. Riêng năm 1999 và 6 tháng đầu năm 2000, đây là giai đoạn “đá hóa giao thông” theo kế hoạch. Cùng với sự hỗ trợ của Nhà nước, các chi hội đã đóng góp trải đá hơn 4 km đường, với kinh phí đầu tư là 138 triệu đồng.

Về thủy lợi, qua khảo sát của Hội Nông dân, để chủ động nguồn nước tưới tại chỗ, theo phương pháp tự động bằng cách dẫn nước từ trên núi cao đưa về, thông qua hệ thống đập chứa, sau khi tính toán kỹ lưỡng, một bản dự toán khá công phu được đưa ra trình bày trước các chi hội. Cụ thể, tổng chu vi 3 đập chứa là 9 km, kinh phí dự toán đầu tư là 690 triệu đồng, trong đó có 8.000 ngày công nông dân phải tham gia. Đây là một dự án thiết thực, phù hợp với nguyện vọng, lợi ích sát sườn của nông dân nên được hội viên - nông dân đồng tình ủng hộ và tích cực đóng góp sức người, sức của để xây dựng. Và chỉ sau một thời gian ngắn, công trình đã hoàn thành, được đưa vào sử dụng từ năm 1997 đến nay. Ngoài ra, các chi hội An Sơn 2, Quảng Thừa 3, Tuyền Lâm 1 và Tuyền Lâm 2, hội viên - nông dân đã tự nguyện đóng góp xây dựng 4 hội trường kiên cố để sinh hoạt với số tiền là 60 triệu đồng. Và...sẽ còn bao nhiêu nữa cần phải dựa vào dân, phát huy nội lực trong dân trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Nhìn lại chặng đường 5 năm (1996-2000) chưa phải là dài, song với số tiền hơn 1,6 tỷ đồng và những gì mà nông dân phường 4 đã làm được trong thời gian qua trong việc kiến thiết, xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn thật là đáng trân trọng, tự hào. Tất cả đã thể hiện đầy đủ một ý nghĩa sâu sắc của sự tự lực, tự cường, minh chứng cho mọi vấn đề khi lòng dân đã quyết. ■

PRÉ HRIYONG - Thôn thực hiện tốt quy chế dân chủ

HẠNH NHÂN

Pré Hriyong là một trong những thôn của xã Phú Hội, huyện Đức Trọng. Toàn thôn có 257 hộ dân (1.391 khẩu) với 5 dân tộc anh em cùng sinh sống, trong đó đồng bào thiểu số Tây Nguyên chiếm 50%. Người dân Pré Hriyong sống bằng nông nghiệp (lúa, bắp, rau ...) là chủ yếu. Pré Hriyong được đánh giá là thôn thực hiện khá tốt quy chế dân chủ cơ sở (QCDCCS) trong thời gian vừa qua.

Ông Võ Hoàng Vũ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Phú Hội cho biết: “Được sự quan tâm chỉ đạo thường xuyên của Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã mà trực tiếp là Chi bộ thôn, cùng với sự quyết tâm vượt khó của nhân dân trong thôn, trong những năm gần đây, bộ mặt kinh tế - xã hội nông thôn của Pré Hriyong đã có những biến đổi sâu sắc, đời sống của nhân dân đã từng bước được cải thiện. Đặc biệt là, từ khi quy chế DCCS thực sự được quan tâm thực hiện thì không những niềm tin của quần chúng đối với Đảng và Nhà nước được củng cố mà còn góp phần thiết thực vào việc cải tạo bộ mặt nông thôn, phát triển kinh tế - xã hội của một vùng quê vốn nghèo

khó như Pré Hriyong”.

Những năm trước khi thực hiện quy chế DCCS, nhìn toàn cục thì Pré Hriyong là một địa phương còn nghèo, trình độ dân trí chưa cao, cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng nhu cầu phát triển. Như trên đã nói, Pré Hriyong là thôn có 1.391 khẩu nhưng trong đó có đến 50% đồng bào dân tộc thiểu số. Mặc dầu nằm không xa với trung tâm huyện lỵ Đức Trọng nhưng Pré Hriyong thuộc “vùng III” (vùng đồng bào dân tộc đặc biệt khó khăn) của tỉnh. Thực hiện chủ trương chung, nhiều năm qua, Nhà nước đã đầu tư vào đây một khoản tiền không nhỏ nhằm xóa bỏ khoảng cách chênh lệch về kinh tế giữa người Kinh với người dân tộc thiểu số. Tuy nhiên, điều rất đáng trân trọng của đồng bào ở đây là họ không bao giờ có tư tưởng ỷ lại, trông chờ hoàn toàn vào sự đầu tư của Nhà nước. Ngược lại, họ xem sự đầu tư đó là điều kiện thiết yếu để chính bản thân họ tự tìm cách vươn lên trong cuộc sống. Không những xóa bỏ tập quán phát nương làm rẫy mà đồng bào thiểu số Pré Hriyong cũng đã biết tiếp cận và áp dụng những tiến bộ của khoa học kỹ thuật vào trong canh tác, biết tích lũy để tái đầu tư sản xuất. Ông Ja Lê, một trong những người trước đây thiếu ăn quanh năm đã nói: “Tôi có được như ngày hôm nay là nhờ bà con dân làng động viên giúp đỡ bằng tinh thần lẫn vật chất. Trước, tôi cũng có từng ấy đất đai nhưng quanh năm đói kém. Nay, cũng từng ấy nhưng tôi biết tổ chức sản xuất nên đời sống của cả gia đình có khá hơn. Đó là nhờ tôi học được ở mọi người, nhờ tôi biết lắng nghe ý kiến đóng góp trong những cuộc họp dân”.

Cách nói của ông Ja Lê gợi cho tôi nhớ lại lời phát biểu của thôn trưởng thôn Pré Hriyong - ông Phạm Ngọc Thanh: “Mọi vấn đề đều được chúng tôi đưa ra bàn bạc trước dân. Từ những cuộc họp và bàn bạc này, khi đã thống nhất thì vấn đề thực hiện đạt kết quả khá cao”. Thôn trưởng Pré Hriyong

cung cấp những số liệu: Để có điện, bà con trong thôn đã họp và thống nhất mỗi hộ người Kinh phải đóng góp 1 triệu đồng, bà con dân tộc là 700.000 đồng cùng với Nhà nước đưa ánh sáng văn minh về với làng bản. Từ khi có điện, tỷ lệ phương tiện nghe nhìn đã đạt đến 90% tổng số hộ dân. Để có con đường đi lại thuận tiện, toàn thể nhân dân thống nhất cao trong việc huy động mỗi hộ 50.000 đồng và toàn thôn 300 ngày công lao động. Tương tự, để có chỗ cho con cái học tập, người Kinh đồng ý đóng góp 100.000 đồng và đồng bào thiểu số 20.000 đồng. Ông Phó chủ tịch xã Võ Hoàng Vũ nhận xét: “Tuy Pré Hriyong còn nghèo nhưng người dân ở đây luôn coi trọng vấn đề giáo dục. Từ sự đóng góp của nhân dân cùng với sự quan tâm của ngành giáo dục, đến nay ngôi trường của thôn đã có được một cơ sở chấp nhận được với 5 phòng xây và 5 phòng gỗ để cho 292 học sinh là con em của địa phương xóa ca ba, tỷ lệ huy động trẻ trong độ tuổi đến trường đạt khá cao (99%), tình trạng học sinh bỏ học giữa chừng được hạn chế đến mức thấp nhất”.

Việc đảm bảo “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” theo QCDC ở thôn Pré Hriyong là vậy. Để có được những kết quả vừa nêu trên, điều đáng ghi nhận trước tiên ở Pré Hriyong trong việc thực hiện QCDC là vấn đề tổ chức học tập quán triệt Chỉ thị 30 của Bộ Chính trị, Nghị định 29 của Chính phủ và các văn bản khác về xây dựng và thực hiện QCDC đã được địa phương quan tâm một cách đúng mức. Nhờ đó, nhận thức của đảng viên trong Chi bộ thôn, cán bộ chính quyền và các đoàn thể cùng toàn thể bà con nhân dân trên địa bàn đã được nâng cao một bước đáng kể. Vấn đề đáng ghi nhận nữa ở thôn Pré Hriyong là địa phương đã biết lồng ghép chương trình thực hiện QCDC với các nội dung khác như cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư, cuộc vận động xây dựng đời sống văn hóa... Và đặc biệt là, Pré

Hriyong đã biết gắn nội dung thực hiện QCDC với việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ kinh tế – xã hội khác nên bước đầu, QCDC đã có tác động tích cực đến sự phát triển chung của địa phương; đồng thời, sự phát triển đó đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện QCDC.

Có thể nói, trong thực hiện QCDC lồng ghép với các nội dung chương trình khác, người dân Pré Hriyong đã có một quyết tâm khá cao. Thử nêu ra đây một vài chỉ tiêu đã được bà con nhất trí thông qua để phấn đấu: Đến cuối năm 2000, thôn có 1 trạm truyền thanh, 1 phòng đọc sách, 1 sân vận động, 1 đội văn nghệ, 1 đội bóng đá, 1 đội bóng chuyền, 1 nghĩa trang được quy hoạch sạch sẽ, 100% số hộ thực hiện nếp sống văn hóa trong việc cưới và việc tang, 100% số hộ đăng ký xây dựng gia đình văn hóa, 100% hộ tham gia vào các tổ chức đoàn thể... Như vậy có thể khẳng định, việc thực hiện QCDC ở Pré Hriyong đã thực sự là “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”. ■

Sức sống trong cộng đồng người Hoa

VĂN PHONG

Xuôi theo Quốc lộ 20, chúng tôi về với trấn Liên Nghĩa - thủ phủ của huyện Đức Trọng, cách trung tâm thành phố Đà Lạt khoảng 30km giữa lúc cơn bão số 3 đang hoành hành ở miền Trung. Không quá mất thời gian để đặt vấn đề, chúng tôi được anh Phạm Đắc Tuấn (cán bộ Ban Dân vận Huyện ủy) hướng dẫn xuống Ủy ban nhân dân thị trấn để tìm hiểu đời sống cộng đồng người Hoa.

Theo thống kê mới nhất, thị trấn Liên Nghĩa có gần 800 hộ người Hoa với gần 5000 khẩu, chiếm 11,4% số dân của thị trấn và đứng thứ 2 sau người Kinh về số dân. Người Hoa hiện diện ở nhiều khu phố, trong đó đông nhất là tại các khu phố 5, 9 và 11. Theo các tài liệu để lại thì người Hoa bắt đầu có mặt tại thị trấn này vào khoảng năm 1954 - 1955 từ miệt Đồng Nai và Bình Thuận lên. Người Hoa sống chủ yếu bằng 2 nghề là thương mại - dịch vụ và nông nghiệp, trong đó số hộ làm thương mại - dịch vụ chiếm đến hơn 60% số hộ, chính đặc điểm này đã chi phối cuộc sống vật chất, tinh thần của cộng đồng người Hoa.

Do chú trọng vào buôn bán, dịch vụ nên cuộc sống của cộng đồng người Hoa có khá hơn mức sống chung của dân thị trấn, tỷ lệ hộ đói nghèo của người Hoa cũng thấp hơn mức đói nghèo chung của thị trấn. Lý giải về đặc điểm này, Anh Võ Quốc Hùng (Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn) cho biết: “Bà con người Hoa ở thị trấn làm ăn bài bản, có đầu óc kinh doanh và có tinh thần tương trợ lẫn nhau trong cuộc sống cũng như trong buôn bán làm ăn”. Anh dẫn ra một minh chứng cụ thể về tinh thần tương trợ, ý thức cộng đồng của đồng bào người Hoa qua việc đóng góp xây dựng và duy trì hoạt động của trường tiểu học dân lập Trung Sơn.

Là một trong vài trường dân lập được thành lập sớm nhất tỉnh - tháng 10 năm 1993, đến nay trường đã có một cơ ngơi khá khang trang với 24 phòng học có đủ tiêu chuẩn theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường có 450 học sinh không những là con em người Hoa mà còn có cả con em đồng bào các dân tộc khác cùng sinh sống trên địa bàn; ngoài tiếng Việt theo chương trình phổ thông, học sinh được học tiếng Hoa theo chương trình Bộ Giáo dục - Đào tạo. Năm học 1999 - 2000 trường đã đạt danh hiệu tiên tiến cấp huyện và 100% học sinh tốt nghiệp tiểu học. Mọi khoản chi phí dạy học như trả lương cho giáo viên, thiết bị dạy học đều do bà con người Hoa đóng góp. Mỗi năm, Hội đồng quản trị đều vận động bà con người Hoa ở thị trấn đóng góp để trao thưởng cho các em học sinh có thành tích tốt trong học tập hay giúp đỡ các thầy cô giáo có hoàn cảnh khó khăn của trường.

Nét nổi bật thứ hai của cộng đồng người Hoa thị trấn là ý thức chấp hành pháp luật khá tốt. Theo anh Hùng thì “Bà con người Hoa rất có ý thức trong việc nộp nghĩa vụ thuế và đóng góp các khoản khác cho địa phương”. Anh dẫn chứng ra chuyện xây dựng chợ Liên Nghĩa: trong số 800 hộ ở chợ thì đóng góp của người Hoa chiếm đến 60%. Và có lẽ nhờ uy tín

trong buôn bán, nhờ vị trí thuận lợi nên sức mua của chợ Liên Nghĩa thuộc loại nhất nhì trong tỉnh. Theo kế hoạch thì đến cuối năm nay công trình chợ Liên Nghĩa sẽ được hoàn thiện và như vậy bộ mặt thương mại - dịch vụ của huyện Đức Trọng sẽ có một diện mạo mới.

Ông Hà Hồng Thu (Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận thị trấn) minh họa thêm, đó là sự hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn. Quỹ ra đời năm 1995, phần lớn vốn là do người Hoa thị trấn góp (một số ít có thân nhân ở nước ngoài). Vốn điều lệ ban đầu là 800 triệu, nhưng giờ đã lên đến 2,2 tỷ; hiện Quỹ đã đạt dư nợ 26 tỷ đồng và là một trong số ít các Quỹ tín dụng hoạt động hiệu quả không chỉ của tỉnh Lâm Đồng mà trên phạm vi toàn quốc. Ông cũng cho biết, Nghị quyết của Đảng ủy thị trấn là tập trung động viên cộng đồng người Hoa tích cực tham gia việc thực thi pháp luật, khơi dậy và phát huy khả năng phát triển kinh tế của họ.

Rời Ủy ban nhân dân thị trấn, chúng tôi đến thăm ông Trưởng Ban liên lạc người Hoa thị trấn. Tưởng ai xa lạ, hóa ra ông Chung Văn Bình (một chủ tiệm thuốc Bắc có dáng người đậm, quắc thước như các truyện tranh kiếm hiệp). Nhận ra người quen, ông tâm sự với chúng tôi rất cởi mở.

Người Hoa thị trấn cũng như bao cộng đồng người Hoa khác luôn có tinh thần tương thân tương trợ giúp đỡ các hộ nghèo, neo đơn một cách tự nguyện, thường là giúp không thông qua một tổ chức từ thiện hay đoàn hội gì cả; khi thì mỗi nhà vài ba chục, có khi cả trăm ngàn đồng. Như trường hợp của thầy giáo Liêu Minh Toàn (trưởng Trung Sơn) gia đình gặp khó khăn về kinh tế, khi thầy đi mổ viêm ruột thừa cấp ở TP Hồ Chí Minh, thông qua Hội đồng Quản trị nhà trường vận động giúp đỡ cho thầy Toàn lo các chi phí đi viện. Theo ông Bình thì người Hoa ở thị trấn luôn có mối quan hệ

chặt chẽ với cộng đồng người Hoa ở thành phố Hồ Chí Minh để tranh thủ sự giúp đỡ về tài chính và bảo lưu các giá trị văn hóa truyền thống. Ngay như việc xây dựng và duy trì hoạt động của trường dân lập Trung Sơn cũng nhờ vào các mạnh thường quân người Hoa ở thành phố Hồ Chí Minh. Ông kể cho chúng tôi nghe chuyện trường được tặng một bức tranh để đem đấu giá được 1.800 USD. Hay riêng ông cũng mới tặng 2 suất học bổng cho 2 em học sinh của trường Trung Sơn.

Có một điều băn khoăn của các cán bộ dân vận, mặt trận của huyện và thị trấn là: trình độ học vấn của số đông bà con người Hoa chưa cao, số em học lên cấp 3 và đại học thấp hơn so với người Kinh. Hay như chuyện sinh đẻ có kế hoạch của người Hoa cũng còn hạn chế. Và ông Chung Văn Bình cũng cảm nhận được vấn đề này, ông nói sẽ đề tâm xem xét để tìm ra nguyên nhân.

Theo chúng tôi, có thể do tập quán của bà con người Hoa quá nặng vào kinh doanh buôn bán, khi con học hết cấp 1 là đã có thể phụ giúp chuyện tính toán làm ăn nên thường ít tạo điều kiện và định hướng tiếp cho con cái trong chuyện học hành. Tâm lý này là khá phổ biến với số bà con có thu nhập thấp, buôn bán nhỏ. Một khi đời sống vật chất khá lên, dân trí được cải thiện thì chắc chắn hạn chế này cũng sẽ được khắc phục dần.

Điều vui mừng lớn nhất của chúng tôi qua chuyến công tác ngắn đến Liên Nghĩa đó là sự chuyển biến rất rõ trong nhận thức của người Hoa thị trấn. Hầu hết bà con người Hoa đều thấy tự hào là công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; hòa nhập với cộng đồng dân tộc, không bị phân biệt đối xử; đoàn kết, gắn bó và ngày càng có cuộc sống khấm khá hơn trước, đa số yên tâm sản xuất, sinh sống làm ăn ở

địa phương như nhận xét của ông Trưởng Ban liên lạc người Hoa thị trấn: “So với hồi đầu những năm 90, bà con người Hoa đã có sự chuyển biến nhất định về tâm tư tình cảm, bà con phấn khởi lo làm ăn, không ai dao động, có người được người thân ở nước ngoài bảo lãnh xuất cảnh nhưng đã từ chối và còn hỏi đi làm gì?”.

Tìm hiểu kỹ, chúng tôi còn biết thêm là nếu trước đây nhạc lời Việt chưa được đa số người Hoa chấp nhận thì từ năm 1996 - 1997 đến nay đã có sự bén rễ và được bà con chấp nhận, nhất là đối với thanh thiếu niên.

Một niềm vui nho nhỏ dâng lên trong mỗi người chúng tôi khi tạm biệt Liên Nghĩa với một ấn tượng tốt về sự sầm uất của thị trấn đang lên. Vậy là công cuộc đổi mới do Đảng khởi xướng đã bắt đầu bén rễ trong cộng đồng người Hoa ở Liên Nghĩa. ■

Nặng tình với K'LONG K'LANH

CAO DUY HÙNG

Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, bà con dân tộc Cil ở khu căn cứ cũ K'Long K'Lanh (xã Đạ Chais, huyện Lạc Dương) đã một lòng một dạ theo Đảng giúp đỡ kháng chiến, nuôi dưỡng, che giấu cán bộ; đóng góp sức người, sức của cho ngày toàn thắng chung của cả dân tộc. Nhưng cho đến nay, đời sống của bà con thôn K'Long K'Lanh vẫn còn nhiều khó khăn, gian khổ. Cái bụng chưa đủ no, cái chữ vẫn còn thiếu, bệnh sốt rét vẫn còn đeo đẳng buôn làng.

Để đền ơn đáp nghĩa với bà con khu căn cứ kháng chiến cũ, Hội Nông dân tỉnh đã nhận đỡ đầu xã Đạ Chais mà trọng điểm là thôn K'Long K'Lanh. Ngày 3/4/1999, Hội Nông dân tỉnh đã cử đoàn cán bộ vào xã Đạ Chais để khảo sát toàn bộ tình hình kinh tế - xã hội của xã và của thôn K'Long K'Lanh. Toàn xã có 7 thôn, riêng thôn K'Long K'Lanh cách xã Đạ Chais 17 km đường rừng - Đây là một đoạn đường vô cùng gian khổ. Vào mùa mưa, khi những cơn suối đầy ắp dòng nước đục ngầu, cuộn cuộn chảy về xuôi, cuốn trôi tất cả các cây cầu mong manh, thì thôn K'Long K'Lanh trở thành một ốc đảo, biệt lập hẳn với bên

ngoài. Đa Chais có 487 hộ thì thôn K'Long K'Lanh có 92 hộ. Diện tích đất tự nhiên 60.837 ha thì rừng chiếm 60.180 ha, diện tích đất nông nghiệp chỉ có 636 ha; cây trồng chính là hồng, cà phê, bắp, khoai mì, khoai môn và một số diện tích lúa không đáng kể. Bà con trong xã không biết trồng rau xanh mà chỉ đi hái rau rừng. Mọi thứ từ trái cà, trái ớt cho đến cây kim, sợi chỉ đều do tư thương từ chợ Đà Lạt đem vào. Nhìn chung, trình độ trồng trọt và chăn nuôi của đồng bào rất thấp; còn nặng về tự cung tự cấp. Mặt khác, do chưa biết dùng phân bón cho cây trồng nên năng suất rất thấp, thường xuyên bị đói kém lúc giáp hạt.

Để việc chỉ đạo thực hiện chương trình giúp xã phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng điểm thôn K'Long K'Lanh được thuận lợi, Hội Nông dân tỉnh đã thành lập Ban chỉ đạo xây dựng xã điểm Đa Chais và hai tổ công tác. Tỉnh hội đề ra 4 mô hình để giúp thôn K'Long K'Lanh phát triển kinh tế: mô hình chuồng trại, vườn hộ, rau xanh và ao cá. Đến nay đã xây dựng được 2 mô hình vườn hộ và chuồng trại.

Trước đây, bà con dân tộc thôn K'Long K'Lanh chưa biết làm chuồng nuôi gia súc gia cầm; trâu bò thường cột ở dưới gốc cây, hoặc có làm chuồng thì rất đơn sơ: trồng 4 cây cột, chung quanh đóng vài tấm ván mỏng; khí hậu ẩm thấp, trời mưa gió làm trâu bò bị bệnh và chết nhiều. Được Trung tâm Khuyến nông tỉnh hỗ trợ 2 triệu đồng, tổ công tác đã hướng dẫn cho 55 hội viên chi hội nuôi bò của thôn K'Long K'Lanh làm chuồng bò đúng kỹ thuật, có mái che, đóng vách chung quanh đủ giữ ấm cho bò, nền chuồng cao ráo để tránh nước đọng, có hố phân. Sau khi hướng dẫn, bà con đã làm được 30 chuồng, bình quân mỗi chuồng được hỗ trợ công, vật tư là 66.000 đồng. Sau khi bà con làm được chuồng bò đúng kỹ thuật, Báo Sài Gòn Giải phóng

đã hộ 50 triệu đồng, Tỉnh hội đã dùng số tiền ấy mua 30 con bò sinh sản, bình quân 1,6 triệu đồng/con và tổ chức lễ giao bò cho chi hội nuôi bò thôn K'Long K'Lanh. Hiện nay, đàn bò phát triển tốt.

Khí hậu mát lạnh của thôn K'Long K'Lanh rất thích hợp với cây hồng, nhưng vườn hồng của bà con phần lớn không được ghép nên chất lượng quả không ngon, giá trị kinh tế thấp. Trong tháng 1/2000, Hội Nông dân tỉnh phối hợp với Hội Nông dân thành phố Đà Lạt và huyện Lạc Dương vận động 17 nông dân sản xuất giỏi của phường 4 (Đà Lạt), xã Lát (Lạc Dương) có tay nghề ghép hồng giỏi, có nhiều kinh nghiệm trồng hồng tình nguyện lên đường vào K'Long K'Lanh ghép hồng giúp bà con không lấy tiền. 17 hộ nông dân sản xuất giỏi này còn ủng hộ 7.520 mầm hồng trứng lốc để ghép cho 44 hộ dân tộc K'Long K'Lanh với diện tích 18,95 ha và đã ghép cho 1.535 cây hồng. Đoàn cũng đã tập huấn cho 10 nông dân dân tộc biết cách ghép hồng. Nếu tính theo giá trị ngày công ghép hồng và giá mầm hồng thì 17 nông dân sản xuất giỏi đã ủng hộ đồng bào 15.500.000 đồng. Ngoài ra, Hội Nông dân phường 4 còn ủng hộ 3 bao quần áo cũ. Trước khi ra về, 17 nông dân sản xuất giỏi đã tặng lại thôn K'Long K'Lanh toàn bộ đồ nghề ghép hồng gồm dao, kéo trị giá gần 400.000 đồng.

Để giải quyết công ăn việc làm cho bà con, Hội Nông dân tỉnh đã tác động với Ban quản lý rừng đầu nguồn Đa Nhim giao 2.050 ha rừng cho 92 hộ (bình quân 22 ha/hộ) của thôn nhận quản lý và bảo vệ với tiền công là 50.000 đồng/ha/năm, góp phần giúp cho bà con K'Long K'Lanh có thêm nguồn thu nhập, giải quyết phần nào nạn thiếu đói.

Vào dịp khai giảng năm học 1999-2000, Hội Nông dân cùng với Báo Sài Gòn giải phóng đã tặng cho bà con xã Đa

Chais một số quà gồm gạo, đường, cặp học sinh, quần áo, sữa bò trị giá 35 triệu đồng. Số hàng này được ưu tiên cho 2 thôn xa xôi nhất là Đồng Mang Tu Bó và K'Long K'Lanh với 100% số hộ được nhận.

Những việc làm thiết thực của Hội Nông dân tỉnh đã bước đầu giúp đồng bào thôn K'Long K'Lanh và xã Đa Chais thay đổi nhận thức tập quán canh tác; từng bước phát triển kinh tế - xã hội để ổn định và vươn lên trong cuộc sống mới, nối tiếp truyền thống hào hùng của những năm tháng đánh Mỹ, để buôn làng K'Long - K'Lanh vững bước tiến lên. ■

Tôi làm công tác dân vận bằng các hoạt động văn nghệ

PHAN HỮU GIÀN

(Ủy viên Thường vụ , Trưởng Ban Dân vận Tỉnh ủy)

Trong “làng” cán bộ dân vận ở địa phương và một số tỉnh bạn, thường hay đùa gọi tôi là “Nghệ sĩ - dân vận”.

Tôi không dám nhận, nhưng cũng thầm ao ước: Giá như mình có được một phần tài năng của người nghệ sĩ đích thực để vận dụng vào nội dung và phương thức công tác dân vận thì tốt biết mấy! Sinh thời, Bác Hồ thường dạy: Văn hóa, văn nghệ cũng là một mặt trận. Người nghệ sĩ là chiến sĩ trên mặt trận ấy. Công tác dân vận chẳng những là nhiệm vụ cách mạng quan trọng mà còn là một nghệ thuật ứng xử với con người...

Nhớ lại một chặng đường hơn 40 năm phục vụ cách mạng, phần lớn thời gian được giao nhiệm vụ vận động thanh niên, rồi công tác xây dựng Đảng và làm dân vận như hiện nay... Tôi cảm nhận sâu sắc ý nghĩa, tác dụng quan trọng của các hoạt động văn nghệ hỗ trợ đắc lực cho người cán bộ dân vận dễ tiếp cận, hòa đồng với các tầng lớp nhân dân, tuyên truyền,

động viên quần chúng hiểu rõ và thực hiện đúng chủ trương, đường lối chính sách làm cho ý Đảng hợp lòng Dân, biến nhận thức thành hành động cách mạng... Tôi nghĩ rằng, người cán bộ cách mạng nói chung, nhất là cán bộ làm dân vận, ngoài việc không ngừng học tập, rèn luyện để nâng cao bản lĩnh chính trị, ý thức trách nhiệm và nhiệt tình, có năng lực chuyên môn nghiệp vụ và phong cách lối sống gần gũi quần chúng...còn cần phải được bồi dưỡng, trang bị những kiến thức, năng lực nhất định về văn học, nghệ thuật phù hợp với các đối tượng vận động là con người Việt Nam có lịch sử mấy ngàn năm văn hiến. Mục đích của công tác dân vận là vì lợi ích thiết thân của quần chúng. Văn học nghệ thuật lành mạnh là món ăn tinh thần bổ ích của nhân dân. Nếu biết khéo kết hợp thì các hoạt động văn nghệ là những vũ khí sắc bén để tuyên truyền vận động quần chúng rất hiệu quả.

Tôi xin ghi lại mấy mẫu hồi ức để minh họa cho nhận thức nêu trên:

Hồi đế quốc Mỹ leo thang gây chiến tranh phá hoại miền Bắc, tôi là Bí thư Đoàn Nông trường Sông Lô tỉnh Tuyên Quang. Địch ném bom ác liệt, chúng tôi phải sơ tán triệt để, vào rừng, tìm hang đá làm nhà hầm để bám trụ vừa sản xuất, vừa chiến đấu phòng chống máy bay oanh tạc, hạn chế thương vong. Để phát huy khí thế “Ba sẵn sàng” của thanh niên trong tình hình mới. Tỉnh Đoàn phát động phong trào ca hát tập thể “Tiếng hát át tiếng bom”. Sinh hoạt đoàn viên thanh niên nông trường ở nơi sơ tán vui vẻ phấn khởi hẳn lên, nhưng được một thời gian lại lắng xuống vì “hết vốn” không có bài hát mới. Tình thế “hiếm nghèo” đó đã thúc đẩy tôi - vốn trước đây không hay hát và hát cũng không hay - trở thành một “hướng dẫn viên ca hát bất đắc dĩ”. Nhờ được “ưu tiên” phân phối cái máy thu thanh Orizonton của Hungari và có anh bạn đồng hương làm cán bộ tuyên huấn Tỉnh Đoàn,

mà tôi học thêm được một số bài hát mới để mỗi kỳ họp Ban Chấp hành Đoàn nông trường hay khi xuống sinh hoạt với các chi đoàn cơ sở, tôi đều có “món quà đặc biệt” tặng anh chị em, thực hiện được lời hứa danh dự của Bí thư Đoàn với đoàn viên thanh niên, đáp ứng kịp thời nhu cầu cải thiện đời sống tinh thần của quần chúng. Liên tục trong những năm 1965-1969. Đoàn Nông trường Sông Lô là một trong những đơn vị mạnh của tỉnh, được Trung ương Đoàn tặng cờ thưởng luân lưu mang chân dung anh hùng liệt sĩ Nguyễn Văn Trỗi. Ngoài thành tích sản xuất, chiến đấu và phục vụ chiến đấu, chúng tôi còn chủ động chăm lo tổ chức tốt đời sống văn hóa, bồi dưỡng tinh thần lạc quan cách mạng của tuổi trẻ nông trường, vượt lên trên thử thách khó khăn. Vững lòng tin ở ngày mai chiến thắng.

Phát huy những kinh nghiệm thanh vận trong chiến tranh ở nông trường và ở trường Đại học Nông nghiệp I, khi vào tham gia lãnh đạo xây dựng vùng kinh tế mới Hà Nội tại Lâm Đồng, nay là huyện Lâm Hà sau ngày miền Nam giải phóng...tôi thường xuyên quan tâm và đã đạt được những thành công đáng kể trong việc chăm lo đẩy mạnh phong trào văn hóa - văn nghệ, coi đó là một nội dung và phương thức quan trọng, đã góp phần tích cực trong công tác tuyên truyền, động viên hơn 2.000 đoàn viên thanh niên thủ đô hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đội quân xung kích đi tiền trạm mở đất xây dựng quê hương mới. Thông qua việc phát động, nuôi dưỡng phong trào văn nghệ quần chúng ở cơ sở, tổ chức các cuộc liên hoan, lễ hội văn hóa nhân các ngày lễ, Tết như lễ hội tưởng niệm Hai Bà Trưng ở xã Mê Linh, lễ hội công chiêng, đâm trâu, tung còn ở Đình Văn, Tân Văn, Đa Đồn để xây dựng ý thức cộng đồng, phát huy truyền thống và bản sắc văn hóa của mỗi địa phương, tăng cường sự hiểu biết và đoàn kết chặt chẽ giữa các dân tộc anh em. Ở vùng kinh tế mới

huyện Lâm Hà và thành phố Đà Lạt, tôi rất may mắn được có nhiều dịp tiếp xúc và dần trở nên thân thiết với giới văn nghệ sĩ của Lâm Đồng, Hà Nội và cả nước nên có vinh dự được là cộng tác viên đặc lực hoặc đồng tác giả của một số tác phẩm văn, thơ, nhạc, nhiếp ảnh và điện ảnh như các bộ phim “Người Hà Nội trên cao nguyên xanh”, “Một vùng quê mới”, tuyển tập văn - thơ - nhạc “Lâm Hà nỗi nhớ” có ý nghĩa nhân văn và giá trị nghệ thuật động viên đồng bào, đồng chí thêm phấn khởi, yên tâm, gắn bó, tích cực góp phần xây dựng và bảo vệ đất nước, quê hương trong giai đoạn mới...

Riêng tôi, được sự động viên giúp đỡ của các anh chị em trong Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Lâm Đồng, cũng đã ra được tập thơ “Hương đất tình người”, ghi lại cảm xúc chân thành của tôi đối với quê hương, đất nước và sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Qua ngôn ngữ nghệ thuật của mỗi lời thơ, nốt nhạc và hình ảnh sinh động trong phim, tôi bày tỏ được tấm lòng mình với đồng bào, đồng chí và thực sự đã nhận được sự cảm thông của mọi người. Từ bác cán bộ cách mạng lão thành đến chị công nhân quét rác bảo vệ môi trường; từ các cháu thanh niên, học sinh tung tăng cắp sách tới trường và người nông dân một nắng hai sương trên đồng ruộng Cát Tiên sau mùa lũ lụt...đối với tôi - người cán bộ dân vận của Đảng - cùng gặp nhau nơi cái tâm, đã trở nên gần gũi thân thương như ruột thịt... Đặc biệt, đối với đồng bào các dân tộc ở vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ kháng chiến, sau những chuyến đi cơ sở tôi đã viết được một số bài thơ, trong đó có những câu gây xúc động lòng người, và thực sự đã biến thành lực lượng vật chất góp phần đẩy lên những việc làm thiết thực của nhiều cơ quan, đoàn thể gần xa cùng góp công, góp sức chăm lo giúp đỡ đồng bào dân tộc khắc phục khó khăn, đẩy mạnh sản xuất, cải thiện đời sống...thể hiện đạo lý “uống nước nhớ nguồn”, “đền ơn đáp nghĩa”, “đưa miền núi tiến kịp

miền xuôi” đúng chủ trương, đường lối chính sách của Đảng.

Kết thúc bài viết nhỏ gửi Hội đồng biên tập cuốn sách “Dân vận Lâm Đồng làm theo lời Bác”..., tôi xin ghi lại sau đây một trong những bài thơ “Dân vận” có thể gọi là thành công, đã cùng với Thường trực Hội Nông dân Việt Nam tỉnh Lâm Đồng, thành phố Đà Lạt, Báo Sài Gòn Giải phóng và nhiều cá nhân, cơ quan, đơn vị khác hành quân “Về với K’Long K’Lanh” tham gia cùng đồng bào các dân tộc ở đây xóa đói giảm nghèo, xây dựng cuộc sống mới ấm no hạnh phúc, xứng đáng với chiến công của một căn cứ kháng chiến anh hùng:

VỀ VỚI K’LONG K’LANH (*)

*Chưa đi chưa biết K’Long K’Lanh
Đến rồi càng thấy dân mình cực ghê!
Trập trùng khuất nẻo sơn khê
Cầu trôi - đường sạt, đi-về khó khăn...*

*Nhớ hồi kháng chiến gian truân
Bao người sống giữa tình dân đất này
Mừng còn tay được nắm tay
Lệ tràn lên mắt, đắng cay trong lòng...
Đây vùng hậu cứ kiên trung
Đói cơm, lạt muối, giặc lòng, giặc vạ
Nguồn Đa Nhim vẫn dâng đầy
Còn dân, còn Đảng, còn ngày tự do!
Rừng thông xanh thắm ước mơ
K’Long K’Lanh giàu đẹp ám no đời đời...
Nhưng hơn hai chục năm rồi
Bà con mình vẫn ngô khoai bốn mùa
Nhà xiêu mái lá phên thưa
Bếp tàn đêm lạnh gió lửa căm căm
Đồng hoang lữ quét mấy lần
Xác xơ nghèo đói níu chân anh hùng...*

Chào cô giáo trẻ Lam Hồng
Xa quê hương đến Lâm Đồng, vào đây
Yêu nghề mến trẻ hăng say
Tuổi xuân cùng với tháng ngày....tạm quên
Chào anh bộ đội phục viên
Trên đất mới vững tay liềm, tay dao
Thương đồng đội, xót đồng bào
Gian lao từng trải qua bao chiến trường!

Cầm tay, theo Đảng dẫn đường:
...Thôi nghề đốt rẫy làm nương ngàn đời
Định cư xây dựng vườn đồi
Trồng cây công nghiệp, chăn nuôi bò đàn
Điện, đường, trường, trạm khang trang
Dẫn dòng nước sạch buôn làng tươi vui
Lưu thông hàng hóa ngược xuôi
Quyết tâm làm cuộc đổi đời nay mai...(**)

Cùng nhau vượt chặng đường dài
Xuân vừa hé nụ, chông gai còn đây
Trách ai ngoảnh mặt, khoanh tay
Lãng quên ý đẹp, lời hay một thời
Nói nhiều, làm chẳng tới nơi
Tổn công của, mất...lòng người xót xa!

Thị thành đổi mới thắm hoa
K'Long K'Lanh không thể nhạt nhòa tháng năm!

Đà Lạt - 1999

(*) K'Long K'Lanh buôn dân tộc, trước đây là hậu cứ của Thị ủy Đà Lạt thời chống Mỹ cứu nước, nay thuộc xã Đa Chai anh hùng, huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng.

(**) Tinh thần các nghị quyết, chính sách về xây dựng kinh tế - xã hội vùng dân tộc ít người ở Tây Nguyên.

MỤC LỤC

	Trang
- Lời giới thiệu	2
- Bài Dân vận của Chủ tịch Hồ Chí Minh	4
- Bài Nhớ ngày 15 tháng 10 của Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu	7
- Quyết định Bộ chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng ...	11
- Trích Nghị quyết số 08B-NQ/HNTW ...	12
- Trích Nghị quyết số 22 NQ/TW...	15
- Trích Chỉ thị 37-CT/TW...	19
- Trích Chỉ thị số 30 CT/TW...	20
- Trích Chỉ thị số 18/2000/CT-TTg...	21
- Trích các văn kiện của Tỉnh ủy...	25
- “LẤY DÂN LÀM GỐC”	27
- Tiếp tục quán triệt sâu sắc tư tưởng dân vận của Bác Hồ trong giai đoạn cách mạng mới	Huỳnh Minh Xuyên 28
- Một số suy nghĩ về chiến lược đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh	Phạm Thuần 36
- Tư tưởng dân vận của Chủ tịch Hồ Chí Minh mãi mãi soi sáng con đường cách mạng của Đảng ta	Nguyễn Xuân Du 43
- Tiếp tục thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở	Phan Thiên 48
- Suy nghĩ về tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về dân	Lê Chí Dũng 53
- Tư tưởng dân vận của Chủ tịch Hồ Chí Minh, bài học sâu sắc trong xây dựng mối quan hệ máu thịt “Quân với dân một ý chí”	Lê Ngọc Sanh 61
- Xây dựng tổ chức Mặt trận, đoàn thể vững mạnh - nội dung quan trọng trong cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng hiện nay	Nguyễn Lan 68

Dân vận Lâm Đồng làm theo lời Bác

- Vận dụng tư tưởng dân vận của Bác Hồ vào việc đổi mới, nâng cao vai trò của chi bộ cơ sở đối với công tác dân vận hiện nay	Nguyễn Thanh Hiếu	73
- Tình hình đội ngũ trí thức và công tác trí thức của Đảng	Phạm Bá Phong	79
- Xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số ở Lâm Đồng theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong sự nghiệp đổi mới	Nguyễn Thị Lan	84
- Từ tư tưởng về dân vận của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhìn lại công tác đào tạo bồi dưỡng lý luận chính trị ở Trường Chính trị Lâm Đồng	Vũ Văn Nhở	90
- Một số vấn đề xây dựng Đảng của hệ thống dân vận trong bối cảnh hiện nay	Nguyễn Bạ	97
- “DÂN VẬN KHÉO THÌ VIỆC GÌ CŨNG THÀNH CÔNG”		104
- Công tác đảng, công tác dân vận là chìa khóa vạn năng mở đường đi đến thắng lợi	Bích Hiền	105
- Dân vận trong kháng chiến: Nguyên tắc “3 điểm”:	Khắc Dũng	109
đoàn kết - bình đẳng - tương trợ		
- Muốn làm tốt công tác dân vận phải có phương pháp và thật sự gần gũi với dân	Hoàng Vương Mỹ	113
- “Nếu không có nhân dân che chở, bảo vệ thì chắc tôi không còn sống đến bây giờ...”	Tuyết Mai	117
- Hai thời dân vận	Văn Việt	120
- Trách nhiệm dân vận của cán bộ Nhà nước làm công tác chính sách	Nguyễn Trọng Hoàng	124
- Phật giáo Lâm Đồng luôn đồng hành theo con đường của dân tộc	Hòa thượng Thích Từ Mãn	128
- “Sống phúc âm trong lòng dân tộc, để phục vụ hạnh phúc đồng bào”	Linh mục Phạm Văn Nhượng	132
- Dựa vào dân để thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội	Vũ Ngọc Sơn	138
- Dân vận và công tác xét giải quyết khiếu tố	Vũ Văn Sê	143
- Thi đua yêu nước trong thời kỳ đổi mới ở Lâm Đồng	Nguyễn Quang Nhàn	150
- Xây dựng kinh tế hợp tác trong nông nghiệp: cuộc	Thị Hoàng	155

Dân vận Lâm Đồng làm theo lời Bác

vận động bền bỉ

- Lâm trường lộc bắc với việc giúp dân ở một địa bàn vùng sâu	Văn Phong	159
- Khi ý Đảng đã phù hợp với lòng dân	Bs Trần Đăng Vinh	163
- Dân vận với việc giải quyết tranh chấp đất đai ở Đức Trọng	Hoàng Minh Thập	166
- Nghĩa đất - tình người Lâm Hà	Thu Hiền	171
- Sức sống mới ở vùng đồng bào dân tộc huyện Bảo Lâm	Hồng Sơn	177
- D840 gắn bó với nhân dân	Hoàng Vũ	183
- Đam Rông - nơi “Điều không thể” đang thành Điều có thể”	Tạ Quang Thành	186
- Thủ lĩnh chân quê	Tháp Sao	191
- Liêng Sron ấm lại những ước mơ	Phan Văn Đông	194
- Hướng về cơ sở để tập hợp thanh niên ở Đa Huoai	Khánh Thiện	198
- Lạc Xuân với hoạt động của Hội đồng bào tự quản vùng dân tộc	Hoàng Hân	200
- Thực hiện quy chế dân chủ ở Đa Tẻ:	Vũ Khắc	205
- Một Hội cựu chiến binh xung kích trên mặt trận mới	Nguyễn Duy Tân	209
- Vì sự bình yên, phồn vinh của xóm làng	Lê Bá Cảnh	212
- Sức sống Kơ Ming	Thu Hiền	216
- Người đảng viên 45 năm gắn bó công tác phụ vận	Lê Thị Hiệp	220
- Muốn bà con làm mình hãy làm trước	Phan Văn Đông	223
- Như những cơn mưa dầm thấm sâu	Việt Hưng	227
- Chị Hai Dran suốt đời gắn bó với phong trào phụ nữ	Quỳnh Uyển	230
- Phường 10 Đà Lạt làm công tác nhân đạo	Nguyễn Tâm Giám	233
- Hòa giải ở vùng đồng bào công giáo	Minh Lân	237
- Nông dân phường 4 - Những bước chuyển mình	Ngọc An	240
- PRÉ HRIYONG - Thôn thực hiện tốt quy chế dân chủ	Hạnh Nhân	243
- Sức sống trong cộng đồng người Hoa	Văn Phong	247
- Nặng tình với K'LONG K'LANH	Cao Duy Hùng	252
- Tôi làm công tác dân vận bằng các hoạt động văn nghệ	Phan Hữu Giản	256
- Mục lục		262

Dân vận Lâm Đồng làm theo lời Bác

Chịu trách nhiệm xuất bản:

PHAN HỮU GIẢN
(Ủy viên Thường vụ,
Trưởng Ban Dân vận Tỉnh ủy Lâm Đồng)

Hội đồng biên tập:

**NGUYỄN BẠN
NGUYỄN VĂN HƯƠNG
NGUYỄN VĂN LỰC
NGUYỄN THANH ĐẠM
TRẦN THĂNG
ĐƯƠNG ANH NGŨ**

Trình bày bìa:

SINH THỰC

Mỹ thuật:

HỒ TOÀN

Kỹ thuật vi tính:

**MINH - TRƯỜNG
MINH - HOA**

Tranh bìa 1:

“Bác Hồ với các dân tộc” của Vi Quốc Hiệp

-
- Chế bản tại Báo Lâm Đồng. In 1500 cuốn khổ 14 x 20 cm tại Xí nghiệp In Lâm Đồng.
 - Giấy phép xuất bản số 62/GPXB do Sở Văn hóa Thông tin Lâm Đồng cấp ngày 10-10-2000.
 - In xong và nộp lưu chiểu tháng 10-2000.



DÂN VẬN LÂM ĐỒNG
LÀM THEO LỜI BÁC